HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

ĐINH NGỌC QUÝ

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ LÃNH ĐẠO XÃ HỘI

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
CHUYÊN NGÀNH: CHÍNH TRỊ HỌC

HÀ NỘI - 2017

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

ĐINH NGỌC QUÝ

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ LÃNH ĐẠO XÃ HỘI

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
CHUYÊN NGÀNH: CHÍNH TRỊ HỌC
Mã số: 62 31 02 01

Người hướng dẫn khoa học: **1. PGS,TS PHẠM NGỌC ANH**
2. PGS,TS TRỊNH THỊ XUYẾN

HÀ NỘI - 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả, số liệu nêu trong luận án là trung thực có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả luận án

Đinh Ngọc Quý

MỤC LỤC

Trang

MỞ ĐẦU 1

Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN……..... 6

1.1. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án…..…….. 6

1.2. Những vấn đề luận án kế thừa và những vấn đề đặt ra luận án cần tập trung nghiên cứu……..... 20

Chương 2: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ LÃNH ĐẠO XÃ HỘI - KHÁI NIỆM VÀ CƠ SỞ HÌNH THÀNH..... 23

2.1. Các khái niệm có liên quan…….....…….. 23

2.2. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội 26

Chương 3: NỘI DUNG CƠ BẢN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ LÃNH ĐẠO XÃ HỘI..... 53

3.1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về mục tiêu lãnh đạo xã hội 53

3.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về chủ thể, đối tượng lãnh đạo xã hội…….....…..... 55

3.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về nội dung lãnh đạo xã hội 69

3.4. Quan điểm của Hồ Chí Minh về phương pháp lãnh đạo xã hội 95

3.5. Quan điểm của Hồ Chí Minh về phong cách lãnh đạo xã hội 104

Chương 4: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ LÃNH ĐẠO XÃ HỘI - Ý NGHĨA LÍ LUẬN VÀ THỰC TIỄN…….....…… 112

4.1. Ý nghĩa lí luận…….....…….. 112

4.2. Ý nghĩa thực tiễn…….....…….. 125

KẾT LUẬN..... 149

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN..... 151

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO……..….....…….. 152

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CNXH	:	Chủ nghĩa xã hội
CNH, HĐH	:	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
GPDT	:	Giải phóng dân tộc
NXB	:	Nhà xuất bản

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài luận án

Lãnh đạo xã hội trước hết là sự tác động của giai cấp cầm quyền đối với mọi mặt của đời sống xã hội, nhằm bảo đảm duy trì, giữ vững và bảo vệ lợi ích của giai cấp ấy. Lãnh đạo xã hội ra đời gắn liền với những bước phát triển của xã hội, theo quy luật tất yếu của lịch sử. Lãnh đạo xã hội phải đạt đến sự tiến bộ và phát triển của toàn bộ đời sống xã hội; đến một trình độ nhất định, khi nhân dân lao động ý thức được quyền và lợi ích chính đáng của mình, lãnh đạo xã hội sẽ tiến đến đảm bảo không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống (vật chất và tinh thần) của nhân dân lao động - chủ thể đích thực của mọi quá trình lịch sử - xã hội; xét về thực chất là vươn tới các giá trị làm cho trình độ người của các quan hệ xã hội ngày càng cao hơn, đậm đặc hơn trong tiến trình vận động lịch sử.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội là một bộ phận rất quan trọng trong di sản Hồ Chí Minh; là sản phẩm của sự kết hợp, kế thừa, phát triển di sản lãnh đạo truyền thống Việt Nam, tinh hoa di sản lãnh đạo của nhân loại, giá trị di sản lãnh đạo của chủ nghĩa Mác - Lênin. Tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội là hệ thống các quan điểm toàn diện và sâu sắc về mục tiêu, đường lối phát triển xã hội đúng đắn của cách mạng Việt Nam, về tổ chức các lực lượng xã hội để thực hiện mục tiêu, đường lối đó trong suốt quá trình đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc (GPDT), giải phóng giai cấp, giải phóng con người, với mục đích không ngừng cải thiện và nâng cao dần đời sống của nhân dân lao động, hướng tới các giá trị chân, thiện, mỹ. Tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội là nhân tố quan trọng tập hợp, đoàn kết toàn thể nhân dân Việt Nam yêu nước, tạo nên sức mạnh to lớn đánh bại các thế lực ngoại xâm, bảo vệ độc lập, tự do, đưa đất nước đi lên con đường xã hội chủ nghĩa, đáp ứng yêu cầu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, dân chủ, tiến bộ và giàu mạnh, góp phần vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội, chúng ta sẽ nắm bắt một cách hệ thống những quan điểm cũng như sự chỉ đạo thực tiễn của Người trong lãnh đạo xã hội trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội qua các giai đoạn lịch sử; thấy được ý nghĩa to lớn của tư tưởng ấy đối với việc xây dựng lí luận lãnh đạo xã hội

Việt Nam thời kỳ mới, góp phần làm phong phú thêm các giá trị lãnh đạo của chủ nghĩa Mác - Lênin và nhân loại; chúng ta cũng có điều kiện học tập, vận dụng, phát triển những vấn đề cụ thể về mục tiêu, chủ thể, đối tượng, nội dung, phương pháp, phong cách lãnh đạo theo quan điểm Hồ Chí Minh vào thực tiễn lãnh đạo xã hội trong điều kiện xây dựng, kiện toàn hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ lãnh đạo thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) đất nước.

Ngày nay, sau hơn 30 năm đổi mới đất nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, mà trực tiếp là đội ngũ cán bộ, đảng viên, chủ thể của quá trình lãnh đạo xã hội, chúng ta đã đạt được những thành tựu quan trọng, có ý nghĩa lịch sử trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, làm thay đổi mọi mặt của đời sống xã hội, nâng cao uy tín, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Tuy vậy, trong quá trình lãnh đạo xã hội, chúng ta cũng phải đối diện với không ít khó khăn, thách thức và những hạn chế, bất cập. Về chính trị: Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của nhiều tổ chức cơ sở đảng còn thấp; chế độ trách nhiệm không rõ ràng, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu. Về kinh tế: Tốc độ tăng trưởng kinh tế và sản xuất công nghiệp còn thấp so với tiềm năng. Thu nhập bình quân đầu người nước ta còn thấp so với mức bình quân của thế giới. Về văn hóa: Sự xuống cấp về văn hóa, đạo đức trong xã hội có chiều hướng gia tăng. Lãnh đạo quản lý văn hóa còn nhiều yếu kém, đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa chưa tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ. Về xã hội: Một số chính sách xã hội còn chậm đổi mới, chưa sát thực tiễn; Phân hóa giàu nghèo gia tăng, đời sống của một bộ phận nhân dân còn nhiều khó khăn; nhiều tệ nạn xã hội mới nảy sinh… Đồng thời, cùng với đó là tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, cơ hội, thực dụng, tham nhũng, lãng phí của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có những đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý, kể cả một số cán bộ cao cấp, làm giảm sút niềm tin của nhân dân đối với Đảng, tạo ra một trong những nguy cơ, thách thức đối với sự tồn vong của chế độ.

Chính vì vậy, yêu cầu đặt ra đối với Đảng và toàn xã hội trong tình hình mới là phải quán triệt và thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội, xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo kỷ cương, liêm chính, xứng đáng là lực lượng tiên phong trong sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước. Văn kiện Đại hội

đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng chỉ rõ sự cần thiết: "Nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng" [33, tr. 279]. Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 4 (khóa XI) của Đảng đã xác định một trong ba vấn đề cấp bách, cần làm ngay đó là: "Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp Trung ương, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế" [40]. Đồng thời, đến Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 4 (khóa XII), Đảng ta nhấn mạnh sự tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, chỉ rõ sự cần thiết "phát huy sự chủ động, sáng tạo và sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của nhân dân, trong đó cán bộ lãnh đạo, quản lý, trước hết là cán bộ cấp cao, cán bộ chủ chốt, người đứng đầu các cấp làm nòng cốt; thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp để đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", có hiệu quả, nhất là những vụ việc gây bức xúc trong dư luận để củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng" [41]. Thực tế đó, đòi hỏi Đảng ta cũng như mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp phải không ngừng nâng cao trình độ về mọi mặt, thấm nhuần sâu sắc những giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội trong thực tiễn công tác hiện nay.

Xuất phát từ các lí do trên, tôi chọn vấn đề: *"Tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội"* làm đề tài luận án tiến sĩ, chuyên ngành Chính trị học.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Luận án làm rõ một cách hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội và rút ra ý nghĩa lí luận, ý nghĩa thực tiễn đối với quá trình lãnh đạo của Đảng, đặc biệt trong sự nghiệp đổi mới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Xác định các khái niệm và nội hàm các khái niệm có liên quan đến đề tài.

- Làm rõ cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội.

- Phân tích, làm rõ cấu trúc tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội: mục tiêu, chủ thể, đối tượng, nội dung, phương pháp, phong cách lãnh đạo xã hội.

- Rút ra ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội đối với cách mạng Việt Nam, nhất là với sự nghiệp đổi mới hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Hệ thống các quan điểm của Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Hệ thống các quan điểm của Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội, được thể hiện trong các trước tác của Người.

- Cuộc đời và các hoạt động chính trị thực tiễn của Hồ Chí Minh.

- Phạm vi chủ thể lãnh đạo xã hội: Đảng Cộng sản Việt Nam và đội ngũ cán bộ của Đảng.

- Phạm vi đối tượng lãnh đạo xã hội: Giai cấp công nhân và phong trào công nhân; giai cấp nông dân và phong trào nông dân; tầng lớp trí thức.

- Phạm vi nội dung lãnh đạo xã hội: Trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

4. Cơ sở lí luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lí luận

Thực hiện đề tài, tác giả dựa trên cơ sở lí luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về lãnh đạo xã hội.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, tác giả vận dụng các phương pháp chung, các phương pháp liên ngành và chuyên ngành để thực hiện mục đích đề tài đã đặt ra, như: Phương pháp lôgíc, lịch sử, phân tích, tổng hợp, kết hợp phân tích với tổng hợp, phương pháp chuyên gia, văn bản học…

5. Đóng góp mới của luận án

Trên cơ sở khảo cứu các nguồn tư liệu có liên quan, luận án bước đầu đưa ra khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội; Xác định rõ cơ sở khách quan và chủ quan dẫn đến hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội; Phân tích, làm rõ cấu trúc, nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội; Rút ra được ý nghĩa lí luận và thực tiễn tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội. Trong đó, nhấn mạnh tới việc tạo cơ sở lí luận xây dựng lí luận lãnh đạo xã hội ở Việt Nam, cũng như đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và toàn xã hội, xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo trong thời kỳ mới.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu

6.1. Ý nghĩa khoa học

- Góp phần phát triển và làm sâu sắc thêm giá trị lãnh đạo xã hội trong truyền thống dân tộc Việt Nam.

- Góp phần cụ thể hóa và nêu bật sự phát triển sáng tạo của Hồ Chí Minh về lí luận lãnh đạo Mác - Lênin trong điều kiện Việt Nam.

- Đặt cơ sở lí luận cho việc xây dựng lí luận lãnh đạo xã hội ở Việt Nam, nhất là trong thời kỳ đổi mới.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

- Góp phần vận dụng vào việc giải quyết một số vấn đề thực tiễn đặt ra trong công tác lãnh đạo của Đảng hiện nay.

- Luận án có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho những người nghiên cứu, tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội.

- Góp phần phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy các bộ môn Chính trị học, Lãnh đạo học, Hồ Chí Minh học (trong đó chú trọng tới tư tưởng Hồ Chí Minh về hệ thống chính trị nói chung, về Đảng Cộng sản Việt Nam nói riêng, nhất là nội dung lãnh đạo xã hội)...

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục công trình đã công bố của tác giả có liên quan đến đề tài luận án, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận án gồm 4 chương, 11 tiết.

Chương 1
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội là một nội dung còn khá mới mẻ và còn thiếu vắng những công trình nghiên cứu một cách bài bản, hệ thống. Có thể kể ra một số công trình nghiên cứu đề cập đến tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội ở nhiều cấp độ và từ nhiều cách tiếp cận khác nhau, trong đó, có thể chia thành các nhóm:

1.1.1 Các công trình nghiên cứu ở nước ngoài

1.1.1.1. Các công trình nghiên cứu về lãnh đạo xã hội nói chung

Trong nghiên cứu về lãnh đạo xã hội, từ trước tới nay vẫn chưa có một công trình thật sự tiêu biểu nào xuất phát từ các kết quả nghiên cứu về tư tưởng lãnh đạo để hướng đến việc phân tích và làm nổi bật vai trò của các chủ thể lãnh đạo xã hội. Tuy nhiên, từ những cách tiếp cận khác nhau, trên thế giới đã có một số công trình đi sâu vào tìm hiểu và phân tích về nội dung này. Đó là những công trình có ý nghĩa tham khảo trong việc triển khai đề tài nghiên cứu, như:

+ Yukil & Van Fleet, *Theory and research on leadship in organizations (Lý thuyết và nghiên cứu về lãnh đạo trong các tổ chức)* [170]. Các tác giả cho rằng, lý thuyết lãnh đạo dựa trên cơ sở tố chất bẩm sinh, được nghiên cứu vào những năm 1930-1940. Lý thuyết này cho rằng, năng lực của các nhà lãnh đạo là sẵn có chứ không phải do luyện tập hay cố gắng mà đạt được. Do đó, các nhà lãnh đạo phải là những người có tố chất siêu phàm, phải có những giá trị vượt trội, và chính những tố chất và giá trị vốn có đó giúp họ trở nên xuất chúng và trở thành những người đứng đầu một quốc gia, bộ tộc, tôn giáo hay tổ chức. Lý thuyết lãnh đạo tố chất đã tìm ra những đặc điểm, tính cách của nhà lãnh đạo có liên hệ mật thiết tới thành công của tổ chức. Trong đó, tính "thống trị" và "tham vọng" là những đặc điểm nổi trội của các nhà lãnh đạo.

+ A.J.Wefald & J.P.Katz, *Leaders: The Strategies for Taking Charge (Nhà lãnh đạo: Các chiến lược để nắm giữ)* [153]. Các tác giả cho rằng, lý thuyết lãnh đạo dựa trên cơ sở hành vi được các học giả nghiên cứu vào những năm 1940-1950

để tìm ra mô hình người lãnh đạo hiệu quả. Theo đó, thay vì nghiên cứu các đặc điểm tính cách của nhà lãnh đạo, lý thuyết lãnh đạo dựa trên cơ sở hành vi tập trung vào hành động, công việc cụ thể mà mỗi nhà lãnh đạo thực hiện. Tuy nhiên, cần lưu ý là hành vi của nhà lãnh đạo lại phụ thuộc vào đặc điểm tính cách và kỹ năng của nhà lãnh đạo đó. Với mong muốn tìm kiếm một phong cách lãnh đạo tốt nhất, các nhà nghiên cứu đã phân tích và cố gắng tìm ra sự khác biệt trong hành động của những nhà lãnh đạo hiệu quả và những người khác. Vì vậy, điểm khác biệt của lý thuyết lãnh đạo hành vi là nghiên cứu các phong cách (mô hình) lãnh đạo tiêu biểu.

+ John G. Maxwell, *Phát triển kỹ năng lãnh đạo* [63]. Tác giả nêu ra định nghĩa "lãnh đạo là gây ảnh hưởng". Lãnh đạo sẽ không thể là lãnh đạo nếu không có ảnh hưởng. Một nhà lãnh đạo mà không có ai đi theo thì không hơn người đi bộ một mình. Trong bất cứ tình huống nào, một nhóm từ hai người trở lên luôn luôn có một người có ảnh hưởng nổi bật, người đó là lãnh đạo. Vì vậy, mỗi chúng ta đều gây ảnh hưởng và bị ảnh hưởng từ người khác. Điều này có nghĩa là: tất cả chúng ta lãnh đạo người khác trong một vài lĩnh vực; ngược lại ở một số lĩnh vực khác chúng ta được người khác dẫn dắt. Không ai nằm ngoài quy luật này: hoặc là nhà lãnh đạo hoặc là người bị lãnh đạo. Tác giả cũng cho rằng, ảnh hưởng được tạo ra từ quyền lực của nhà lãnh đạo. Nói cách khác, tất cả các công việc lãnh đạo đều phải sử dụng đến quyền lực. Quyền lực có thể được tạo ra từ chức vị, từ các mối quan hệ, từ bản thân mỗi cá nhân. Người ta thường kết hợp cả ba loại quyền lực này với nhau trong khi thực hiện công việc, tuy nhiên mức độ sử dụng mỗi loại quyền lực lại khác nhau. Trong công việc lãnh đạo, nhà lãnh đạo sử dụng quyền lực cá nhân, tức là quyền lực xuất phát từ phẩm chất, năng lực của mình. Quyền lực đó mang tính cuốn hút, lôi kéo người khác đi theo mình.

+ Nonaka, Takeuchi, *Wise leader (Nhà lãnh đạo khôn ngoan)* [163]. Các tác giả cho rằng, trong thời đại của những sự biến động, sự khôn ngoan của các nhà lãnh đạo là yếu tố hết sức cần thiết cho sự phát triển của tổ chức và xã hội. Sự khôn ngoan là kết tinh của sự hiểu biết, uyên thâm, từng trải thực tiễn để đưa ra được phán quyết tốt nhất vì lợi ích chung trong một bối cảnh cụ thể. Phẩm chất của nhà lãnh đạo khôn ngoan bao gồm: 1. Khả năng phán xét vì lẽ phải; 1. Khả năng nắm bắt bản chất vấn đề; 3. Khả năng tạo bối cảnh; 4. Khả năng truyền đạt bản chất vấn

đề; 5. Khả năng thực hành quyền lực chính trị; 6. Khả năng phát huy sự khôn ngoan ở người khác.

+ Caldwell, C.,Hayes,L.,A.,&Long,D.,T, *Leadership, Trustworthiness and Ethical Stewardship (Lãnh đạo, niềm tin và đạo đức quản lý)* [155], Các tác giả đã mô hình hóa lãnh đạo gồm ba nhiệm vụ then chốt: 1) Phát triển các mối quan hệ, tạo dựng sự cam kết của cấp dưới; 2) Sử dụng hiệu quả các nguồn lực bên trong và bên ngoài để hoàn thành các mục tiêu của tổ chức; 3) Xây dựng hình ảnh tạo nên niềm tin và sự tin cậy trong toàn tổ chức.

+ Johnson.I, *Leadership & HR Development (Lãnh đạo và phát triển nhân sự)* [159]. Tác giả cho rằng, lãnh đạo là việc gắn kết và đồng nhất nỗ lực của mọi người để thực hiện các mục tiêu của tổ chức.

Ngoài ra, có thể kể đến một số công trình khác có bàn tới lãnh đạo xã hội như: X.Kôvalépxki, *Người lãnh đạo và cấp dưới* [151]; Seters, D.A.V. and R.H.G. Field, *Sự phát triển của lý thuyết lãnh đạo học* (The Evolution of Leadership Theory), bản dịch của Lê Thị Thục (Lưu tại Viện Chính trị học) [155]. O.Petersson, J.Hermansson..., *Dân chủ và lãnh đạo* [102]; A.Uris (1996), *Nghệ thuật lãnh đạo* [12]; Trần Thành (Trung Quốc), *Để trở thành người lãnh đạo giỏi* [115]; Vương Lạc Phu, Tưởng Nguyệt Thần, *Khoa học lãnh đạo hiện đại* [108]; Kinicki, A.William, B.K, *Management - A Practical introduction,* 3rd. edn., McGraw-Hill, Boston [161]; Kristen Magis, Marcus Ingle và Ngô Huy Đức, Chương 18: "Public Leadership for Sustainable Development" (*Lãnh đạo công vì sự phát triển bền vững)*, trong *New Public Governance: A Regime-Centered Perspective,* (Bản dịch lưu tại Viện Chính trị học) [162].

1.1.1.2. Các công trình nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội

Hồ Chí Minh là một nhân vật lịch sử nổi bật của thế kỷ XX trên phương diện nhà chính trị, nhà lãnh đạo, được nhiều nhà khoa học nước ngoài quan tâm nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau. Không có những công trình, tác phẩm, bài viết, bài nói đề cập trực tiếp đến tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội, nhưng có một số công trình ít nhiều bàn tới vai trò của Hồ Chí Minh trong lãnh đạo xã hội. Có thể kể đến một số công trình, bài viết, bài nói sau:

+ Tạp chí *Time*, số ra ngày 22-11-1954 [168] đã đăng trên trang bìa chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh và dành năm trang nói về thân thế và sự nghiệp cùng với việc Việt Nam chiến thắng Pháp trong chiến dịch Điện Biên Phủ. Tạp chí này nhấn mạnh: Với thắng lợi (Điện Biên Phủ), uy tín của Ông Hồ Chí Minh đã vươn tới đỉnh cao mới tại châu Á. Các nhà dân tộc chủ nghĩa tại nhiều nước, mặc dù họ chống cộng, nhưng không thể không lấy làm tự hào trước chiến công của một quân đội một nước châu Á đánh bại những kẻ từng là "ông chủ" của họ từ châu Âu tới… Dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh, lực lượng Việt Minh đã có được một quân đội chiến đấu trong rừng có hiệu quả nhất Đông Nam Á, có vị tướng tài ba nhất Đông Nam Á là Võ Nguyên Giáp, có một tổ chức chính trị vững chắc nhất do Hồ Chí Minh đứng đầu và có trình độ lãnh đạo lão luyện.

+ V.M.Mazyrin, *Chính sách kinh tế của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa: Lí luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh (1945-1969)*, trong cuốn *Di sản tư tưởng Hồ Chí Minh và thời đại này nay* [149]. Tác giả đã rút ra những bài học cơ bản từ phân tích quá trình lãnh đạo kinh tế ở thời kỳ then chốt của nước Việt Nam của Hồ Chí Minh, đó là: Nâng dần nông thôn, tạo dựng một tổ hợp nông nghiệp và trên cơ sở đó để phát triển công nghiệp; Ổn định và nhanh chóng khôi phục nền kinh tế trong thời bình; Kế hoạch hóa một cách thông minh và tái tổ chức nền kinh tế quốc dân; Tin cậy vào nền kinh tế địa phương để vượt ra khỏi những điều kiện của cuộc chiến tranh; Sử dụng sự giúp đỡ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

+ E. Côbêlép, *Đồng chí Hồ Chí Minh* [49]. Tác giả đã xem Hồ Chí Minh là một trong những nhà văn hóa, nhà cách mạng kiệt xuất. Hồ Chí Minh tượng trưng cho tinh thần cách mạng triệt để, song lại là biểu tượng về chủ nghĩa nhân văn cách mạng – sự kết hợp giữa lòng thương người truyền thống của dân tộc với chủ nghĩa nhân đạo cộng sản chủ nghĩa. Hồ Chí Minh đã tiếp tục và phát huy mọi giá trị truyền thống của dân tộc với tinh hoa văn hóa nhân loại, mà lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin là cơ bản, đã góp phần xây dựng nền văn hóa mới, CON NGƯỜI chân chính, được viết bằng chữ in hoa.

+ William J. Duiker, *Ho Chi Minh, a life (Hồ Chí Minh, một cuộc đời)* [169]. Tác giả nhận định: Hồ Chí Minh hẳn nhiên là một trong những nhân vật chính trị có ảnh hưởng nhất trong thế kỷ XX. Ông có một tính cách lãnh đạo riêng bằng thuyết

phục và đồng tâm hơn là áp đặt ý chí quyền lực của mình cho người khác. Khác với những nhân vật cách mạng nổi tiếng khác, Hồ Chí Minh ít quan tâm tới hệ tư tưởng và các cuộc tranh luận ý thức mà tập trung toàn bộ suy nghĩ và hoạt động của mình vào các công việc thực tế nhằm giải phóng đất nước mình và các dân tộc thuộc địa khác thoát khỏi chủ nghĩa đế quốc phương Tây.

+ Singo Sibata, *Hồ Chí Minh, một nhà tư tưởng* [165]. Tác giả đã mạnh mẽ bác bỏ những quan điểm, luận điểm cho rằng Hồ Chí Minh chỉ là một nhà cách mạng thực tiễn, một người thực dụng lấy chủ nghĩa cộng sản làm phương tiện để "nắm quyền cai trị độc tài". Ông chứng minh rằng, Hồ Chí Minh là nhà lý luận tài giỏi trên mọi lĩnh vực chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, tư tưởng… Lý luận của Người được xây dựng trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin, song là sự phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trong thời đại ngày nay. Tác giả nhấn mạnh: Cống hiến nổi tiếng của Hồ Chí Minh là ở chỗ Người đã phát triển quyền lợi con người thành quyền lợi của dân tộc. Như vậy, tất cả mọi dân tộc đều có quyền tự quyết định lấy vận mệnh của mình và tất cả mọi dân tộc có thể và phải thực hiện nền độc lập, tự chủ.

+ Nguyễn Đài Trang, *Hồ Chí Minh nhân văn và phát triển* [128]. Tác giả Việt kiều này cho rằng, cuộc cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh là một phong trào yêu nước, giải phóng dân tộc, đã phát huy nhiều đặc điểm tinh hoa dân tộc của con người và văn hóa Việt Nam. Các lí tưởng của Người đã tạo nên luồng tư tưởng có sức ảnh hưởng sâu rộng nhất trong lịch sử hiện đại Việt Nam… Hồ Chí Minh vạch ra một con đường giành lại độc lập, tự do cho nhân dân, kêu gọi sự đóng góp, hi sinh tạm thời để đạt được một tương lai hạnh phúc cho mọi người.

Ngoài ra, còn có một số công trình, bài viết của các nhà khoa học, nhà nghiên cứu nước ngoài viết về Hồ Chí Minh, có đề cập đến tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội, như: Jean Lacouture, *Ho Chi Minh*, Ed Seuil, Paris [160]; Bernard B. Fall, *Ho Chi Minh on Revolution* Pall mall Press, London [154]; C,P. Ragiơ, *Ho Chi Minh*, Ed. Presses universitaires, Paris [156]; David Hamberstam, *Ho*, Randoom House, New York [157]; Daniel Hémery, *Ho Chi Minh de l' Indochine au Vietnam,* Decouvertes Gallimard, Histoire [158]; Sophie Quinn – Judge, *Ho Chi Minh, The Missing Years,* Horizon Books, Singapore [166]…

1.1.2. Các công trình nghiên cứu ở trong nước

1.1.2.1. Các công trình nghiên cứu về lãnh đạo xã hội nói chung

Nhìn chung việc nghiên cứu, phổ biến về khoa học lãnh đạo ở Việt Nam còn hết sức mới mẻ và đang trong quá trình bổ sung, mở rộng nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu cũng như ứng dụng vào thực tiễn công tác lãnh đạo. Có thể kể đến một số công trình tiêu biểu nghiên cứu liên quan đến lãnh đạo xã hội, như sau:

- Các công trình nghiên cứu về khái niệm, mục tiêu, chủ thể, đối tượng, nội dung lãnh đạo xã hội

+ Ngô Huy Đức (biên soạn), *Học phần lãnh đạo học* [48]. Tác giả đã khái quát: Lãnh đạo là hoạt động dẫn dắt một tập thể đạt mục tiêu chung thông qua chủ yếu bằng sức thuyết phục và xây dựng sự tự nguyện của các thành viên.

+ Trần Thị Thanh Thủy (biên soạn), *Những vấn đề cơ bản về khoa học lãnh đạo, quản lý* [122]. Tác giả nhận định: *Một là,* theo phương châm điều hành đất nước của Việt Nam hiện nay "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ" thì lãnh đạo liên quan đến sứ mệnh chính trị trong định hướng, vạch ra đường lối, thông qua các nghị quyết chỉ đạo, các văn kiện và phát ngôn của cá nhân hoặc tập thể lãnh đạo. *Hai là,* người ta phân định những người thực hiện chức trách, vai trò quản lý thành các nhà lãnh đạo, thực hiện sự chỉ đạo chiến lược, lâu dài cho tổ chức. *Ba là,* trong khuôn khổ khoa học quản lý, lãnh đạo là một chức năng của quản lý (đôi khi được gọi điều khiển), liên quan đến cách làm việc với con người. Lãnh đạo được quan niệm là khả năng ảnh hưởng, tác động đến nhận thức, hành động của người khác, làm cho họ thay đổi tư duy, hành động theo mong muốn của mình. *Bốn là,* trong khoa học chính trị, người đứng đầu tổ chức được gọi là người lãnh đạo.

+ Hoàng Chí Bảo, "Mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ trong điều kiện Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền" [16]. Tác giả cho rằng, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân là mối quan hệ giữa các chủ thể trong đời sống chính trị, trong hoạt động chính trị chấp chính và tham chính. Đảng là chủ thể lãnh đạo và cầm quyền. Nhà nước là chủ thể quản lý, là chủ thể đại diện quyền lực của nhân dân. Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý để nhân dân làm chủ trên tư cách người chủ, với vai trò chủ thể gốc của quyền lực, chủ thể đông đảo nhất, sở hữu quyền lực xã hội rộng lớn nhất.

+ Trần Khắc Việt, "Đảng lãnh đạo và đảng cầm quyền" [135]. Tác giả cho rằng, khái niệm Đảng lãnh đạo có ý nghĩa rộng lớn và sâu sắc. Khái niệm này không chỉ biểu đạt vai trò của Đảng - Đảng là lực lượng lãnh đạo, mà còn nói rõ nội dung, tính chất hoạt động chủ yếu của Đảng - đó là hoạt động lãnh đạo. Khái niệm Đảng lãnh đạo cũng không giới hạn ở việc Đảng chỉ lãnh đạo Nhà nước, mà Đảng lãnh đạo đối với tất cả các tổ chức khác trong hệ thống chính trị, các tổ chức xã hội và toàn xã hội; Đảng không chỉ lãnh đạo chính trị, mà lãnh đạo cả kinh tế, văn hóa, xã hội.

+ Nguyễn Văn Vĩnh (chủ biên), *Đảng lãnh đạo Nhà nước trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay* [139]. Các tác giả cho rằng, trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền, sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước thể hiện ở hai nội dung chủ yếu: nội dung lãnh đạo và phương thức lãnh đạo. Nội dung lãnh đạo là những vấn đề, nhiệm vụ mà Đảng cần phải làm và chủ yếu được xác định ở mục tiêu, trong các đường lối, chủ trương, chính sách nhằm xây dựng và bảo vệ đất nước. Đảng lãnh đạo toàn diện tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội; Phương thức lãnh đạo là hệ thống các phương pháp, hình thức, cách thức mà Đảng tác động vào Nhà nước để hiện thực hóa ý chí của Đảng đã được xác định ở những công việc trong nội dung lãnh đạo.

+ Đinh Xuân Lý (chủ biên), *Đảng lãnh đạo phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội thời kỳ đổi mới - một số vấn đề lí luận và thực tiễn* [73]. Các tác giả cho rằng, sự lãnh đạo của Đảng đối với phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội với hàm nghĩa lãnh đạo hoạt động quản lý của Nhà nước và các tổ chức ngoài Nhà nước thực hiện chính sách xã hội nhằm đạt tới đời sống vật chất và tinh thần cao đẹp cho nhân dân; nhằm đạt tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

Một số công trình khác đề cập đến chủ thể, đối tượng, nội dung lãnh đạo xã hội như: Nguyễn Văn Huyên, "Phẩm chất, năng lực người lãnh đạo theo yêu cầu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá" [59]; Quốc Hùng, *Những tố chất của người lãnh đạo* [53]; Đỗ Tiến Long, "Từ lí luận về quản lý, lãnh đạo đến phát triển nhân tài lãnh đạo, quản lý ở nước ta hiện nay" [69]; Đỗ Hoài Nam (chủ nhiệm), *Vị trí cầm quyền và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân và hội*

nhập kinh tế quốc tế [97]; Ngô Ngọc Thắng, "Xây dựng tầm nhìn cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo ở nước ta" [116].

- Các công trình nghiên cứu về phương pháp, phong cách lãnh đạo xã hội

+ Nguyễn Hữu Lam, *Nghệ thuật lãnh đạo* [67]. Tác giả cho rằng nghệ thuật lãnh đạo là sự tích hợp của các tố chất, những trải nghiệm của quá trình rèn luyện, học hỏi trở thành cái có ý nghĩa trong hành vi thực hiện hiệu quả các mối quan hệ của quá trình lãnh đạo, quản lý. Tác giả cũng làm rõ nghệ thuật sử dụng quyền lực, truyền cảm hứng…và ảnh hưởng của nó trong quá trình lãnh đạo.

+ Nguyễn Bá Dương, *Khoa học lãnh đạo - Lý thuyết và kỹ năng* [26]. Tác giả cho rằng: Nghệ thuật lãnh đạo là tài vận dụng tổng hòa các yếu tố phẩm chất, kỹ năng, năng lực, cá tính, chức quyền, quy luật, kinh nghiệm, phương pháp, khả năng ảnh hưởng của người lãnh đạo để đạt được hiệu quả cao nhất và giàu cá tính. Tác giả nhấn mạnh, kỹ năng xác định tầm nhìn, kỹ năng ra quyết sách, kỹ năng giao tiếp cùng phương pháp lãnh đạo bằng uy tín, bằng đạo đức trên cơ sở tri thức, với điểm cốt lõi là biết thu hút và trọng dụng nhân tài - đây là những nền tảng cơ bản, cần có trước khi tiến tới nghệ thuật lãnh đạo.

Một số công trình khác đề cập đến phương pháp, phong cách lãnh đạo xã hội như: Trần Đình Huỳnh, *Phương thức Đảng lãnh đạo Nhà nước* [62]; Trần Đình Nghiêm, Phạm Ngọc Quang, *Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng* [100]; Nguyễn Văn Huyên, "Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị" [60]; Trung tâm Nghiên cứu khoa học tổ chức, quản lý, *Nghệ thuật lãnh đạo, quản lý* [125]…

1.1.2.2. Các công trình nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội

Việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo lãnh đạo xã hội ở Việt Nam còn khá mới mẻ và chưa đi vào nghiên cứu trực tiếp tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội. Có thể kể đến một số công trình tiêu biểu nghiên cứu liên quan đến tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội, như sau:

- Các công trình nghiên cứu quan điểm Hồ Chí Minh về mục tiêu, chủ thể, đối tượng lãnh đạo xã hội

+ Mạch Quang Thắng (chủ biên), *Hồ Chí Minh nhà cách mạng sáng tạo* [118]. Các tác giả cho rằng, Hồ Chí Minh là nhà chiến lược thiên tài đã cùng với Đảng Cộng

sản Việt Nam lãnh đạo thắng lợi hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, mở ra thời đại mới trong lịch sử dân tộc. Hồ Chí Minh đã khai phá con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở một nước nông nghiệp lạc hậu, chưa qua chủ nghĩa tư bản, bị chiến tranh tàn phá, từng bước làm cho "người nghèo thì đủ ăn, người đủ ăn thì khá giàu, người giàu thì giàu thêm", để đi tới một xã hội dân giàu, nước mạnh, trong đó dân là chủ, cán bộ nhà nước là công bộc, người đầy tớ của nhân dân.

+ Phạm Ngọc Anh, "Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam trong phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội" [4]. Tác giả cho rằng, theo quan niệm của Hồ Chí Minh, đảng cầm quyền là đảng tiếp tục lãnh đạo xã hội sau khi đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh thắng lợi giành được chính quyền nhà nước; đảng lãnh đạo toàn bộ hệ thống chính trị…Vai trò lãnh đạo của đảng bao quát các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, đối ngoại. Các mặt hoạt động này đều rất quan trọng, không được xem nhẹ mặt nào nhưng đều hướng vào một mục đích duy nhất: thỏa mãn các nhu cầu chính đáng của con người, tạo điều kiện cho con người được khẳng định, phát huy mọi tiềm năng sáng tạo và phát triển toàn diện nhân cách của mình.

+ Bùi Đình Phong, *Hồ Chí Minh sáng tạo, đổi mới* [105]. Tác giả nêu rõ: Năm 1965, Hồ Chí Minh tổng kết: "Đảng ta xứng đáng là đội tiên phong, là bộ tham mưu của giai cấp vô sản, của nhân dân lao động và của cả dân tộc". Sáng tạo đó thể hiện trên mấy điểm: *Một*, Đảng ta, Đảng của giai cấp, đồng thời Đảng của cả dân tộc, của toàn dân tức là cơ sở xã hội của Đảng không chỉ trong giai cấp công nhân mà là toàn thể dân tộc. *Hai,* Đảng ta không chỉ có sứ mệnh là đội tiên phong của giai cấp mà còn phải trở thành trí tuệ, danh dự, lương tâm của cả dân tộc. *Ba,* Đảng ta không chỉ phấn đấu vì lợi ích của Đảng mà còn phải phấn đấu vì lợi ích của cả dân tộc; không chỉ quan tâm tới vạch đường lối, hoạch định cương lĩnh, mà phải chú tâm cả tương cà mắm muối. *Bốn,* Đảng ta có nghĩa là Đảng không chỉ là niềm tin yêu của đảng viên của Đảng mà còn phải và luôn luôn là niềm tin yêu trong mỗi đồng bào ta.

+ Bùi Đình Phong, *Bản lĩnh chính trị Hồ Chí Minh* [106]. Tác giả cho rằng: Bản lĩnh chính trị Hồ Chí Minh là bản lĩnh của Người đã đưa dân tộc Việt Nam ra khỏi bế tắc về lí luận cách mạng, thức tỉnh nhân dân về con đường cứu nước, giữ vững nền độc lập dân tộc và tìm hướng phù hợp trong lãnh đạo đất nước, lãnh đạo xã hội phát triển đi

lên. Nói cách khác, đó là bản lĩnh tìm đường, dẫn đường và thiết kế tương lai cho dân tộc Việt Nam.

+ Đỗ Quang Hưng (chủ biên), *Bác Hồ với giai cấp công nhân và công đoàn Việt Nam* [54]. Các tác giả cho rằng, công lao to lớn của Bác Hồ là đã đưa giai cấp công nhân từ chỗ không được ghi tên trong danh sách "mười hạng người đồng tâm cứu nước", trở thành một lực lượng cơ bản của cách mạng. Chính Bác Hồ là người Việt Nam đầu tiên khẳng định chỉ có giai cấp công nhân là dũng cảm nhất, cách mạng nhất, luôn gan góc, đương đầu với đế quốc thực dân. Người đã sớm trao vũ khí sắc bén nhất của thời đại - tư tưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin cho giai cấp công nhân để họ đảm đương được sứ mệnh là giai cấp độc lập và duy nhất đào mồ chôn chủ nghĩa tư bản và lãnh đạo cách mạng đến thắng lợi cuối cùng.

+ Nguyễn Khánh Bật (chủ biên), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề nông dân* [17]. Các tác giả cho rằng, theo Hồ Chí Minh, vấn đề nông dân là nền tảng của vấn đề dân tộc, thực hiện cách mạng dân tộc dân chủ là giải phóng cho toàn thể nhân dân lao động, chủ yếu là nông dân, bao gồm cả nhiệm vụ xóa bỏ tàn tích của chế độ phong kiến, mang lại ruộng đất cho nông dân. Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, tất cả đường lối, phương châm, chính sách…của Đảng đều chỉ nhằm nâng cao đời sống của nhân dân nói chung, của nông dân nói riêng. Để nông dân phát huy được sức mạnh động lực trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và nâng cao đời sống nhân dân thì cán bộ có vai trò quan trọng trong lãnh đạo và tổ chức nông dân.

+ Trần Đương (biên soạn), *Bác Hồ với nhân sĩ, trí thức* [28]. Tác giả đã chắt lọc từ nhiều nguồn tư liệu, sách báo, lời kể của các nhân chứng, hệ thống hóa thành những bài viết xung quan mối quan hệ và ảnh hưởng của lãnh tụ Hồ Chí Minh đối với các nhân sĩ, trí thức Việt Nam giai đoạn đất nước mới giành được độc lập, đang rất cần những người có tâm, có tài phụng sự sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc. Qua đó, thấy rõ quan điểm, sự cảm hóa sâu sắc của Hồ Chí Minh đối với nhân sĩ, trí thức, cũng như những tình cảm, sự kính trọng của nhân sĩ, trí thức với Người.

+ Trần Thị Minh Tuyết, "Quan điểm của Hồ Chí Minh về đảng viên là người lãnh đạo và người đầy tớ của nhân dân" [130]. Tác giả cho rằng, theo Hồ Chí Minh, quyền lãnh đạo duy nhất là của Đảng Cộng sản Việt Nam và tuyệt đối không thể

chia sẻ cho bất kỳ lực lượng nào khác. Đối tượng lãnh đạo của Đảng là chính quyền nhà nước và toàn thể xã hội. Phạm vi lãnh đạo của Đảng là toàn diện, bao gồm mọi lĩnh vực trong đời sống đất nước. Người đảng viên nỗ lực phấn đấu không chỉ để trở thành người lãnh đạo tốt mà còn phấn đấu trở thành người đày tớ tốt. Việc thực hiện vai trò lãnh đạo và vai trò đầy tớ đều vinh quang như nhau, có làm tốt chức năng của "người lãnh đạo" mới có cơ sở làm tốt chức năng "người đày tớ" và ngược lại.

Một số công trình khác đề cập đến quan điểm Hồ Chí Minh về chủ thể, đối tượng lãnh đạo xã hội như: Nguyễn Hữu Đồng, Ngô Huy Đức, "Nhận thức khái niệm "Đảng lãnh đạo", "Đảng cầm quyền" theo tư tưởng Hồ Chí Minh" [45]; Lê Văn Lý (chủ nhiệm), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong điều kiện đảng cầm quyền* [71]; Đàm Văn Thọ, Vũ Hùng, *Mối quan hệ giữa Đảng và dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh* [124]; Nguyễn Thế Thắng, "Tư tưởng Hồ Chí Minh về liên minh giai cấp công nhân, nông dân và đội ngũ trí thức Việt Nam" [121].

- Các công trình nghiên cứu quan điểm Hồ Chí Minh về nội dung lãnh đạo xã hội

+ Nguyễn Huy Oánh (chủ biên), *Tư tưởng kinh tế Hồ Chí Minh với xây dựng nền kinh tế định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay* [101]. Các tác giả cho rằng, trong quá trình cùng với Trung ương Đảng lãnh đạo nhân dân ta xây dựng xã hội mới, một nền kinh tế, Hồ Chí Minh đã nêu rõ quan điểm về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, tập trung vào các nội dung: Mục đích, tính chất, mô hình, nhiệm vụ kinh tế trong thời kỳ quá độ; Về phát triển nông nghiệp và xây dựng kinh tế tập thể trong nông nghiệp; Về công nghiệp, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; Về kinh tế đối ngoại….

+ Phạm Ngọc Anh (chủ biên), *Phát huy các nguồn lực của dân làm lợi cho dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh* [3]. Các tác giả cho rằng, theo Hồ Chí Minh: Đem tài dân, sức dân, của dân làm lợi cho dân. Điều này có nghĩa là phát huy các nguồn lực vốn có trong dân, như nguồn lực tài chính, nguồn lực sức lao động, nguồn lực trí tuệ… để xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc của nhân dân. Muốn làm được như vậy, cần phải có những biện pháp cụ thể từ nhận thức đến chính sách, thể chế, pháp chế và giáo dục.

+ Đỗ Huy, *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng và phát triển nền văn hóa mới ở Việt Nam* [58]. Tác giả cho rằng, theo Hồ Chí Minh con đường xây dựng nền văn hóa mới dưới sự lãnh đạo của Đảng là: Xúc tiến công tác văn hóa để đào tạo con người mới và cán bộ mới cho công cuộc kháng chiến, kiến quốc. Đồng thời phát huy những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc và hấp thụ những cái mới của văn hóa tiến bộ thế giới để xây dựng một nền văn hóa Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học, đại chúng.

+ Phạm Ngọc Anh (chủ biên), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa Đảng* [2]. Các tác giả cho rằng, lãnh đạo là quá trình của tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới theo hướng nhân đạo, dân chủ, văn minh, trong đó, bản thân Đảng đã trở thành chủ thể sáng tạo các giá trị văn hóa mới. Mặt khác, Đảng trực tiếp lãnh đạo công cuộc xây dựng, phát triển văn hóa của toàn dân tộc, đòi hỏi Đảng phải trở thành một đảng có văn hóa. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, quan niệm về Đảng, xây dựng Đảng đặt trên nền tảng văn hóa, xét về thực chất là một sự nghiệp văn hóa ở các mắt khâu có liên quan đến hoạt động lãnh đạo của Đảng, gắn bó chặt chẽ với vấn đề xây dựng, phát triển văn hóa dân tộc từ chế độ dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội.

+ Đặng Xuân Kỳ (chủ biên), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển văn hóa và con người* [65]. Ở phần thứ hai (chương 2): Tư tưởng Hồ Chí Minh về các lĩnh vực của văn hóa, các tác giả đã đề cập đến tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội, khi cho rằng: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhưng lãnh đạo và quản lý là để nhân dân làm chủ. Quyền lãnh đạo của Đảng là quyền được nhân dân thừa nhận và tin cậy. Quyền quản lý của Nhà nước là quyền được nhân dân ủy thác. Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý là vạch đường, chỉ lối, là giáo dục và tổ chức, là đem tài dân, sức dân ra để làm lợi cho dân. Đảng phải vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Chính phủ từ trên xuống dưới phải là công bộc của dân.

+ Bùi Đình Phong, *Hồ Chí Minh văn hóa soi đường cho quốc dân đi* [104]. Tác giả cho rằng, theo Hồ Chí Minh, văn hóa soi đường cho quốc dân đi, lãnh đạo quốc dân để thực hiện độc lập, tự cường, tự chủ. Văn hóa - mà con người là trung tâm - tạo ra sức mạnh to lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Đó chính là sự thắng lợi của "văn minh thắng bạo tàn". Các yếu tố của văn hóa giúp dân tộc vượt qua yếu

hèn, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Văn hóa là chất keo tạo sự liên kết, tăng cường mối tương tác, hiểu biết giữa các dân tộc, điều tiết các mối quan hệ quốc tế.

+ Lê Sĩ Thắng (chủ biên), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người và chính sách xã hội* [117]. Các tác giả cho rằng, theo Hồ Chí Minh, chính sách xã hội là sự cụ thể hóa và thể chế hóa bằng pháp luật những đường lối chủ trương, những biện pháp để giải quyết các vấn đề xã hội dựa trên những tư tưởng, quan điểm của những chủ thể lãnh đạo và quản lý, nhằm mục đích cao nhất là thỏa mãn các nhu cầu ngày càng tăng của nhân dân về đời sống vật chất và văn hóa. Chính sách xã hội là một động lực quan trọng của phát triển sản xuất, tiến bộ xã hội.

+ Lê Quốc Lý, "Triết lý xóa đói, giảm nghèo vì mục tiêu phát triển xã hội trong tư tưởng Hồ Chí Minh" [72]. Tác giả cho rằng, triết lý xóa đói, giảm nghèo vì sự phát triển trong tư tưởng Hồ Chí Minh đó là: sự chăm lo đầy đủ mọi mặt về vật chất, tinh thần cho người dân Việt Nam, để mỗi người dân Việt Nam có một cuộc sống ấm no, hạnh phúc trong hòa bình. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, xóa đói, giảm nghèo là một triết lý phát triển bền vững đảm bảo tăng trưởng kinh tế cao gắn với bảo đảm công bằng và tiến bộ xã hội.

Một số công trình khác đề cập đến quan điểm Hồ Chí Minh về nội dung lãnh đạo xã hội như: Thành Duy, *Văn hóa lãnh đạo, triết lý phát triển bền vững trong tư duy văn hóa Hồ Chí Minh* [27]; Song Thành, *Hồ Chí Minh nhà văn hóa kiệt xuất* [114]; Ngô Văn Lương, *Tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế* [70]; Trần Văn Phòng, Lê Thị Hạnh, "Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội theo tư tưởng Hồ Chí Minh" [107]; Hoàng Chí Bảo, "Phát triển xã hội và quản lý sự phát triển xã hội trong tiến trình đổi mới" [14]; Phạm Ngọc Anh (chủ biên), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng xã hội mới - giá trị lí luận và thực tiễn* [7].

- Các công trình nghiên cứu quan điểm Hồ Chí Minh về phương pháp, phong cách lãnh đạo xã hội

+ Đặng Xuân Kỳ (chủ biên), *Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh* [66]. Các tác giả cho rằng, hệ thống phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh bao gồm: Lấy thực tế Việt Nam làm điểm xuất phát, lấy cải tạo, biến đổi hiện thực Việt Nam làm mục tiêu cho mọi hoạt động cách mạng; Tập hợp, huy động lực lượng toàn dân tham

gia vào sự nghiệp cách mạng; Dĩ bất biến, ứng vạn biến; nắm vững thời cơ, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa thời, thế và lực; Biết thắng từng bước. Các tác giả cũng cho rằng, phong cách Hồ Chí Minh là sự tổng hợp của: Phong cách tư duy, phong cách làm việc; Phong cách diễn đạt; Phong cách ứng xử; Phong cách sinh hoạt.

+ Hoàng Chí Bảo, *Tìm hiểu phương pháp Hồ Chí Minh* [15]. Tác giả cho rằng, nghiên cứu phương pháp Hồ Chí Minh không thể tách rời tư tưởng cũng như phong cách của Người, càng không thể tách rời đạo đức, lối sống và nhân cách của Người. Phương pháp Hồ Chí Minh là phương pháp ở tầm tư tưởng, ở trong triết lý nhân sinh và hành động của Người; ở sự gắn liền khoa học, cách mạng và nhân văn trong con người và hoạt động của Người.

+ Phạm Văn Bính (chủ biên), *Phương pháp dân chủ Hồ Chí Minh* [18]. Nhóm tác giả cho rằng, phương pháp dân chủ Hồ Chí Minh là hệ thống cách thức, quy trình hợp thành các nguyên tắc mà Hồ Chí Minh xác định và lựa chọn nhằm điều chỉnh, định hướng hành động trong nhận thức và thực tiễn để phát huy cao độ và đảm bảo trên thực tế quyền làm chủ và vai trò là chủ của dân, trước hết là nhân dân lao động, để tạo thành sức mạnh toàn dân, sức mạnh của một dân tộc yếu chống lại những kẻ đi xâm lược, từ kém phát triển đi lên xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

+ Nguyễn Thế Thắng, "Tư tưởng Hồ Chí Minh về phong cách lãnh đạo" [119]. Tác giả cho rằng, theo quan niệm của Hồ Chí Minh, phong cách người lãnh đạo thể hiện trên các nội dung Kết hợp tính nguyên tắc với sự linh hoạt, mềm dẻo; Kết hợp tính cách mạng với tính khoa học; Kết hợp tập thể lãnh đạo với quyết đoán của cá nhân phụ trách; Thống nhất giữa lý luận với thực tiễn, nói với làm; Gần gũi quần chúng; Cần kiệm liêm chính, chí công vô tư.

+ Nguyễn Ngọc Ánh, "Phong cách lãnh đạo Hồ Chí Minh" [9]. Tác giả cho rằng, trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh luôn thể hiện phong cách lãnh đạo khoa học, dân chủ, tập thể, nói đi đôi với làm, lãnh đạo bằng sự nêu gương, gắn bó mật thiết với quần chúng…Đó là một cơ sở quan trọng để nâng cao uy tín của người lãnh đạo, của cán bộ đảng viên, tăng cường sự đoàn kết, nhất trí trong Đảng và trong toàn xã hội, góp phần làm nên những thắng lợi to lớn của cách mạng Việt Nam.

+ Nguyễn Hữu Đồng, "Hồ Chí Minh về "khéo lãnh đạo"" [47]. Tác giả cho rằng, theo Hồ Chí Minh, lãnh đạo chính trị cũng là một nghệ thuật: Nhờ Đảng khéo

lãnh đạo cho nên nhân dân ta đã thành công trong cuộc Cách mạng Tháng Tám, thắng lợi trong cuộc kháng chiến trường kỳ. Khéo lãnh đạo tức là mỗi tổ chức đảng, mỗi cán bộ lãnh đạo, quản lý phải khéo trong xây dựng đường lối, chính sách; khéo trong tổ chức thực hiện, vận động, tuyên truyền, thuyết phục, đoàn kết quần chúng; trong sử dụng cán bộ; trong kiểm tra, kiểm soát...

Ngoài ra, còn có một số công trình khác có đề cập tới tư tưởng Hồ Chí Minh về phương pháp, phong cách lãnh đạo xã hội ở các khía cạnh khác nhau, như: Phạm Ngọc Anh (chủ biên), *Phong cách làm việc Hồ Chí Minh - giá trị lý luận và thực tiễn* [6]; Nguyễn Thế Thắng (chủ biên), *Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng phong cách làm việc của cán bộ lãnh đạo, quản lý ở nước ta hiện nay* [120]; Trần Nhật Duật, "Quan điểm Hồ Chí Minh về phong cách người cán bộ" [25]; Nguyễn Chí Thiện, "Những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về phương thức lãnh đạo của một đảng cầm quyền" [123].

1.2. NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN KẾ THỪA VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA LUẬN ÁN CẦN TẬP TRUNG NGHIÊN CỨU

1.2.1. Những vấn đề luận án kế thừa từ các công trình đã xuất bản liên quan

**** Dưới nhiều góc độ nghiên cứu khác nhau, các công trình liên quan đến đề tài luận án đã:***

- Đề cập đến tư tưởng lãnh đạo xã hội dưới những góc độ nhất định, đưa ra các kết quả nghiên cứu về các lí thuyết lãnh đạo điển hình trên thế giới, các hướng tiếp cận trong nghiên cứu lí thuyết lãnh đạo;

- Đưa ra một số khái niệm về lãnh đạo trên nguyên tắc đảm bảo tính cơ bản, khoa học, hệ thống và thực tiễn;

- Nêu lên những giá trị và vai trò của lãnh đạo xã hội đối với sự phát triển của xã hội nói chung và tư duy lãnh đạo xã hội cho cán bộ, đảng viên;

- Nghiên cứu về Hồ Chí Minh dưới dạng các hành động cách mạng thể hiện tư tưởng lãnh đạo xã hội của Người qua các giai đoạn cách mạng: làm rõ bối cảnh, nội dung, tầm vóc, ý nghĩa thể hiện tư tưởng lãnh đạo xã hội của Người trong mỗi thời điểm lịch sử;

- Đề cập đến một số nội dung nhỏ lẻ ở những khía cạnh và phạm vi khác nhau trong tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội của một số chủ thể nhất định: phương

pháp, phong cách lãnh đạo, phong cách làm việc…của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo;

- Nêu thực trạng đội ngũ cán bộ lãnh đạo ở nước ta và sự cần thiết vận dụng các giá trị lãnh đạo xã hội Hồ Chí Minh vào xây dựng tư duy lãnh đạo xã hội cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo.

**** Trên cơ sở kết quả nêu trên của các công trình liên quan, luận án có thể kế thừa những vấn đề sau:***

- Phương pháp luận nghiên cứu vấn đề lãnh đạo nói chung, quan điểm Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội nói riêng;

- Những vấn đề lý luận về lãnh đạo nói chung, quan điểm của Hồ Chí Minh về lãnh đạo: lãnh đạo là gì, cách lãnh đạo, lãnh đạo đúng, "khéo" lãnh đạo..v.v.;

- Những kết quả nghiên cứu ban đầu về lãnh đạo, lãnh đạo xã hội, tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội;

Những công trình trên tương đối đa dạng, phong phú, đã đề cập đến một số khía cạnh và phạm vi khác nhau trong tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội, là nguồn tài liệu tham khảo cho tác giả khi nghiên cứu đề tài luận án này. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có công trình nghiên cứu chuyên biệt, hệ thống, toàn diện về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển, nội dung và ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội. Yêu cầu cần thiết nghiên cứu, tổng kết tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội và ý nghĩa đối với công cuộc đổi mới hiện nay đòi hỏi phải có những công trình nghiên cứu chuyên khảo, sâu sắc, hệ thống.

1.2.2. Những vấn đề đặt ra luận án cần tập trung nghiên cứu

- Đi sâu làm rõ khái niệm lãnh đạo xã hội và tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội;

- Phân tích cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội: cơ sở lí luận; cơ sở thực tiễn;

- Phân tích, làm rõ cấu trúc tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội: mục tiêu lãnh đạo; chủ thể lãnh đạo; đối tượng lãnh đạo; nội dung lãnh đạo; phương pháp lãnh đạo; phong cách lãnh đạo;

- Làm rõ ý nghĩa lí luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội đối với những thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong lịch sử và đối với sự nghiệp đổi mới đất nước, nhất là giai đoạn hiện nay.

Tiểu kết chương 1

Nghiên cứu về lãnh đạo xã hội trên thế giới được bắt đầu từ khá sớm và được quan tâm nhiều hơn trong những năm gần đây. Hòa trong dòng chảy ấy, việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh, trong đó có tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội cũng được các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đề cập đến dưới các góc độ khác nhau, tùy theo những mục đích xác định. Tuy vậy, các kết quả nghiên cứu đều có điểm chung nhất là nhìn nhận tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội là hệ thống các quan điểm toàn diện và sâu sắc về mục tiêu, đường lối phát triển xã hội đúng đắn của cách mạng Việt Nam, về tổ chức các lực lượng xã hội để thực hiện đường lối đó trong suốt quá trình đấu tranh cho sự nghiệp GPDT, giải phóng giai cấp, giải phóng con người, với mục đích không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống của nhân dân lao động, hướng tới các giá trị chân, thiện, mỹ.

Ở Việt Nam, Hồ Chí Minh là lãnh tụ chính trị của Đảng, của dân tộc, bằng tư tưởng và hoạt động lãnh đạo xã hội, Người đã đưa đất nước bước sang một kỷ nguyên mới, hòa cùng xu thế của thời đại trong quá trình phát triển. Với những công lao to lớn đó, Người được thế giới vinh danh là anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, nhà văn hóa lớn. Vì thế, tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội đã được các nhà khoa học đề cập đến ở nhiều góc độ khác nhau. Do vậy, việc kế thừa các thành quả nghiên cứu lãnh đạo xã hội nói chung, tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo nói riêng để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của luận án là hết sức quan trọng và cần thiết.

Với ý nghĩa đó, việc thu thập tài liệu và đánh giá tổng quan các nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án đã rất được quan tâm. Đây là cơ sở để xác định nhiệm vụ nghiên cứu và là nguồn tư liệu chính để nghiên cứu sinh tiếp thu, kế thừa và phát triển, phục vụ cho việc hoàn thành luận án.

Chương 2
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ LÃNH ĐẠO XÃ HỘI
KHÁI NIỆM VÀ CƠ SỞ HÌNH THÀNH

2.1. CÁC KHÁI NIỆM CÓ LIÊN QUAN

2.1.1. Khái niệm lãnh đạo

Cho tới nay, có nhiều quan điểm khác nhau về lãnh đạo, tùy theo cách diễn đạt của từng chuyên ngành, lĩnh vực khác nhau, có thể kể ra một số quan điểm sau:

Theo Đại từ điển tiếng Việt, lãnh đạo có nghĩa là "dẫn dắt, tổ chức phong trào" [152, tr. 979].

Trong Tập tài liệu cao cấp lí luận chính trị, môn khoa học lãnh đạo, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, xác định: Lãnh đạo là nỗ lực huy động sự cam kết và cống hiến của các bên tham gia thông qua sức hấp dẫn của tầm nhìn, chiến lược và đạo đức. Lãnh đạo đồng nghĩa với tìm đường (là quá trình tìm kiếm, xác định mục tiêu mới), dẫn đường (dẫn dắt cá nhân và tổ chức thay đổi và theo đuổi cách thức mới về hướng một con đường mới) và tạo đường (tạo ra một trật tự mới, một giá trị mới, hay lớn nhất, một xã hội mới). Lãnh đạo, do vậy đồng nghĩa với tìm kiếm và tạo ra thay đổi. Nó kích thích sự tò mò và sức hấp dẫn bên ngoài để người khác bị cuốn hút đi theo. Lãnh đạo là nỗ lực thông qua giá trị để tạo ra động lực ở người khác khiến họ chủ động, tự hào và tự giác cộng lực vì mục tiêu chung. Nó khiến người ta có được sức mạnh, có sự thôi thúc từ bên trong để hành động, theo đuổi và tự chịu trách nhiệm về hành trình cũng như kết quả của mình [57, tr. 14-15].

Theo quan điểm của tác giả: Lãnh đạo là quá trình hành động nhằm đề ra mục tiêu và tạo ảnh hưởng, hướng dẫn, lôi cuốn những người khác cùng thực hiện thành công mục tiêu đó. Về bản chất, nội hàm của lãnh đạo bao gồm hai yếu tố: Yếu tố thứ nhất là đề ra mục tiêu, yếu tố thứ hai là tổ chức thực hiện mục tiêu. Lãnh đạo không phải bằng những biện pháp mang tính chất mệnh lệnh, áp đặt mà là dùng ảnh hưởng, uy tín để hướng dẫn, lôi cuốn người ta thực hiện mục tiêu.

2.1.2. Khái niệm xã hội

Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin cho rằng "xã hội không phải gồm các cá nhân, mà xã hội biểu hiện tổng số những mối liên hệ và những quan hệ của các cá nhân đối với nhau" [20, tr. 355].

Từ điển Xã hội học do Nguyễn Khắc Viện (chủ biên) viết:

> Khi nói tới khái niệm xã hội, người ta nói tới "một đơn vị xã hội độc lập" với tư cách một hệ thống tương đối chặt chẽ, bao gồm những quan hệ kinh tế (từ sản xuất đến phân phối tiêu dùng), những quan hệ chính trị và pháp luật, những quan hệ văn hóa và ứng xử, v.v. với tác động qua lại rất mật thiết của chúng, trong một không gian và thời gian nhất định [134, tr. 324].

Có ý kiến cho rằng, theo nghĩa rộng, khái niệm "xã hội" dùng để chỉ một chế độ xã hội với tất cả các yếu tố cấu thành chỉnh thể của nó. Với nghĩa này, "xã hội" được tiếp cận theo quan điểm chủ nghĩa Mác-Lênin về hình thái kinh tế - xã hội; với nghĩa hẹp, khái niệm "xã hội" dùng để chỉ lĩnh vực xã hội tương quan với các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa của xã hội tổng thể" [96, tr. 30].

Theo GS Hoàng Chí Bảo, xã hội được hình dung trên những lát cắt cơ bản sau đây:

- Xã hội như một cấu trúc vật chất - xã hội, đó là một xã hội, một đất nước, một cộng đồng dân tộc;

- Xã hội như một quốc gia dân tộc, với một hình thái nhà nước, một nước độc lập, có chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ, có địa vị pháp lý và có quan hệ quốc tế;

- Xã hội như một chế độ xã hội, chế độ chính trị và chế độ kinh tế với những thể chế xác định trong một nước độc lập, có chủ quyền, có chính phủ hợp pháp và hợp hiến được thừa nhận trong nước và quan hệ bang giao quốc tế, theo đuổi những mục tiêu phát triển;

- Xã hội như một thực thể, một bộ phận hợp thành của cộng đồng nhân loại, của thế giới [14, tr. 24-26].

Từ kết quả nghiên cứu của một số người khác và theo quan điểm của nghiên cứu sinh, thuật ngữ "xã hội" được hiểu theo hai nghĩa cơ bản sau:

Theo nghĩa hẹp, xã hội được hiểu là phương diện xã hội của toàn bộ đời sống xã hội, của hoạt động sống của con người. Nó là mặt xã hội của đời sống, có tầm quan trọng và có vị trí ngang bằng với các mặt khác của đời sống (kinh tế, chính trị, văn hóa). Các mặt đó có vị trí, vai trò riêng đối với sự phát triển của con người, phải được chú ý quan tâm đúng mức như nhau, không được coi nhẹ một mặt nào. Không

có sự tồn tại biệt lập theo nghĩa tuyệt đối cái kinh tế, cái chính trị, cái xã hội, cái văn hoá. Trên thực tế, văn hoá tồn tại trong chính trị, trong kinh tế, trong xã hội; xã hội tồn tại trong kinh tế, trong chính trị, trong văn hoá; văn hoá chính là kết quả tổng hợp, là mục tiêu cuối cùng cần đạt đến của sự phát triển kinh tế, chính trị, xã hội.

Theo nghĩa rộng, xã hội bao gồm mọi mặt đời sống xã hội với bốn lĩnh vực cụ thể: Kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá; tổ chức thiết chế quản lý mà trụ cột là nhà nước; chế độ xã hội với vai trò của ý thức hệ và lực lượng lãnh đạo xã hội, quan trọng nhất là đảng chính trị cầm quyền. Xã hội được hiểu như một cấu trúc hệ thống chỉnh thể, trong đó nghĩa rộng nhất, có tầm khái quát nhất là lịch sử nhân loại, xã hội loài người.

Trong khuôn khổ luận án, tác giả khai thác khái niệm xã hội theo nghĩa rộng, bao gồm các mặt đời sống xã hội, trọng tâm là bốn lĩnh vực cụ thể: Kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá.

2.1.3. Khái niệm lãnh đạo xã hội

Cho đến nay, chưa có một quan điểm chính thức về lãnh đạo xã hội. Từ các hướng nghiên cứu được tiếp cận và từ quan điểm riêng của cá nhân, tác giả nêu lên nhận thức ban đầu về nội hàm khái niệm lãnh đạo xã hội, như sau:

Lãnh đạo xã hội là sự tác động của giai cấp cầm quyền đối với mọi mặt của đời sống xã hội, nhằm thiết lập trật tự xã hội, bảo đảm duy trì, giữ vững và bảo vệ lợi ích của giai cấp ấy. Lãnh đạo xã hội phải đạt đến sự tiến bộ và phát triển của toàn bộ đời sống xã hội, đến một trình độ nhất định, khi nhân dân lao động ý thức được quyền và lợi ích chính đáng của mình, lãnh đạo xã hội sẽ tiến đến đảm bảo không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống (vật chất và tinh thần) của nhân dân lao động - chủ thể đích thực của mọi quá trình lịch sử - xã hội.

2.1.4. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội

Cho đến nay, khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội chưa có được một nội hàm rõ ràng. Tuy nhiên, từ những quan niệm bước đầu của các nhà nghiên cứu, trên cơ sở kế thừa và phát triển, tác giả luận án đưa ra khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội, như sau:

Tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội là hệ thống các quan điểm toàn diện và sâu sắc về mục tiêu, đường lối phát triển xã hội đúng đắn của cách mạng Việt

Nam, về tổ chức các lực lượng xã hội để thực hiện mục tiêu, đường lối đó trong suốt quá trình đấu tranh cho sự nghiệp GPDT, giải phóng giai cấp, giải phóng con người, trên lập trường giai cấp công nhân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, với mục đích không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống của nhân dân lao động, hướng tới các giá trị chân, thiện, mỹ, phấn đấu vì một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, góp phần vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

Khái niệm nêu trên đã tiếp cận tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội ở những khía cạnh sau:

Thứ nhất, tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội là hệ thống các quan điểm toàn diện và sâu sắc của Người về mục tiêu, đường lối phát triển xã hội đúng đắn cho cách mạng Việt Nam, hay nói cách khác, tư tưởng ấy xác định rõ con đường phát triển xã hội của dân tộc Việt Nam.

Thứ hai, tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội góp phần tổ chức các lực lượng xã hội để thực hiện đường lối phát triển xã hội đúng đắn đó.

Thứ ba, tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội hướng đến những giá trị chân, thiện, mĩ, có tính sáng tạo, nhằm mang lại cho nhân dân lao động một cuộc sống tốt đẹp hơn, phù hợp với xu thế thời đại và tiến bộ xã hội.

Thứ tư, tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội dựa trên lập trường của của giai cấp công nhân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, mang bản chất khoa học, cách mạng, nhân văn.

2.2. CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ LÃNH ĐẠO XÃ HỘI

2.2.1. Cơ sở lí luận

2.2.1.1. Tiếp thu các giá trị dân tộc về lãnh đạo xã hội

- Truyền thống lãnh đạo xã hội đề cao tinh thần yêu nước, tinh thần đoàn kết để tạo dựng sức mạnh dân tộc

Lịch sử mấy ngàn năm của dân tộc Việt Nam là lịch sử chống thiên tai địch họa, chống giặc ngoại xâm và dựng xây đất nước. Lịch sử đó quy định những nội dung cơ bản bao trùm là làm người, dựng làng, giữ nước. Trải qua quá trình lịch sử lâu dài, nhân dân ta đã xây đắp nên nhiều truyền thống tốt đẹp, trong đó tiêu biểu là truyền thống yêu nước, đoàn kết…đã được nhiều thế hệ truyền tụng, ngợi ca, bồi

đắp nâng lên thành quan niệm nhân sinh, thành triết lý sống của dân tộc. Hồ Chí Minh từng khái quát:

> Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa tới nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước [81, tr. 38].

Tư tưởng nổi bật và xuyên suốt chiều dài lịch sử dân tộc còn là ý thức cố kết cộng đồng và tinh thần đấu tranh giành độc lập. Do nằm ở vị trí địa lý chiến lược nên nước ta luôn bị các thế lực bên ngoài lăm le, nhòm ngó. Một đất nước không rộng, người không đông, muốn đánh thắng những đội quân xâm lược hùng mạnh thì trước hết phải đoàn kết. Ý thức cố kết cộng đồng, tinh thần đoàn kết dân tộc ở Việt Nam đã được hình thành từ rất sớm và ngày càng được củng cố vững chắc, tạo nên truyền thống bền vững thấm sâu vào tình cảm, tâm hồn mỗi con người Việt Nam. Tinh thần, ý thức ấy đã tạo nên sức mạnh vô địch của dân tộc để chiến thắng mọi thiên tai địch họa. Điều này đã được đúc kết và thể hiện trong triết lý:

Một cây làm chẳng nên non
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.

Cơ sở truyền thống đoàn kết chống giặc ngoại xâm là ở chỗ: nước mất thì nhà tan, bởi vậy, cả dân tộc trước tiên là phải đoàn kết lại để bảo vệ đất nước, chống lại những cuộc xâm lăng của kẻ thù bên ngoài. Như vậy, yêu nước là phải đoàn kết, Hồ Chí Minh cho rằng lịch sử dạy cho chúng ta bài học: Khi nào dân ta biết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do; trái lại lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn. Kế thừa và phát huy truyền thống đoàn kết của dân tộc, Người cho rằng đoàn kết tạo nên sức mạnh, đoàn kết là thắng lợi, là thành công.

Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết
Thành công, thành công, đại thành công.

- Truyền thống lãnh đạo xã hội đề cao chính nghĩa

Các triều đại độc lập thịnh trị, các vua sáng nghiệp, nhất là các vị vua nhờ khởi nghĩa của nhân dân mà nên nghiệp lớn thì lúc đầu thường chú ý đến cần chính. Một tờ chiếu của vua Lê Thái Tổ có đoạn răn các quan, nhắc nhở đức cần chính:

> Nay từ các đại thần tổng quản cho đến đội trưởng cùng các quan ở viện, sảnh, cục, phàm người có chức vụ coi quân, trị dân, đều phải theo phép công bằng, làm việc cần mẫn, thờ vua thì hết trung, đối dân thì hết hòa, bỏ thói tham ô, trừ tệ lười biếng. Bè đảng riêng tây phải chấm dứt, thái độ cố phạm phải chừa, coi công việc quốc gia là việc của mình, lấy điều lo của sinh dân mà làm điều lo của thiết kỷ [trích theo 51, tr. 181].

Trong truyền thống lãnh đạo của dân tộc, đạo đức người làm quan được đề cao và phản ánh rõ nét trong thực tiễn lãnh đạo xã hội, trong lời dạy của các bậc tiền nhân. Đặng Huy Trứ cho rằng, làm quan trước hết là làm nô bộc cho dân, cho nước. Khi tự coi mình là "con của thứ dân" và nguyện suốt đời làm "khuyến mã" của dân, ông đã đưa ra một quan niệm xử thế "không chăm sóc nổi dân thì chớ ra làm quan". Quan niệm ấy đã từng được ông gửi trong những vần thơ:

> "Mình thiệt, lợi dân, Dân gắn bó
> Đẽo dân, mình béo, Dân căm hờn
> Hờn căm, gắn bó tùy ta cả
> Duy chữ thanh, thanh đối thế nhân" [129, tr. 12].

Nguyễn Trãi thì luôn dốc lòng xây dựng một xã hội lý tưởng, vua "thương yêu dân chúng", "làm những việc khoan dung", "không thưởng bậy vì tư ân", "không phạt bừa vì tư nộ"; quan lại thì "coi công việc quốc gia là công việc của mình" [127, tr. 199]. Trong bản Di chúc Nguyễn Trãi viết nhân danh Lê Lợi cho con trai nối nghiệp, cũng là những điều ông băn khoăn nhất: "Chớ gần thanh sắc mà ham của tiền, chớ ham chơi săn mà thích dâm dật; chớ nghe lời sàm nịnh mà bỏ lời trung thực; chớ dùng tân tiến mà bỏ kẻ cựu thần…Phải hiểu chí trước mới giữ được nghiệp trước, phải thuận lòng trời mới hợp lòng người" [trích theo 64, tr. 51].

Tiếp thu truyền thống của cha ông, trong điều kiện mới của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Hồ Chí Minh cho rằng đã là người cán bộ, đảng viên phải luôn đề cao chính nghĩa "việc thiện dù nhỏ mấy cũng làm, việc ác dù nhỏ mấy cũng tránh" [80, tr. 131]. Đối với mình, không tự cao tự đại. Phải luôn luôn cầu tiến bộ. Luôn luôn tự kiểm điểm, tự phê bình những lời mình đã nói, những việc mình đã làm. Không tham địa vị, không tham tiền tài, không tham sung sướng. Không ham người

tâng bốc mình. Vì vậy, mà quang minh chính đại, không bao giờ hủ hóa. Đối với người, (trừ bọn việt gian, phát xít, thực dân) phải kính trọng, yêu quý, giúp đỡ. Không nịnh hót người trên, xem khinh người dưới. Thái độ phải chân thành, khiêm tốn. Phải thật thà đoàn kết. Đối với việc, phải để công việc nước lên trên, trước việc tư, việc nhà. Mình là người làm việc công phải có công tâm công đức. Chớ đem của công vào việc tư. Chớ đem người tư vào việc công. Việc gì cũng phải công bình, chính trực, không nên vì tư ân tư huệ, hoặc tư thù tư oán. Chớ lên mặt làm quan cách mạng.

- Truyền thống lãnh đạo xã hội thân dân, đề cao các giá trị dân sinh

Khuynh hướng tư duy chính trị Việt Nam luôn giữ cái phần "truyền thống" gần dân của một chế độ phong kiến vốn không quá chuyên chế. Lý Công Uẩn trong *Chiếu dời đô* đã viết: "Muốn mưu việc lớn, tính kế muôn đời cho con cháu thì trên phải vâng mệnh trời, dưới theo ý dân" [136]. Sử sách đã ghi lại các *Chiếu,* các *chỉ dụ* của vua chúa răn dạy bách quan: "Coi công việc quốc gia là công việc của mình, lấy điều lo của dân sinh làm điều lo thiết kỷ. Khiến cho xã tắc yên như Thái Sơn, cơ đồ vững như bàn thạch" [127, tr. 199]. Vấn đề không chỉ là đức độ của kẻ cầm quyền mà đó còn là phương sách cơ bản để giữ nước. Tiêu chuẩn đó đã được Trần Quốc Tuấn đúc kết thành chân lý: "Khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách để giữ nước" [136], là tăng cường khối đoàn kết "vua tôi đồng lòng, anh em hòa thuận, nước nhà chung sức". Nguyễn Trãi thì nổi tiếng với tư tưởng chính trị nhân nghĩa "chở thuyền là dân mà lật thuyền cũng là dân" [127, tr. 203], quan niệm về quốc gia dân tộc gồm lãnh thổ, văn hiến, phong hoá, lịch sử. Tư tưởng cứu nước trước hết phải cứu dân, tư tưởng "yên dân". Phải "yêu thương và nuôi dưỡng dân chúng để nơi thôn cùng xóm vắng không có tiếng oán hận sầu than". Tư tưởng chính trị của Nguyễn Trãi được xem là đỉnh cao của tư tưởng dân tộc thế kỷ XV, phản ánh sự lớn mạnh của tư duy chính trị Việt Nam vào thế kỷ XV, trước những vấn đề bức xúc của dân tộc và thời đại. Đó là vấn đề độc lập dân tộc và thống nhất quốc gia, xây dựng một nhà nước trong sạch, vững mạnh, đề cao dân, biết dựa vào sức mạnh của dân để dựng nước và giữ nước, hoà bình, hữu nghị và bình đẳng giữa các dân tộc, chống chiến tranh, áp bức và nô dịch dân tộc. Đó cũng là niềm tự hào dân tộc được khẳng định rõ ràng nhất, được phát triển đến mức cao nhất, hơn

bất cứ lúc nào trước đó, đã được Nguyễn Trãi thể hiện trong Bình Ngô đại cáo - bản Tuyên ngôn độc lập của dân tộc.

Ở Việt Nam, các bậc minh quân đều lấy ý dân, lòng dân, dân tâm là cơ sở cho đường lối trị nước của mình. Nguyễn Trãi cho rằng theo ý mình mà ức lòng người tất đến trăm năm oán hận. Nguyễn Bình Khiêm cho rằng, nước phải lấy dân làm gốc, muốn giữ được nước cốt phải được lòng dân, mất một nghìn vàng chớ để mất lòng dân. Minh Mệnh cho rằng, người lãnh đạo phải yêu cái dân yêu, ghét cái dân ghét, các quan phải thực sự và thường xuyên chăm lo đến dân.

Tiếp thu quan điểm thân dân trong truyền thống dân tộc, Hồ Chí Minh cũng nhấn mạnh nước lấy dân làm gốc:

"Gốc có vững cây mới bền
Xây lầu thắng lợi trên nền nhân dân"

Đồng thời, Người cũng cho rằng, trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân, trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân. Từ đó, Người cho rằng, phải xây dựng một xã hội mà dân là chủ, dân làm chủ, xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân, việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh, phải đem tài dân, sức dân, của dân làm lợi cho dân…

- Truyền thống lãnh đạo xã hội tôn trọng hiền tài

Trong lịch sử nước ta, việc dùng người và sử dụng nhân tài vào các công việc nhà nước có ý nghĩa quyết định đối với mọi triều đại phong kiến. Sau khi giành được độc lập, các triều đại Ngô, Đinh, Tiền Lê đã mong muốn xây dựng một nhà nước tự chủ với phương Bắc, nên đã coi việc chiêu mộ hiền tài ra giúp nước là một quốc sách. Giai đoạn này nổi lên vai trò các nhà sư, tiêu biểu cho tri thức, đạo đức và uy tín xã hội. Bao nhiêu việc nước trọng đại, các vua Đinh và Tiền Lê đều hỏi ý kiến các thiền sư như Ngô Chân Lưu (933-1011), Đỗ Pháp Thuận (915-990)...

Triều đại nhà Lý tiếp nối đã không dừng lại ở việc sử dụng các nhà sư giỏi, mà bắt tay xây dựng, phát triển giáo dục, trực tiếp đào tạo nhân tài phục vụ đất nước với việc mở Quốc tử giám. Các vị vua đầu thời Trần như Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông...thì đều tự tìm kiếm con đường trau dồi trí tuệ cho mình để trở thành những bậc minh quân, tạo lập được một vương triều chói sáng.

Nhà Trần vừa củng cố hệ thống thi cử, vừa thực thi một đường lối cầu hiền thông thoáng và công bằng. Nhận xét về cách dùng người của nhà Trần, sử gia Phan Huy Chú viết: "Triều Trần dùng người thật công bằng, tuy đã đặt khoa mục mà trong việc kén dùng chỉ cốt tài là được, cho nên nhiều nho sỹ có chí khí thường được trổ tài của mình" [23, tr. 5]. Có lẽ vì thế danh tài anh kiệt đời Trần hết sức phong phú, đã cống hiến tài năng và sức lực cho sự nghiệp bảo vệ đất nước, xây dựng cuộc sống thanh bình cho muôn dân.

Sang thời hậu Lê, Vua Lê Thái Tổ đã hạ lệnh cho các đại thần văn võ, công hầu đại phu từ tam phẩm trở lên phải tiến cử hiền tài. Tờ chiếu viết: "Trẫm nghĩ, muốn thịnh trị phải được người hiền tài, muốn được người hiền tài phải do tiến cử. Cho nên người đứng đầu thiên hạ phải lo việc ấy trước tiên" [136]. Thân Nhân Trung, một trọng thần nhà Lê đã kế thừa và phát triển tư tưởng đó khi ông soạn bài văn bia cho bia tiến sĩ đầu tiên khoa Nhâm Tuất (1442), đặt tại văn Miếu - Quốc Tử Giám: "Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh mà vươn cao, nguyên khí suy thì thế nước yếu mà xuống thấp". Nhiều nhân vật lịch sử khác như Nguyễn Trãi, Lương Thế Vinh, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Lê Hữu Trác, Lê Quý Đôn...và cùng với họ là những công trình khoa học, văn hóa lớn làm nên diện mạo đặc sắc của nền văn hóa nước nhà.

Chính sách "chiêu hiền đãi sĩ" trong lịch sử đã góp phần sản sinh ra nhiều người ưu tú, với hiểu biết phong phú và sâu sắc, cộng với tinh thần dấn thân hành động, biết hy sinh bản ngã vì nghĩa lớn. Đó là một nhân tố quan trọng đóng góp tích cực cho sự tiến bộ xã hội được lịch sử thừa nhận và tôn vinh. Tôn trọng hiền tài đã trở thành một nét đặc sắc trong lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam và cùng với tinh thần đó, ông cha ta cũng để lại nhiều những kinh nghiệm và bài học quý giá trong việc xây dựng đội ngũ quan lại để cai trị và quản lý đất nước.

Hồ Chí Minh đã tiếp thu và phát triển quan điểm tôn trọng hiền tài và sử dụng có hiệu quả hiền tài trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc và dựng xây đất nước. Ngay sau Cách mạng Tháng Tám thành công, Hồ Chí Minh đã quan tâm tới việc tìm kiếm người tài cho công cuộc kháng chiến và kiến quốc. Người đã viết bài trên báo *Cứu quốc*, kêu gọi:

> Kiến thiết cần có nhân tài. Nhân tài nước ta dù chưa có nhiều lắm nhưng nếu chúng ta khéo lựa chọn, khéo phân phối, khéo dùng thì nhân tài càng ngày càng phát triển càng thêm nhiều…mong rằng đồng bào ta ai có tài năng và sáng kiến.., lại sẵn lòng hăng hái giúp ích nước nhà thì xin gửi kế hoạch rõ ràng cho Chính phủ. Chúng tôi sẽ nghiên cứu kế hoạch ấy một cách kỹ lưỡng [78, tr. 114].

Bằng khả năng thu phục nhân tâm, trên cơ sở tôn trọng hiền tài, Hồ Chí Minh đã cảm hóa, lôi cuốn được giới nhân sĩ, trí thức, người tài đức trong xã hội tham gia công việc của cách mạng. Bởi thế, không chỉ là những vị quan lại của chế độ cũ, mà cả những trí thức tiến bộ của thời đại cũng nguyện từ bỏ quyền lực, vinh hoa phú quý để theo Người làm cách mạng.

2.2.1.2. Tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại về lãnh đạo xã hội

- Tiếp thu các giá trị văn hóa phương Đông về lãnh đạo xã hội

Nói đến tinh hoa phương Đông trước hết phải kể đến Nho giáo, yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến việc hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, trong đó có tư tưởng về lãnh đạo xã hội.

Khi vào nước ta bắt gặp chủ nghĩa yêu nước là dòng chủ lưu của tư tưởng Việt Nam, Nho giáo không còn giữ được bản chất nguyên gốc nữa mà đã được Việt hóa. Hồ Chí Minh tiếp thu Nho giáo nhưng là Nho giáo của những người yêu nước, qua bổn phận trung hiếu của người dân đối với sự mất còn của dân tộc. Hồ Chí Minh kế thừa và khai thác những yếu tố tích cực, hợp lý trong tư tưởng chính trị của Nho giáo, như triết lý nhân sinh lấy tu thân làm gốc, lấy hành động để lập thân và có ý tưởng về một xã hội thái bình thịnh trị, thế giới đại đồng, đề cao văn hoá và truyền thống hiếu học trong xã hội... Điều này chứng minh vì sao, Người thường dùng ngôn ngữ Nho giáo đã quá quen thuộc đối với nhân dân ta, biết chắt lọc và khai thác đúng mức kết hợp với tinh thần sáng tạo và phát triển những mệnh đề đạo đức của Nho giáo cho phù hợp với yêu cầu mới của cách mạng.

Khổng Tử dạy "dân là gốc của xã hội". Mạnh Tử cho rằng, trong nước dân là quý nhất, tiếp theo là xã tắc, vua là nhẹ, "dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh". Tiếp thu giá trị tiến bộ tư tưởng chính trị Nho giáo, Hồ Chí Minh đã nhận thấy sức

mạnh, vai trò to lớn của nhân dân trong xã hội, Người khẳng định: “Gốc có vững cây mới vững bền, xây lầu thắng lợi trên nền nhân dân”. Không chỉ thấy sức mạnh nhân dân như người xưa, phát triển hơn, Người còn nhận thấy nhân dân là người chủ của quyền cai trị - tức quyền lực nhà nước. Trên cơ sở sức mạnh to lớn của nhân dân, Người chỉ rõ, nhân dân là nguồn gốc của tất cả quyền lực trong nhà nước và ngoài xã hội.

Hồ Chí Minh tiếp biến tư tưởng đức trị của Khổng Tử trong quan niệm về lãnh đạo và người lãnh đạo xã hội. Khổng Tử coi lãnh đạo là làm điều chính đáng, lấy đạo đức làm chính (dĩ đức vi chính), là giá trị cốt lõi của người lãnh đạo. Trong đó, Khổng Tử quan trọng nhất là làm điều “Nhân”. Ông viết “Kỳ thân chính bất lệnh nhi hành. Kỳ thân bất chính tuy lệnh bất tòng”. Người lãnh đạo mà chính đáng thì không cần ra lệnh mà người ta vẫn làm theo, và ngược lại, nếu không chính đáng thì có ra lệnh người khác vẫn không thi hành. Khi lấy chữ “Chính” làm trung tâm thì người lãnh đạo cũng như ngôi sao Bắc đẩu, chỉ đứng yên một nơi mà muôn sao tụ hội quanh mình.

Trong quan điểm về người cách mạng, Hồ Chí Minh cũng coi đạo đức là “gốc”. Người khẳng định: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân” [79, tr. 292]. Hồ Chí Minh dẫn lại câu nói của Khổng Tử: "Mình phải chính tâm tu thân, nghĩa là việc gì cũng phải làm kiểu mẫu: có thế mới trị quốc bình thiên hạ được...Muốn cải tạo xã hội thì lòng mình phải cải tạo. Nếu lòng mình không cải tạo thì đừng nói đến cải tạo xã hội. Lòng mình còn tham ô, lãng phí, muốn cải tạo xã hội làm sao được" [82, tr.113]. “Mình có đứng đắn mới tề được gia, trị được quốc, bình được thiên hạ. Tự mình phải chính trước, mới giúp người khác chính. Mình không chính mà muốn người khác chính là vô lý”[80, tr 130].

Để trở thành người lãnh đạo giỏi, Khổng Tử cho rằng phải rèn luyện tuần tự theo tám bước (Bát mục: Cách vật - Trí tri - Thành ý - Chính tâm - Tu thân - Tề gia - Trị quốc - Bình thiên hạ). Trong đó, bốn bước đầu - lấy việc nghiên cứu thấu đáo sự vật để đạt hiểu biết sâu sắc, cùng với thành thật với chính mình và giữ lòng dạ

trong sáng - là con đường. Bốn bước sau là mục đích - trước hết là tu thân, là cơ sở cho gia đình yên ổn, hòa thuận, để tiến tới quốc gia thịnh trị và cuối cùng là cả thế giới thái bình.

Tiếp thu tư tưởng của Khổng Tử, trong giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên, Hồ Chí Minh nhấn mạnh yếu tố năng động chủ quan ở mỗi người, đến sức mạnh của lý tưởng, của ý chí, của tu dưỡng đạo đức cách mạng. Người nói: "Muốn làm cách mạng phải cải cách tính nết mình trước tiên" [80, tr.16]; "Muốn đánh thắng chủ nghĩa đế quốc là kẻ thù trên thế giới, muốn đánh thắng thực dân và phong kiến địa chủ là kẻ thù trong nước thì trước hết phải đánh thắng lòng tà là kẻ thù trong mình" [82, tr 142]. Trong tác phẩm "*Sửa đổi lối làm việc"*, Hồ Chí Minh viết: "Người đảng viên, người cán bộ tốt muốn trở nên người cách mạng chân chính, không có gì là khó cả. Điều đó hoàn toàn do lòng mình mà ra. Lòng mình chỉ biết vì Đảng, vì Tổ quốc, vì đồng bào thì mình sẽ tiến đến chí công vô tư". Có chí công vô tư thì làm bất cứ một việc gì con người cũng sẽ không vì lợi ích của mình để đè bẹp người khác.

Theo Khổng Tử, trong ứng xử người lãnh đạo cần lấy "Trung dung" và "Tứ vô" làm phương châm ứng xử. Tư tưởng Trung dung (Trung - ở giữa, Dung - không đổi, Trung Dung có thể tạm dịch là sự cân bằng kiên định) hay nói một cách ngắn gọn, Trung dung có nghĩa là "không thái quá, không bất cập". Khổng Tử cho rằng "Lời nói và việc làm của người quân tử thì phù hợp với chuẩn tắc trung dung", vì người quân tử luôn giữ được trạng thái trung hòa, hành vi và tình cảm khi biểu hiện ra đúng mực, phù hợp với tình huống, hoàn cảnh. Người đạt được đạo trung dung cũng sẽ đạt được sự kiên định, sự xác tín mãnh liệt, "chân thành, tín phục, vĩnh viễn không để mất đi".

Đối với Khổng Tử, hình mẫu lý tưởng của người lãnh đạo phải đạt tới chí thánh. "Trong thiên hạ chỉ có bậc chí thánh mới có đủ năm đức hạnh này: (1) [về trí thức thì] tai thông mắt tỏ, độ suốt, hiểu làu, như vậy đủ mà cai trị trăm họ; (2) [về bụng dạ thì] rộng rãi, dũ hòa, ôn nhã, nhu thuận, như vậy đủ mà bao dung chúng dân; (3) [về tính tình thì] phấn phát tự cường, cang dũng, quyết nghị, như vậy đủ mà giữ gìn phận sự; (4) [về nết hạnh thì] trai giới, nghiêm trang, trung thành, chính trực, như vậy đủ mà giữ niềm cung kính trong mọi việc; (5) [về ngôn ngữ thì] có văn, có lý, cặn kẽ, minh bạch, như vậy đủ mà phân biệt sự lý". Còn ở Hồ Chí Minh, thì đòi

hỏi ở người lãnh đạo phải có đầy đủ 5 đức tính "nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm", có khi là "cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư"…

Hồ Chí Minh cũng kế thừa và phát triển tư tưởng chính trị của Mặc Gia, đặc biệt là tiếp thu tinh thần yêu thương nhân dân. Mặc Gia chủ trương chính sách Kiêm ái trong công cuộc cai trị, nhà cầm quyền phải thương yêu nhân dân, tận tuỵ với nhân dân. Hồ Chí Minh thì cho rằng: "Chúng ta phải hiểu rằng, các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật. Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh" [78, tr. 64-65].

Hồ Chí Minh còn kế thừa, tiếp thu những yếu tố tích cực của Phật giáo như tư tưởng từ bi bác ái, thương người như thể thương thân, khuyến thiện, trừ ác, tinh thần bình đẳng, dân chủ, chống lại mọi sự phân biệt đẳng cấp, đề cao lao động, chống lười biếng. Không được báo thù báo oán. Đối với những kẻ đi lầm đường lạc lối, đồng bào ta cần phải chính sách khoan hồng, đại độ.

- Hồ Chí Minh và quan điểm lãnh đạo xã hội của Tôn Trung Sơn

Năm 1911, Hồ Chí Minh rời Tổ quốc ra đi tìm đường cứu nước, cũng là năm Tôn Trung Sơn lãnh đạo thành công cuộc cách mạng Tân Hợi, mở ra thời kỳ mới cho lịch sử Trung Quốc. Trong quá trình tìm hiểu tình hình thế giới, Hồ Chí Minh không thể không quan tâm đến những diễn biến to lớn ở ngay bên cạnh nước mình. Sau này, vào giữa những năm hai mươi của thế kỷ XX, Hồ Chí Minh có những năm sống và hoạt động ở Trung Quốc, tận mắt chứng kiến và suy nghĩ về những điều mà Tôn Trung Sơn đạt được và chưa đạt được. Hồ Chí Minh đã tiếp cận với chủ nghĩa *Tam dân* (dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc) của Tôn Trung Sơn và tìm thấy ở đó có nhiều điểm phù hợp với cách mạng Việt Nam, có thể vận dụng. Người nói: "Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm là chính sách của nó thích hợp với điều kiện của nước ta" [trích theo 64, tr. 227]. Có thể, cùng với việc tiếp thu văn minh phương Tây: tự do, bình đẳng, bác ái, Hồ Chí Minh cũng tiếp nhận ở Tôn Trung Sơn tư tưởng về dân quyền, dân chủ, dân sinh mà sau này trong quốc hiệu của nước Việt Nam mới, Người lấy là:

"Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc".

Hồ Chí Minh ghi nhận ở Tôn Trung Sơn về tầm quan trọng của đạo đức của người cách mạng trong lãnh đạo xã hội, khi cho rằng: "Làm cách mạng là làm sự nghiệp lớn, chứ không phải làm quan lớn, phải xây dựng lí tưởng đạo đức "thiên hạ vi công"; người cách mạng mà tự tư tự lợi, ích kỷ cá nhân thì nhân cách hết sức đê tiện" [64, tr. 188]. Ở Hồ Chí Minh, chúng ta cũng thấy có một điểm tương tự. Trong tác phẩm "*Đường Cách mệnh*" (1927), Người đã nêu lên 23 điều về tư cách của người cách mạng, trong đó có những điều "Cần kiệm"; "ít lòng ham muốn về vật chất'; "không hiếu danh, không kiêu ngạo"…Trong một bài viết khác, Hồ Chí Minh khẳng định: "Người cách mạng phải có đạo đức làm nền tảng, mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang".

Tôn Trung Sơn kêu gọi những nhà cách mạng phải lập chí cao, phải không nao núng trước gian lao, có tinh thần hy sinh, "Phải quý trọng chân lý và danh dự hơn cái chết nhiều" [64, tr. 188]. Nêu cao tinh thần chí công vô tư, Hồ Chí Minh cũng nhấn mạnh "Muốn nên sự nghiệp lớn, tinh thần càng phải cao" và "Thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ".

- Tiếp thu các giá trị văn hóa phương Tây về lãnh đạo xã hội

Ngay khi còn ở trong nước, sức hấp dẫn nhất đối với Người là khẩu hiệu "Tự do, bình đẳng, bác ái" của cách mạng tư sản Pháp. Điều đó đã thôi thúc Người ra đi, tìm đến tận quê hương của những khẩu hiệu đẹp đẽ đó để tìm hiểu nguồn gốc ra đời và sự thực hiện cụ thể của các khẩu hiệu ấy, không chỉ dừng trong sách vở mà còn trong cuộc sống thực tế hàng ngày.

Ra nước ngoài, Người có điều kiện đi nhiều, hiểu rộng, biết nhiều ngoại ngữ, đến được nhiều nước, làm nhiều nghề, tiếp xúc với nhiều vĩ nhân, nhà hoạt động chính trị, nhà văn, nhà bác học…do đó có cơ hội tiếp xúc với nhiều nền văn hoá, gia nhập nhiều tổ chức, vào nhiều hội, đoàn (Công đoàn lao động hải ngoại ở Anh, các Hội du lịch, Hội nghệ thuật và khoa học, Câu lạc bộ Faubourg, vào Đảng Xã hội,…). Những hội này có điều kiện đưa Người đi thăm viện bảo tàng, nhà máy và đặc biệt đi thăm các nước lân cận nước Pháp như Ý, Thụy Sĩ, Đức và Tòa thành Vanticăng. Qua những chuyến đi, Người thu hoạch được nhiều điều bổ ích, từ

những vấn đề về kiến thức, lịch sử, tôn giáo và đặc biệt "biết đến những nước ấy tổ chức và cai trị như thế nào". Từ đó, "ông Nguyễn bắt đầu tổ chức, hoặc đúng hơn là bắt đầu học tổ chức", tìm hiểu các thể chế chính trị – xã hội, nhằm chắt lọc lấy cái hay, cái tốt, cái thích hợp, phục vụ cho sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc và xây dựng nước Việt Nam độc lập trong tương lai.

Trong thời gian ở Pháp và các nước phương Tây, Người có điều kiện để tìm hiểu văn hóa phương Tây, đọc những tác phẩm của các nhà tư tưởng, nhà triết học lớn của châu Âu, như Montesquieu, Rouseau, Vonte…Hồ Chí Minh đã tiếp thu những *tư tưởng về sự phân quyền, ba chức năng của quyền lực nhà nước, tư tưởng về tự do dân sự, ý chí chung và chủ quyền tối thượng, tư tưởng về các loại hình chính phủ, về quyền con người, quyền công dân*...Đặc biệt, Người giành nhiều thời gian để nghiên cứu các tài liệu lịch sử: Tuyên ngôn độc lập 1776 của nước Mỹ, Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của cách mạng Pháp được công bố vào năm 1791. Chính về sau, Hồ Chí Minh đã trích dẫn một số luận điểm và tinh thần cơ bản của những tuyên ngôn này để mở đầu cho bản Tuyên ngôn độc lập của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Hồ Chí Minh không chỉ tìm thấy những tư tưởng tiến bộ trong sách báo phương Tây mà đã trực tiếp tiếp xúc với con người phương Tây qua các hoạt động lao động, sinh hoạt học tập. Người cũng đã phân biệt được hai mặt tiến bộ và phản động trong xã hội tư sản và trong đạo đức phương Tây. Người nhận rõ khẩu hiệu "Tự do, bình đẳng, bác ái" chỉ tồn tại trên lý thuyết và trong thực tế thì đó là điều xa vời.

Trên hành trình đến với văn hoá nhân loại, Hồ Chí Minh chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của văn hoá Pháp. Tại Pháp, Người đã tiếp thu lý tưởng *nhân quyền, dân quyền và pháp quyền* của các nhà Khai sáng Pháp và vận dụng nó vào cuộc đấu tranh, phê phán chế độ thực dân, đòi các quyền ấy cho các dân tộc thuộc địa. Có thể tìm thấy dấu ấn ảnh hưởng các giá trị của nền Cộng hoà Pháp trong bản Yêu sách 8 điểm của nhân dân An Nam gửi tới Hội nghị Vécxây (1919); Hiến pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1946)..v.v..

Hồ Chí Minh đã sớm bị hấp dẫn bởi lý tưởng tự do, bình đẳng, bác ái của Đại cách mạng Pháp và muốn đi sang Pháp để tìm hiểu xem những gì ẩn đằng sau 3 từ ấy. Người đã nhận ra rằng nền Cộng hoà Pháp chủ yếu được xây dựng trên quan

điểm giá trị về con người cá nhân, nhất là về quyền tự do, bình đẳng của cá nhân theo tinh thần Cách mạng tư sản Pháp; còn Hồ Chí Minh xuất phát từ vị trí người dân thuộc địa phương Đông, vốn đề cao tinh thần cộng đồng, luôn đặt quốc gia, dân tộc lên trên cá nhân. Với Hồ Chí Minh, tự do trước hết vẫn là tự do của toàn dân tộc chứ chưa phải là tự do cá nhân; Bình đẳng cũng được Hồ Chí Minh nâng lên thành quyền bình đẳng giữa các dân tộc; còn bác ái – một khái niệm quá rộng, như lòng bác ái của Chúa đòi hỏi phải "yêu cả kẻ thù của mình", là điều khó chấp nhận đối với các dân tộc bị áp bức! Hồ Chí Minh hiểu khái niệm này theo đúng nghĩa của nó là tình hữu ái, như tinh thần "tứ hải giai huynh đệ", nên Người thường quen gọi những người lao động, các dân tộc bị áp bức là anh em (hỡi anh em ở các thuộc địa!, các dân tộc anh em, các nước anh em,…).

Hồ Chí Minh nhận thức tự do, bình đẳng, bác ái qua lăng kính của ngươi dân bị áp bức châu Á chứ không theo tinh thần cách mạng tư sản Pháp, nên chỉ coi đó là những yếu tố cần chứ chưa đủ. Cái giá trị lớn nhất mà Hồ Chí Minh theo đuổi suốt đời là: "Độc lập cho Tổ quốc tôi, tự do cho đồng bào tôi, đó là tất cả những gì tôi muốn, đó là tất cả những gì tôi hiểu". Điều quan trọng ấy lại không có trong bảng giá trị của nền Cộng hoà Pháp, vì vậy, trong thư kêu gọi những người Pháp hãy cộng tác bình đẳng, thân thiện với Việt Nam để gây dựng hạnh phúc chung cho cả hai dân tộc, Người đã chủ động bổ sung vào khẩu hiệu ấy một từ nữa: "Người Việt và người Pháp cùng tin tưởng vào đạo đức: *Tự do, Bình đẳng, Bác ái, Độc lập*" [78, tr. 511] .Thêm độc lập để ràng buộc họ: "Nước Pháp muốn độc lập, không có lý gì lại muốn nước Việt Nam không độc lập?"

Như vậy, con đường Hồ Chí Minh tiếp biến các giá trị văn hoá nhân loại là lựa chọn, tích hợp những nhân tố tiến bộ, hợp lý, cải biến nó cho phù hợp với truyền thống văn hoá dân tộc và nhu cầu đất nước, tiếp thu trên cơ sở phê phán, tiếp nhận gắn liền với đổi mới, theo các tiêu chí: Dân tộc, dân chủ và nhân văn. Văn hóa phương Tây là một trong những cơ sở để hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội nói riêng. Chính nó đã mở rộng tầm mắt, tri thức và là nguồn động lực lớn tiếp sức cho Người trong cuộc hành trình tìm hiểu chân lý, lẽ phải và hiện thực hóa nó trong cuộc sống.

- Tiếp thu lí luận chủ nghĩa Mác-Lênin về lãnh đạo xã hội

Khi bàn về cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản, chủ nghĩa Mác-Lênin khẳng định, mục đích của cách mạng là giải phóng giai cấp công nhân, giải phóng xã hội và giải phóng con người. Nhiệm vụ của cuộc cách mạng ấy là xóa bỏ những điều kiện sinh tồn từ trước tới nay của mình, lật đổ nhà nước tư sản và chế độ tư bản, xây dựng xã hội mới, thực hiện hình thức dân chủ mới - dân chủ xã hội chủ nghĩa. C.Mác đã cho rằng: "Muốn thực hiện tư tưởng thì cần có những con người sử dụng lực lượng thực tiễn" [19, tr. 181]. V.I.Lênin thì chỉ rõ: "Trong lịch sử chưa hề có một giai cấp nào giành được quyền thống trị nếu nó không đào tạo ra được trong hàng ngũ của mình những lãnh tụ chính trị, những đại biểu tiền phong có đủ khả năng tổ chức và lãnh đạo phong trào" [140, tr. 473]. Chính vì vậy, các ông đều cho rằng, cán bộ luôn được xem là một nhân tố quyết định sự thành công hay thất bại của sự nghiệp cách mạng, nhất là cán bộ lãnh đạo - chủ thể của quá trình lãnh đạo xã hội. Khi có chính quyền, lãnh đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, V.I.Lênin rất chú ý tiến hành đánh giá, đào tạo, sắp xếp cán bộ và tiếp tục khẳng định: "Nghiên cứu con người tìm những cán bộ có bản lĩnh. Hiện nay đó là then chốt, nếu không thì tất cả mọi mệnh lệnh và quyết định sẽ chỉ là mớ giấy lộn" [147, tr. 449].

Sau Cách mạng Tháng Mười, Đảng cộng sản trở thành đảng cầm quyền, lúc này vai trò lãnh đạo của Đảng càng nặng nề hơn, phức tạp hơn. Trong ý nghĩa quốc tế, V.I.Lênin đã khẳng định vai trò của Đảng là tất yếu khách quan, là vấn đề có tính quy luật có thể vận dụng ở bất cứ nước nào, nếu phù hợp với đặc điểm của nước đó thì cách mạng sẽ thành công. V.I.Lênin chỉ rõ, Đảng giữ vai trò trung tâm, hạt nhân trong hệ thống chuyên chính vô sản và chỉ có giai cấp công nhân mới có khả năng lãnh đạo được toàn thể quần chúng nhân dân lao động và những người bị áp bức trong cuộc đấu tranh chung lật đổ ách tư bản, xây dựng chế độ xã hội mới, chế độ xã hội chủ nghĩa. Trên thực tế, chỉ có giai cấp công nhân mới có khả năng lãnh đạo (mà người đại biểu của nó là Đảng cộng sản) đối với hệ thống chuyên chính vô sản, để thực hiện vai trò lãnh đạo đối với toàn xã hội.

Trong quá trình tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh từng bước tiếp cận với chủ nghĩa Mác-Lênin, với nhận thức cảm tính ban đầu, Người tâm sự:

> Tôi biết rất ít về các vấn đề chính trị…Tôi chưa biết đảng là gì, công đoàn là gì, càng không rõ chủ nghĩa xã hội khác chủ nghĩa cộng sản ở chỗ nào… Tôi biết rất ít về Cách mạng Tháng Mười và về Lênin; về cảm tính tôi thấy mình có mối tình đoàn kết với cuộc cách mạng Nga và người lãnh đạo cuộc cách mạng ấy, nhưng tôi chưa hề đọc tác phẩm nào của Lênin [89, tr. 583]

Tuy nhiên, đến khi đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* (7-1920), Người tìm thấy ở đó con đường cứu nước và giải phóng dân tộc Việt Nam. Với Người, chủ nghĩa Mác-Lênin không chỉ là "cẩm nang thần kỳ", là học thuyết mang bản chất cách mạng khoa học, mà còn là học thuyết nhân đạo, nhân văn cao cả nhất. Sứ mệnh cao cả mà chủ nghĩa Mác-Lênin đưa lại đó là sứ mệnh giải phóng người lao động khỏi mọi áp bức bất công, vô nhân đạo, xây dựng một xã hội công bằng, văn minh, hạnh phúc, quan hệ người với người tốt đẹp trong đó "tự do của mỗi người là điều kiện tự do cho tất cả mọi người". Chủ nghĩa Mác-Lênin không những chỉ ra con đường giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động khỏi sự áp bức bóc lột mà còn trang bị cho Hồ Chí Minh lí luận về lãnh đạo xã hội.

Hồ Chí Minh tiếp thu ở chủ nghĩa Mác-Lênin phương pháp làm việc biện chứng và dùng phương pháp ấy trong quá trình nhận thức thế giới, hoạt động cách mạng và lãnh đạo xã hội. Đặc biệt, phương pháp biện chứng của chủ nghĩa Mác-Lênin đã giúp Người có những quan điểm và hành vi đúng đắn trong việc kế thừa truyền thống dân tộc và nhân loại về lãnh đạo xã hội. Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin, Hồ Chí Minh đã nêu lên những nội dung, chuẩn mực về lãnh đạo xã hội cần phải có ở Việt Nam với tinh thần cách mạng, để phổ biến, giáo dục tới cán bộ, đảng viên và nhân dân vững vàng vượt qua mọi khó khăn thử thách, đi tới thắng lợi cuối cùng trong xây dựng chủ CNXH và chủ nghĩa cộng sản.

Hồ Chí Minh khâm phục C.Mác, V.I.Lênin không phải chỉ vì họ là những người thầy, lãnh tụ thiên tài của giai cấp vô sản và quần chúng lao động mà chính vì ở họ là những tấm gương vĩ đại, từ bỏ mọi sự giàu sang, phú quý để dấn thân vào sự nghiệp giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng con người. Nói về ảnh

hưởng của V.I.Lênin đối với cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh chỉ rõ: "V.I.Lênin dạy chúng ta giản đơn và khiêm tốn, trong sạch và chính trực… V.I.Lênin dạy chúng ta muốn kháng chiến thắng lợi, kiến quốc thành công thì phải tăng gia sản xuất và tiết kiệm…tuyệt đối không được lãng phí sức dân" [81, tr. 288]. "Đối với nhân dân, phải yêu kính quần chúng, gần gũi quần chúng, tin tưởng lực lượng vĩ đại và đầu óc thông minh của quần chúng, học hỏi quần chúng, đi đúng đường lối quần chúng, để đoàn kết và lãnh đạo quần chúng" [82, tr. 12]. Trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, phải kiên quyết chống tham ô, hối lộ, lãng phí, bất liêm, bất chính và xử lý nghiêm những người vi phạm. Bởi vì, "không xử bắn lũ ăn của đút lót, mà xử một cách pha trò, mềm mỏng nhẹ nhàng như vậy, đó là một điều xấu hổ cho những đảng viên cộng sản, cho những người cách mạng. Cần phải nêu những đồng chí đã ăn hối lộ ra để dư luận quở trách và cần phải đuổi họ ra khỏi Đảng" [143, tr. 346]. Hồ Chí Minh luôn vận dụng những nguyên lý lãnh đạo xã hội của chủ nghĩa Mác-Lênin và tấm gương lãnh đạo xã hội của C.Mác, V.I.Lênin vào sự nghiệp lãnh đạo xã hội Việt Nam. Bản thân Người lúc nào cũng noi gương các nhà kinh điển, coi họ là tấm gương sáng để học tập.

2.2.2. Cơ sở thực tiễn

2.2.2.1. Từ thực tiễn đấu tranh giải phóng và xây dựng đất nước trong lịch sử dân tộc

Suốt mấy ngàn năm lịch sử, dân tộc Việt Nam đã phải đương đầu với biết bao kẻ thù hung bạo đến từ nhiều hướng khác nhau để bảo vệ, gìn giữ nền độc lập dân tộc, để xây dựng, chấn hưng đất nước. Sở dĩ chúng ta làm được điều đó là vì các cuộc kháng chiến của ta là chính nghĩa, nhân dân ta có lòng yêu nước nồng nàn, có tinh thần đoàn kết triệu người như một. Và quan trọng hơn, chúng ta có các vị vua anh minh, có các anh hùng dân tộc qua các thời kỳ lịch sử đã biết quy tụ sức mạnh toàn dân trên cơ sở chăm lo sự bền vững xã hội, biết dựa vào dân, lấy dân làm gốc.

Thực tế lịch sử cho thấy, nhiều triều đại đã thực hiện một số chính sách tiến bộ, phù hợp lòng dân, như chăm lo bồi dưỡng sức dân, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân bằng nhiều biện pháp, trước hết là tạo điều kiện cho kinh tế nông nghiệp phát triển. Ngoài ra, còn phải kể đến chính sách xã hội, nhiều triều

đại đã quan tâm đến lợi ích của các tầng lớp nhân dân, nhất là tầng lớp lao động nghèo, vì đó là lực lượng nòng cốt trong việc xây dựng lực lượng vũ trang cũng như trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược. Đặc biệt, chế độ "ngụ binh ư nông" (binh sĩ gửi trong nông) được áp dụng suốt từ thời Lý, Trần, Lê là một phương thức kết hợp kinh tế với quốc phòng. Phương thức đó vừa đảm bảo tập trung lao động cho nông nghiệp, duy trì một lực lượng quân đội thường trực cần thiết trong thời bình, vừa có thể huy động tối đa nhân lực khi có chiến tranh. Khi cuộc kháng chiến chống xâm lược sắp nổ ra, giới lãnh đạo quốc gia đã biết phát huy cao độ nhân tố chính trị - tinh thần của toàn dân, toàn quân chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến với một ý chí quyết chiến quyết thắng. Trên nền tảng xã hội bền vững, ổn định, quyền lợi của người dân được quan tâm, tinh thần yêu nước của người dân được phát huy, ai cũng hăng hái thực hiện các chủ trương của nhà nước và tham gia các tổ chức vũ trang. Vì vậy "nhân dân ai cũng là binh". Khi cuộc kháng chiến chống xâm lược nổ ra, đáp lời kêu gọi của triều đình, nhân dân cả nước nhất tề cùng đứng lên đánh giặc cứu nước, cứu nhà.

Bước sang giai đoạn cuối thế kỷ XIX, tình hình chính trị của đất nước có sự biến động lớn. Nhân dân Việt Nam lần đầu phải đối phó với một loại kẻ thù mới, đó là thực dân Pháp, chẳng những mạnh hơn về kinh tế, quân sự, khoa học kỹ thuật mà còn khác biệt về hệ tư tưởng và văn hóa. Trước thực trạng đó, triều đình nhà Nguyễn đã bộc lộ rõ sự bất lực trước nhiệm vụ giữ vững nền độc lập, tự chủ của đất nước, lần lượt ký các hiệp ước đầu hàng, chấp nhận sự đô hộ của thực dân Pháp.

Sau khi đã đặt ách thống trị trên toàn cõi Việt Nam, thực dân Pháp tiến hành đẩy mạnh khai thác thuộc địa nhằm chiếm đoạt tài nguyên, bóc lột nhân công rẻ mạt và mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa. Dưới sự đô hộ của chủ nghĩa thực dân, nhân dân Việt Nam chịu cảnh nước mất, nhà tan, bị bóc lột đến tận xương tủy, bị đầu độc về văn hóa, bị đọa đày trong đói rách, lầm than, bệnh tật. Hồ Chí Minh đã vạch trần bản chất cái gọi là chế độ bảo hộ của Pháp rằng: "Ở Đông Dương, chúng ta đang sống dưới sự "bảo hộ" của nước Pháp. Bảo hộ có nghĩa là che chở. Nước Pháp đang để cho hàng triệu anh em chúng ta chết đói, trong khi đó hàng nghìn người khác bị đưa sang Tiểu Á làm bia đỡ đạn" [75, tr. 27-28].

Người kịch liệt phê phán chính sách cai trị của thực dân Pháp. *Về chính trị:* Áp dụng chính sách "chia để trị", chia cắt Việt Nam thành 3 kỳ với 3 chế độ cai trị khác nhau, thực dân Pháp cố gây cho người Việt Nam một ấn tượng là chế độ ở xứ này rộng rãi hơn chế độ ở xứ khác. *Về văn hóa - giáo dục:* Thực hiện chính sách ngu dân về giáo dục, đầu độc về văn hóa. Thực dân Pháp bãi bỏ tất cả các hình thức thi cử phong kiến, chỉ mở trường đào tạo thông ngôn và lượng công chức vừa đủ phục vụ cho bộ máy cai trị của chúng…Nội dung trong các chương trình giáo dục nhà trường mang tính nhồi sọ, mục đích là để đào tạo nên bọn người mất gốc, sùng bái công ơn khai hóa của bọn cướp nước. *Về kinh tế:* Tiến hành các cuộc khai thác thuộc địa quy mô ngày càng lớn.

Chính sách cai trị của thực dân Pháp dẫn đến hệ quả: Sự xâm nhập của kinh tế tư bản chủ nghĩa làm tan rã nền kinh tế tự nhiên tự cung tự cấp, đồng thời kinh tế hàng hóa có điều kiện để phát triển, nhưng bên cạnh đó vẫn duy trì quan hệ sản xuất phong kiến lạc hậu và phản động. Xã hội Việt Nam phân hóa ngày càng rõ rệt, bên cạnh các giai cấp cũ hình thành các lực lượng xã hội mới (giai cấp công nhân, tầng lớp tư sản, tiểu tư sản thành thị). Sản xuất và quan hệ sản xuất bắt đầu thay đổi từng phần, nước Việt Nam từ một xã hội phong kiến chuyển sang xã hội thuộc địa nửa phong kiến. Hình thức bóc lột của thực dân phối hợp với hình thức bóc lột của phong kiến làm cho nhân dân Việt Nam ngày càng nghèo khổ thêm. Xã hội Việt Nam tồn tại hai mâu thuẫn cơ bản: Mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ phong kiến; mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp. Trong đó, mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Việt Nam yêu nước với thực dân Pháp và phong kiến, tay sai là gay gắt và bức xúc nhất. Vì vậy, mặc dù nhà nước phong kiến đã đầu hàng thực dân pháp, nhưng các cuộc khởi nghĩa, các phong trào đấu tranh chống Pháp của nhân dân Việt Nam vẫn bùng lên và lan rộng khắp cả nước.

Sau trận đánh úp quân Pháp ở Huế đêm mồng 4, rạng ngày mồng 5 tháng 7 năm 1885 do Tôn Thất Thuyết chỉ huy đã chấm dứt cuộc phản kháng cuối cùng của triều đình nhà Nguyễn, nhưng đồng thời cũng mở ra một giai đoạn mới cho phong trào vũ trang khởi nghĩa của các văn thân (phong trào Cần Vương 1885 - 1896). Sau khi rút khỏi kinh thành Huế, vua Hàm Nghi đã phát ra một bản hịch kêu gọi các văn

thân nổi dậy cần vương. Từ đó, trừ xứ Nam kỳ bị thực dân Pháp đánh chiếm từ trước, những cuộc khởi nghĩa đã nổ ra ở khắp Trung kỳ và Bắc kỳ… Các cuộc khởi nghĩa nổ ra vào lúc giai cấp phong kiến đã chia hẳn ra hai phe: kháng chiến và phản kháng chiến. Về danh nghĩa hai chính quyền của phong kiến song song tồn tại. Một bên là chính quyền bù nhìn Đồng Khánh, do thực dân Pháp giật dây vẫn thiết lập ở kinh đô Huế. Thực dân Pháp mượn danh nghĩa bù nhìn để đàn áp phong trào khởi nghĩa của văn thân. Trái lại, một bên là chính quyền của phe kháng chiến, do vua Hàm Nghi làm tiêu biểu và Tôn Thất Thuyết làm trụ cột được các văn thân và nhân dân ủng hộ.

Các cuộc khởi nghĩa đó đã gây thành một phong trào rộng khắp, tuy không có một bộ chỉ huy thống nhất, nhưng có liên lạc với nhau, làm thế nương tựa lẫn nhau. Do sự ủng hộ của nhân dân các địa phương, cuộc khởi nghĩa của các văn thân đã diễn ra trong thời gian khá dài và lập được những thành tích đáng kể. Tuy nhiên, các cuộc khởi nghĩa đó đều lần lượt thất bại, do những người lãnh đạo chưa hiểu rõ kẻ thù, chưa thật tin tưởng vào sức mạnh của nhân dân, chưa có phương pháp đấu tranh đúng đắn. Quan trọng nhất, giai cấp phong kiến đương lúc suy đồi, không thể đoàn kết toàn dân để chống ngoại xâm cũng như sự lãnh đạo của giai cấp phong kiến không thể dẫn đến thắng lợi. Sự thất bại của phong trào Cần Vương cũng đồng thời kết thúc vai trò lịch sử của giai cấp phong kiến trong phong trào đấu tranh GPDT.

Sang đầu thế kỷ XX, dưới ảnh hưởng của văn hóa phương Tây, mà trực tiếp là văn hóa Pháp, cùng với sự ảnh hưởng bởi cuộc cách mạng Tân Hợi (1911) của Trung Quốc, đã hình thành một trào lưu cứu nước mới theo hệ tư tưởng tư sản. Tiêu biểu cho trào lưu cứu nước này là Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh với hai phương pháp đấu tranh là bạo động và cải lương.

Phan Bội Châu là người khởi xướng, tổ chức, lãnh đạo các hoạt động đấu tranh chống Pháp theo phương pháp bạo động. Ông chủ trương dựa vào Nhật, học tập Nhật, xin viện trợ của Nhật để có thể vận động cuộc nổi dậy đánh đuổi Pháp bằng bạo động. Để đạt mục tiêu, ông tập hợp lực lượng, khuyến khích lòng yêu nước, thúc giục đồng bào nổi dậy. Ông tập trung trí tuệ và công sức vào việc vận động đưa hàng trăm thanh niên Việt Nam sang Nhật học tập. Phong trào Đông Du tồn tại được

khoảng 4 năm thì thực dân Pháp cấu kết với Nhật ký hiệp ước trục xuất lưu học sinh Việt Nam ở Nhật Bản về nước. Với chính sách đó, sau này, Hồ Chí Minh nhận xét, đó thực chất là *"đuổi hổ cửa trước rước beo cửa sau"*.

Phan Chu Trinh là người khởi xướng phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp bằng phương pháp cải lương. Đó là con đường "ỷ Pháp cầu tiến" chống triều đình lạc hậu, yêu cầu cải cách chính trị, phát triển văn hoá, kinh tế dần dần đến mức ngang với Pháp thì Pháp sẽ phải công nhận tự chủ của Việt Nam, công nhận bình đẳng với Việt Nam. Với chính sách ấy, sau này, Hồ Chí Minh nhận xét: *"Cụ Phan Chu Trinh chỉ yêu cầu Pháp thực hiện cải lương, điều đó sai lầm, chẳng khác gì đến xin giặc rủ lòng thương"*.

Thất bại của các phong trào yêu nước cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX cho thấy, hệ tư tưởng phong kiến đã tỏ ra lỗi thời, hệ tư tưởng tư sản thì bất lực trong việc giải quyết các vấn đề do lịch sử đặt ra. Sự chán ghét chế độ thuộc địa nửa phong kiến của nhân dân cộng với sự thất bại của các phong trào cứu nước đã cho thấy sự khủng hoảng và bế tắc về đường lối ở Việt Nam giai đoạn này. Sau này, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: "Từ ngày bị đế quốc Pháp xâm chiếm, nước ta là một xứ thuộc địa, dân ta là vong quốc nô, Tổ quốc ta bị giày xéo dưới gót sắt của kẻ thù hung ác. Trong mấy mươi năm khi chưa có Đảng, tình hình đen tối như không có đường ra" [86, tr. 401]. Thực tế lịch sử đặt ra cho cả dân tộc, cho mỗi người yêu nước Việt Nam lúc bấy giờ là phải tìm ra con đường cứu nước, cứu dân đúng đắn để thoát khỏi ách thống trị của thực dân Pháp và tay sai.

2.2.2.2. Từ thực tiễn thế giới trong lãnh đạo xã hội

Vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, trong khi xã hội Việt Nam chìm trong khủng hoảng, "như đêm tối không có đường ra", thì lịch sử thế giới đang có những biến chuyển to lớn. Chủ nghĩa tư bản chuyển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền (chủ nghĩa đế quốc), xác lập quyền thống trị của chúng trên phạm vi toàn thế giới.

Nền kinh tế hàng hóa phát triển mạnh, đặt ra yêu cầu bức thiết về thị trường. Đó chính là nguyên nhân sâu xa dẫn tới những cuộc chiến tranh xâm lược các quốc gia phong kiến phương Đông, biến các quốc gia này thành thị trường tiêu thụ sản

phẩm hàng hóa, mua bán nguyên vật liệu, khai thác sức lao động và xuất khẩu tư bản của các nước đế quốc. Quá trình đó đã làm cho quan hệ xã hội của các nước thuộc địa biến đổi một cách căn bản và bị lôi cuốn vào con đường tư bản thực dân. Sự áp bức và thôn tính dân tộc của chủ nghĩa đế quốc càng tăng thì mâu thuẫn giữa dân tộc thuộc địa với chủ nghĩa thực dân càng gay gắt. Và, chính bản thân chủ nghĩa đế quốc xâm lược, thống trị các thuộc địa lại tạo cho các dân tộc bị chinh phục những phương tiện và phương pháp để tự giải phóng. Thực tế đó còn tạo ra tiền đề khách quan để các nước bị áp bức trên thế giới liên kết với nhau và tạo điều kiện để phong trào đấu tranh GPDT ở thuộc địa gắn kết với phong trào đấu tranh giai cấp ở các nước chính quốc. Hồ Chí Minh đã khẳng định, "vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là vận mệnh của giai cấp vô sản các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa". Từ cuộc đấu tranh sôi nổi của công nhân các nước tư bản cuối thế kỷ XIX và nhất là "sự thức tỉnh châu Á" đầu thế kỷ XX đã dẫn đến một cao trào mới của cách mạng thế giới với đỉnh cao là Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917. Cách mạng Tháng Mười Nga không những đã đưa chủ nghĩa cộng sản từ khoa học trở thành hiện thực bằng việc lật đổ nhà nước tư sản, thiết lập nhà nước vô sản mà còn nêu tấm gương sáng về việc giải phóng các dân tộc bị áp bức, và gây tiếng vang lớn, tác động mạnh mẽ đến các dân tộc thuộc địa. Sự lãnh đạo của V.I.Lênin và ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười đã dẫn đến việc ra đời của một loạt các Đảng cộng sản ở cả châu Âu và châu Á. Năm 1918, Đảng cộng sản được thành lập ở Đức, Phần Lan, Hunggari, Ba Lan... Năm 1919, Quốc tế Cộng sản (Quốc tế III) và các Đảng Cộng sản Mỹ, Đan Mạch được thành lập. Năm 1920, Đảng cộng sản được thành lập ở Anh, Pháp, Inđônêxia, Ấn Độ... Ở Trung Quốc, sau phong trào Ngũ Tứ (1919), đã mở đầu cho cao trào cách mạng chống đế quốc, chống phong kiến ở châu Â, dẫn tới sự ra đời của Đảng Cộng sản Trung Quốc, năm 1921. Đây là sự kiện bước ngoặt trong lịch sử cách mạng Trung Quốc, đồng thời tác động rất lớn đến phong trào cách mạng châu Á, trong đó có Việt Nam.

Trên hành trình tìm kiếm con đường giải phóng dân tộc, tìm kiếm mô hình, thể chế trong lãnh đạo xã hội, Hồ Chí Minh đã lên án chủ nghĩa đế quốc thực dân

vừa tranh giành, xâu xé lẫn nhau, vừa vào hùa với nhau để nô dịch các dân tộc nhỏ yếu nằm trong vòng kìm kẹp của chúng. Đồng thời, Người khảo sát và tiếp biến các giá trị lãnh đạo xã hội của thế giới, mà tập trung nhất là học hỏi, tiếp thu kinh nghiệm lãnh đạo xã hội của nước Nga Xôviết.

Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga 1917, nước Nga chuyển từ giai đoạn giành chính quyền sang giai đoạn nắm, giữ chính quyền; từ nhiệm vụ lật đổ chế độ cũ sang nhiệm vụ xây dựng chế độ mới và quản lý đất nước. Trong *Những nhiệm vụ trước mắt của chính quyền Xôviết*, V.I.Lênin xác định: Bây giờ, chúng ta phải quản lý nước Nga. Và toàn bộ đặc điểm của tình thế hiện thời, tất cả sự khó khăn là ở chỗ phải hiểu rõ những đặc điểm của bước chuyển từ nhiệm vụ chủ yếu là thuyết phục nhân dân và dùng lực lượng quân sự trấn áp bọn bóc lột, sang nhiệm vụ chủ yếu là quản lý" [143, tr. 209].

Nước Nga xây dựng chủ nghĩa xã hội trên nền tảng di sản hoang tàn, vì vậy, V.I.Lênin chỉ ra nhiệm vụ chủ yếu, trước mắt của chính quyền Xôviết là tổ chức và quản lý toàn bộ nước Nga. Theo V.I.Lênin, lãnh đạo kinh tế là lĩnh vực quan trọng nhất, có tính chất quyết định thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản. Trong lãnh đạo xây dựng kinh tế, V.I.Lênin chú trọng tiến hành cải tạo toàn bộ nền kinh tế quốc dân, xóa bỏ quyền sở hữu của bọn bóc lột, xây dựng hệ thống tổ chức kinh tế mới, tổ chức lại lao động xã hội theo một trình độ cao, thực hiện sản xuất và phân phối có kế hoạch trên cơ sở sản xuất ngày càng hiện đại hóa vì lợi ích trước mắt và lâu dài của người lao động. Bên cạnh đó, V.I.Lênin cũng cho rằng, phải biết kết hợp những thành tựu mới nhất của khoa học kỹ thuật với tập thể những người lao động có văn hóa, kỹ thuật, kỷ luật, nhiệt tình cách mạng và nghị lực sáng tạo để xây dựng nền sản xuất xã hội chủ nghĩa.

V.I.Lênin cho rằng, chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản chỉ có thể hoàn toàn chiến thắng chủ nghĩa tư bản khi những người lao động có được một kiểu tổ chức lao động với năng suất cao hơn chủ nghĩa tư bản. Bởi vậy, Phải xây dựng cho quần chúng tinh thần làm chủ cao, đặt lợi chung lên lợi ích riêng, phải lao động tích cực, trung thực, tận tâm, ra sức phấn đấu cho năng suất lao động không ngừng nâng cao. V.I.Lênin đã khẳng định: "Chủ nghĩa cộng sản bắt đầu ở chỗ nào mà những

người công nhân bình thường đã tỏ ra quan tâm với một tinh thần hy sinh quên mình và không quản nặng nhọc đến việc nâng cao năng suất lao động" với phương châm "mỗi người vì tất cả, tất cả vì mọi người". V.I.Lênin đã phát động phong trào thi đua "ngày thứ bảy cộng sản chủ nghĩa" góp phần làm thay đổi căn bản diện mạo đời sống xã hội Liên Xô.

Dưới sự lãnh đạo của V.I.Lênin và Đảng Cộng sản, nhân dân Xôviết đã từng bước vượt qua mọi thử thách, ra sức thi đua xây dựng đất nước. "Nhân dân hăng hái thực hiện ba khẩu hiệu "không ăn", tức là không ăn bột tốt, không ăn quả tốt, không ăn cá tốt. Nói chung là thứ gì tốt cũng không dùng, nhịn để bán ra nước ngoài, đổi lấy máy móc" [85, tr. 184]. Theo lời dạy của V.I.Lênin và của Đảng, gần hai mươi năm nhân dân Liên Xô đã thắt lưng buộc bụng, chịu cực, chịu khổ, ra sức thi đua tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm. Nhờ vậy, "Từ một nước nghèo, Liên Xô trở thành một nước giàu mạnh vào bậc nhất thế giới" [86, tr. 328].

Hồ Chí Minh đã khẳng định những thành quả của nhân dân Liên Xô là hết sức to lớn, không những thế "kinh nghiệm Liên Xô đã bảo cho chúng ta biết cần phải ra sức tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, để nâng cao dần đời sống của nhân dân, do đó mà lãnh đạo nhân dân đấu tranh thống nhất nước nhà và xây dựng chủ nghĩa xã hội" [85, tr. 157].

Trong xây dựng CNXH, V.I.Lênin quan tâm đến cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, văn hóa của quần chúng; giải quyết và đẩy lùi nạn đói, mở rộng việc xây dựng nhà ăn tập thể, nhà gửi trẻ kiểu mẫu nhằm giảm bớt những công việc vụn vặt, tủn mủn hàng ngày, giải phóng phụ nữ khỏi ách nô lệ trong gia đình…từ đó tạo điều kiện cho quần chúng có điều kiện học tập, nghỉ ngơi, nâng cao trình độ văn hóa, khoa học - kỹ thuật và hiểu biết mọi mặt.

Trong lãnh đạo xã hội, V.I.Lênin cho rằng vấn đề cán bộ có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi của sự nghiệp cách mạng. Nhà nước công nông phải tổ chức rộng rãi, có kế hoạch, thường xuyên và công khai việc lựa chọn những cán bộ khá nhất cho công cuộc xây dựng kinh tế, những cán bộ hành chính và cán bộ tổ chức, trên quy mô chung và chuyên môn, địa phương và toàn quốc. Trong quần chúng công nhân, nông dân, trí thức có không ít những người ngoài đảng, có tài,

trung thực, họ cần được đặt vào những cương vị quan trọng hơn trong lĩnh vực xây dựng kinh tế, đồng thời cần phải duy trì sự kiểm soát và sự lãnh đạo của những người cộng sản.

Quan điểm của V.I.Lênin là cán bộ phải có nhiệt tình cách mạng, có đảng cách mạng nhưng đồng thời phải có tài thì mới hoàn thành được nhiệm vụ. Thiếu một trong hai đòi hỏi đó về chất lượng cán bộ thì đều dẫn đến thất bại. V.I.Lênin kêu gọi phải làm trong sạch bộ máy nhà nước hơn nữa; bọn quan liêu, tham nhũng thiếu năng lực nhưng lại lên mặt là "quan cai trị", V.I.Lênin coi đó là kẻ thù trong nội bộ các xôviết và đảng, nhà nước phải có thái độ cương quyết, sắt thép. V.I.Lênin đã dạy: Phải chỉnh đốn kỷ luật trong hàng ngũ ta, loại trừ hết những kẻ lười biếng, lũ ăn bám, bọn trộm cắp của công…Phải dùng những biện pháp tiết kiệm nhất, phải nhổ tận gốc những hiện tượng lãng phí…Cần có những pháp luật để trừng trị tệ tham ô, lãng phí, và phải chấp hành những pháp luật ấy một cách nghiêm chỉnh..." [87, tr. 418]. "Cần phải dùng những hình thức và phương pháp kiểm tra từ dưới lên…để nhổ đi nhổ lại cho sạch hết những cỏ rác bệnh quan liêu" [143, tr. 220-221]. Người chỉ rõ : "Chỉ khi nào toàn thể nhân dân đều tham gia quản lý thì khi ấy mới có thể đả phá chủ nghĩa quan liêu đến cùng, đến thắng lợi hoàn toàn được" [144, tr. 205].

2.2.3. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh

Là một nhân vật lịch sử đặc biệt, ở Hồ Chí Minh chứa đựng những nhân tố chủ quan thuộc về phẩm chất cá nhân mà nhờ những phẩm chất đó, Người có khả năng tiếp biến những giá trị tinh túy của lãnh đạo xã hội dân tộc và nhân loại, từ đó mà hình thành nên tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội.

Có thể nhận thấy trước hết đó là tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo cộng với đầu óc phê phán tinh tường sáng suốt của Hồ Chí Minh. Nhờ vậy, Người có khả năng tiếp nhận, hấp thụ nhanh nhạy vốn tri thức và kho tàng kinh nghiệm lịch sử phong phú của dân tộc và nhân loại về lãnh đạo xã hội. Khả năng xử lý, chuyển hóa được những tri thức đó một cách nhuần nhuyễn thành nguồn trí tuệ của chính bản thân chứ không phải là sự sao chép của người khác. Do vậy, ở Hồ Chí Minh, chúng ta thấy có Các Mác, Giêsu, Khổng Tử, V.I.Lênin…nhưng không

phải là một mớ hỗn độn, mà ở đó là những tư tưởng đã được chuyển hóa một cách nhuần nhuyễn, không có sự lặp lại và phù hợp với điều kiện của người Việt Nam, với cách mạng Việt Nam.

Trong khi tiếp cận với các giá trị truyền thống và nhân loại về lãnh đạo xã hội, Hồ Chí Minh không bê nguyên xi, không áp dụng một cách giáo điều mà Người biết "gạn đục khơi trong", biết chắt lọc, lấy ra những cái gì cần thiết và có ích. Nguyên tắc kế thừa của Người: Không phải cái gì cũ cũng bỏ hết, không phải cái gì cũng làm mới. Cái gì cũ mà xấu thì bỏ, cái gì cũ mà dùng được nhưng phiền phức thì phải sửa cho phù hợp, cái gì cũ mà tốt thì phải biết nhân lên. Vì vậy, không có gì lạ khi người ta nói Hồ Chí Minh đã thâu thái được cả kim, cổ, đông, tây. Không chịu khó học tập, tìm hiểu thì không thể có cái vốn lãnh đạo xã hội sâu rộng như vậy. Chính có lần, Người đã nói: "Chỉ có những người cách mạng chân chính mới thâu thái được những hiểu biết quý báu của các đời trước để lại" [80, tr. 337]. Hồ Chí Minh chính là người thâu thái những tinh hóa dân tộc và nhân loại về lãnh đạo xã hội rồi vận dụng phép biện chứng duy vật mác xít làm thăng hoa các giá trị lãnh đạo xã hội ấy, hình thành nên những quy tắc lãnh đạo xã hội phù hợp với thực tiễn đấu tranh cách mạng của nhân dân ta. Quá trình sáng tạo đó được thể hiện trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng sôi nổi và phong phú của Người.

Hồ Chí Minh là con người sống có hoài bão, có lý tưởng yêu nước thương dân sâu sắc. Đây là điểm xuất phát đưa người tới những tìm tòi sáng tạo mang tính cách mạng và khoa học trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và dựng xây đất nước. Chính vì vậy, giữa vô vàn lý thuyết, học thuyết khác nhau, thật giả đan xen, Hồ Chí Minh vẫn tìm ra được mục tiêu, lý tưởng cách mạng đúng đắn và con đường đi tới mục tiêu, lý tưởng ấy. Đồng chí Phạm Văn Đồng nhận xét: Hồ Chí Minh là con người có tầm nhìn xa, trông rộng là thường, rất nhạy cảm với mọi tình huống thuận nghịch. Câu nói nổi tiếng của Người: "Dĩ bất biến ứng vạn biến" là sự thể hiện của một trí tuệ uyên thâm gắn với lòng dũng cảm và tinh thần kiên trì sự nghiệp cách mạng, mặc dù mọi trở lực và thách thức.

Tư duy Hồ Chí Minh xuất phát từ thực tiễn Việt Nam, không dừng lại ở tìm đường mà phải bằng mọi cách thực hiện thắng lợi con đường đã chọn, để xây dựng

một nước Việt Nam giàu mạnh, sánh vai với các cường quốc năm châu. Người mở rộng tư duy, hướng tầm nhìn ra thế giới, không ngừng học tập nâng cao trình độ về mọi mặt, làm giàu trí tuệ của mình bằng những kiến thức phong phú và sâu rộng của nhân loại. Điều quan trọng là Người đã nhanh chóng thực tiễn hóa các kiến thức, vừa nghiên cứu lí luận và hoạt động thực tiễn, vừa tổng kết kinh nghiệm để đi tới thành công trong lãnh đạo xã hội.

Với Hồ Chí Minh, điều quan trọng nhất thể hiện trí tuệ, tầm nhìn và bản lĩnh là chính Người đã nắm vững quy luật, tôn trọng quy luật và hành động theo quy luật khách quan. Quy luật đó là phải tin dân, dựa vào dân, quý trọng dân; nghiêm khắc với bản thân mình. Người làm việc tập thể, dân chủ, biết tôn trọng người khác, cầu người hiền tài, chiêu hiền đãi sĩ. Hồ Chí Minh không sống trong tháp ngà nên biết giải quyết nhanh chóng nhiều vấn đề nảy sinh từ cuộc sống. Người luôn lạc quan, kiên định mục tiêu, lý tưởng nhưng hết sức sáng tạo trong việc tìm nhiều con đường khác nhau để đạt mục tiêu; kiên định về nguyên tắc nhưng cũng hết sức linh hoạt, mềm dẻo; hài hòa, nhuần nhị xưa và nay, truyền thống và hiện đại, dân tộc và quốc tế, phương Đông và phương Tây, cá nhân và tập thể, dân tộc và giai cấp, kinh tế - chính trị - văn hóa - xã hội mà hạt nhân là con người hết sức có lý có tình.

Nói tóm lại, năng lực tư duy, sức sáng tạo to lớn của Hồ Chí Minh trong lĩnh vực tư tưởng, lý luận cũng như trong thực tiễn lãnh đạo xã hội của Người đã giúp cho quá trình nhận thức đúng truyền thống lãnh đạo xã hội của dân tộc, tinh hoa lãnh đạo xã hội thời đại và biến những điều đó thành hoạt động thực tiễn phong phú, đem lại nhiều thành tựu rực rỡ trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Việc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội bắt nguồn từ truyền thống lãnh đạo xã hội của dân tộc Việt Nam, đồng thời kế thừa tư tưởng lãnh đạo xã hội phương Đông và phương Tây mà đỉnh cao là lí luận Mác-Lênin. Thông qua tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, xuất phát từ thực tiễn Việt Nam, có tiếp thu kinh nghiệm lãnh đạo xã hội ở một số nước Hồ Chí Minh đã tiếp biến nội dung lãnh đạo xã hội cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong thời đại mới.

Tiểu kết chương 2

Tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội là hệ thống các quan điểm sâu sắc và toàn diện về mục tiêu, đường lối phát triển xã hội đúng đắn của cách mạng Việt Nam, về tổ chức các lực lượng xã hội để thực hiện đường lối đó trong suốt quá trình đấu tranh cho sự nghiệp GPDT, giải phóng giai cấp, giải phóng con người, với mục đích không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống của nhân dân lao động, hướng tới các giá trị chân, thiện, mỹ. Vì vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội cần được xem xét trong cả một quá trình cách mạng lâu dài, gian khổ nhưng hết sức vẻ vang, gắn với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc ta. Mặt khác, tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội gắn liền với một cá nhân, nhưng là một cá nhân tiêu biểu, một lãnh tụ chính trị của Đảng và của dân tộc Việt Nam với những dấu ấn quan trọng đối với xã hội, với dân tộc. Do đó, những giá trị trong phẩm chất, nhân cách, cách thức tham dự và dấn thân vào sự nghiệp lãnh đạo xã hội của Hồ Chí Minh đã trở thành biểu tượng, tấm gương sáng ngời cho các thế hệ người dân Việt Nam.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội còn là kết quả của sự tích hợp, thâu thái, chắt lọc các giá trị bền vững những giá trị lãnh đạo xã hội trong truyền thống của dân tộc và tinh hoa giá trị lãnh đạo xã hội của nhân loại, đặc biệt là giá trị lãnh đạo xã hội của chủ nghĩa Mác - Lênin, để áp dụng vào thực tiễn lãnh đạo xã hội Việt Nam qua các giai đoạn cách mạng. Vì vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội phản ánh sâu sắc những điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan. Sự kết hợp hài hòa giữa các yếu tố khách quan và chủ quan đó đã làm cho tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội trở thành một bộ phận quan trọng làm phong phú thêm giá trị di sản lãnh đạo xã hội Việt Nam.

Chương 3
NỘI DUNG CƠ BẢN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ LÃNH ĐẠO XÃ HỘI

3.1. QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ MỤC TIÊU LÃNH ĐẠO XÃ HỘI

Theo Hồ Chí Minh, lãnh đạo là nhu cầu tất yếu khách quan đối với toàn bộ xã hội cũng như đối với mỗi bộ phận của hệ thống đó; nó bị chế định bởi các nhân tố khách quan: Điều kiện địa chính trị; đặc điểm truyền thống văn hoá - lịch sử; các đặc điểm và xu thế vận động của thời đại và quan trọng nhất là bản chất chế độ chính trị của xã hội đó. Hồ Chí Minh coi tổ chức lãnh đạo xã hội, cơ chế vận hành lãnh đạo là những chỉ tiêu chủ yếu phản ánh rõ nét sự tiến bộ xã hội, trình độ phát triển của bản thân xã hội. Trong bất cứ một xã hội nào, khi còn có các quá trình sản xuất vật chất và tinh thần diễn ra được tổ chức về mặt xã hội, thì ở đó tất yếu phải nảy sinh một dạng lao động đặc biệt - lao động lãnh đạo.

Một điều đáng lưu ý, Hồ Chí Minh không chỉ nói về mặt lý thuyết mà đã hiện thực hoá tầm nhìn của mình trong toàn bộ quá trình lãnh đạo đất nước với tư cách là người ở vị trí quyền lực cao nhất. Trong quan niệm của Hồ Chí Minh, mục tiêu và thực chất của lãnh đạo xã hội lấy con người làm điểm trung tâm, nơi xuất phát và cũng là điểm cuối cùng của hoạt động lãnh đạo, đạt đến chiều sâu nhất của chủ nghĩa nhân văn hành động. Lãnh đạo phải đạt đến sự tiến bộ và phát triển của toàn bộ đời sống xã hội; xét về thực chất là vươn tới các giá trị làm cho trình độ người của các quan hệ xã hội ngày càng cao hơn, đậm đặc hơn trong tiến trình vận động lịch sử.

Vào những năm 20 của thế kỷ XX, Hồ Chí Minh xác định mục tiêu của lãnh đạo xã hội là bảo đảm cho sự thắng lợi của cách mạng GPDT trên thế giới, nhất là đối với các nước nhược tiểu, cho mọi người, không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc, sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no, hòa bình, hạnh phúc. Nghĩa là đảm bảo quyền của các dân tộc, các giá trị làm người chân chính trong quá trình phát triển các quan hệ xã hội mang đúng bản chất người cao quý, thiêng liêng nhất.

Vào những năm 50, 60 của thế kỷ XX, khi miền Bắc quá độ đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh xác định rõ mục tiêu lãnh đạo xã hội là thỏa mãn các nhu cầu sinh tồn và phát triển của con người: trước hết nhằm làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người được ấm no và sống một đời hạnh phúc.

Ở Hồ Chí Minh, mục tiêu chung của lãnh đạo xã hội đó là độc lập, tự do cho dân tộc, hạnh phúc cho nhân dân; đó là, làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành. Đó cũng là khát vọng cháy bỏng của Hồ Chí Minh hi sinh cả cuộc đời để phấn đấu vươn tới: Xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

Hồ Chí Minh quan niệm mục tiêu cao nhất của lãnh đạo xã hội là nâng cao mọi mặt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, hướng đến các giá trị chân, thiện, mỹ. Để thực hiện mục tiêu đó phải tiến lên chủ nghĩa xã hội. Hồ Chí Minh cho rằng:

> Chúng ta phải xây dựng một xã hội hoàn toàn mới xưa nay chưa từng có trong lịch sử dân tộc ta. Chúng ta phải thay đổi triệt để những nếp sống, thói quen, ý nghĩ và thành kiến có gốc rễ sâu xa hàng ngàn năm. Chúng ta phải thay đổi quan hệ sản xuất cũ, xóa bỏ giai cấp bóc lột, xây dựng quan hệ sản xuất mới không có bóc lột áp bức. Muốn thế chúng ta phải dần dần biến nước ta từ một nước nông nghiệp lạc hậu thành một nước công nghiệp. Chúng ta phải tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư nhân, đối với thủ công nghiệp. Chúng ta phải biến một nước dốt nát, cực khổ thành một nước văn hóa cao và đời sống tươi vui hạnh phúc [85, tr. 92]

Hồ Chí Minh đã xác định cụ thể mục tiêu lãnh đạo xã hội trên các nội dung chủ yếu về chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội.

Mục tiêu chính trị: Xây dựng chế độ chính trị dân chủ, do nhân dân lao động là chủ và làm chủ; Nhà nước là của dân, do dân và vì dân; Xây dựng Đảng cầm quyền trong sạch vững mạnh; Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân; Xây dựng mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân.

Mục tiêu kinh tế: Theo Hồ Chí Minh, nền kinh tế mà chúng ta xây dựng là nền kinh tế xã hội chủ nghĩa với công - nông nghiệp hiện đại, khoa học - kỹ thuật tiên tiến, cách bóc lột theo kiểu chủ nghĩa tư bản được bỏ dần, đời sống của nhân dân ngày được cải thiện và nâng cao. Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta cần được phát triển toàn diện các ngành mà những ngành chủ yếu là công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp, trong đó "công nghiệp và nông nghiệp là hai chân của nền kinh tế nước nhà".

Mục tiêu văn hóa - xã hội: Theo Hồ Chí Minh, đó là nền văn hóa "phải xã hội chủ nghĩa về nội dung", theo phương châm dân tộc, khoa học, đại chúng. Văn hóa phải thể hiện trong mọi sinh hoạt tinh thần của xã hội, từ xóa nạn mù chữ đến xây dựng, phát triển giáo dục, nâng cao dân trí, xây dựng, phát triển văn hóa nghệ thuật, thực hiện nếp sống mới, lối sống mới… Trong đó, chủ chốt là đào tạo con người mới xã hội chủ nghĩa, những con người có lý tưởng, đạo đức, có tài năng, có văn hóa, có trách nhiệm với đất nước và dân tộc. Thực hiện một hệ thống các chính sách xã hội vì con người, do con người trên tinh thần nhân văn, nhân ái cao cả, vì mục đích cuối cùng của sự nghiệp cách mạng chính là giải phóng con người.

Hồ Chí Minh cũng xác định rõ, mục tiêu của sự lãnh đạo của chủ thể lãnh đạo (Đảng) là làm cho đối tượng được lãnh đạo (công, nông, trí) đi theo mọi chủ trương, đường lối của chủ thể trong toàn bộ quá trình cách mạng, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng đặt ra, đưa đất nước thoát khỏi ách áp bức nô dịch, đi lên xây dựng đời sống mới, xã hội mới.

3.2. QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ THỂ, ĐỐI TƯỢNG LÃNH ĐẠO XÃ HỘI

3.2.1. Quan điểm Hồ Chí Minh về chủ thể lãnh đạo xã hội

Trong quan niệm Hồ Chí Minh, chủ thể lãnh đạo rất phong phú, đa dạng, trong phạm vi luận án, tác giả tập trung vào nghiên cứu chủ thể là **Đảng Cộng sản Việt Nam và đội ngũ cán bộ của Đảng.**

Trong *Sách lược vắn tắt* của Đảng năm 1930, Hồ Chí Minh xác định rõ: "Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp, phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng" [77, tr. 4]. Người chỉ rõ:

> Mục đích của Đảng là đánh Pháp, giải phóng dân tộc, thực hiện dân chủ mới, rồi sẽ tuỳ theo tình hình kinh tế, sự sắp đặt của Đảng, sẽ giác ngộ, giáo dục, tổ chức quần chúng đi tới xã hội chủ nghĩa…Đảng không phải làm quan, sai khiến quần chúng mà phải làm đầy tớ cho quần chúng và phải làm cho ra trò, nếu không quần chúng sẽ đá đít. Muốn như thế phải gần quần chúng, học quần chúng, lãnh đạo quần chúng, cái gì lợi cho quần chúng thì làm, hại cho quần chúng thì tránh. Xa quần chúng là hỏng, cần phải nhớ nhiệm vụ của Đảng là làm đầy tớ cho quần chúng [80, tr. 367].

Hồ Chí Minh ý thức sâu sắc vai trò, lực lượng, sức mạnh của nhân dân chỉ có thể phát huy nếu dân chúng được giác ngộ, được tổ chức và lãnh đạo. Vì vậy, nhiệm vụ quan trọng của Đảng là phải giảng giải lí luận cho dân chúng hiểu, cán bộ, đảng viên phải đi sâu vào quần chúng, vận động, giác ngộ, tổ chức, lãnh đạo, đưa quần chúng ra trường tranh đấu. Ngay từ những ngày đầu của phong trào cách mạng, Người đã chỉ rõ: "Bằng những bằng chứng đơn giản và rõ ràng, làm cho quần chúng hiểu rõ lợi ích thật sự của mình. Dần dần đưa quần chúng đến chỗ nhận thức được sự cần thiết phải thay đổi chế độ xã hội hiện hành…nhằm làm cho tất cả…hiểu rõ và thừa nhận các tư tưởng của cách mạng dân tộc và cách mạng quốc tế" [76, tr. 494].

Như vậy, sở dĩ Đảng trở thành chủ thể lãnh đạo xã hội thể hiện ở mục đích, bản chất của Đảng là vì dân, hết lòng phục vụ nhân dân. Chính vì vậy, trong *Lời kết thúc buổi ra mắt của Đảng Lao động Việt Nam*, Hồ Chí Minh tuyên bố: "Nhiệm vụ của Đảng Lao động Việt Nam là kiên quyết lãnh đạo toàn dân đi đến: KHÁNG CHIẾN THẮNG LỢI, KIẾN QUỐC THÀNH CÔNG" [81, tr. 49].

Nói chuyện tại lớp chỉnh huấn đầu tiên của Trung ương (năm 1952), Hồ Chí Minh xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ của Đảng và yêu cầu về tư cách đối với một đảng lãnh đạo chân chính:

> Đảng ta đã lãnh đạo giai cấp và nhân dân làm Cách mạng Tháng Tám thành công, giải phóng dân ta khỏi ách thực dân và chế độ quân chủ, xây dựng chính quyền nhân dân. Ngày nay nhiệm vụ của Đảng ta là đoàn kết và lãnh đạo giai cấp cùng nhân dân kháng chiến kiến quốc. Đó là một nhiệm vụ nặng nề và vẻ vang, chỉ có Đảng ta - Đảng của giai cấp công nhân và nhân

> dân lao động - làm được…Là một Đảng lãnh đạo, Đảng ta cần phải mạnh mẽ, trong sạch, kiểu mẫu. Toàn Đảng phải tư tưởng nhất trí, hành động nhất trí, đoàn kết nhất trí mới làm trọn nhiệm vụ của Đảng [81, tr. 414-415].

Người cho rằng, để làm tròn nhiệm vụ nặng nề mà vẻ vang của Đảng, xứng đáng là người đảng viên, thì "ở bất kỳ đâu, bất kỳ làm việc gì, bất kỳ địa vị nào và hoàn cảnh nào, cũng phải luôn luôn: - Đặt lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân lên trên hết, trước hết. - Phải ra sức tham gia công việc kháng chiến. - Phải gần gũi dân chúng, thương yêu, giúp đỡ dân chúng, tổ chức và lãnh đạo dân chúng" [81, tr. 54]. Người xác định: "Cán bộ Đảng, cán bộ chính quyền không phải làm quan cách mạng, ăn trên ngồi trốc. Cán bộ Đảng cũng như cán bộ chính quyền, ngay cả Bác là cán bộ cao nhất đều là đày tớ của nhân dân, phải hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, phải cần, kiệm, liêm, chính. Muốn thế phải gần gũi nhân dân, khuyến khích nhân dân, lãnh đạo nhân dân" [85, tr. 113].

Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở các đảng viên cộng sản phải quán triệt sâu sắc tính chất giai cấp và tôn chỉ, mục đích của Đảng. Sở dĩ "Đảng ta có thể lãnh đạo giai cấp công nhân và toàn dân tiến lên chủ nghĩa xã hội, là vì Đảng ta có chính sách đúng đắn và lãnh đạo thống nhất. Mà lãnh đạo thống nhất là vì toàn thể đảng viên tư tưởng nhất trí và hành động nhất trí" [85, tr. 605]. Người cũng cho rằng, "lực lượng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động là rất to lớn, là vô cùng vô tận. Nhưng lực lượng ấy cần có Đảng lãnh đạo mới chắc chắn thắng lợi. Đồng thời, Đảng phải đi sát quần chúng, khéo tổ chức và lãnh đạo quần chúng, thì cách mạng mới thành công" [85, tr. 605].

Một trong những nhiệm vụ hàng đầu của Đảng là phấn đấu cho quyền lợi thiêng liêng của dân tộc và lãnh đạo toàn dân phấn đấu xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản trên đất nước ta. Người xác định, ngoài lợi ích của giai cấp, của nhân dân, của dân tộc, Đảng ta không có lợi ích gì khác. Chính vì vậy, ngay khi hòa bình lập lại ở miền Bắc, Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh: "Phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân. Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi… Nếu dân đói, rét, dốt, bệnh thì chính sách của ta dù có hay mấy cũng không thực

hiện được". Cho đến trước lúc đi xa, Người còn dặn lại: "Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân" [89, tr. 612].

Kiểm điểm quá trình lãnh đạo của Đảng, Hồ Chí Minh khẳng định: Đảng ta đã thu được nhiều thắng lợi to lớn, nhưng không phải là không có sai lầm. Song chúng ta không hề che giấu sai lầm, trái lại chúng ta thật thà tự phê bình và tích cực sửa chữa. Để tăng cường sức mạnh lãnh đạo, Đảng phải thật sự đoàn kết thành một khối vững chắc, phải "giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình. Trong Đảng phải thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình…Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau" [89, tr. 611]. Mặt khác, Đảng phải gắn bó chặt chẽ với quần chúng, giáo dục, vận động, hướng dẫn, phát huy sức mạnh sáng tạo của quần chúng, trước hết là giai cấp công nhân. Đảng lãnh đạo giai cấp công nhân, Đảng lãnh đạo cách mạng, mỗi đảng viên ở bộ phận nào là đại diện cho Đảng để lãnh đạo ở bộ phận đó, nên đảng viên phải gương mẫu. Tổ chức Đảng phải là hạt nhân lãnh đạo và đoàn kết quần chúng.

3.2.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về đối tượng lãnh đạo xã hội

Đối tượng lãnh đạo xã hội theo tư tưởng Hồ Chí Minh là toàn xã hội, toàn thể nhân dân lao động, các giai cấp, các phong trào..v..v..Trong phạm vi luận án, tác giả tập trung vào đối tượng là giai cấp công nhân và phong trào công nhân, giai cấp nông dân và phong trào nông dân, tầng lớp trí thức.

3.2.2.1. Giai cấp công nhân và phong trào công nhân

Giai cấp công nhân nước ta là con đẻ của cuộc "công nghiệp hóa cưỡng bức" của thực dân phương Tây từ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Công nhân Việt Nam tuy số lượng ít, nhưng khá tập trung, vừa mới ra đời đã được tiếp nhận ánh sáng Cách mạng Tháng Mười, của Quốc tế Cộng sản và cách mạng thế giới. Chính vì những đặc điểm ấy, giai cấp công nhân nước ta nhanh chóng trưởng thành, từng bước chuyển từ tự phát sang tự giác và sớm thể hiện tinh thần dân tộc, quốc tế trong sáng, trở thành đội quân chủ lực của cách mạng, là nòng cốt cùng với giai cấp nông dân vùng lên đánh đổ chủ nghĩa thực dân đế quốc, xây dựng chế độ xã hội mới, xây dựng đời sống mới. Để xứng đáng với vị trí ấy, giai cấp công nhân nhất thiết phải

chịu sự lãnh đạo của Đảng. Hồ Chí Minh chỉ rõ:

> Giai cấp mà không có Đảng lãnh đạo thì không làm cách mạng được, Đảng mà không có giai cấp công nhân cũng không làm được gì…Công nhân không có sự lãnh đạo của Đảng thì không làm cách mạng thành công được, không thắng lợi được. Vậy phải tuyên truyền sâu rộng chính sách chung của Đảng trong hàng ngũ giai cấp công nhân [84, tr. 478].

Giai công công nhân ngoài việc là đối tượng lãnh đạo, thì bản thân nó cũng là giai cấp lãnh đạo, thực hiện quyền lãnh đạo xã hội của mình thông qua đội tiền phong là Đảng Cộng sản Việt Nam. Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Trong công việc kháng chiến và kiến quốc, trong sự nghiệp xây dựng nền dân chủ mới, giai cấp công nhân phải là người lãnh đạo" [80, tr. 305]. Nhân dịp Đảng ta tròn 30 tuổi, trong bài viết của mình, Hồ Chí Minh đánh giá: "Chỉ có giai cấp công nhân là dũng cảm nhất, cách mạng nhất, luôn gan góc đương đầu với bọn đế quốc thực dân. Với lí luận cách mạng tiên phong và kinh nghiệm của phong trào vô sản quốc tế, giai cấp công nhân ta đã tỏ ra là người lãnh đạo xứng đáng nhất và đáng tin cậy nhất của nhân dân Việt Nam"[86, tr.407]. Đồng thời, với nhận thức đúng đắn về bản chất cách mạng tốt đẹp của giai cấp công nhân nước ta, Hồ Chí Minh cho rằng, ra đời và trưởng thành trong lòng một xã hội thuộc địa nửa phong kiến, nền kinh tế sản xuất nhỏ, chịu sự chi phối, tác động của nhiều yếu tố ngoại cảnh phức tạp, giai cấp công nhân Việt Nam cần thiết phải rèn luyện, tự cải tạo để phát huy mạnh mẽ hơn vai trò tiên phong của mình. Người thường xuyên nhắc nhở: "Công nhân là giai cấp lãnh đạo,…nhưng muốn lãnh đạo thì phải gương mẫu. Vì vậy, cần phải khắc phục khuyết điểm, phát triển ưu điểm sẵn có, hoàn thành nhiệm vụ Đảng và Chính phủ giao cho để xứng đáng là ông chủ, bà chủ, xứng đáng là vai trò của giai cấp công nhân Việt Nam" [85, tr. 111].

Trong nhiều lần tiếp xúc, nói chuyện với giai cấp công nhân, Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh: "Người công nhận trước đây làm thuê cho tư bản. Bây giờ là người làm chủ đất nước. Phải xứng đáng với vai trò của mình". Người cho rằng, "đã là người chủ nước nhà, thái độ phải thế nào cho đúng? Công nhân phải hiểu tương lai của công nhân và tương lai của xí nghiệp phải dính liền. Công nhân phải hiểu xí nghiệp là của mình, làm chủ nước nhà là nói chung, làm chủ xí nghiệp là nói riêng,

xí nghiệp có phát triển, tương lai của công nhân mới tiến lên" [84, tr. 478]. Người chỉ thị cho các tổ chức đảng, công đoàn phải chú trọng giáo dục ý thức giác ngộ xã hội chủ nghĩa, tinh thần làm chủ cho công nhân và tạo mọi điều kiện để công nhân thực hiện quyền làm chủ thực sự trong xí nghiệp, trong xã hội.

Trong lãnh đạo phong trào công nhân, Hồ Chí Minh quan tâm tới *phong trào thi đua sản xuất và tiết kiệm*. Người chỉ rõ:

> Chúng ta đoàn kết để thi đua. Thi đua phải có tổ chức, có kế hoạch. Thi đua không phải là ganh đua, giấu nghề. Thi đua có nghĩa là mọi người phát triển tài năng, sáng kiến của mình, học hỏi điều hay lẫn nhau, giúp nhau sửa chữa khuyết điểm để cùng nhau tiến bộ. Thi đua nhằm: l. Tăng năng suất, 2. Tiết kiệm nguyên liệu, vật liệu… Người này thi đua với người khác, tổ này thi đua với tổ khác, nhà máy này thi đua với nhà máy khác [83, tr. 204].

Người cho rằng, muốn thi đua chắc chắn thắng lợi, anh chị em chiến sĩ, lao động phải đoàn kết với nhau, công nông đoàn kết với cán bộ kỹ thuật, công nhân đoàn kết với nông dân. Công nông và trí thức phải đoàn kết. Phải học tập giai cấp công nhân Trung Quốc, Liên Xô về tinh thần đoàn kết, tinh thần trách nhiệm, chí tiến thủ, tinh thần khắc phục khó khăn, thi đua bền bỉ. Phải giữ đúng kỷ luật lao động. Một điều nữa là, tăng gia sản xuất phải đi đôi với tiết kiệm. Phải tiết kiệm thì giờ, nguyên vật liệu và tiền bạc. Để thực hiện mục đích thi đua, bất cứ làm gì cũng phải làm mau, làm tốt, làm nhiều, làm rẻ. Như vậy, thi đua tăng gia sản xuất và tiết kiệm mới cải thiện được đời sống của nhân dân nói chung và đời sống của công nhân lao động nói riêng.

Hồ Chí Minh cũng hết sức chú trọng tới *phong trào cải tiến việc quản lý xí nghiệp* trong công nhân, góp phần vào việc phát triển kinh tế của đất nước, nhằm mục đích xây dựng chủ nghĩa xã hội. Người cho rằng, muốn cải tiến quản lý xí nghiệp, thì trước hết phải tăng cường việc giáo dục chính trị và nâng cao tư tưởng của cán bộ và công nhân bằng cách: "Bồi dưỡng tư tưởng của giai cấp công nhân - đấu tranh chống tư tưởng của giai cấp tư sản. - Bồi dưỡng chủ nghĩa tập thể - chống chủ nghĩa cá nhân. - Bồi dưỡng quan điểm lao động (lao động trí óc và lao động chân

tay phải kết hợp chặt chẽ) - chống quan điểm xem khinh lao động chân tay. - Nâng cao tinh thần làm chủ xí nghiệp và làm chủ nước nhà của công nhân và cán bộ, nâng cao tinh thần trách nhiệm và tính tích cực của mọi người.

Để quản lý tốt xí nghiệp, thì phải thực hiện ba điều: "Tất cả cán bộ lãnh đạo phải thật sự tham gia lao động chân tay. Tất cả công nhân phải tham gia công việc quản lý các tổ sản xuất, dưới sự lãnh đạo của cán bộ các phân xưởng. Sửa đổi những chế độ và quy tắc không hợp lý" [85, tr. 537]. Người cho rằng, việc cải tiến quản lý xí nghiệp lúc đầu có khó khăn, nhưng có quyết tâm thì nhất định làm được. Muốn vậy, cán bộ phải nâng cao tinh thần trách nhiệm, phải làm đến nơi đến chốn. Phải khuyến khích, coi trọng ý kiến, sáng kiến của công nhân. Áp dụng một cách đầy đủ ba nguyên tắc quản lý xí nghiệp: "Đảng lãnh đạo, thủ trưởng phụ trách, công nhân tham gia quản lý"; cán bộ các xí nghiệp, công trường phải thực hiện bốn cùng với công nhân: cùng ăn, cùng ở, cùng lao động, cùng bàn bạc. Nói tóm lại:

> Cải tiến quản lý xí nghiệp là một cuộc cải tạo chính trị và tư tưởng rộng khắp và sâu sắc trong cán bộ và công nhân. Trong việc này, sự lãnh đạo của Đảng cần phải chặt chẽ và toàn diện; đảng viên và đoàn viên thanh niên phải làm gương mẫu, làm đầu tàu. Khi tư tưởng được giải phóng, giác ngộ được nâng cao, cán bộ và công nhân sẽ đoàn kết chặt chẽ, tự giác tự động khắc phục mọi khó khăn, phát huy mọi sáng kiến, xí nghiệp sẽ được quản lý tốt, sản xuất nhất định sẽ tăng gia, kế hoạch Nhà nước nhất định sẽ hoàn thành và hoàn thành vượt mức [85, tr. 539].

3.2.2.2. Giai cấp nông dân và phong trào nông dân

Hồ Chí Minh khẳng định: "Nước ta là một nước nông nghiệp. Hơn 9 phần 10 dân ta là nông dân… Nông dân là một lực lượng rất to lớn của dân tộc, một đồng minh rất trung thành của giai cấp công nhân. Muốn kháng chiến kiến quốc thành công, muốn độc lập thống nhất thật sự ắt phải dựa vào lực lượng của nông dân…" [80, tr 248]. Mặt khác, Người cũng cho rằng: "Nền tảng của vấn đề dân tộc là vấn đề nông dân, vì nông dân là tối đại đa số trong dân tộc. Nền tảng của cách mạng dân chủ cũng là vấn đề nông dân, vì nông dân là lực lượng cách mạng đông nhất chống phong kiến, chống đế quốc…" [82, tr. 31]. Vì vậy, trải qua các thời kỳ, Đảng đã nắm

vững và giải quyết đúng đắn vấn đề nông dân, củng cố được liên minh công nông. Kinh nghiệm của Đảng trong quá trình cách mạng đã chỉ rõ là nơi nào, lúc nào cán bộ ta giải quyết tốt lợi ích thiết thân của nông dân, nắm vững nguyên tắc liên minh công nông, thì nơi đó, lúc đó cách mạng đều tiến mạnh.

Ngay từ năm 1930, trong báo cáo về những nghị quyết của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, Hồ Chí Minh chỉ rõ: Vô sản là đội quân của cách mạng ruộng đất và cách mạng phản đế ở Đông Dương. Cho nên, phương thức lãnh đạo quần chúng vô cùng quan trọng. Đảng phải hết sức quan tâm. Hồ Chí Minh xác định rõ: Nông hội là một tổ chức đấu tranh có trách nhiệm đưa cuộc cách mạng ruộng đất đến thắng lợi, cho nên, trong công tác vận động và tuyên truyền, hội viên Nông hội luôn luôn phải nhớ những điều sau đây:

> a) Những sự áp bức và bóc lột hằng ngày (như thuế má, bắn giết, chế độ lĩnh canh, tước đoạt ruộng đất, quan lại và tư sản áp bức, v.v.) làm cho quần chúng nông dân nhận thức rõ tình cảnh của mình và thấy cần phải đấu tranh chống địa chủ, tư sản và đế quốc. b) Giáo dục quần chúng về ý nghĩa cuộc cách mạng ruộng đất (tịch thu ruộng đất của địa chủ bản xứ và người ngoại quốc đem chia cho bần và trung nông), đồng thời cũng phải giải thích cho họ hiểu mục tiêu cơ bản của cuộc cách mạng tư sản dân chủ. c) Giải thích cho quần chúng thấy cần thiết phải liên minh với giai cấp vô sản, cần phải được vô sản và Đảng Cộng sản, đội tiên phong của vô sản lãnh đạo. d) Phải tuyên truyền phản đối Hội đồng cải lương, phản đối mọi cải cách, mọi nhóm và đảng phái có tính chất quốc gia [77, tr. 619].

Theo Người, khi tuyên truyền chính sách của Đảng, cán bộ phải dùng cách thuyết phục chứ không được dùng mệnh lệnh và phải ra sức làm cho quần chúng nông dân tin tưởng ở Đảng. Người chỉ rõ: "Cần làm cho nông dân nhận thức rõ lực lượng và vai trò của mình…Lãnh đạo nông dân có nghĩa là nghiên cứu tình hình địa phương để rồi phát động phong trào quần chúng. Mỗi cuộc đấu tranh đều nhằm mở rộng ảnh hưởng của Nông hội và của Đảng và nhằm thu hút quần chúng vào Nông hội" [77, tr. 621].

Hồ Chí Minh chủ trương phát động quần chúng triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức để tiến đến cải cách ruộng đất. Muốn vậy, phải ra sức phát động quần

chúng nông dân, làm cho quần chúng tự giác tự nguyện đứng ra đấu tranh triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức và giành lấy ưu thế chính trị ở nông thôn. Đảng và Chính phủ phải lãnh đạo, tổ chức, giúp đỡ, kiểm tra. Sau khi giảm tô, giảm tức, quần chúng đã được phát động, tổ chức đã vững chắc, lực lượng đã đầy đủ, đa số nông dân đã yêu cầu thì sẽ thực hiện cải cách ruộng đất.

Tuy nhiên, Hồ Chí Minh cũng chỉ rõ, vì hoàn cảnh nước ta đặc biệt, cách mạng vừa thành công thì phải kháng chiến ngay, Đảng và Chính phủ đã áp dụng chính sách giảm tô, giảm tức qua nhiều năm, như thế là đúng, nhưng có chỗ giảm chưa đúng, có chỗ chưa giảm, chính sách giảm tô chưa được thi hành triệt để. Người cho rằng, đó là vì cán bộ không nắm chính sách, lập trường không vững, trong đầu óc cán bộ còn rất nặng những tư tưởng địa chủ. Người yêu cầu, cũng như mọi chiến dịch khác, giảm tô phải có chính sách rõ ràng, phương châm đúng đắn, kế hoạch đầy đủ, có tổ chức, có lãnh đạo, chứ không phải nói "phóng tay phát động" quần chúng là phóng tay lung tung. Muốn theo đúng chính sách, phương pháp, kế hoạch, muốn lãnh đạo đúng, thì lập trường phải vững, tư tưởng phải thông. Tư tưởng và hành động phải nhất trí, lý luận và thực hành phải nhất trí, cán bộ trên dưới phải nhất trí, cán bộ và nông dân phải nhất trí, thì mới chắc thành công. Người cũng chỉ rõ:

> Phát động phải nhằm vào tổ chức…Khi tổ chức rồi phải giáo dục, làm cho quần chúng tự giác, tự động, biết sức lực của họ, biết quyền lợi của họ, làm cho họ mạnh dạn đấu tranh. Phát động quần chúng phải tránh bao biện, phải tránh quan liêu mệnh lệnh, ép buộc…Phải làm cho quần chúng giác ngộ, làm cho phong trào ăn sâu trong địa phương, tự quần chúng nêu vấn đề, tự họ giải quyết vấn đề, tự họ tranh đấu [82, tr. 47].

Muốn thực hiện như thế, Người cho rằng, cán bộ phải nắm vững chính sách của Đảng, của Chính phủ, đi đúng đường lối quần chúng. Cán bộ phải tìm hiểu quần chúng, phải học hỏi quần chúng để lãnh đạo quần chúng. Điều nữa là phải hiểu: "Đảng lãnh đạo nông dân, không phải nông dân lãnh đạo Đảng…Mình là đảng viên phải phục vụ nông dân, lãnh đạo nông dân kháng chiến kiến quốc, nhưng không phải là mình đứng vào địa vị nông dân" [82, tr. 49].

Cùng với việc thực hiện giảm tô, giảm tức, Hồ Chí Minh và Đảng ta cũng hết sức quan tâm đến thi hành chính sách ruộng đất, đảm bảo quyền lợi chính đáng cho

nông dân. Theo Người, cải cách ruộng đất là một cuộc đấu tranh cách mạng. Phải tin tưởng thắng lợi, thì đấu tranh mới kiên quyết. Muốn vậy, cán bộ phải có lập trường vững vàng, tư tưởng phải thông, không sợ khó, không sợ khổ. Phải ba cùng thật thà. Phải đi sâu, xét kỹ; phải luôn luôn kiểm tra công tác; chấp hành chính sách phải coi trọng từ việc to đến việc nhỏ. Có khuyết điểm thì sửa chữa ngay. Bí quyết thắng lợi là: Kiên quyết chấp hành chính sách của Đảng và Chính phủ bất kỳ việc lớn, việc nhỏ; Tin tưởng chắc chắn vào chính sách và sự lãnh đạo của Đảng; Dựa hẳn vào quần chúng.

Trong thời gian 3 năm 10 tháng (kể từ đầu cho đến khi hoàn thành), ta đã tiến hành 8 đợt giảm tô, 5 đợt cải cách ruộng đất. Tuy nhiên, trong cải cách ruộng đất cũng vấp phải những sai lầm trong việc thực hiện. Dù có sai lầm và phải tiến hành sửa sai, song cải cách ruộng đất thực hiện *"người cày có ruộng"* theo đánh giá của Hồ Chí Minh đó là một thắng lợi to lớn, nó mở đường cho đồng bào nông thôn ta xây dựng cuộc đời ấm no, góp phần xứng đáng vào công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế, củng cố miền Bắc thành cơ sở vững chắc để đấu tranh thống nhất nước nhà.

Từ khi thực hiện cải cách ruộng đất, Đảng phái cán bộ về xã giúp đồng bào nông dân đấu tranh thực hiện người cày có ruộng. Đó là bước đầu. Đã có ruộng, nông dân cần phải ra sức tăng gia sản xuất, để đảm bảo đời sống ấm no. "Muốn sản xuất được tăng gia, thì cần có những tổ đổi công để giúp đỡ lẫn nhau trong mọi công việc. Muốn tổ đổi công có kết quả thật tốt, thì phải khéo tổ chức, theo nguyên tắc tự giác tự nguyện. Phải khéo lãnh đạo, làm cho các tổ viên ai cũng hăng hái làm việc, ai cũng được hưởng lợi công bằng" [83, tr. 404]. Phong trào đổi công chính là con đường tổ chức nông dân lại đi vào làm ăn tập thể tiến dần tới lập hợp tác xã. Tổ đổi công theo hai hình thức: tổ đổi công từng vụ, từng việc và tổ đổi công thường xuyên.

Hồ Chí Minh xác định lực lượng lãnh đạo tổ đổi công, "trực tiếp là tổ trưởng tổ đổi công. Nếu tổ trưởng công bằng, vô tư, khéo tổ chức, khéo lãnh đạo, được bà con tin phục và yêu mến, thì việc của tổ sẽ thành công" [83, tr. 467]. Người yêu cầu: "Đảng viên phải gương mẫu trong công việc tổ đổi công. Chi bộ trong xã phải thiết thực lãnh đạo, giúp đỡ tổ đổi công" [83, tr. 467]. Đồng thời, Người chỉ rõ nội dung xây dựng tổ đổi công trên các mặt tư tưởng, tổ chức và lưu ý: "Tổ đổi công là

cốt để tăng gia sản xuất, thì về tinh thần nội bộ tổ phải đoàn kết, về việc làm phải cải tiến kỹ thuật. Và muốn tiến bộ thì tất nhiên phải học tập những cái gì mình chưa hiểu biết" [83, tr. 482].

Tuy vậy, Người cũng chỉ ra khuyết điểm trong lãnh đạo tổ đổi công và chỉ ra hướng khắc phục:

> Một số cán bộ chưa biết lãnh đạo. Họ còn ham chuộng hình thức; còn dùng cách mệnh lệnh, gò ép. Khi phân công cũng gò ép; khi khai hội, khi học tập cũng gò ép. Vì vậy, nhiều nông dân e ngại vào tổ đổi công thường xuyên. Cán bộ ta cần hiểu thấu và nhớ kỹ rằng: Tổ đổi công phải theo nguyên tắc tự giác, tự nguyện. Lãnh đạo tổ đổi công cần phải dân chủ…Cán bộ làm được như vậy (và phải làm như vậy), thì các tổ đổi công thường xuyên sẽ phát triển, vững vàng [84, tr. 362].

Cùng với xây dựng tổ đổi công, Hồ Chí Minh và Đảng ta đã xác định những vấn đề đường lối, chính sách hợp tác hoá nông nghiệp. Khẳng định chỉ có đi vào con đường hợp tác hoá, làm ăn tập thể mới khắc phục được những khó khăn trong sản xuất, cải thiện đời sống. Phương châm tiến hành hợp tác hoá là "tích cực lãnh đạo, vững bước tiến lên; quy hoạch về mọi mặt, sát với từng vùng; làm tốt vững và gọn". Hình thức, bước đi, tốc độ phải phù hợp, từ thấp lên cao, tập dượt cho nông dân quen dần với cung cách làm ăn tập thể, từ tổ đổi công, hợp tác xã bậc thấp tiến lên hợp tác xã bậc cao. Quy mô cũng phải từ nhỏ đến lớn. Việc xây dựng hợp tác xã phải tuân thủ nguyên tắc *"tự nguyện, cùng có lợi và quản lí dân chủ"*. Các nguyên tắc này đảm bảo phát huy được trí tuệ tập thể, cũng như sức người sức của trong lao động sản xuất.

Ngoải ra, Người cũng chỉ rõ yêu cầu đối với cán bộ và xã viên: "Lãnh đạo nghề nông thì từ trước khi gieo mạ, phải lãnh đạo, đến lúc lúa và khoai vào bồ, lãnh đạo mới kết thúc. Lúa tốt, lúa chín mà lãnh đạo gặt hái không kịp thời, mưa xuống sẽ hỏng lúa. Lãnh đạo phải liên tục, toàn diện. Khi gieo mạ, phải lãnh đạo; bón phân, phải lãnh đạo; làm cỏ, phải lãnh đạo; gặt cũng phải lãnh đạo cho đến khi thóc đem về nhà. Thóc về nhà, phải nghĩ đến chọn giống cho mùa sau". Người cho rằng: "Cán bộ từ tỉnh đến xã phải đi sát với quần chúng, phải nắm lấy một nơi, tham gia lao động với quần chúng, học tập kinh nghiệm và sáng kiến của quần chúng để lãnh đạo quần chúng một cách thiết thực và toàn diện" [85, tr. 503]. Cán bộ phải dân

chủ, phải khéo quản lý (quản lý lao động, quản lý tài vụ, quản lý kỹ thuật), phải khéo giáo dục xã viên làm cho xã viên vui vẻ và phấn khởi sản xuất. Đối với xã viên thì phải đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau, phải chăm lo công việc hợp tác xã như công việc của nhà mình, phải giữ vững kỷ luật lao động và hăng hái sản xuất. Phải nâng cao ý thức của xã viên "hợp tác xã là nhà, xã viên là chủ".

Trong quá trình thực hiện phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, Hồ Chí Minh và Đảng ta đã ra Nghị quyết về cuộc vận động cải tiến quản lí hợp tác xã, cải tiến kĩ thuật trong nông nghiệp, đem lại những kết quả to lớn. Toàn miền Bắc đã diễn ra không khí thi đua sôi nổi, xuất hiện nhiều phong trào thi đua lao động sáng tạo của các tầng lớp nhân dân. Đánh giá về những thắng lợi đó, tại Hội nghị chính trị đặc biệt (3- 1964), Hồ Chí Minh đã nói: "Miền Bắc nước ta đã tiến những bước dài chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc. Đất nước, xã hội và con người đều đổi mới" [88, tr. 275].

Tuy vậy, bên cạnh những thành công, trong khi tiến hành hợp tác hoá nông nghiệp, một số nơi đã chạy theo thành tích, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, cùng có lợi. Vì vậy, nhìn chung hợp tác xã còn gặp khó khăn, lúng túng trong việc tổ chức lao động, sản xuất, quản lí và phân phối…

3.2.2.3. Tầng lớp trí thức

Hồ Chí Minh cho rằng, trí thức là một bộ phận quan trọng trong lực lượng cách mạng, cùng với giai cấp công nhân, nông dân góp phần làm nên mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam cả trong đấu tranh chống thực dân đế quốc, cũng như trong xây dựng xã hội mới.

Ngay từ các văn kiện đầu tiên của Đảng do Người khởi thảo đã đặt vấn đề: "Phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản. trí thức….để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp" [77, tr.3]. Trong Chương trình Việt Minh (1941), Đảng đã xác định rõ "hậu đãi viên chức xứng đáng với công học hành của họ"; "Khuyến khích và giúp đỡ các hạng trí thức được phát triển tài năng của họ" [77, tr.631]. Trong Tuyên ngôn của Đảng ghi: "Đảng Lao động Việt Nam sẽ gồm những công nhân, nông dân và lao động trí óc yêu nước nhất, hăng hái nhất, cách mệnh nhất" [81, tr.54].

Hồ Chí Minh khẳng định, trí thức là vốn liếng quý báu của dân tộc. Trí thức cần có trong mọi ngành: phát triển kinh tế cần có những người thông thạo về công

nghệ và nông nghiệp; phát triển giao thông vận tải cần có những kỹ sư thông thạo về đắp đường, bắc cầu; giữ gìn sức khỏe của dân, cần có thầy thuốc; đào tạo cán bộ cho mọi ngành hoạt động, cần có thầy giáo.v.v. Người cũng chỉ rõ, cách mạng rất cần trí thức và chính ra chỉ có cách mạng mới biết trọng trí thức. Trí thức đáng trọng là những trí thức hết lòng phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân.

Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, để tầng lớp trí thức có những đóng góp to lớn cho sự nghiệp khánh chiến và kiến quốc, đường lối lãnh đạo của Đảng với trí thức là: "Đào tạo trí thức mới

Cải tạo trí thức cũ

Công nông trí thức hóa

Trí thức công nông hóa" [81, tr 72-73].

Người yêu cầu đào tạo đội ngũ trí thức mới vừa có đức vừa có tài, vừa "hồng" vừa "chuyên". Muốn đạt mục đích, trí thức phải luôn trau dồi đạo đức cách mạng, khiêm tốn và giản dị, chống kiêu căng tự mãn, thực hành tự phê bình và phê bình để cùng nhau tiến bộ. "Thói kiêu ngạo lên mặt có hại cho trí thức, ngăn trở họ tiến bộ". Trí thức phải nắm vững khoa học kỹ thuật, "phải ra sức vượt mọi khó khăn để mà chiến thắng, để hưởng thụ tất cả những khoa học, những hiểu biết của thời đại thế kỷ XX" [86, tr.247]; Trí thức "phải phấn đấu nâng cao chất lượng văn hoá và chuyên môn nhằm thiết thực giải quyết các vấn đề do cách mạng nước ta đề ra và trong một thời gian không xa, đạt những đỉnh cao của khoa học và kỹ thuật" [89, tr.507]. Trí thức đồng thời phải nêu cao tinh thần phục vụ nhân dân, khiêm tốn học hỏi dân chúng, hòa mình với quần chúng, gần gũi công nông, đoàn kết với nhân dân để xây dựng xã hội mới. Trí thức cần chống lại tâm lý tự tư tự lợi, xem khinh lao động chân tay, kiêu ngạo, giả dối, khoe khoang..v.v.

Hồ Chí Minh nhấn mạnh việc cải tạo trí thức cũ, làm cho họ trở thành những trí thức của giai cấp công nhân, hết lòng phục vụ nhân dân, góp phần xứng đáng vẻ vang vào công cuộc xây dựng đất nước. Người cho rằng, người trí thức cũ về chuyên môn trong mức nào đó là khá, nhưng do ngày trước bị giáo dục trong đường lối và khuôn khổ thực dân, phong kiến nên tư tưởng và lề lối làm việc không khỏi ảnh hưởng của thực dân và phong kiến. Do đó, cần cải tạo tư tưởng và sửa đổi lề lối làm

việc của họ. Có như vậy, người trí thức mới phát huy được sáng kiến, tinh thần trách nhiệm, ý thức lao động trong xây dựng đất nước. Người cũng nêu lên hai thứ vũ khí sắc bén để giúp trí thức cải tạo là: Cố gắng học tập, học đi liền với hành; Không e ngại, không che dấu, thật thà tự phê bình và hoan nghênh quần chúng phê bình mình.

Hồ Chí Minh cho rằng, để xây dựng chủ nghĩa xã hội cần có lao động, lao động trí óc và lao động chân tay. Và ta cần lao động trí óc kiêm lao động chân tay, nghĩa là lao động chân tay cũng phải có văn hóa, mà người lao động trí óc cũng phải làm được lao động chân tay. Nếu lao động trí óc không làm được lao động chân tay và lao động chân tay không có lao động trí óc thì đó là người lao động bán thân bất toại. Lao động trí óc mà không lao động chân tay, chỉ biết lí luận mà không biết thực hành thì cũng là trí thức một nửa. Vì vậy, phải kết hợp lí luận với thực hành, học tập kết hợp với lao động. Phải làm cho những người lao động trí óc và lao động chân tay đoàn kết chặt chẽ với nhau để xây dựng một xã hội mới tốt đẹp. Muốn thế, phải công nông trí thức hóa, công nông cần học tập để nâng cao trình độ của mình. Phải trí thức công nông hóa, đưa trí thức về lao động sản xuất trong nông nghiệp, công nghiệp, để gần gũi công nhân và nông dân, học tập tinh thần và nghị lực, sáng kiến và kinh nghiệm của công nông, nhằm xây dựng khối liên minh chặt chẽ giữa công nhân, nông dân, trí thức, nền tảng của xã hội, của chế độ xã hội chủ nghĩa.

Từ đặc điểm trí thức Việt Nam, có tinh thần yêu nước, có đầu óc dân tộc và cách mạng, trong sự nghiệp cách mạng, Hồ Chí Minh và Đảng ta luôn tin tưởng và trọng dụng trí thức, thực hiện chính sách chiêu hiền đãi sĩ, tìm người tài đức. Trên cơ sở nhìn nhận, đánh giá một cách khách quan, chân thực, đúng người, đúng việc, Hồ Chí Minh và Đảng ta đã đặt trí thức vào những vị trí, chức vụ quan trọng, tạo điều kiện cho họ làm những công việc phù hợp với khả năng và phát huy sở trường để cống hiến, đồng thời, khơi dậy ý thức làm chủ, tinh thần trách nhiệm công dân của họ, hướng họ tới cái chân, thiện, mỹ. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh và Đảng ta đã xây dựng được một đội ngũ trí thức lớn mạnh, góp phần to lớn vào thắng lợi của sự nghiệp giải phóng dân tộc và dựng xây đất nước. Từ những lớp cán bộ đầu tiên được đào tạo tại Quảng Châu (Trung Quốc), đến đội ngũ trí cách mạng qua các thời kỳ đấu tranh của Đảng, trí thức phong kiến, quan lại cũ được cảm hóa, trí thức Tây học, trí thức Việt kiều..v.v. Tất cả

tạo nên một bức tranh hoàn chỉnh về đào tạo, thu phục, cảm hóa, bố trí, sử dụng trí thức một cách hiệu quả nhất, vì lợi ích tối cao của dân tộc.

3.3. QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ NỘI DUNG LÃNH ĐẠO XÃ HỘI

Ngay từ tháng 10 - 1945, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: "Trong công cuộc kiến thiết nước nhà có bốn vấn đề cần phải chú ý đến, cùng phải coi là quan trọng ngang nhau: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa" [92, tr.70].

3.3.1. Lãnh đạo chính trị

3.3.1.1. Lãnh đạo xây dựng nền chính trị dân chủ

- Xây dựng chế độ chính trị Dân chủ Cộng hòa ở Việt Nam

Tại phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày 3-9-1945, Người đã đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng tốt cuộc tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu. Tất cả công dân trai gái 18 tuổi đều có quyền ứng cử và bầu cử, không phân biệt giàu nghèo, tôn giáo, dòng giống. Đối với các ủy ban nhân dân làng, huyện, tỉnh, thành phố là hình thức Chính phủ trong các địa phương thì toàn thể nhân dân Việt Nam cũng có quyền như vậy, trừ bọn Việt gian bán nước. Chính vì vậy, nói về ý nghĩa của Cách mạng Tháng Tám, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Trong một thời gian rất vắn, chúng ta đã phá tan chế độ quân chủ chuyên chế mấy nghìn năm nay. Chúng ta đã đánh đổ cái nền thống trị của hai đế quốc chủ nghĩa: Pháp và Nhật. Chúng ta đã lập nên một chính thể dân chủ cộng hòa. Đó là một cuộc thắng lợi xưa nay chưa từng thấy trong lịch sử nước ta" [78, tr. 18].

Theo quan điểm của Người, trong chính thể dân chủ cộng hòa, địa vị cao nhất là dân, quyền lực cao nhất cũng là của dân, nhà nước vừa mạnh về luật pháp, vừa giỏi trong quản lý, lại phải đảm bảo đạo đức công chức và công vụ. Hễ chính phủ không còn xứng đáng với lòng tin cậy của dân thì dân không cần đến nữa, dân đuổi chính phủ đi, tức là bãi nhiệm. Nhân dân làm chủ bằng nhà nước của mình, đó là một kênh chủ yếu và quan trọng trực tiếp nhất. Từ Quốc dân Đại hội ở Tân Trào lịch sử, trong những ngày sôi động của Cách mạng Tháng Tám, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng và Bác Hồ ta đã thấy hình bóng của một nhà nước dân chủ đang định hình. Từ Chính phủ lâm thời, ngay sau lễ Tuyên ngôn Độc lập đã bắt tay ngay vào công việc quản lý, làm tất cả để lo cho cuộc sống của dân, tập

trung sức chống giặc đói, chống giặc dốt đi liền với xây dựng chính thể, củng cố nền tảng sức mạnh là lòng dân để sẵn sàng chống giặc ngoại xâm, bảo vệ nền độc lập tự do non trẻ mới ra đời.

- Lựa chọn con đường phát triển của dân tộc

Phát triển dân tộc theo Hồ Chí Minh là đưa dân tộc ta từ giành độc lập dân tộc, tiến bước tới dân chủ và xây dựng thành công CNXH. Đó là một tư tưởng chiến lược tổng quát, vạch ra con đường phát triển của Việt Nam.

Đáp ứng đòi hỏi khách quan của cách mạng Việt Nam đặt ra, ngay từ đầu thế kỷ XX, trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm các cuộc cách mạng trên thế giới và đi tới lập trường cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin, Hồ Chí Minh xác định: Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản. Mùa xuân năm 1930, khi sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam, trong các văn kiện thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng, Người xác định Việt Nam "làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản" [77, tr. 1]. Con đường cách mạng này trải qua thực tiễn đã dẫn tới Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công và kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi. Trên cơ sở đó, năm 1959, Hồ Chí Minh đã khái quát: "Cách mạng Việt Nam trải qua hai giai đoạn: cách mạng dân tộc dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa" [86, tr. 365].

Hồ Chí Minh xác định hai giai đoạn của cách mạng Việt Nam có mối quan hệ chặt chẽ, biện chứng. Nếu tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc đất nước sẽ giành được độc lập, từ đó tạo điều kiện, tiền đề tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa. Và tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa tạo ra những thành tựu to lớn củng cố, bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc. Do đó, giành được độc lập rồi thì tất yếu phải đi lên CNXH.

Cách mạng Việt Nam theo Hồ Chí Minh có hai mục tiêu cơ bản là độc lập dân tộc và tự do hạnh phúc cho nhân dân. Giành được độc lập dân tộc là mục tiêu trước hết và tạo ra điều kiện để đi tới mục tiêu cuối cùng là tự do hạnh phúc cho nhân dân. Và CNXH là con đường duy nhất có thể giải phóng triệt để dân tộc khỏi thân phận nô lệ, bất công xã hội, bất bình đẳng giai cấp, đói nghèo và ngu dốt, giải phóng triệt để con người, đem lại tự do hạnh phúc cho toàn dân, như Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Chỉ có CNXH, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ" [86, tr. 563].

Đối với sự nghiệp xây dựng CNXH ở Việt Nam, Hồ Chí Minh đưa ra một hệ thống quan điểm toàn diện. Từ góc độ động lực của sự phát triển, Người cho rằng: CNXH là do quần chúng nhân dân tự xây dựng nên. Đó là lực lượng có ý thức lao động tập thể, tinh thần thi đua yêu nước, dám nghĩ, dám làm, ý thức cần kiệm. Trong cải tạo và xây dựng xã hội phải giải quyết hàng loạt mâu thuẫn khác nhau. Do đó, Người lưu ý cán bộ, đảng viên không được chủ quan, nóng vội, phải xác định đúng bước đi và các hình thức biện pháp xây dựng CNXH…Làm được như vậy, CNXH không chỉ là ước mơ mà bản thân nó tiềm chứa khả năng tối ưu (so với tất cả các xã hội đã từng tồn tại trong lịch sử) trong việc tạo ra sức sống nội sinh và động lực mạnh mẽ thúc đẩy xã hội tiến lên.

- Xây dựng Đảng Cộng sản cầm quyền trong sạch, vững mạnh

Ngay từ thời kỳ vận động thành lập Đảng Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thì thuyền mới chạy". Khi Đảng ta trở thành đảng cầm quyền lãnh đạo sự nghiệp kháng chiến kiến quốc, Người chỉ rõ: Đảng ví như cái máy phát điện, các công việc cách mạng như những ngọn đèn, máy mạnh thì đèn sáng.

Để đưa sự nghiệp cách mạng đến thắng lợi đảng cộng sản cầm quyền phải trong sạch, vững mạnh, bởi Đảng và cách mạng luôn đứng trước những khó khăn, thử thách lớn. Cách mạng càng tiến lên, nhiệm vụ càng nặng nề đòi hỏi toàn Đảng và mỗi cán bộ đảng viên phải tự đổi mới, tự rèn luyện, biết sửa lỗi mình. Quan điểm xuyên suốt trong tư tưởng của Người là Đảng phải *thực sự là đạo đức, là văn minh.* Cán bộ, đảng viên phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, xứng đáng là người lãnh đạo, người đầy tớ thật trung thành của nhân dân.

Muốn vậy, trước hết, Đảng phải lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động. "Cán bộ của Đảng phải hiểu biết lý luận cách mạng, và lý luận cùng thực hành phải luôn đi đôi với nhau" [79, tr. 289]. Thứ hai, phải tuân thủ các nguyên tắc sinh hoạt Đảng: Tập trung dân chủ; tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; tự phê bình và phê bình; đoàn kết nhất trí trong Đảng. Đó là nền tảng cho Đảng vững mạnh, cơ sở để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị. Thứ

ba, phải giữ vững và phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, Đảng phải được chỉnh đốn, nâng cao sức chiến đấu, có hình thức tổ chức phù hợp để đáp ứng các yêu cầu, nhiệm vụ mới. Thứ tư, giữ vững và tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa Đảng với dân. Điều có ý nghĩa hết sức quan trọng khi xác định đường lối chính sách là Đảng phải căn cứ vào thực tiễn, phải nhằm phục vụ lợi ích chính đáng của nhân dân. Hồ Chí Minh yêu cầu: "Sự lãnh đạo, trong mọi công tác thiết thực của Đảng, ắt phải *từ trong quần chúng ra, trở lại nơi quần chúng*" [79, tr. 330].

- Xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân

Trên cơ sở các nguyên tắc mácxít về nhà nước cách mạng, thực tiễn của đất nước và tham khảo các mô hình nhà nước trên thế giới, Hồ Chí Minh và Đảng ta đã xây dựng một bộ máy nhà nước tổ chức theo nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất quyền lực nhưng có sự phân công và phối hợp hợp lý giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp, trên tinh thần tất cả quyền lực đều thuộc nhân dân. Sự thống nhất quyền lực ấy được thực hiện chủ yếu theo một chế độ mà Hồ Chí Minh gọi là Uỷ thác quyền lực, tức nhân dân uỷ thác quyền lực của mình cho những đại biểu, đại diện ưu tú do chính nhân dân trực tiếp bầu ra.

Sự phối hợp trong các cơ quan nhà nước là để cho Nhà nước phải toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân, lấy nhân dân làm mục tiêu hành động, làm tâm điểm của sự phối hợp, lấy nhân dân để giám sát mọi hoạt động của chính phủ. Cơ chế phối hợp đó là để cho mọi người, trước hết là hệ thống các cơ quan hành chính, "phải hiểu rằng, các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh vác việc chung cho dân, chứ không phải đè đầu dân như trong thời kỳ dưới sự thống trị của Pháp Nhật" [78, tr. 64-65], là để "Toàn cả nhân dân và Chính phủ nhất trí" [78, tr. 492]. "Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà là một Chính phủ chú trọng thực tế và sẽ nỗ lực làm việc" và "cố gắng làm theo đúng 3 chính sách Dân sinh, Dân quyền và Dân tộc" [78, tr. 491].

Để xây dựng nhà nước thực sự là của dân, do dân, vì dân, xây dựng xã hội dân chủ nhân dân là chủ và làm chủ, Hồ Chí Minh đã công phu chỉ đạo xây dựng Hiến pháp, hoàn thiện luật pháp, chú trọng hành pháp của các cơ quan Chính phủ, tính công bằng, nghiêm minh của ngành tư pháp, kết hợp đức trị với pháp trị, sớm có chủ trương

chuyên nghiệp hóa và hiện đại hóa công chức và nền hành chính công vụ, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, phép nước theo các chuẩn mực dân chủ. Tất cả đều vì lợi ích, quyền lực của dân. Người xác định, một nhà nước mạnh, có thực lực và thực quyền phải đề cao luật pháp dân chủ và tiến bộ, bảo vệ quyền cơ bản của công dân, đảm bảo tốt dân quyền, trọng nhân cách con người. Xây dựng một nhà nước mạnh thì phải chú trọng sự trong sạch của bộ máy, tính liêm khiết của công chức, phải là một chính phủ hành động, trọng công việc thực tế. Công chức phải thạo chính trị, giỏi chuyên môn, tinh thông nghiệp vụ, tận tụy, mẫn cán, hết lòng, hết sức phục vụ dân, tuyệt đối trung thành với chính phủ, kính trọng, lễ phép với dân chúng.

Một điều quan trọng mà Hồ Chí Minh hết sức lưu ý, đó là, mặc dù Nhà nước do nhân dân lập ra, bầu ra, nhưng để đảm bảo thực sự là của dân, do dân, vì dân thì không thể theo một quy trình vô chính phủ, tự do tuyệt đối. Nhà nước nhất thiết phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nói cách khác, Nhà nước với lực lượng chủ yếu của nó, tức đội ngũ cán bộ quản lý, trên thực tế cũng chính là bộ phận quan trọng của Đảng. Cụ thể, thông qua công tác tổ chức, Đảng cắt cử cán bộ nắm giữ các vị trí quan trọng trong bộ máy Nhà nước từ Trung ương đến cơ sở. Về góc độ này, Đảng lãnh đạo Nhà nước cũng là tự lãnh đạo mình, tất nhiên trên một tư cách khác. Và như vậy, trên một bình diện nhất định, Nhà nước tồn tại và hoạt động với tư cách là một đối tượng lãnh đạo của Đảng.

3.3.1.2. Lãnh đạo xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân

Ngay từ năm 1939, khi cao trào dân chủ lên cao, Hồ Chí Minh xác định lúc này, Đảng không nên đưa ra những đòi hỏi quá cao (độc lập dân tộc, nghị viện, v.v.). mà chỉ nên đòi các quyền dân chủ, tự do tổ chức, tự do hội họp, tự do báo chí và tự do ngôn luận, đòi ân xá toàn thể chính trị phạm, đấu tranh để Đảng được hoạt động hợp pháp. Muốn thế phải ra sức tổ chức Mặt trận dân tộc dân chủ rộng rãi. Hồ Chí Minh cũng chỉ rõ: "Đảng không thể đòi hỏi Mặt trận thừa nhận quyền lãnh đạo của mình, mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất. Chỉ trong đấu tranh và công tác hằng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo" [77, tr. 168].

Năm 1941, Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh) được thành lập. Người chỉ rõ và kêu gọi:

> Việt Minh là cơ sở cho sự đoàn kết, phấn đấu của dân tộc ta trong lúc này. Hãy gia nhập Việt Minh, ủng hộ Việt Minh, làm cho Việt Minh rộng lớn mạnh mẽ. Uỷ ban dân tộc giải phóng Việt Nam cũng như Chính phủ lâm thời của ta lúc này. Hãy đoàn kết chung quanh nó, làm cho chính sách và mệnh lệnh của nó được thi hành khắp nước. Như vậy thì Tổ quốc ta nhất định mau được độc lập, dân tộc ta nhất định mau được tự do. Hỡi đồng bào yêu quý! Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến…Dưới lá cờ Việt Minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên! [77, tr. 596].

Để huy động lực lượng to lớn cho cách mạng, Hồ Chí Minh chủ trương thực hiện đại đoàn kết rộng rãi tất cả các tầng lớp, đảng phái, dân tộc, tôn giáo, giai cấp, mọi lứa tuổi, mọi vùng miền, "ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ" [83, tr. 244]. Theo Hồ Chí Minh, muốn cho họ thật lòng đi theo cách mạng thì chúng ta phải thật lòng đến với họ: "bất kỳ ai mà thật thà tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ thì dù những người đó trước đây chống chúng ta, bây giờ chúng ta cũng thật thà đoàn kết với họ" [83, tr. 244]. Quan điểm này xuất phát từ tấm lòng khoan dung, độ lượng và niềm tin vào con người của Hồ Chí Minh.

Để thực hiện đoàn kết toàn dân, Hồ Chí Minh rất chú ý đến việc đưa quần chúng nhân dân vào những tổ chức yêu nước phù hợp với từng giai cấp, tầng lớp, giới, ngành, lứa tuổi, tôn giáo…Đó là các hội ái hữu, công hội, nông hội, đoàn thanh niên, hội phụ nữ, hội phụ lão cứu quốc, nhi đồng cứu quốc, hội Phật giáo cứu quốc, Công giáo yêu nước, các nghiệp đoàn…bao trùm nhất là Mặt trận dân tộc thống nhất. Đây là nguồn sức mạnh vô địch của cách mạng Việt Nam.

Để thực hiện đoàn kết thật sự và hợp tác thật thà trong nhân dân thì Mặt trận phải hoạt động theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ, lấy việc thống nhất giữa lợi ích tối cao của dân tộc với lợi ích của các tầng lớp nhân dân làm cơ sở để củng cố và không ngừng mở rộng; chủ trương đoàn kết lâu dài, chặt chẽ, thực sự, chân thành và thân ái giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. "Đoàn kết thật sự nghĩa là vừa đoàn kết, vừa

đấu tranh, học những cái tốt của nhau, phê bình những cái sai của nhau và phê bình trên lập trường thân ái, vì nước, vì dân" [85, tr. 362]. Mặt khác, để chấp nhận những yếu tố khác biệt, cùng đoàn kết với nhau trong Mặt trận và cùng hành động vì mục tiêu chung thì sự đấu tranh để đi đến thống nhất là rất cần thiết. Từ đó, Hồ Chí Minh nhấn mạnh phương châm "cầu đồng tồn dị", đại đoàn kết toàn dân là phải xây dựng khối đồng tâm nhất trí, có điểm tương đồng với nhau, nhưng chấp nhận những điểm khác biệt giữa các giai cấp, tầng lớp, tôn giáo; phải đặt lợi ích tối cao của dân tộc, của sự nghiệp cách mạng lên trên hết, gạt bỏ những định kiến hẹp hòi, giúp nhau hiểu rõ cái sai, cùng nhau sửa chữa sai lầm, cùng nhau tiến bộ.

Trong bài nói chuyện tại lớp bồi dưỡng cán bộ về công tác Mặt trận (tháng 8-1962), Người yêu cầu: "Chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ các tầng lớp nhân dân… Phải đoàn kết tốt các đảng phái, các đoàn thể, các nhân sĩ trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thực hiện hợp tác lâu dài, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau tiến bộ. Phải đoàn kết các dân tộc anh em, cùng nhau xây dựng Tổ quốc…Phải đoàn kết chặt chẽ giữa đồng bào lương và đồng bào các tôn giáo, cùng nhau xây dựng đời sống hòa thuận ấm no, xây dựng Tổ quốc" [87, tr. 454]. Trong đó, Hồ Chí Minh xác định lực lượng nòng cốt là công nông. Người chỉ rõ: "Đại đoàn kết tức là trước hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân ta là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Đó là nền gốc của đại đoàn kết. Nó cũng như cái nền của nhà, gốc của cây. Nhưng đã có nền vững, gốc tốt, còn phải đoàn kết các tầng lớp nhân dân khác". Sau này, khi nhận rõ vai trò to lớn của đội ngũ trí thức, người đã có sự bổ sung quan trọng: liên minh công - nông - trí là nền tảng của khối đại đoàn kết dân tộc.

3.3.2. Lãnh đạo phát triển kinh tế

3.3.2.1. Đường lối, chủ trương phát triển kinh tế

- Thực hiện chính sách về ruộng đất

Ngay sau Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, chính quyền cách mạng, đứng đầu là Hồ Chí Minh đã thực hiện một loạt chính sách nhằm tăng gia sản xuất nông nghiệp. Chính quyền cách mạng cũng ra thông tư giảm 25% mức địa tô, quy định chế độ lĩnh canh có lợi cho nông dân nghèo, xóa bỏ một loạt các loại thuế vô lý, v.v.. Đến đầu năm 1953, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ban hành

Luật cải cách ruộng đất. Giải thích về sự cần thiết tiến hành cải cách ruộng đất ở nông thôn, Hồ Chí Minh chỉ rõ:

> Cách mạng của ta là cách mạng dân tộc giải phóng, cách mạng dân chủ nhân dân, cách mạng phản đế phản phong - căn bản là cách mạng nông dân, cách mạng ruộng đất…Muốn độc lập thành công, kháng chiến thắng lợi, thì phải đánh quỵ đế quốc, đánh quỵ phong kiến. Và muốn đạt mục đích ấy thì phải có một lực lượng cực kỳ to lớn, mạnh mẽ. Lực lượng ấy sẵn có ở nhân dân ta, mà nhân dân ta tuyệt đại đa số là nông dân lao động. Muốn động viên lực lượng ấy, thì phải phát động quần chúng thực hiện chính sách ruộng đất [82, tr. 298].

Sau thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ, tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ sáu, khóa II (tháng 7-1954), Hồ Chí Minh và Đảng ta chủ trương đẩy mạnh cải cách ruộng đất nhằm "tiếp tục thực hiện người cày có ruộng", và coi đó là một biện pháp quan trọng để phục hồi sản xuất sau kháng chiến và "chuẩn bị điều kiện để kiến thiết nước nhà".

- Phát triển hợp lý công nghiệp và nông nghiệp

Sau khi miền Bắc được giải phóng, với xuất phát điểm là một nước nông nghiệp lạc hậu đi lên chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh rất chú ý đến việc xây dựng lực lượng sản xuất. Người xác định: "Nhiệm vụ quan trọng nhất của chúng ta là phải xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội, có công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, có văn hóa và khoa học tiên tiến" [86, tr. 412]. Người nêu lên tiến trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở nước ta là: "Phát triển nông nghiệp, giải quyết được vấn đề lương thực, phát triển công nghiệp nhẹ, tự cung tự cấp được phần lớn hàng tiêu dùng và bước đầu xây dựng công nghiệp nặng làm cơ sở cho nền kinh tế độc lập" [88, tr. 565].

Theo Hồ Chí Minh: "Đời sống nhân dân chỉ có thể thật dồi dào, khi chúng ta dùng máy móc để sản xuất một cách thật rộng rãi". Về chủ trương thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, Người nhấn mạnh vai trò của công nghiệp nặng: "Muốn có nhiều máy, thì phải mở mang các ngành công nghiệp làm ra máy, ra gang, thép, than, dầu…Đó là con đường phải đi của chúng ta" [86, tr. 445].

Trong phát triển nông nghiệp, Hồ Chí Minh nhắc nhở, phải chú ý cải tiến công cụ sản xuất. Người cho rằng: "Nông nghiệp của ta rất lạc hậu…Cho nên, phải cải tiến nông cụ hiện có, phải làm những máy mới giản đơn, thợ mộc cũng đóng được, nông dân cũng làm được…phải giúp nông dân, giúp hợp tác xã cải tiến công cụ từ những cái thô sơ trở đi" [86, tr. 636].

- Thực hiện cải tạo các thành phần kinh tế

Trong nhiệm vụ của thời kỳ quá độ, Hồ Chí Minh và Đảng ta chủ trương đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế cá thể của nông dân - thợ thủ công và thành phần kinh tế tư bản tư doanh; đồng thời mở mang và tăng cường lực lượng của thành phần kinh tế quốc doanh để tạo cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội. Cải tạo phải gắn liền với xây dựng và xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa là công việc trọng yếu và lâu dài trên tất cả các mặt: lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, khoa học - kỹ thuật và văn hóa tư tưởng…

Khâu trọng yếu trong cải tạo và phát triển sản xuất nông nghiệp là tiến hành phong trào hợp tác hóa, mục tiêu "để đưa nông dân làm ăn riêng lẻ đi dần từ tổ đổi công (có mầm mống xã hội chủ nghĩa) tiến lên hợp tác xã cấp thấp (nửa xã hội chủ nghĩa) rồi tiến lên hợp tác xã cấp cao (xã hội chủ nghĩa)" [86, tr. 413].

Đối với những hộ công thương buôn bán nhỏ, chủ trương "bảo hộ quyền sở hữu về tư liệu sản xuất của họ, ra sức hướng dẫn và giúp đỡ họ về tư liệu sản xuất theo nguyên tắc tự nguyện". Với các nhà tư sản công thương:

> Nhà nước không xóa bỏ quyền sở hữu về tư liệu sản xuất và của cải khác của họ; mà ra sức hướng dẫn họ hoạt động nhằm làm lợi cho quốc kế dân sinh, phù hợp với kế hoạch kinh tế của Nhà nước. Đồng thời, Nhà nước khuyến khích và giúp đỡ họ cải tạo theo chủ nghĩa xã hội bằng hình thức công tư hợp doanh và những hình thức cải tạo khác [86, tr. 273].

- Chủ trương xây dựng chế độ làm khoán

Nhằm đảm bảo hạt nhân nền móng của dân chủ - lợi ích thực tế của người lao động, Hồ Chí Minh luôn cố gắng tìm tòi các phương thức quản lý hiện đại. Người đã phát hiện ra những ưu thế của chế độ làm khoán - một chế độ quản lý kinh tế có thể kết hợp hài hòa cả ba loại lợi ích như một đặc trưng tổng quát nội tại của

chủ nghĩa xã hội: "Chế độ làm khoán là một điều kiện của chủ nghĩa xã hội, nó khuyến khích người công nhân luôn luôn tiến bộ, cho nhà máy tiến bộ. Làm khoán là lợi ích chung và lợi ích riêng…làm khoán tốt, thích hợp và công bằng dần chế độ ta hiện nay" [84, tr. 537-538]. Theo Người, giá trị của khoán sản phẩm không chỉ đem lại lợi ích về thu nhập, mà chủ yếu và sâu xa là sự tiến bộ của công nhân và phát triển của nhà máy, đặc biệt nó còn có ý nghĩa giáo dục tinh thần trách nhiệm và kỷ luật lao động.

3.3.2.2. Nội dung phát triển kinh tế

- Lựa chọn cơ cấu kinh tế hợp lý

Hồ Chí Minh đề cập *cơ cấu ngành và cơ cấu các thành phần kinh tế.* Căn cứ vào yêu cầu cải tạo và xây dựng nền kinh tế mới do thực tiễn đặt ra từ sau năm 1954, Hồ Chí Minh đã đưa ra quan điểm lựa chọn cơ cấu kinh tế, đó là cơ cấu kinh tế ngành, cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, coi đây là chiến lược, điều kiện để xây dựng và phát triển nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Người có quan niệm hết sức độc đáo về kinh tế nông - công nghiệp, lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu, củng cố hệ thống thương nghiệp làm cầu nối tốt nhất giữa các ngành sản xuất xã hội, thỏa mãn các nhu cầu sống còn của nhân dân.

Năm 1955, khi miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ xây dựng CNXH, Người xác định: "Công nghiệp và nông nghiệp là như hai chân của nền kinh tế nước nhà. Chân phải thật vững thật khỏe, thì kinh tế mới tiến bộ thuận lợi và nhanh chóng" [84, tr. 191]. Hồ Chí Minh đặt công nghiệp và nông nghiệp trong mối quan hệ mật thiết với nhau, có tác động tương tác nhau cùng phát triển. Nông nghiệp là nguồn cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp và lương thực thực phẩm cho toàn xã hội. Do vậy, nông nghiệp nước ta phải đi trước một bước, tạo điều kiện cho công nghiệp phát triển. Khi công nghiệp phát triển sẽ trang bị kỹ thuật và thiết bị lao động hiện đại cho nông nghiệp, nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, tiến tới hiện đại hóa nông nghiệp.

Về *cơ cấu thành phần của nền kinh tế*, Hồ Chí Minh là người chủ trương phát triển cơ cấu kinh tế nhiều thành phần trong suốt thời kỳ quá độ lên CNXH. Người xác định vị trí và xu hướng vận động của từng thành phần kinh tế.

Từ năm 1953, Hồ Chí Minh đã xác định: "Trong chế độ dân chủ mới, có năm loại kinh tế khác nhau:

A - Kinh tế quốc doanh (thuộc chủ nghĩa xã hội, vì nó là của chung của nhân dân).

B - Các hợp tác xã (nó là nửa chủ nghĩa xã hội, và sẽ tiến đến chủ nghĩa xã hội).

C - Kinh tế của cá nhân, nông dân và thủ công nghệ (có thể tiến dần vào hợp tác xã, tức là nửa chủ nghĩa xã hội).

D - Tư bản của tư nhân.

E - Tư bản của Nhà nước (như Nhà nước hùn vốn với tư bản tư nhân để kinh doanh)" [82, tr. 293].

Trong đó, nước ta cần ưu tiên phát triển kinh tế quốc doanh để tạo nền tảng vật chất cho chủ nghĩa xã hội. Kinh tế hợp tác xã là hình thức sở hữu tập thể của nhân dân lao động, nhà nước đặc biệt khuyến khích, hướng dẫn và giúp đỡ phát triển. Hồ Chí Minh nhận thấy rõ các thành phần kinh tế đang tồn tại khách quan và có tác dụng quan trọng đối với sản xuất. Người quan niệm, chính điểm xuất phát thấp là nguyên nhân quy định tính chất phức tạp của cơ cấu kinh tế trong thời kỳ quá độ. Đây là đặc trưng kinh tế của chủ nghĩa xã hội Việt Nam trong thời kỳ quá độ và cũng là con đường tất yếu để phát triển kinh tế, xây dựng thành công CNXH.

- Xây dựng quan hệ sản xuất, quan hệ phân phối và quản lý kinh tế

Trong thời kỳ quá độ lên CNXH, Hồ Chí Minh đã đề cập đến các hình thức sở hữu chính về tư liệu sản xuất như: Sở hữu của Nhà nước tức là của toàn dân; Sở hữu của hợp tác xã tức là sở hữu tập thể của nhân dân lao động; Sở hữu của người lao động riêng lẻ; Một ít tư liệu sản xuất thuộc sở hữu của nhà tư bản.., với mục đích là xóa bỏ các hình thức sở hữu không xã hội chủ nghĩa, làm cho nền kinh tế gồm nhiều thành phần phức tạp trở nên một nền kinh tế thuần nhất, dựa trên chế độ sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể.

Hồ Chí Minh sắp xếp các hình thức sở hữu trên cơ sở căn cứ vào vai trò thực tế của từng hình thức sở hữu trong chế độ xã hội mới. Xét về mặt này, sở hữu xã hội chủ nghĩa (dưới hai hình thức toàn dân và tập thể) đứng ở vị trí cao nhất, là nền tảng, chỗ dựa của chế độ mới. Đây là hình thức sở hữu chính tồn tại trong các lĩnh vực kinh tế then chốt, ảnh hưởng đến quốc kế dân sinh, có tác dụng hướng dẫn các loại hình

kinh tế khác và là mục đích hướng tới của tất cả các quan hệ và hoạt động kinh tế. Sở hữu xã hội chủ nghĩa cũng nằm trong quá trình vận động từ thấp đến cao, tương ứng với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, quy mô xã hội hóa của nền sản xuất. Ngoài sở hữu xã hội chủ nghĩa, Hồ Chí Minh còn thừa nhận sự tồn tại khách quan, tất yếu, lâu dài của các hình thức sở hữu không xã hội chủ nghĩa.

Bên cạnh quan hệ sở hữu, Hồ Chí Minh rất coi trọng *quan hệ phân phối và quản lý kinh tế.* Theo Người, quản lý kinh tế là quản lý sản xuất, quản lý vật chất, quản lý lao động, quản lý kỹ thuật và quản lý tiền bạc. Đó là cái chìa khóa phát triển nền kinh tế quốc dân. Người chỉ rõ: "Quản lý một nước cũng như quản lý một doanh nghiệp: phải có lãi. Cái gì ra, cái gì vào, việc gì phải làm ngay, việc gì chờ, hoãn, hay bỏ, món nào đáng tiêu, người nào đáng dùng. Tất cả mọi thứ đều phải tính toán cẩn thận" [91, tr. 82-83]. Quan niệm mà Hồ Chí Minh đề cập với thực chất và nội dung như vậy là một hình thức quản lý kiểu mới: quản lý dân chủ. Nó phản ánh bản chất của nguyên tắc, cơ chế quản lý kinh tế của chế độ xã hội chủ nghĩa.

Trong quan hệ phân phối, Hồ Chí Minh chủ trương và chỉ rõ các điều kiện thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động: làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm không hưởng. Đó chính là thể hiện sự công bằng xã hội. Tuy nhiên, hiểu "công bằng" theo quan niệm của Hồ Chí Minh rất nhân văn, đó là "những người già yếu hoặc tàn tật sẽ được nhà nước giúp đỡ chăm nom". Điều đó phản ánh tính chất ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa hướng tới giải phóng con người, đặc trưng kinh tế này là cơ sở thực hành chế độ dân chủ thực sự trong xã hội không có áp bức bất công.

- Xây dựng, phát triển kinh tế đối ngoại

Sớm nhận thức được bản chất của quá trình quốc tế hóa và xu thế thời đại, Hồ Chí Minh cho rằng, hợp tác quốc tế để xây dựng và phát triển kinh tế đất nước là nhu cầu khách quan, điều kiện quan trọng đảm bảo thực hiện thành công sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc. Vì vậy, ngay sau Cách mạng Tháng Tám thành công, Hồ Chí Minh đã xác định: Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa "sẽ đứng với tất cả các nước bầu bạn" và "sẽ giao dịch với tất cả các nước nào trên thế giới muốn giao dịch với Việt Nam một cách thực thà". Trong lời kêu gọi gửi tới Liên hợp quốc,

tháng 12-1946, Người tuyên bố chính sách mở cửa của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa trên tất cả các lĩnh vực nói chung và kinh tế nói riêng:

> Theo đó, nước Việt Nam dành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình. Nước Việt Nam sẵn sàng mở rộng các cảng, sân bay và đường xá giao thông cho việc buôn bán và quá cảnh quốc tế. Nước Việt Nam chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên hợp quốc [78, tr. 523].

Miền Bắc được giải phóng, bước vào thời kỳ quá độ đi lên CNXH, hợp tác kinh tế quốc tế càng cần thiết hơn. Hồ Chí Minh xác định: "Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa trong công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc cần mở rộng công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp để nâng cao sức sản xuất và cải thiện đời sống của nhân dân. Chúng tôi cần nhiều dụng cụ máy móc và hàng hóa của các nước, trong đó tất nhiên kể cả nước Nhật Bản. Và chúng tôi có thể cung cấp cho những nước ấy lương thực, cây công nghiệp và khoáng sản". Chính giai đoạn này, quan hệ trao đổi, viện trợ kinh tế, kỹ thuật giữa Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa với nhiều nước trên thế giới được mở rộng đáng kể.

Trong hợp tác kinh tế quốc tế, Hồ Chí Minh không chủ trương đối thoại, hợp tác với bên ngoài, với các nước bằng mọi giá, mà phải trên cơ sở giữ vững độc lập chủ quyền, bình đẳng, các bên cùng có lợi: "Trên nguyên tắc bình đẳng và hai bên cùng có lợi, chúng tôi sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao và thương mại với tất cả các nước" [84, tr. 317]. Với Người, hợp tác quốc tế để tranh thủ nguồn vốn, khoa học công nghệ, thị trường…để phát triển kinh tế, phát huy sức mạnh nội lực, tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, vì lợi ích chung mỗi nước, mỗi dân tộc.

3.3.2.3. Phương thức phát triển kinh tế

- *Sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên*

Việt Nam là một đất nước có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, như nguồn tài nguyên đất, tài nguyên rừng, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản.., rất thuận lợi cho việc phát triển nông, lâm, ngư và phát triển các ngành công nghiệp. Trước đây, dưới chế độ thực dân, tài nguyên thiên nhiên của đất nước ta bị khai thác

kiệt quệ, đời sống nhân dân điêu tàn: "Chúng bóc lột dân ta đến tận xương tuỷ, khiến cho dân nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều. Chúng cướp không ruộng đất, rừng mỏ, nguyên liệu" [78, tr. 2]. Sau khi đất nước giành được độc lập, trong sự nghiệp xây dựng và phát triển nước nhà, Hồ Chí Minh đánh giá rất cao lợi thế tài nguyên thiên nhiên. Người cho rằng: "Ta có điều kiện thuận lợi để xây dựng CNXH. Nước ta có "rừng vàng biển bạc", nhân dân ta cần cù. Ta được các nước anh em giúp đỡ" [86, tr. 333]. Nói chuyện tại Hội nghị lần thứ bảy, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, khóa III, Người chỉ rõ: "Nước ta ở về xứ nóng, khí hậu tốt. Rừng vàng biển bạc, đất phì nhiêu. Nhân dân dũng cảm và cần kiệm. Các nước anh em giúp đỡ nhiều. Thế là chúng ta có đủ cả ba điều kiện thuận lợi - thiên thời, địa lợi, và nhân hòa - để xây dựng chủ nghĩa xã hội, tức là xây dựng đời sống ấm no sung sướng cho nhân dân ta" [87, tr. 374]. Vì vậy, Hồ Chí Minh cho rằng, chúng ta phải biết tận dụng khai thác hợp lý những lợi thế mà thiên nhiên ưu đãi cho đất nước ta, phát huy cần cù, sáng tạo của nhân dân, sự giúp đỡ của các nước anh em để phát triển kinh tế, tạo nền tảng xây dựng CNXH.

- Đem tài dân, sức dân, của dân làm lợi cho dân

Hồ Chí Minh cho rằng, thi hành một hệ thống chính sách xã hội hướng tới con người là biện pháp hết sức quan trọng để phát huy các nguồn lực vốn có trong dân. Người chỉ rõ:

> Đạo nghĩa là chính sách của Chính phủ đối với dân chúng - chính sách này phải phù hợp với quyền lợi của dân chúng. Đối với dân, Chính phủ phải thi hành một nền chính trị liêm khiết như cải thiện đời sống của nhân dân, cứu tế thất nghiệp, sửa đổi chế độ xã hội, phát triển kinh tế, văn hóa…Có như thế, dân chúng mới đoàn kết chung quanh Chính phủ, mới vì quyền lợi thiết thân của mình mà hy sinh sống chết với giặc [78, tr. 259].

Hồ Chí Minh luôn chú ý đến việc giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể, giữa lợi ích riêng và lợi ích chung. Người thấy được vai trò cực kỳ quan trọng của lợi ích cá nhân. "Quần chúng rất nhiều sáng kiến, họ hiểu biết rất mau, nhất là những cái thuộc về quyền lợi của họ" [82, tr. 48]; "kinh nghiệm của Đảng ta trong quá trình cách mạng đã chỉ rõ là nơi nào, lúc nào cán bộ ta giải

quyết tốt lợi ích thiết thực của nông dân…thì nơi đó, lúc đó cách mạng đều tiến mạnh" [86, tr. 416]. Vì vậy, điểm mấu chốt để có thể giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa cái riêng và cái chung đó là phải tìm ra điểm tương đồng, lợi ích chung giữa những cá nhân, giai cấp, tầng lớp trong xã hội. Thiên tài của Hồ Chí Minh chính là phát huy sức mạnh toàn dân tộc trên cơ sở tìm ra mẫu số chung: Lợi ích dân tộc, lợi ích của đa số.

Để đem tài dân, sức dân, của dân làm lợi cho dân còn thì phải nhất thiết quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Phát biểu trong buổi họp đầu tiên của Ủy ban nghiên cứu kế hoạch kiến quốc, Hồ Chí Minh khẳng định: "Chúng ta đã hi sinh phấn đấu để giành độc lập…Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ" [74, tr. 175]. Vì vậy, "chính sách của Đảng và Chính phủ phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân". Trong thực tiễn cách mạng, Hồ Chí Minh đã đề ra những chính sách, xác định những mục tiêu kinh tế gắn bó đồng thời với việc hiện thực hóa những chính sách ấy qua những cuộc vận động, các phong trào cách mạng. Người biết khai thác tiềm năng vô tận của nhân dân thông qua việc hướng dẫn, tổ chức, lãnh đạo các hoạt động tích cực, sáng tạo của nhân dân trong cách mạng. Những phong trào diệt giặc đói, tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, tuần lễ vàng…đã góp phần to lớn vào thắng lợi của hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

- Phát huy nhân tố con người trong phát triển kinh tế

Hồ Chí Minh cho rằng, để phát triển kinh tế phải cải tiến kỹ thuật, phải có tri thức, hiểu biết khoa học. Muốn khoa học - kỹ thuật phát triển đòi hỏi con người phải có trí tuệ, có trình độ văn hóa, tri thức nhất định, đủ khả năng làm chủ được các phương tiện và quy trình kỹ thuật cũng như có khả năng sáng tạo, có những phát minh mới. Hồ Chí Minh nhấn mạnh, phải biết khai thác một cách toàn diện, triệt để và tập trung nhất nhân tố con người. Người đặt câu hỏi và trả lời: "Ai xây dựng CNXH? Nói chung là những người lao động trong xã hội gồm công nhân, nông dân, trí thức cách mạng…" [89, tr. 679]. Người chỉ rõ: "Vấn đề con người hết sức quan trọng. Nhà máy cũng rất cần có thêm, có sớm, nhưng cần hơn là con người, là sự phấn khởi

của quần chúng. Làm tất cả là do con người" [82, tr. 272]. Mọi công việc hàng ngày như sản xuất, đấu tranh chống thiên tai, nâng cao dân trí, phát triển khoa học, công nghệ, mỗi con người cũng phải chung vai gánh vác với tập thể và dựa vào sức mạnh của tập thể để giành thắng lợi.

3.3.3. Lãnh đạo phát triển văn hóa

3.3.3.1. Đường lối phát triển văn hóa

Xây dựng nền văn hóa dân tộc, khoa học, đại chúng

Ngay sau khi giành được độc lập dân tộc, giữa những bộn bề khó khăn, thách thức đối với Chính quyền non trẻ, Hồ Chí Minh đã chú ý tới xây dựng nền văn hóa mới của một dân tộc độc lập. Trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ, ngày 3-9-1945, Hồ Chí Minh đã đặt ra một loạt vấn đề về văn hóa, vừa có tính cấp bách, vừa có tính lâu dài. Đó là, mở ngay hai chiến dịch rộng lớn trong nhân dân: Chiến dịch chống nạn mù chữ và Chiến dịch giáo dục lại tinh thần nhân dân bằng cách thực hiện cần, kiệm, liêm, chính. Cũng trong những ngày đầu tháng 9-1945, Hồ Chí Minh đã cho thành lập Ủy ban văn hóa lâm thời Bắc Bộ. Trong buổi tiếp đại biểu của Ủy ban này, ngày 7-9-1945, Người đã nói rõ: "Tôi mong các ngài trong giới văn hóa nhận thấy rõ nhiệm vụ của các ngài trong lúc này là: củng cố nền độc lập của Việt Nam, sửa soạn gây dựng cho đất nước một nền văn hóa mới…Bổn phận của các ngài là lãnh đạo tư tưởng của quốc dân, đấu tranh cho nền độc lập và kiến thiết một nền văn hóa mới". Nền văn hóa mới này "cần phải có tính cách khoa học, tính cách đại chúng, thì mới thuận với trào lưu tiến hóa của tư tưởng hiện đại" [13, tr. 303-304]. Năm 1951, trong Báo cáo chính trị trình bày tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, Hồ Chí Minh đã khẳng định: "…phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc và hấp thụ những cái mới của văn hóa tiến bộ thế giới để xây dựng một nền văn hóa Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng" [81, tr. 40].

Theo Hồ Chí Minh, nền văn hóa Việt Nam, trước hết phải có gốc rễ từ dân tộc, gắn với dân tộc, thể hiện được "cốt cách" dân tộc. Đó là những giá trị, tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được xây đắp qua hàng ngàn năm lịch sử. Người đặc biệt đề cao lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, nhân ái, dũng cảm, bất khuất, ý chí độc lập, tự cường,... Hồ Chí Minh dạy chúng ta luôn phải biết trân

trọng, giữ gìn và phát huy những giá trị tốt đẹp đó của dân tộc. Những giá trị tinh túy, nét đặc sắc của dân tộc không chỉ được thể hiện ở nội dung, cốt cách mà còn biểu hiện qua hình thức cũng phải thật độc đáo, mang tính dân tộc sâu sắc.

Hồ Chí Minh nhấn mạnh "cần chăm lo đến đặc tính dân tộc mình trong nghệ thuật" [94, tr. 480], "chú ý phát huy cốt cách dân tộc" [92, tr. 77], "lột cho hết tinh thần dân tộc" [92, tr. 72]. Ở Người, chủ nghĩa yêu nước đã thống nhất với chủ nghĩa quốc tế vô sản, nên trong nền văn hóa mới, văn hóa dân tộc hiện đại, nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc hòa quyện vào nhau, tính chất dân tộc và tính chất quốc tế cũng thống nhất với nhau, "phát triển hết cái hay cái đẹp của dân tộc, tức là ta cùng đi tới chỗ nhân loại".

Theo Hồ Chí Minh, tính khoa học của nền văn hóa bao gồm cả ý nghĩa tiên tiến của chủ nghĩa xã hội, lẫn ý nghĩa hiện đại, từ tư duy, lý luận khoa học, đội ngũ trí thức tiêu biểu cho một nền công nghiệp, khoa học, nghệ thuật hiện đại, đội ngũ công nhân… đến văn hóa đỉnh cao. Khoa học là sự tiếp thu tinh hoa, trí tuệ của thời đại và đỉnh cao văn hóa nhân loại. Với Người, một trong những nội dung của tính khoa học là phải biết "gạn đục khơi trong", biết chắt lọc, lấy ra những cái gì cần thiết và có ích. Không phải cái gì cũ cũng bỏ hết, không phải cái gì cũng làm mới. Cái gì cũ mà xấu thì bỏ, cái gì cũ mà dùng được nhưng phiền phức thì phải sửa cho phù hợp, cái gì cũ mà tốt thì phải biết nhân lên.

Tính khoa học của nền văn hóa còn thể hiện ở sự phù hợp của nền văn hóa dân tộc với sự tiến hóa chung của nền văn hóa nhân loại, ở khả năng đóng góp của văn hóa cho sự phát triển xã hội. Hơn nữa, Người thường đề cập đến việc tìm hiểu các nền văn hóa trên thế giới, phải biết học tập, sử dụng những tri thức tiến bộ của thế giới để phát triển đất nước. Người yêu cầu tất cả cán bộ, đảng viên và nhân dân phải không ngừng học tập, nâng cao sự hiểu biết cho mình và cho những người khác. Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh sự cần thiết và tầm quan trọng của việc học tập lý luận để mỗi người có phương pháp tư duy khoa học, làm việc hiệu quả.

Theo Hồ Chí Minh, tính đại chúng của nền văn hóa mới trước hết phải là nền văn hóa vì nhân dân lao động. Nhân dân chính là sức sống của nền văn hóa mới. Bởi, nhân dân không chỉ là người sáng tạo ra của cải vật chất mà còn sáng tạo ra giá trị tinh

thần. Sáng tác của nhân dân được Hồ Chí Minh đánh giá là "những hòn ngọc quý". Nhân dân cung cấp và là tư liệu quý cho văn nghệ sĩ sáng tạo, đồng thời họ cũng chính là những người thẩm định, đánh giá khách quan, chính xác các sản phẩm văn hóa, văn nghệ. Với Người, điều quan trọng nhất, nhân dân phải là những người được hưởng thụ các giá trị văn hóa. Người chủ trương xây dựng nhà nước dân chủ "của dân, do dân, vì dân" để khẳng định vai trò, vị trí, quyền lợi và nghĩa vụ của người dân trong xây dựng nền văn hóa mới. Văn hóa nói chung và những người hoạt động văn hóa nói riêng phải có ý thức phục vụ nhân dân, hướng về cuộc sống thực tại của nhân dân, lấy hạnh phúc của nhân dân làm cốt yếu. Tóm lại, "từ trong quần chúng ra. Về sâu trong quần chúng", trên cơ sở đó để định hướng giá trị cho quần chúng.

3.3.3.2. Nội dung phát triển văn hóa

- Văn hóa giáo dục

Sau khi chính quyền về tay nhân dân, việc xây dựng một nền văn hóa giáo dục mới đặt ra như một trong những nhiệm vụ chiến lược cơ bản lâu dài, đồng thời cũng là một nhiệm vụ cấp bách phải tiến hành ngay. Trên cương vị Chủ tịch Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Hồ Chí Minh tuyên bố: "Chúng ta có nhiệm vụ cấp bách là phải giáo dục lại nhân dân ta. Chúng ta phải làm cho dân tộc chúng ta trở nên một dân tộc dũng cảm, yêu nước, yêu lao động, một dân tộc xứng đáng với nước Việt Nam độc lập"[78, tr. 7]. Người cũng xác định rõ, mục tiêu của văn hóa giáo dục là thực hiện cả ba chức năng của văn hóa bằng giáo dục, có nghĩa là bằng dạy và học; Phải bắt đầu từ chỗ mọi người biết chữ đến không ngừng nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân; Phải tiến hành cải cách giáo dục để xây dựng một hệ thống trường lớp với chương trình, nội dung dạy và học thật khoa học, hợp lý, phù hợp với những bước phát triển của ta; Phải luôn luôn gắn nội dung của giáo dục với thực tiễn Việt Nam, học đi đôi với hành, học tập kết hợp với lao động.

- Văn hóa, văn nghệ

Văn hóa, văn nghệ là mặt trận, nghệ sĩ là chiến sĩ, tác phẩm văn nghệ là vũ khí sắc bén trong cuộc đấu tranh phò chính, trừ tà, xây dựng xã hội mới, con người mới. Trong *Đề cương văn hóa Việt Nam* năm 1943 của Đảng ghi rõ: "Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người cộng sản phải

hoạt động", cùng nhau "xây đắp nền văn hóa kháng chiến kiến quốc thiết thực và rộng rãi". Trong lãnh đạo xây dựng nền văn hóa mới sau cách mạng thành công, gắn liền với chiến lược chống giặc dốt, chống giặc đói, chống giặc ngoại xâm, chống thói quen và truyền thống lạc hậu, Hồ Chí Minh đích thân phát động toàn dân tiến hành cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, nhằm bảo vệ thành quả Cách mạng Tháng Tám, giữ vững độc lập dân tộc, xây dựng chế độ mới. Đây là quá trình "kháng chiến hóa văn hóa, văn hóa hóa kháng chiến"; thực hiện và duy trì "mặt trận văn hóa" và "chiến sĩ văn hóa".

Trong thư gửi các họa sĩ nhân dịp triển lãm hội họa (năm 1951), Hồ Chí Minh đã nêu rõ: "Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy" [81, tr. 246]. Theo Người, không chỉ văn hóa giáo dục, văn hóa đạo đức,…mà cả văn hóa nghệ thuật là lĩnh vực cần được bảo đảm một phạm vi rộng rãi hơn cho sáng tạo cá nhân, cho tư duy và cho trí tưởng tượng, cho hình thức và cho nội dung cũng phải là một mặt trận và trên mặt trận ấy cũng phải có những chiến sĩ cách mạng của Đảng. "Văn hóa nghệ thuật cũng như mọi hoạt động khác không thể đứng ngoài mà phải ở trong kinh tế và chính trị"; song, cũng theo chỉ dẫn của Người, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa đều "phải coi là quan trọng ngang nhau" [92, tr. 70].

- Văn hóa đời sống

Việc xây dựng đời sống mới đã được Hồ Chí Minh nêu ra từ rất sớm và là quan điểm độc đáo của Hồ Chí Minh về văn hóa. Khái niệm đời sống mới được Hồ Chí Minh nêu ra bao gồm cả đạo đức mới, lối sống mới. Hai nội dung ấy có quan hệ mật thiết với nhau, trong đó đạo đức đóng vai trò chủ yếu. Đạo đức gắn liền với lối sống và nếp sống, và nói chung lại được thể hiện trong lối sống và nếp sống. Chính vì vậy, việc xây dựng đạo đức mới phải được tiến hành đồng thời với việc xây dựng lối sống mới và nếp sống mới. Có dựa trên cái nền đạo đức mới thì mới xây dựng được lối sống, nếp sống mới lành mạnh, vui tươi, hướng con người tới tầm cao của văn hóa, của một đất nước độc lập và xã hội chủ nghĩa.

- Xây dựng con người mới

Con người là chủ thể làm ra lịch sử, xây dựng nên xã hội. Vì thế, muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội rất cần những con người có đức tính và phẩm chất tốt, có trình

độ văn hoá, tinh thông nghiệp vụ...Vấn đề xây dựng con người mới đã được Hồ Chí Minh chính thức nêu ra trong Báo cáo chính trị do Người trình bày tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (2- 1951): "Xúc tiến công tác văn hoá để đào tạo con người mới và cán bộ mới cho công cuộc kháng chiến và kiến quốc" [81, tr. 40]. Sau khi miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, nói chuyện tại Lớp đào tạo hướng dẫn viên các trại hè cấp I (12-6-1956), Người chỉ rõ: "Mục đích giáo dục bây giờ là phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, đào tạo lớp người, lớp cán bộ mới" [84, tr. 344].

Nói chuyện với thầy và trò trường Chu Văn An ngày 31-12-1958, Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Muốn xã hội chủ nghĩa, phải có: người xã hội chủ nghĩa" [85, tr. 595]. Đến tháng 3- 1961, nói chuyện với Hội nghị bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo các cấp toàn miền Bắc nhằm quán triệt Nghị quyết Đại hội III của Đảng, Người đã đi đến một luận điểm quan trọng: "Muốn xây dựng CNXH, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa" [87, tr. 66]. Hồ Chí Minh đã nhiều lần nêu lên những chuẩn mực của con người mới xã hội chủ nghĩa: Có tư tưởng xã hội chủ nghĩa, đạo đức xã hội chủ nghĩa, tác phong xã hội chủ nghĩa, có năng lực để làm chủ bản thân, gia đình và công việc của mình, có thể tham gia làm chủ nhà nước và xã hội; không ngừng nâng cao trình độ chính trị, văn hoá, khoa học - kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ. Chính vì thế, nội dung xây dựng con người mới trong phong trào thi đua yêu nước của Hồ Chí Minh vô cùng phong phú, sinh động, xuyên suốt, nhất quán, sâu sắc, cụ thể và thiết thực. Nó sát hợp với mọi người dân thuộc mọi tầng lớp, mọi dân tộc, già, trẻ, trai, gái, lương, giáo, mọi miền trong nước và cả kiều bào ở nước ngoài. Nó gắn liền với nhiệm vụ cách mạng, nhiệm vụ đấu tranh GPDT, xây dựng đất nước, xây dựng con người mới qua các thời kỳ.

Hồ Chí Minh cũng chỉ ra những biện pháp xây dựng con người mới. Trước hết, phê phán, đấu tranh, chống lại những tư tưởng, tác phong xấu, những biểu hiện phi đạo đức, phản văn hóa, những tàn dư của đạo đức và lối sống cũ. Thứ hai, giáo dục, rèn luyện, xây đi đôi với chống, lấy xây làm chính. Hồ Chí Minh coi trọng việc giáo dục, rèn luyện theo gương "người tốt việc tốt". Kết hợp nhà trường, gia đình, xã hội với các tổ chức chính trị - xã hội để giáo dục tư tưởng, thái độ, hoạt động và sinh hoạt hàng ngày của mỗi người.

Nhờ xây dựng con người mới, nhân dân ta đã gạt bỏ dần những thói xấu của chế độ cũ, phát huy đạo lý truyền thống của dân tộc. Văn hóa mới được xây dựng và phát triển, thuần phong mĩ tục được giữ gìn. Cán bộ gương mẫu, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng. Nhân dân đoàn kết một lòng, sẵn sàng chiến đấu hi sinh vì độc lập tự do, vì tương lai tươi sáng của đất nước.

3.3.3.3. Phương thức phát triển văn hóa

- Văn hóa soi đường cho quốc dân đi

Văn hóa nhất thiết phải tham gia cách mạng, đi theo con đường cách mạng của giai cấp công nhân, phục vụ nhân dân lao động. Từ thực tế đau xót của đất nước thời nô lệ, Người chỉ rõ: "Dân tộc bị áp bức, thì văn nghệ cũng mất tự do. Văn nghệ muốn tự do thì phải tham gia cách mạng" [92, tr. 63]. Theo đó, trong thực tiễn đấu tranh cách mạng và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh đều chỉ rõ nhiệm vụ của văn hóa qua từng bài viết, bài nói của Người với giới văn hóa, văn nghệ. Người quan tâm đến mọi hoạt động văn hóa, từ xóa nạn mù chữ đến thực hành đời sống mới, từ cách tuyên truyền, giáo dục đến cách nói, cách viết, sửa đổi lối làm việc, từ công tác văn hóa quần chúng ở cơ sở đến lĩnh vực sáng tác văn học nghệ thuật đều phục vụ đắc lực nhiệm vụ chính trị. Văn hóa, theo Người "phải soi đường cho quốc dân đi" [92, tr. 72]. Muốn vậy, văn hóa phải gắn liền với đời sống, với lao động sản xuất, có "nội dung thiết thực, có ý nghĩa giáo dục", hợp với trình độ của quần chúng, rõ ràng, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm theo. Văn hóa phục vụ nhân dân lao động không có nghĩa chỉ là đưa văn hóa đến cho nhân dân lao động mà còn là đưa nhân dân lao động đến với văn hóa, tạo điều kiện cho nhân dân lao động nắm lấy văn hóa, làm chủ văn hóa.

- Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại

Theo Hồ Chí Minh, dân tộc nào cũng có một chiều sâu, cội rễ lịch sử -văn hóa. Cái đó làm thành cốt cách, bản sắc, nét độc đáo trong văn hóa của mỗi dân tộc. Bản sắc văn hóa dân tộc là những giá trị văn hóa bền vững của cộng đồng các dân tộc Việt Nam; là thành quả của quá trình lao động, sản xuất, chiến đấu và giao lưu của con người Việt Nam. Về nội dung, đó là lòng yêu nước, thương nòi, tinh thần độc lập, tự cường, tự tôn dân tộc...Về hình thức, đó là biểu hiện ở ngôn ngữ, phong

tục, tập quán, truyền thống...Bản sắc văn hóa dân tộc chứa đựng giá trị lớn và có ý nghĩa quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phản ánh những nét độc đáo, đặc tính dân tộc, là ngọn nguồn đi tới chủ nghĩa Mác-Lênin. Vì vậy, trách nhiệm của con người Việt Nam là phải trân trọng, khai thác, giữ gìn, phát huy những giá trị của văn hóa dân tộc, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng của từng giai đoạn lịch sử. Theo Người, "dân ta phải biết sử ta, cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam"; "càng thấm nhuần chủ nghĩa Mác-Lênin càng phải coi trọng những truyền thống tốt đẹp của cha ông".

Khai thác hạt nhân của nền văn hóa Việt Nam, đồng thời Hồ Chí Minh chịu sự ảnh hưởng, tác động của nền văn hóa nhân loại. Đó là những yếu tố của văn hóa phương Đông, tinh hoa tư tưởng, văn hóa phương Tây. Theo Người:

> Văn hóa Việt Nam ảnh hưởng lẫn nhau của văn hóa Đông phương và Tây phương chung đúc lại... Tây phương hay Đông phương có cái gì tốt ta học lấy để tạo ra một nền văn hóa Việt Nam. Nghĩa là lấy kinh nghiệm tốt của văn hóa xưa và văn hóa nay, trau dồi cho văn hóa Việt Nam thật có tinh thần thuần túy Việt Nam để hợp với tinh thần dân chủ [93, tr. 350].

Hồ Chí Minh dạy, phải "phát huy vốn cũ quý báu của dân tộc và học tập văn hóa tiên tiến của các nước, nhưng nên nhớ rằng, chỉ có những người cách mạng chân chính mới thâu thái được những hiểu biết quý báu của các đời trước để lại", và "mình hưởng cái hay của người thì mình cũng phải có cái hay cho người ta hưởng - mình đừng chịu vay mà không trả". Tiêu chí tiếp thu là, có cái gì hay, cái gì tốt là ta học lấy, phải lấy văn hóa dân tộc làm gốc, đó là điều kiện, cơ sở để tiếp thu văn hóa nhân loại.

3.3.4. Lãnh đạo phát triển lĩnh vực xã hội

3.3.4.1. Đường lối, chủ trương phát triển lĩnh vực xã hội

- Hoạch định chính sách đoàn kết dân tộc, tôn giáo

Với nhận thức cùng một tổ tiên, một nòi giống, cùng dòng máu Lạc Hồng, con Rồng cháu Tiên, quan điểm xuyên suốt của Hồ Chí Minh là thực hiện bình đẳng, đoàn kết, giúp đỡ nhau giữa các dân tộc trong cộng đồng 54 dân tộc anh em, cùng xây dựng cuộc sống ấm no hạnh phúc, đồng thời giữ gìn và phát huy bản sắc

tốt đẹp của mỗi dân tộc. Hồ Chí Minh luôn chú trọng tính độc đáo trong bản sắc của mỗi dân tộc (đặc biệt là tình cảm dân tộc, tâm lý dân tộc) với sự củng cố, phát triển, tăng cường tính cộng đồng, tính thống nhất trong đa dạng.

Phương pháp của Hồ Chí Minh về đoàn kết dân tộc là tìm kiếm, tôn trọng và phát huy những yếu tố tương đồng, thống nhất để hạn chế, giải quyết dần những yếu tố khác biệt. Hồ Chí Minh đã chỉ ra cơ sở vững chắc của khối đại đoàn kết dân tộc là lợi ích chung của người Việt Nam: độc lập, tự do, hạnh phúc, với phương châm: "Dân tộc trên hết - Tổ quốc trên hết" và "tất cả do con người, tất cả vì con người". Người mong muốn: "nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành" [88, tr. 187]. Đây là mẫu số chung để đoàn kết mọi người dân Việt Nam. Bởi theo Người, không chỉ ra lợi ích chung, không quan tâm tới lợi ích chung một cách thiết thực thì không thể xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Hồ Chí Minh luôn tin rằng, đã là người Việt Nam thì ai cũng có ít nhiều lòng yêu nước, do vậy "đối với những đồng bào lạc lối lầm đường, ta phải lấy tình thân ái mà cảm hóa họ. Có như thế mới thành đại đoàn kết, có đại đoàn kết thì tương lai chắc sẽ vẻ vang" [78, tr. 281]. Là một người cộng sản nhưng Hồ Chí Minh rất chú trọng đời sống tâm linh và tín ngưỡng của mỗi cá nhân, cộng đồng. Vì vậy, ngay sau khi nước Việt Nam mới ra đời, trong sáu nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Hồ Chí Minh đã đề nghị Chính phủ ta tuyên bố: "Tín ngưỡng tự do và lương giáo đoàn kết" [78, tr. 8]. Theo Người, thế giới quan của những người theo tôn giáo và không theo tôn giáo là khác nhau nhưng tất cả đều phải yêu nước, có trách nhiệm với đất nước. Do vậy, "phải đoàn kết chặt chẽ giữa đồng bào lương và đồng bào các tôn giáo, cùng nhau xây dựng đời sống hòa thuận ấm no, xây dựng Tổ quốc" [87, tr. 454]. Hồ Chí Minh còn chú trọng đoàn kết giữa các tôn giáo khác nhau hướng đến mục đích cao cả là nhằm tạo thành khối đại đoàn kết dân tộc đánh đuổi thực dân, giành độc lập cho dân tộc. Người đã kêu gọi: "Chúng ta, bên lương cũng như bên giáo, Phật cũng như Cao Đài, đoàn kết chặt chẽ, kiên quyết kháng chiến để giải phóng giống nòi, giữ gìn Tổ quốc" [79, tr. 248-249].

- Chăm lo nhu cầu giáo dục, văn hoá, bảo vệ và tăng cường sức khoẻ của nhân dân

Trong quan điểm Hồ Chí Minh về sự nghiệp giáo dục, mục tiêu là hình thành và phát triển toàn diện nhân cách xã hội chủ nghĩa của thế hệ trẻ, đào tạo đội ngũ lao động có kỹ thuật; Bố trí hợp lý cơ cấu hệ thống giáo dục với nhiều hình thức đào tạo; Chú ý trường lớp dạy nghề, đào tạo công nhân lành nghề. Trường nửa ngày học tập, nửa ngày lao động; Giáo dục chuyên môn, chính trị, tư tưởng, đạo đức.

Hồ Chí Minh hết sức quan tâm đến hoạt động văn hoá văn nghệ, coi văn hoá, văn học, nghệ thuật có tác động tích cực tới tư tưởng, tình cảm, tâm lý, nâng cao trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa, trình độ thẩm mỹ, thị hiếu lành mạnh của nhân dân. Người *c*hú trọng hoạt động văn hoá quần chúng: thư viện, câu lạc bộ, nhà văn hoá, viện bảo tàng, nhà truyền thống, phim, ảnh, sách, báo...Kiên quyết bài trừ hủ tục, văn hoá thực dân, phong kiến.

Trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ của nhân dân, Hồ Chí Minh xác định rõ: "Một người dân yếu ớt, tức là cả nước yếu ớt. Mỗi người dân mạnh khoẻ là cả nước mạnh khoẻ... Dân cường thì quốc thịnh" [78, tr. 241]. Quan niệm về sức khoẻ của Người bao gồm sự lành mạnh cả về thể xác lẫn tinh thần. Người có quan điểm rất rõ về xây dựng một nền y tế nhân dân, xuất phát từ nhân dân, của dân, vì dân. Đó là nền y học dân tộc, đại chúng, khoa học (khoa học về con người). Chủ trương xây dựng một nền y học trên cơ sở kết hợp Đông y và Tây y. Quan điểm về phòng bệnh cũng cần thiết như chữa bệnh. Phòng bệnh hơn trị bệnh. Khái niệm "vệ sinh" có nội dung rộng. Và vệ sinh là yêu nước. Trong y học dự phòng, chú trọng tự nâng cao thể lực của mỗi người. Người còn đặc biệt quan tâm đến y đức của người thầy thuốc: Lương y phải như từ mẫu.

3.3.4.2. Nội dung phát triển lĩnh vực xã hội

- Thực hiện công bằng, bình đẳng xã hội

Suốt cuộc đời, Hồ Chí Minh luôn phấn đấu, trăn trở để xây dựng một xã hội công bằng, văn minh, "ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành". Người quan niệm CNXH là mọi người được ăn no, mặc ấm, vui khỏe, tự do. Với Người, “CNXH là công bằng, hợp lý: "Làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm

thì không được hưởng. Những người già yếu hoặc tàn tật sẽ được Nhà nước giúp đỡ chăm nom" [85, tr. 404]. Nói cách khác, chỉ có CNXH mới đem lại công bằng và bình đẳng xã hội cho tất cả mọi người theo tinh thần nhân văn; nhân dân lao động mới thực sự được hưởng quyền "quyền bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ", những người già yếu, tàn tật hoặc không may mắn sẽ được Nhà nước giúp đỡ. Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Ai làm nhiều thì ăn nhiều, ai làm ít thì ăn ít, ai không làm thì không ăn, tất nhiên trừ những người già cả, đau yếu và trẻ con…" [84, tr. 390].

Ngoài việc hưởng theo lao động, Hồ Chí Minh quan tâm tới công bằng trong khâu lưu thông, phân phối. Người chỉ rõ: "Có khi vật tư hàng hóa không thiếu, mà phân phối không đúng, thì gây ra căng thẳng không cần thiết. Trong công tác lưu thông phân phối, có hai điều quan trọng phải luôn luôn nhớ: - "Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng; - Không sợ nghèo, chỉ sợ lòng dân không yên" [89, tr. 224]. Với Người, tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển. Đảng và Chính phủ phải luôn tạo điều kiện thuận lợi cho mọi thành viên trong xã hội đều được hưởng thụ giáo dục, văn hoá, bảo vệ sức khoẻ: có ăn, có mặc, có chỗ ở, có học hành, được chữa bệnh; Ưu tiên giải quyết chính sách đối với những đối tượng chính sách; Có chính sách tạo điều kiện giảm dần sự mất cân đối giữa các vùng núi và miền xuôi; nông thôn và thành thị (cả cơ sở hạ tầng, kinh tế, văn hoá, sức khoẻ....)

"Làm cho người nghèo thì đủ ăn,
Người đủ ăn thì khá giàu,
Người khá giàu thì giàu thêm.
Người nào cũng biết chữ.
Người nào cũng biết đoàn kết, yêu nước" [79, tr. 81].

Cùng với việc thực hiện công bằng, bình đẳng xã hội, Hồ Chí Minh rất quan tâm tới chống tham ô, tham nhũng - một nguyên nhân dẫn tới thiếu công bằng trong thu nhập: "... Chính phủ đã hết sức làm gương. Và nếu làm gương không xong, thì sẽ dùng pháp luật mà trị những kẻ ăn hối lộ. Đã trị, đương trị và sẽ trị cho bằng hết". Với Người, chống tham ô, lãng phí là một cách để góp phần giải quyết công bằng xã hội.

- Thực hiện các chính sách an sinh xã hội

Tư tưởng và sự quan tâm tới các đối tượng chính sách xã hội của Hồ Chí Minh thể hiện một cách nhất quán, xuyên suốt đến tận cuối đời. Đánh giá cao sự hi sinh xương máu của các chiến sĩ trong lực lượng vũ trang; sự cống hiến không tính toán của các bà mẹ, người vợ có con, có chồng là liệt sĩ, thương binh; những chiến sĩ trẻ trong lực lượng vũ trang và thanh niên xung phong…Hồ Chí Minh yêu cầu Đảng và Chính phủ phải có những chính sách và việc làm thích đáng để bù đắp một phần những mất mát, tổn thất to lớn của họ. Trong *Di chúc*, Người căn dặn: Đối với những người đã dũng cảm hy sinh một phần xương máu của mình, Đảng, Chính phủ, đồng bào phải tìm cách cho họ có nơi ăn, chốn ở yên ổn, đồng thời phải mở những lớp dạy nghề thích hợp với mỗi người để họ có thể dần dần "tự lực cánh sinh". Đối với các liệt sĩ mỗi địa phương cần xây dựng vườn hoa và bia kỷ niệm ghi sự hi sinh anh dũng của các liệt sĩ, để đời đời giáo dục tinh thần yêu nước cho nhân dân ta. Đối với cha mẹ, vợ con (của thương binh liệt sĩ) mà thiếu sức lao động mà túng thiếu, thì chính quyền địa phương phải giúp đỡ họ có công ăn việc làm thích hợp, quyết không để họ bị đói rét. Những chiến sĩ trẻ tuổi trong các lực lượng vũ trang nhân dân và thanh niên xung phong: Đảng và Chính phủ cần chọn một số ưu tú nhất cho đi học thêm các ngành, các nghề để đào tạo thành những cán bộ và công nhân có kỹ thuật giỏi, tư tưởng tốt, lập trường cách mạng vững chắc. Cần có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ phụ nữ để ngày thêm nhiều phụ nữ tránh mọi công việc kể cả công việc lãnh đạo. Đối với nạn nhân của chế độ cũ, Nhà nước phải dùng vừa giáo dục, vừa phải dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp họ trở nên những người lao động lương thiện. Miễn thuế nông nghiệp một năm cho đồng bào nông dân…

3.3.4.3. Phương thức phát triển lĩnh vực xã hội

- Kết hợp chính sách xã hội với quản lý xã hội

Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, quản lý xã hội là sự tác động có ý thức của con người đối với cả hệ thống xã hội, nhằm bảo đảm cho xã hội hoạt động và phát triển tối ưu, đạt tới mục đích đề ra. Đó là sự kết hợp giữa việc đề ra đường lối đến việc đưa đường lối vào cuộc sống bằng các biện pháp tổ chức và các chính sách

xã hội. Chính sách xã hội là một "phương tiện" của quản lý xã hội, một bộ phận của quản lý xã hội.

Trong quản lý xã hội cần chú trọng: Vai trò, trách nhiệm của Đảng cầm quyền; Đảng, Nhà nước phải "lấy dân làm gốc"; Vai trò của pháp luật trong quản lý xã hội; chú trọng giá trị xã hội, dư luận xã hội, chuẩn mực xã hội.

Với Hồ Chí Minh, không có chính sách xã hội một cách chung chung, mà phải gắn liền với những đối tượng cụ thể trong cơ cấu xã hội, từng địa phương, từng hoàn cảnh, vì lợi ích của nhân dân.

- Chính sách xã hội phải gắn liền với chính sách kinh tế, văn hoá

Hồ Chí Minh rất coi trọng các chính sách kinh tế nhưng không phải vì kinh tế, mà vì sự ổn định và phát triển xã hội, đem lại hạnh phúc cho con người. Từ những nhiệm vụ cấp bách đề ra ngày 3-9-1945 đến *Di chúc* đều phản ánh điều đó. Theo Người, trình độ phát triển kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện chính sách xã hội, nhưng những mục tiêu xã hội lại là mục đích của các hoạt động kinh tế. Trong khuôn khổ của hoạt động kinh tế, chính sách xã hội có ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, là một nhân tố quan trọng để phát triển sản xuất. Chính sách xã hội bao trùm mọi mặt của cuộc sống con người: điều kiện lao động và sinh hoạt, giáo dục và văn hoá, quan hệ gia đình, quan hệ giai cấp, dân tộc...hướng vào phát triển và lành mạnh hoá xã hội, nhằm phát triển xã hội một cách bền vững, đem lại cuộc sống tốt đẹp cho con người, tạo động lực mạnh mẽ phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động.

Việc tiếp cận các vấn đề kinh tế hay các vấn đề xã hội chỉ là những cách đề cập khác nhau đối với việc nghiên cứu một quá trình duy nhất, có quan hệ hữu cơ, phụ thuộc và thâm nhập vào nhau, gắn bó với nhau, tác động qua lại lẫn nhau, đến mức tách ra từng cái một thì không đủ sức giải quyết.

3.4. QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ PHƯƠNG PHÁP LÃNH ĐẠO XÃ HỘI

Khi nói về sự lãnh đạo của Đảng, Hồ Chí Minh thường dùng thuật ngữ "cách lãnh đạo", "phương pháp lãnh đạo"; trong nhiều trường hợp Người dùng thuật ngữ chung là "lãnh đạo". Khảo cứu các tác phẩm của Hồ Chí Minh cho thấy, quan điểm của Người về phương pháp lãnh đạo có những nội dung nổi bật sau:

3.4.1. Quyết định vấn đề cho đúng

3.4.1.1. Quyết định đúng là nguồn gốc của thắng lợi

Hồ Chí Minh chỉ rõ, muốn lãnh đạo đúng, trước hết phải quyết định mọi vấn đề cho đúng. Muốn quyết định cho đúng, trước tiên phải điều tra, nghiên cứu rõ ràng. Bởi vì: "Đảng có hiểu rõ tình hình thì đặt chính sách mới đúng. Mà muốn Đảng hiểu rõ thì cán bộ, đảng viên phải điều tra và báo cáo rõ ràng tình hình từng xã, từng huyện, từng tỉnh, từng khu. Nếu không biết rõ tình hình mà đặt chính sách thì kết quả là "nồi vuông úp vung tròn", không ăn khớp gì hết" [79, tr. 307]. Chính vì vậy, Người yêu cầu, cán bộ, đảng viên phải giành nhiều thời gian đi xuống địa phương, cơ sở, gần gũi với nhân dân, hoà mình vào đời sống đồng bào, đồng chí để xem xét kỹ tình hình để có những quyết sách đúng đắn.

Đồng thời với việc điều tra nghiên cứu, nắm vấn đề, Hồ Chí Minh xác định, mọi quyết định đều phải dựa trên kết quả của quá trình phân tích, so sánh, đối chiếu, thấy được những mặt mạnh, mặt yếu, những thuận lợi và khó khăn để đưa ra những quyết định đúng đắn, phù hợp. Người nói: "So đi sánh lại, phân tích rõ ràng là cách làm việc có khoa học" [79, tr. 337]. Bởi vậy, gặp mỗi vấn đề phải luôn đặt câu hỏi: Vì sao có vấn đề này? Xử trí như thế này, kết quả sẽ ra sao? Phải suy tính kỹ lưỡng. Chớ hấp tấp, chớ làm liều, chớ gặp sao làm vậy.

Hồ Chí Minh cũng cho rằng, phải "liên hợp chính sách chung với sự chỉ đạo riêng". Bởi vì, bất kỳ việc gì, nếu không có chính sách chung, kêu gọi chung, không thể động viên khắp quần chúng. Song, nếu người lãnh đạo chỉ làm chung, làm khắp cả một lúc, mà không trực tiếp nhằm một nơi nào đó, thực hành cho kỳ được, rồi lấy kinh nghiệm nơi đó mà chỉ đạo những nơi khác, thì không biết chính sách của mình đúng hay sai. Tinh thần cơ bản là, người lãnh đạo phải nắm đường lối, phương hướng chung để chỉ đạo cụ thể và cũng thông qua chỉ đạo cụ thể mà kiểm tra đường lối, chính sách đúng hay sai. Người cho đó là một cách thức vừa lãnh đạo vừa học tập mà "bất kỳ người lãnh đạo nào, nếu không học tập nổi những việc thiết thực, những người thiết thực và những bộ phận thiết thực của cấp dưới, để rút kinh nghiệm, thì nhất định không biết chỉ đạo chung cho tất cả các bộ phận" [79, tr. 289].

Mặt khác, Người cũng chỉ ra, phải "tìm việc chính, việc gấp thì làm trước". Trong cả nước, một địa phương, một cơ quan đơn vị lúc này thì vấn đề này nổi lên, lúc khác thì vấn đề khác nổi lên cần phải tìm ra và phải quyết định, khi đã quyết định thì phải thực hiện triệt để. Ra quyết định lãnh đạo cần phải chống rập khuôn máy móc, giáo điều, Người yêu cầu một trong những nguyên tắc lãnh đạo là: "Chớ khư khư giữ theo "sáo cũ". Luôn luôn phải theo tình hình thiết thực của dân chúng nơi đó và lúc đó, theo trình độ giác ngộ của dân chúng, theo sự tình nguyện của dân chúng mà tổ chức họ". Lãnh đạo phải tổng kết thực tiễn, phải "nghiên cứu kinh nghiệm đến tận gốc", thực hiện một chủ trương gì dù thành công hay thất bại cũng tổ chức rút kinh nghiệm, phải tìm ra nguyên nhân vì sao thắng lợi, vì sao thất bại, rút ra bài học cho việc giải quyết những vấn đề sau.

3.4.1.2. Thực hiện dân chủ trong ra quyết định

Theo Hồ Chí Minh, dân chủ là mục tiêu, động lực của cách mạng, nhưng thực hành dân chủ mới có ý nghĩa quyết định: "Thực hành dân chủ là cái chìa khóa vạn năng có thể giải quyết mọi khó khăn" [89, tr. 325]. Thực hành dân chủ, trước hết là phải làm cho mọi cán bộ, đảng viên "ai cũng có quyền hưởng tự do, dân chủ". Chỉ trên cơ sở phát huy dân chủ, mọi đảng viên mới có thể bày tỏ hết ý kiến của mình và "gom góp ý kiến của đảng viên để giúp đỡ Trung ương", Đảng mới huy động, sử dụng có hiệu quả trí tuệ của tập thể, tránh được bệnh chuyên quyền, độc đoán, dẫn đến những quyết định sai lầm. Hơn nữa, sứ mệnh cao cả và nặng nề của Đảng là lãnh đạo Nhà nước và xã hội, đòi hỏi Đảng phải có năng lực, trí tuệ xứng tầm với yêu cầu, nhiệm vụ ngày càng cao của sự nghiệp cách mạng. Năng lực, trí tuệ ấy không chỉ do một hay một vài cá nhân xuất chúng tạo nên mà phải là sự đóng góp, sự huy động ở mức cao nhất trí tuệ của tập thể. Trong quá trình lãnh đạo, Người vạch ra thực trạng: "Cán bộ, đảng viên vẫn ít sáng kiến, ít hăng hái. Đó là vì lẽ gì? Vì nhiều lẽ. Mà trước hết là vì: Cách lãnh đạo của ta không được dân chủ, cách công tác của ta không được tích cực" [79, tr. 283]. Muốn khắc phục tình trạng ấy "cần phải nâng cao mở rộng dân chủ ra", bởi "có dân chủ mới làm cho cán bộ và quần chúng đề ra sáng kiến. Những sáng kiến đó được khen ngợi thì những người đó càng thêm hăng hái, và người khác cũng học theo. Và trong khi tăng thêm sáng

kiến và hăng hái làm việc, thì những khuyết điểm lặt vặt, cũng tự sửa chữa được nhiều" [79, tr 284].

Chính vì vậy, để quyết định vấn đề cho đúng phải thực hành dân chủ, phải tạo ra trong sinh hoạt nội bộ Đảng một khối không khí cởi mở, dễ cho người cán bộ, đảng viên có sáng kiến và trình bày sáng kiến đóng góp với lãnh đạo. Không để trong nội bộ u ám uất ức, đảng viên, cán bộ không dám nói, không cả gan có ý kiến. Công thức của Hồ Chí Minh nêu ra là: "Dân chủ, sáng kiến, hăng hái". Dân chủ không chỉ là mục đích phấn đấu, là quyền của đảng viên mà còn là cách lãnh đạo, là phương thức để tổ chức đảng ra các quyết định lãnh đạo cho đúng.

3.4.1.3. Phải so sánh, học hỏi kinh nghiệm của dân chúng

Theo Người, khi đã có lí luận, nắm vững quan điểm thực tiễn, nhằm phục vụ lợi ích của nhân dân, của dân tộc, Đảng còn cần phải có kinh nghiệm để kết hợp với kinh nghiệm của dân chúng. Người cho rằng "dân chúng rất khôn khéo, rất hăng hái, rất anh hùng. Vì vậy, chúng ta phải học dân chúng, phải hỏi dân chúng, phải hiểu dân chúng" [79, tr. 233]. Mỗi cán bộ, đảng viên phải nhận thức rằng: "Không học hỏi dân thì không lãnh đạo được dân. Có biết làm học trò dân, mới làm được thầy học dân" [80, tr. 432]. Bởi vì: "Dân chúng biết giải quyết nhiều vấn đề một cách giản đơn, mau chóng, đầy đủ, mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn, nghĩ mãi không ra". Chính vì vậy, Người đặt niềm tin vào sức mạnh của nhân dân, vào mối quan hệ giữa nhân dân với Đảng và Chính phủ: Nếu không có nhân dân thì Chính phủ không đủ lực lượng; nếu không có Chính phủ thì nhân dân không có ai dẫn đường. Nhưng dân là chủ. Dân như nước, mình như cá. Lực lượng bao nhiêu là nhờ ở dân hết. Nhà nước muốn điều hành, lãnh đạo xã hội có hiệu lực, hiệu quả nhất định phải dựa vào dân. Điều đó thể hiện rõ nhất là sau khi giành được chính quyền, chuẩn bị bước vào giai đoạn kiến quốc, Đảng và Chính phủ chưa có kinh nghiệm, Hồ Chí Minh đã viết bài *"Nhân tài và kiến quốc"*, đăng trên báo *Cứu quốc* đề nghị nhân dân đưa sáng kiến và kế hoạch xây dựng và phát triển đất nước.

Hồ Chí Minh cũng yêu cầu phải thực hiện "liên hiệp người lãnh đạo với quần chúng". Người cho rằng, lãnh đạo không phải "cái gì cũng dùng mệnh lệnh. Ép dân chúng làm. Đóng cửa lại mà đặt kế hoạch, viết chương trình rồi đưa ra cột vào cổ

dân chúng, bắt dân chúng theo" [79, tr. 333]. Vì "dân chúng là người chịu sự lãnh đạo của ta", nên lãnh đạo phải so sánh kinh nghiệm của dân chúng, gom góp mọi ý kiến rời rạc, lẻ tẻ của quần chúng, rồi phân tích nó, sắp đặt nó thành những ý kiến có hệ thống, rồi giải thích cho quần chúng, biến nó thành ý kiến của quần chúng, làm cho quần chúng giữ vững và thực hành ý kiến đó. Theo Người, đó là "cách lãnh đạo cực kỳ tốt".

3.4.2. Tổ chức thực hiện đúng quyết định

3.4.2.1. Tổ chức thi hành cho đúng

Hồ Chí Minh cho rằng, chính sách đúng là nguồn gốc của thắng lợi, song từ nguồn gốc đến thắng lợi thực sự còn phải tổ chức, phải đấu tranh. Do đó, lãnh đạo dân chủ còn phải *"tổ chức thi hành cho đúng"*. Trong quan niệm của Người, lí luận có sức mạnh định hướng, khi phương hướng đã định, ta nhằm vào phương hướng ấy mà đi, thế nào ta cũng đi tới đích. Vấn đề là tổ chức thực hiện như thế nào? Là bằng mọi cách để "ai đi nhầm đường thì chúng ta giúp họ đi vào đường chính…Thấy người khác đi xiên, đi sai, ta ra sức giúp họ đi theo đường thẳng, đường đúng" [84, tr. 290].

Trong lãnh đạo thực hiện, có vấn đề kế hoạch. Quan điểm của Hồ Chí Minh là lãnh đạo phải có kế hoạch. Đối với công việc "phải có kế hoạch bước đầu làm thế nào? Bước thứ hai làm thế nào? Bước thứ ba làm thế nào? Bởi vì, "công việc bất kỳ to nhỏ, đều có điều nên làm trước, điều nên làm sau. Nếu không có kế hoạch, điều nên làm trước mà để lại sau, điều nên làm sau mà đưa làm trước, như thế thì sẽ hao tổn thì giờ, mất công nhiều mà kết quả ít" [80, tr. 119]. Người yêu cầu "kế hoạch phải thiết thực, phải làm được. Chớ làm kế hoạch đẹp mặt, to tát, kể hàng triệu nhưng không thực hiện được". Kế hoạch nào cũng không nhiều việc quá, chỉ tiêu không cao quá và không sao chép lẫn nhau, có như vậy mới thiết thực, không chủ quan.

Để thực hiện quyết định có hiệu quả thì biện pháp quan trọng là phổ biến nghị quyết. Theo đó, trong Đảng phải phổ biến toàn bộ nghị quyết, còn trong nhân dân thì chỉ "phổ biến những điểm cần thiết". Hình thức phổ biến thì tùy điều kiện để vận dụng, như "khai hội giải thích", "truyền đơn", "khẩu hiệu", "báo", "ca kịch",

"đi tuần thị"…Khi phổ biến nghị quyết phải để đảng viên, quần chúng thảo luận, không để tình trạng "chỉ thị của Trung ương, cán bộ chỉ đưa ra giảng như thầy giáo giảng bài, công nhân chỉ ngồi nghe, ít đi sâu thảo luận" [86, tr. 228]. Phổ biến nghị quyết của Đảng trong nhân dân phải tránh gò ép, mệnh lệnh, hình thức. Thuyết phục quần chúng bằng lý lẽ nhưng quan trọng hơn là nêu gương. Người yêu cầu, khi đề ra chính sách, vạch ra kế hoạch, cán bộ, đảng viên phải thi hành trước, phải thi hành đúng. Việc tuyên truyền, giải thích phải làm nhiều lần, đơn giản, thiết thực, nghe rồi làm được, "tốt nhất là miệng nói, tay làm, làm gương cho người khác bắt chước".

3.4.2.2. Phải có quyết tâm cao trong thực hiện quyết định

Theo Hồ Chí Minh, để tổ chức thực hiện đúng quyết định phải có quyết tâm cao, biến quyết tâm của Đảng thành quyết tâm của quần chúng. Người cho rằng, cán bộ, đảng viên ngoài việc phải nói đúng và làm đúng đường lối, chính sách của Đảng, còn phải biết kết hợp giữa chủ trương, biện pháp, cách làm và sự quyết tâm. Người dạy, "Đường lối, chủ trương có rồi, phải có biện pháp thực hiện cho tốt…Kế hoạch một phần, biện pháp phải hai phần, và quyết tâm phải ba phần" [87, tr. 25]. Nghĩa là chủ trương đúng là rất quan trọng nhưng chưa đủ, phải có những biện pháp cụ thể và quyết tâm tổ chức thực hiện để nói và làm có hiệu quả. Vì từ lời nói tới việc làm bao giờ cũng phải trải qua những chặng đường gian nan, không có quyết tâm cao và tổ chức thực hiện tốt thì không thể biến chủ trương thành hiện thực. Hồ Chí Minh chỉ rõ, dù ở trên cương vị nào cũng phải có tinh thần phụ trách, thành tâm phụ trách. Khi đã có quyết định chính xác thì dù khó khăn đến mấy cũng phải tìm mọi cách để cho quyết định được thực hiện. Người cho rằng: "Quyết tâm không phải ở hội trường, ở lời nói, mà phải quyết tâm trong công tác, trong hành động...Phải quyết tâm chiến đấu, quyết tâm chịu khổ, quyết tâm khắc phục mọi khó khăn, quyết tâm chấp hành chính sách của Trung ương Đảng và Chính phủ,...bất kỳ việc lớn hay việc nhỏ đều phải có quyết tâm làm cho bằng được" [81, tr. 482].

3.4.2.3. Phải có sự giúp sức, ủng hộ của dân chúng

Theo Hồ Chí Minh "làm việc gì cũng phải có quần chúng. Không có quần chúng thì không thể làm được...Việc gì có quần chúng tham gia bàn bạc, khó mấy cũng trở nên dễ dàng và làm được tốt" [89, tr. 279-280]; Chính vì vậy, Người căn

dặn, trong mọi việc đều phải dựa vào quần chúng để vượt qua khó khăn. Ví như, xây dựng chủ nghĩa xã hội là sự nghiệp vô cùng khó khăn, "đây là một cuộc chiến đấu chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi. Để giành lấy thắng lợi trong cuộc chiến đấu khổng lồ này cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân" [89, tr. 617]. Chính vì luôn tin tưởng vào lực lượng, trí tuệ và các làm đầy sáng tạo của nhân dân. Người chỉ rõ: "Mỗi chi bộ của Đảng phải là một hạt nhân lãnh đạo quần chúng ở cơ sở, đoàn kết chặt chẽ, liên hệ mật thiết với quần chúng, phát huy được trí tuệ và lực lượng vĩ đại của quần chúng" [88, tr. 28]. Muốn vậy, phải xây dựng mối liên hệ mật thiết với nhân dân, phải "đem tài dân, sức dân, của dân làm lợi cho dân".

Tư duy của Hồ Chí Minh xuất phát từ dân, có dân là có Bác, có dân là có tất cả; vô luận việc gì, đều do con người làm ra. Người cho rằng, dân tốt lắm và lòng dân là sức mạnh vô địch: "Dân chúng đồng lòng, việc gì cũng làm được. Dân chúng không ủng hộ, việc gì làm cũng không nên". Người thường nhắc lại ca dao của nhân dân: Dễ mười lần không dân cũng chịu. Khó trăm lần dân liệu cũng xong. Vì thế, "cách xa dân chúng, không liên hệ chặt chẽ với dân chúng, cũng như đứng lơ lửng giữa trời, nhất định thất bại" [79, tr. 326].

3.4.3. Kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện quyết định

3.4.3.1. Kiểm tra phải có hệ thống, từ trên xuống, từ dưới lên

Theo Hồ Chí Minh, "kiểm tra phải có hệ thống nghĩa là khi đã có nghị quyết, thì phải lập tức đốc thúc sự thực hành nghị quyết ấy, phải biết rõ sự sinh hoạt và cách làm việc của cán bộ và nhân dân địa phương ấy. Có như thế mới kịp thời thấy rõ những khuyết điểm và những khó khăn, để sửa đổi các khuyết điểm và tìm cách giúp đỡ để vượt qua mọi sự khó khăn" [79, tr. 637].

Theo Người, kiểm tra, giám sát cũng là một biện pháp hữu hiệu để giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên. Khi Đảng ta trở thành Đảng cầm quyền, công việc của Đảng và Nhà nước ngày càng nhiều. Muốn hoàn thành tốt mọi việc thì toàn thể đảng viên và cán bộ phải chấp hành nghiêm chỉnh đường lối và chính sách của Đảng. Muốn vậy, các cấp uỷ phải tăng cường công tác kiểm tra. Vì kiểm tra có tác dụng thúc đẩy và giáo dục đảng viên và cán bộ làm tròn nhiệm vụ đối

với Đảng, đối với Nhà nước, làm gương mẫu tốt cho nhân dân. Do đó, góp phần củng cố Đảng về tư tưởng, về tổ chức. Chỉ có qua kiểm tra, giám sát như thế "mới biết rõ cán bộ và nhân viên tốt hay không tốt", mới biết cán bộ làm việc có trách nhiệm, hiệu quả hay không.

Người cũng chỉ rõ, kiểm tra có hai cách: *một là*, từ *trên xuống*, tức là cấp trên kiểm tra, kiểm soát cấp dưới, người lãnh đạo kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành và kết quả thực hiện nhiệm vụ của cán bộ thuộc quyền quản lý của mình; *hai là*, từ *dưới lên,* tức là quần chúng và cán bộ kiểm soát sự sai lầm của người lãnh đạo và bày tỏ cách sửa chữa sự sai lầm đó. Theo Người, đây là cách tốt nhất để quần chúng cấp dưới kiểm soát cán bộ lãnh đạo. Người cho rằng, ở trong Đảng, khi khai hội, các đảng viên nghe những người lãnh đạo báo cáo công việc, các đảng viên phê bình những khuyết điểm, cử hoặc không cử đồng chí nọ hoặc đồng chí kia vào cơ quan lãnh đạo. Đó là kiểm soát theo nguyên tắc dân chủ tập trung, phê bình và tự phê bình, những nguyên tắc mà Đảng phải thực hành triệt để. Ở quần chúng, khai hội, phê bình và bày tỏ ý kiến, bầu cử các uỷ ban, các hội đồng, v.v.; đó là những cách quần chúng kiểm soát những người lãnh đạo.

Qua kiểm tra, kiểm soát mới nắm được những ưu điểm để phát huy, phát hiện những khuyết điểm, lệch lạc để sửa chữa. Người cho rằng, nếu tổ chức việc kiểm tra cho chu đáo thì như có ngọn đèn "pha", bao nhiêu tình hình, bao nhiêu ưu điểm, khuyết điểm của tổ chức đảng và của cán bộ, đảng viên chúng ta đều thấy rõ. Người còn khẳng định "chín phần mười khuyết điểm trong công việc của chúng ta là vì thiếu sự kiểm tra" [79, tr. 637]. Nếu tổ chức sự kiểm tra được chu đáo, thì công việc của chúng ta nhất định tiến bộ gấp mười, gấp trăm lần. Kiểm soát khéo, bao nhiêu khuyết điểm sẽ "lòi" ra hết, hơn nữa kiểm tra khéo về sau khuyết điểm nhất định bớt đi. Chính vì vậy, Người thường nhắc nhở các cấp ủy đảng phải đi sâu, xét kỹ; phải luôn luôn kiểm tra công tác; chấp hành chính sách phải coi trọng từ việc to đến việc nhỏ; phải nhớ rằng "sai một ly đi một dặm". Để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, theo Người, bên cạnh yêu cầu công tác kiểm tra phải được tiến hành thường xuyên, thì phải xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra, kiểm soát đủ đức, đủ tài, sao cho "người đi kiểm soát phải là những người rất có uy tín" [79, tr. 327].

3.4.3.2. Kiểm tra không chỉ căn cứ vào báo cáo, mà phải đến tận nơi

Theo Người, cách kiểm tra, kiểm soát đúng đắn, có hiệu quả, đó là "không phải cứ ngồi trong phòng giấy mà chờ người ta báo cáo, mà phải đi tận nơi, xem tận chỗ" [79, tr. 327]. Đi cơ sở kiểm tra, thấy "các tổ chức và cách làm việc nào không phù hợp với quần chúng thì phải có gan đề nghị lên cấp trên bỏ đi hoặc sửa lại" [79, tr. 286]. Hồ Chí Minh cho rằng, chỉ có như vậy mới chống được bệnh quan liêu. Bởi vì, trong Đảng có loại bệnh này, Đảng sẽ không đề ra được chủ trương, đường lối, chính sách đúng đắn, đáp ứng yêu cầu của cách mạng và nhu cầu, nguyện vọng của nhân dân. Thậm chí, ngay cả khi Đảng có đường lối, chính sách đúng, nhưng thiếu kiểm tra, giám sát, việc thực hiện cũng có những sai lệch, kém hiệu quả. Đó là tình trạng những chỉ thị, nghị quyết cấp trên gửi xuống các địa phương có thực hiện được hay không, cán bộ cấp trên không biết đến. Người chỉ rõ, lối làm việc như vậy rất có hại. Nó làm cho chúng ta không đi sát phong trào, không hiểu rõ được tình hình bên dưới, cho nên phần nhiều chủ trương của chúng ta không thi hành được đến nơi đến chốn. Do đó, Người thường xuyên nhắc nhở các đồng chí phụ trách ở các bộ, ban, ngành Trung ương cần phải thường xuyên đi kiểm tra và giải quyết công việc tại chỗ, chống bệnh giấy tờ, hội họp nhiều. Người chỉ rõ "Muốn chống bệnh quan liêu, bệnh bàn giấy; muốn biết các nghị quyết có được thi hành không, thi hành có đúng không; muốn biết ai ra sức làm, ai làm qua chuyện, chỉ có một cách, là khéo kiểm soát". Chỉ có qua kiểm tra, kiểm soát thật nghiêm túc mới biết rõ ưu điểm và khuyết điểm của các quyết định, chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Người nhấn mạnh "Phải nghiêm ngặt kiểm tra, các địa phương phải kiên quyết thực hành những nghị quyết của Đảng. Kiên quyết chống lại cái thói nghị quyết một đường, thi hành một nẻo" [79, tr. 308]; "Phải *kiểm tra* công tác của cán bộ, nếu chỉ nghe báo cáo, có khi cán bộ báo cáo không đúng thì lãnh đạo sẽ sai lệch" [83, tr. 309].

3.4.3.3. Kiểm tra phải có sự giúp sức của quần chúng

Theo Hồ Chí Minh, muốn kiểm soát đúng thì phải có quần chúng giúp đỡ. Người lý giải:

> Những người lãnh đạo chỉ trông thấy một mặt của công việc, của sự thay đổi của mọi người: trông từ trên trông xuống. Vì vậy, sự trông thấy có hạn. Trái

> lại, dân chúng trông thấy công việc, sự thay đổi của mọi người, một mặt khác: họ trông thấy từ dưới lên. Nên sự trông thấy cũng có hạn. Vì vậy, muốn giải quyết vấn đề cho đúng, ắt phải hợp kinh nghiệm cả hai bên lại. Muốn như vậy, người lãnh đạo ắt phải có mối quan hệ chặt chẽ giữa mình với các tầng lớp người, với dân chúng [79, tr. 325-326].

Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, dân tham gia kiểm tra chứ không phải là dân "phụ trách" công tác kiểm tra. Việc kiểm soát, kiểm tra là một nhiệm vụ của lãnh đạo, lãnh đạo mà không kiểm tra cũng như không lãnh đạo. Lãnh đạo kiểm soát kết quả công việc; quần chúng kiểm soát hoạt động của người lãnh đạo (cả ưu điểm và khuyết điểm) và tạo điều kiện phát huy ưu điểm, giúp đỡ sửa chữa những khuyết điểm mà người đó mắc phải, làm được như vậy, công việc nhất định có hiệu quả.

3.5. QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ PHONG CÁCH LÃNH ĐẠO XÃ HỘI

3.5.1. Phong cách khoa học

Phong cách khoa học của người lãnh đạo trước hết là phải có sự thống nhất giữa tính Đảng, tính nguyên tắc với sự năng động, sáng tạo, nhạy cảm với cái mới. Hồ Chí Minh chỉ rõ, điều chủ chốt trong phong cách của cán bộ lãnh đạo là: Trong bất cứ công việc gì, trong bất kỳ điều kiện hoàn cảnh nào, người cán bộ lãnh đạo đều phải luôn xuất phát từ quan điểm, đường lối của Đảng, phải đúng với chính sách, pháp luật của Nhà nước. Mọi hoạt động của người lãnh đạo đều phải đặt lợi ích của cách mạng, của Tổ quốc, của nhân dân lên trên hết, trước hết, phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH. Phải đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân mà xem xét, ra quyết định và xây dựng kế hoạch hành động, giải quyết mọi vấn đề, dũng cảm bảo vệ cái đúng, phê phán cái sai.

Người khẳng định, những vấn đề có tính cương lĩnh, quan điểm của Đảng là bất biến, phải giữ vững. Tuy nhiên, trong hoạt động thực tiễn, cùng với việc giữ vững quan điểm, lập trường, tính nguyên tắc, người cán bộ lãnh đạo còn phải rất chủ động sáng tạo, nhanh nhạy với sự phát triển mới của tình hình để tìm chọn giải pháp tối ưu phù hợp với điều kiện, không gian, thời gian và đối tượng cụ thể. Người từng dạy: "dĩ bất biến, ứng vạn biến", rằng "nguyên tắc của ta thì phải vững chắc, nhưng sách lược của ta thì linh hoạt", "cần nhận rõ tình thế để rồi tuỳ cơ ứng biến

mà tiến chứ không hàm hồ làm bừa một cách vô chính trị" [78, tr. 244]. Chính vì vậy, trong mọi công tác, tuỳ theo hoàn cảnh cụ thể, người lãnh đạo có thể sử dụng nhiều hình thức, biện pháp khác nhau để hoàn thành chức trách, nhiệm vụ của mình.

Muốn thế, đòi hỏi người cán bộ lãnh đạo phải xây dựng được một phong cách tư duy "độc lập, tự chủ, sáng tạo", luôn hướng tới cái mới, cái tiến bộ, mở rộng tầm nhìn ra thế giới. Sáng tạo để vận dụng đúng quy luật chung cho phù hợp với cái riêng, cái đặc thù. Đồng thời, sáng tạo cũng là tìm tòi, đề xuất những cái mới chưa có trong tiền lệ để có thể trả lời được những đòi hỏi do cuộc sống đặt ra. Tất nhiên, sự năng động, sáng tạo phải thống nhất với lòng trung thành, nó hoàn toàn xa lạ với khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa.

Phong cách khoa học của người lãnh đạo còn thể hiện ở cách làm việc có kế hoạch, sắp xếp công việc một cách hợp lý, đem lại hiệu quả cao nhất trong thực tiễn. Mặt khác, người cán bộ lãnh đạo còn phải biết dùng người, biết phát huy sở trường của nhân viên dưới quyền, đặt đúng người, đúng việc, biết đúc kết kinh nghiệm thành lí luận cách mạng.

Phong cách khoa học của người lãnh đạo còn phải được đảm bảo bằng tri thức khoa học. Hồ Chí Minh từng khuyên: "Học hỏi là một việc phải tiếp tục suốt đời. Suốt đời phải gắn liền lý luận với công tác thực tế. Không ai có thể tự cho mình đã biết đủ rồi, biết hết rồi. Thế giới ngày càng đổi mới, nhân dân ngày càng tiến bộ, cho nên chúng ta phải tiếp tục học và hành để tiến bộ kịp nhân dân" [84, tr. 377]. "Bất kỳ ở hoàn cảnh nào, đảng viên và cán bộ cần phải luôn luôn ra sức phấn đấu, ra sức làm việc, cố gắng học tập để nâng cao trình độ văn hoá, tri thức và chính trị của mình" [79, tr. 293]. Bởi trong thực tế, có nhiệt tình mà thiếu tri thức khoa học có thể sẽ dẫn tới làm sai đường lối, chính sách, hành động trái quy luật, thậm chí dẫn đến phá hoại một cách vô ý thức.

Trong thực tiễn cách mạng Việt Nam "độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội" là mục tiêu bất biến, là con đường đấu tranh lâu dài, đầy khó khăn gian khổ, đòi hỏi trí tuệ, sự hy sinh, phấn đấu của nhiều lớp người, nhiều thế hệ. Trong mỗi bước đi lên, cách mạng phải đối phó với muôn vàn sự biến đổi khó lường. Người cách mạng, nhà lãnh đạo phải thật sự có phong cách khoa học, sáng tạo, luôn tỉnh táo,

sáng suốt, nhạy bén để linh hoạt biến đổi sách lược, có những hình thức, biện pháp đấu tranh biến hóa thích hợp với những điều kiện lịch sử cụ thể, đối tượng, con người cụ thể trong mỗi bước đi lên của cách mạng đặt ra.

3.5.2. Phong cách dân chủ

Hồ Chí Minh cho rằng, mọi cán bộ, đảng viên phải gắn bó với tập thể, tôn trọng, lắng nghe ý kiến tập thể, kể cả ý kiến của những người "không quan trọng". Muốn thế, người lãnh đạo phải đề cao, mở rộng dân chủ, từ dân chủ trong Đảng đến dân chủ trong các cơ quan đại biểu của dân. Người thường nói: Đề ra công việc, đề ra nghị quyết, không khó, vấn đề là thực hiện nó. Ai thực hiện? - Tập thể, quần chúng. Vì vậy, có dân chủ, bàn bạc tập thể mới cùng thông suốt, nhất trí, mới cùng quyết tâm thực hiện, tránh được "trống đánh xuôi, kèn thổi ngược". Sở dĩ xảy ra mất đoàn kết vì người đứng đầu ở nơi đó còn chuyên quyền, độc đoán, áp đặt chủ quan, trong hội nghị thì mọi người miễn cưỡng đồng tình, sau hội nghị, nếu đã không thông thì sẽ không quyết tâm thực hiện.

Là những người có trọng trách trong một tập thể, cán bộ lãnh đạo cần rèn luyện phong cách làm việc dân chủ, tập thể; thực hành nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Hồ Chí Minh chỉ rõ: Một người dù tài giỏi đến đâu cũng không thể nắm được hết mọi mặt của một vấn đề phức tạp, cũng như không thể biết hết được mọi việc trong đơn vị cũng như đời sống xã hội. Vì vậy, cần phải có nhiều người. Nhiều người thì nhiều kinh nghiệm. Góp kinh nghiệm và sự xem xét của nhiều người, thì vấn đề đó được thấy rõ khắp mọi mặt. Mà có thấy rõ khắp mọi mặt, thì vấn đề ấy mới được giải quyết chu đáo, khỏi sai lầm. Cho nên, cần phải có cách làm việc tập thể để phát huy được trí tuệ của tập thể, của đông đảo quần chúng nhân dân nhằm hoàn thành sự nghiệp chung mà riêng một mình cán bộ lãnh đạo không làm nổi. Tập thể lãnh đạo là dân chủ. Lãnh đạo không phát huy trí tuệ tập thể, thì sẽ dẫn đến tệ bao biện, độc đoán, chủ quan, chuyên quyền.

Mặt khác, Hồ Chí Minh cho rằng, cùng với tập thể lãnh đạo, cần có cá nhân phụ trách. Bởi vì, việc gì đã được đông người bàn bạc kỹ lưỡng rồi, kế hoạch định rõ ràng rồi, thì cần phải giao cho một người hoặc một nhóm ít người phụ trách theo kế hoạch đó mà thi hành. Như thế mới có chuyên trách, công việc mới chạy. Vì lẽ

đó, cho nên lãnh đạo cần phải tập thể, mà phụ trách cần phải cá nhân. Bởi vì, "không phải vấn đề gì nhỏ nhặt, vụn vặt, một người vẫn có thể giải quyết được, cũng cứ đưa ra bàn - mới là tập thể lãnh đạo. Nếu làm như vậy, là hiểu tập thể lãnh đạo một cách máy móc…Những việc bình thường, một người có thể giải quyết đúng, thì người phụ trách cứ cẩn thận giải quyết đi. Những việc quan trọng mới cần tập thể quyết định" [79, tr. 620]. Đặc biệt, trong những thời điểm then chốt, khi có thời cơ người lãnh đạo phải dám nghĩ, dám làm, dám quyết đoán. Như Người khẳng định: "Lạc nước, hai xe đành bỏ phí. Gặp thời, một tốt cũng thành công".

Phong cách làm việc của người cán bộ lãnh đạo đúng đắn là phải kết hợp chặt chẽ giữa cách làm việc dân chủ tập thể với tính quyết đoán, dám chịu trách nhiệm, kịp thời đưa ra những quyết sách đúng của cá nhân. Những hiện tượng coi thường tập thể, hoặc dựa dẫm, ỷ lại tập thể, không quyết đoán, không nêu cao trách nhiệm cá nhân đều làm trì trệ, suy yếu năng lực lãnh đạo của người cán bộ.

3.5.3. Phong cách quần chúng

Theo Người, phong cách quần chúng của người cán bộ lãnh đạo là phải đi sâu, đi sát quần chúng, gần gũi, gắn bó với nhân dân. Muốn chăm lo được cho nhân dân thì phải nắm được dân tình, phải hiểu thấu dân tâm, phải đi vào trong quần chúng, hiểu quần chúng, để biết được họ thiếu cái gì, cần cái gì, để rồi từ đó mà tìm cách thoả mãn nhu cầu quần chúng Phong cách quần chúng tức là bao giờ cũng biết đặt lợi ích của quần chúng, của nhân dân lên trên hết, lên trước hết, cao hơn lợi ích của cá nhân mình, sẵn sàng hy sinh lợi ích của cá nhân vì lợi ích của nhân dân. Phong cách quần chúng là phải biết chăm lo cho quần chúng, cả về vật chất và tinh thần, "phải biết đem tài của dân, sức của dân để làm lợi cho dân" [79, tr. 81]. Phong cách quần chúng còn là biết cách tổ chức quần chúng, mà muốn tổ chức quần chúng thì phải luôn sâu sát, quan hệ mật thiết với quần chúng, nắm bắt sâu sắc tình hình thực tế, nhất là thực tế đời sống, thực tế tâm lý, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng, đời sống tinh thần, phong tục tập quán… của quần chúng thì mới tổ chức, giáo dục, động viên, đoàn kết quần chúng thành sức mạnh.

Hồ Chí Minh dành nhiều công sức giáo dục cho các cán bộ lãnh đạo phong cách đi sâu, đi sát quần chúng, mong muốn họ trở thành những người lãnh đạo thành công do được dân tin, dân yêu, dân phục, dân theo, dân ủng hộ. Theo Người, cán bộ lãnh đạo không được quan liêu, hách dịch, coi thường quần chúng nhân dân. Họ phải biết đời sống thực, khả năng thực của nhân dân ra sao; cần biết được tâm tư, băn khoăn, thắc mắc của quần chúng, để cùng họ kịp thời tháo gỡ.

> "Cán bộ tỉnh phải đến các huyện, các xã.
>
> Cán bộ huyện phải đến tận các xã, các thôn.
>
> Cán bộ phải chân đi, mắt thấy, tai nghe, miệng nói, tay làm, óc nghĩ.
>
> Để thiết thực điều tra, giúp đỡ, kiểm soát rút kinh nghiệm, trao đổi kinh nghiệm giúp đỡ nông dân và hỏi dân" [80, tr. 279].

Đó là phong cách lãnh đạo không bó mình trong văn phòng, bàn giấy, không tự cho mình có địa vị cao hơn, không tạo cho mình vẻ quan cách, khác biệt dân. Liên hệ mật thiết với quần chúng là hoà mình vào cuộc sống của quần chúng, nắm bắt được nguyện vọng, ý chí của quần chúng để dẫn dắt họ, giúp họ thực hiện khát vọng, ý chí của mình.

Người cho rằng, dân có tin Đảng hay không, Đảng có hiểu dân hay không, có phát huy được sức mạnh của dân hay không, phụ thuộc rất nhiều vào phong cách và năng lực của cán bộ lãnh đạo. Theo Người, lãnh đạo tốt nghĩa là thực hiện đầy đủ những nghị quyết của Đảng, biến quyết tâm của Đảng thành quyết tâm của nhân dân. Phải đi đúng đường lối quần chúng, phải đi sâu vào cơ sở, phải tuyên truyền giáo dục cho mọi người thấm nhuần ý thức trách nhiệm, tinh thần làm chủ tập thể, xây dựng nước nhà. Xa rời quần chúng, người cán bộ lãnh đạo sẽ giống như cá bị tách ra khỏi nước, mất hết khả năng và sức sống.

3.5.4. Phong cách nêu gương

Theo Hồ Chí Minh, nêu gương phải thể hiện trong mọi công việc từ nhỏ đến lớn, phải thường xuyên, về mọi mặt; phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; Cần nêu gương trên cả ba mối quan hệ: đối với mình, đối với người, đối với việc.

Hồ Chí Minh đã chỉ ra: "Nói chung thì các dân tộc phương Đông đều giàu tình cảm, và đối với họ một tấm gương sống có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền" [75, tr. 284]. Đối với cán bộ, đảng viên - những người từ nhân dân mà ra, nhưng lại có trách nhiệm hướng dẫn nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, muốn hướng dẫn nhân dân thì phải có đức, có tài, được nhân dân tin yêu, mến phục. "Muốn được dân tin, dân phục, dân yêu, cán bộ phải tự mình làm đúng đời sống mới. Nghĩa là phải siêng năng, tiết kiệm, trong sạch, chính đáng. Nếu không thực hành bốn điều đó, mà muốn được lòng dân, thì cũng như bắc giây leo trời" [79, tr. 240]. Bởi vậy, Người đã từng cảnh báo cán bộ, đảng viên: "Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ "cộng sản" mà ta được họ yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước" [80, tr. 16]. Để trở thành những người làm mực thước cho dân, cán bộ, đảng viên phải "chí công vô tư, làm gương mẫu trong công cuộc kháng chiến và kiến quốc". Làm gương mẫu có nghĩa là bất kỳ ở đâu, bất kỳ làm việc gì, bất kỳ địa vị và hoàn cảnh nào, người cán bộ, đảng viên cũng phải luôn: "Đặt lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân lên trên hết, trước hết. Phải ra sức tham gia công việc của kháng chiến. Phải gần gũi dân chúng, thương yêu giúp đỡ dân chúng, tổ chức và lãnh đạo dân chúng". Cán bộ, đảng viên không những chỉ nói mà còn phải làm để nêu gương cho dân. "Trước hết mình phải làm gương, gắng làm gương trong anh em, và khi đi công tác, gắng làm gương cho dân" [78, tr. 71].

Do đó, người cán bộ, đảng viên phải miệng nói tay làm, tiên phong gương mẫu trong mọi hoàn cảnh, thực hiện phương châm "đảng viên đi trước, làng nước theo sau". Và để giữ vững, phát huy vai trò của người cán bộ, đảng viên, theo Hồ Chí Minh, trước hết "cán bộ cao cấp, phải làm đầu tàu gương mẫu, giúp đỡ mọi người cùng tiến bộ"; "Nhất là đối với chữ cần, chữ kiệm, chữ hy sinh, chữ công bằng, thì các bạn phải thực hành trước, phải làm gương cho dân chúng theo"; "Mình trước hết phải siêng năng, trong sạch thì mới bảo người ta trong sạch, siêng năng được"; "Hô hào dân tiết kiệm, mình phải tiết kiệm trước đã" [80, tr. 16].

Hồ Chí Minh phê phán một số người "chỉ biết nói là nói, nói giờ này qua giờ khác, ngày này qua ngày khác. Nhưng một việc gì thiết thực cũng không làm được". Nghĩa là chỉ quen chỉ thị, nghị quyết mà không tính đến các điều kiện thực tế, đến khả năng thực hiện của mình. Hình như họ nói chỉ để người khác làm, còn mình thì đứng ngoài chỉ tay năm ngón, chỉ đạo một cách chung chung, hợt hợt cho qua chuyện. Thành ra, có những chủ trương không đi vào cuộc sống, không đem lại chuyển biến đáng kể trong thực tế.

Người chỉ rõ, trong xây dựng đời sống mới, xã hội mới, để trở thành người cách mạng chân chính được dân tin, dân phục, dân yêu, đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải thực hiện nêu gương. Sự lành mạnh của đời sống xã hội phụ thuộc một phần rất lớn vào sự nêu gương của người lãnh đạo, nhất là những người đứng đầu. Muốn thực sự làm người lãnh đạo, người chỉ huy, người đứng đầu các cơ quan đơn vị phải hết sức coi trọng việc nêu gương, nếu không thì rồi sẽ hỏng cả. Là những người tiên phong, những người giữ vai trò lãnh đạo, cho nên lời nói, đặc biệt là việc làm của cán bộ, đảng viên luôn được nhân dân theo dõi, coi là khuôn mẫu. Mỗi cán bộ, đảng viên phải thật sự là tấm gương về mọi mặt cho quần chúng noi theo.

Tiểu kết chương 3

Tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội có nội hàm rất đa dạng, được thể hiện cơ bản trên các nội dung về mục tiêu, chủ thể, đối tượng, nội dung, phương pháp, phong cách lãnh đạo xã hội. Trong quá trình lãnh đạo xã hội, để đảm bảo sự lãnh đạo một cách đúng đắn và hiệu quả, Hồ Chí Minh đã vận dụng nhiều biện pháp, cách thức khác nhau, nhằm phát huy vai trò của chủ thể lãnh đạo xã hội cũng như sự nhiệt tình cách mạng, sức sáng tạo của các tầng lớp nhân dân lao động. Người tổng kết lại, muốn lãnh đạo đúng, trước hết phải quyết định mọi vấn đề cho đúng, tổ chức sự thi hành cho đúng, tổ chức sự kiểm soát và phải có phong cách lãnh đạo chuẩn mực. Và, điều đặc biệt quan trọng người cán bộ cách mạng cần ghi nhớ: "Sự lãnh đạo trong mọi công tác thiết thực của Đảng, ắt phải từ trong quần chúng ra, trở lại nơi quần chúng".

Nội dung lãnh đạo xã hội mà Hồ Chí Minh bàn tới rất phong phú, từ mục tiêu, chủ thể, đối tượng đến những phương diện lãnh đạo chủ yếu của đời sống xã hội: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Bằng tư duy lí luận và hoạt động thực tiễn, Hồ Chí Minh đã có những chỉ dẫn quan trọng, trực tiếp vào hoạt động lãnh đạo xã hội từ trong cách mạng giải phóng dân tộc đến cách mạng xã hội chủ nghĩa. Hồ Chí Minh đã góp phần to lớn vào những thành tựu của Đảng ta trong lãnh đạo xã hội qua các thời kỳ. Có thể nói, suốt 24 năm ở cương vị cao nhất của Đảng và Nhà nước, Người đã luôn sử dụng có hiệu quả phương pháp, phong cách lãnh đạo dân chủ trên các mặt của đời sống xã hội, làm nên những thắng lợi to lớn có ý nghĩa lịch sử của cách mạng Việt Nam. Những quan điểm của Người về lãnh đạo xã hội đã, đang và sẽ mãi là cẩm nang hữu ích cho Đảng Cộng sản Việt Nam trong sự nghiệp lãnh đạo xã hội, nhất là trong thời kỳ đổi mới, đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước.

Chương 4
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ LÃNH ĐẠO XÃ HỘI Ý NGHĨA LÍ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

4.1. Ý NGHĨA LÍ LUẬN

4.1.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội là sự kế thừa, phát triển, làm sâu sắc thêm giá trị lãnh đạo xã hội trong truyền thống văn hóa dân tộc và văn hóa phương Đông

4.1.1.1. Thấm nhuần tinh thần lấy dân làm gốc

"Dân là gốc của nước", "nước lấy dân làm gốc" là tư tưởng vốn có trong Nho giáo, trong học thuyết của Khổng Mạnh. Hồ Chí Minh từng nói: Trong học thuyết của Khổng Mạnh có nhiều điều không đúng, song những điều hay thì chúng ta nên học" [80, tr. 326]. "Nước lấy dân làm gốc" là một trong "những điều hay", là một tư tưởng sâu sắc của Nho giáo mà ông cha ta đã kế thừa và vận dụng ở những thời kỳ hưng thịnh của các vương triều trong quá trình dựng nước và giữ nước mấy nghìn năm lịch sử. Trần Hưng Đạo khẳng định phải "khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ, bền gốc", Nguyễn Trãi thì cho rằng "chở thuyền là dân mà lật thuyền cũng là dân" và "việc nhân nghĩa cốt ở yên dân"…Tư tưởng coi trọng nhân dân không chỉ được Hồ Chí Minh trân trọng tiếp thu, vận dụng mà còn phát triển những nội dung mới, làm phong phú thêm truyền thống dân tộc.

Người khẳng định vai trò của lao động, của nhân dân là những người lao động đã làm ra mọi của cải vật chất và giá trị văn hóa, làm cho xã hội tồn tại và phát triển: "Xã hội có cơm ăn, áo mặc, nhà ở là nhờ người lao động. Xây nên giàu có, có tự do dân chủ cũng là nhờ người lao động". Người nhắc nhở những người được hưởng thụ của cải tiêu dùng phải biết ơn, trả ơn những người đã làm ra những thứ đó là nhân dân: "Cơm chúng ta ăn, áo chúng ta mặc, vật liệu chúng ta dùng, đều do mồ hôi nước mắt của nhân dân mà ra. Vì vậy, chúng ta phải đền bù xứng đáng cho nhân dân" [83, tr. 145] Đó chính là tư tưởng "uống nước nhớ nguồn" - một đạo lý cao đẹp của dân tộc ta.

Hồ Chí Minh còn khẳng định dân là lực lượng chủ yếu, là gốc của các cuộc cách mạng. Theo Người, "cách mạng là do nhân dân tự làm lấy, Đảng chỉ là người

lãnh đạo". "Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng chứ không phải của cá nhân anh hùng nào". Tuy nhiên, Người cũng thấy rõ mối quan hệ giữa cá nhân, lãnh tụ với quần chúng nhân dân, nhưng vai trò quyết định vẫn là quần chúng nhân dân: "Cán bộ không đội viên, lãnh đạo không có quần chúng, thì không làm gì được". Hồ Chí Minh thấy rõ sức mạnh và ý chí của nhân dân: "Dân khí mạnh thì quân lính nào, súng ống nào cũng không chống lại" [76, tr. 297].

Hồ Chí Minh chỉ rõ, cách mệnh muốn thắng lợi phải dựa vào dân chúng, trong đó phải lấy công nông làm gốc. Người đã lý giải: "1. Là vì công nông bị áp bức nặng hơn, 2. Là vì công nông là đông nhất cho nên sức mạnh hơn hết, 3. Là vì công nông tay không chân rồi, nếu thua thì chỉ mất một cái kiếp khổ, nếu được thì được cả thế giới" [76, tr. 288]. Dân là gốc của nước, của cách mạng vì dân có số lượng đông, vì "mọi lực lượng đều ở nơi dân", "lực lượng của dân chúng nhiều vô cùng". Dân không những có lực lượng đông mà còn rất cần cù, thông minh, khéo léo, có trí tuệ tập thể, có khả năng và kinh nghiệm để giải quyết mọi công việc lớn nhỏ, đúng như câu ca dao của nhân dân Quảng Bình đã khẳng định: "Dễ mười lần không dân cũng chịu. Khó trăm lần dân liệu cũng xong". Vì vậy, Hồ Chí Minh thường xuyên nhắc nhở: "Nếu biết dựa vào dân thì việc gì cũng xong". "Nước lấy dân làm gốc…Gốc có vững cây mới bền, xây lầu thắng lợi trên nền nhân dân".

4.1.1.2. Dân là chủ của đất nước, của xã hội, quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân

Trong truyền thống dân tộc, đặc biệt là ở những giai đoạn hưng thịnh của các triều đại phong kiến, quan điểm về vai trò của nhân dân được đề cao. Nhà Trần thế kỷ XIII đã ba lần đánh thắng quân Nguyên - Mông. Nguyên nhân cơ bản của thắng lợi, như Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn đã ghi rõ là do "Vua tôi đồng tâm, anh em hòa thuận, cả nước góp sức". "Cả nước góp sức" chính là sức mạnh của toàn dân đã được huy động.

Chịu ảnh hưởng sâu sắc quan niệm "Thiên nhân tương cảm", nhiều triều đại phong kiến Việt Nam coi lòng dân là ý trời và rất quan tâm tới việc kết hợp lòng dân với ý trời. Người cầm quyền cai trị có đức, làm việc tốt, hợp lòng dân thì trời xuống điềm lành; không có đức, ăn chơi xa xỉ, hoang phí, hại dân, dân oán thì trời

xuống điềm dữ để răn bảo. Tiến sĩ Nguyễn Duy Thì thời Lê -Trịnh cho rằng: "Dân là gốc của nước, đạo trị nước cốt phải yêu dân. Trời với dân đều một lẽ, lòng dân vui thì thuận ý trời. Nên người giỏi trị nước phải yêu dân như cha mẹ yêu con: nghe thấy dân đói rét phải lo, trông thấy dân vất vả phải thương, cấm chính thể hà khắc tàn bạo, cấm việc tự tiện thu thuế, để dân được sinh sống thoải mái, không có tiếng sầu giận thở than. Đó mới là biết đạo trị nước" [22, tr. 269].

Thấm nhuần truyền thống dân tộc, Hồ Chí Minh đặc biệt đề cao dân chủ, coi trọng vị thế của dân. Hồ Chí Minh đã nhiều lần nói rõ: "Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, và dân là chủ". "Chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là nhân dân là người chủ". Dân đã có quyền làm chủ thì cũng phải thi hành nghĩa vụ của người chủ. Vấn đề là ở chỗ, dân là chủ thể gốc của quyền lực. Dân ủy quyền cho Nhà nước để Nhà nước thực hiện quyền lực nhân dân, phụng sự lợi ích, nhu cầu và cả ý chí của dân. Đảng cũng vì dân mà tồn tại. Nhân dân phải chủ động xây dựng Đảng và Nhà nước, tham gia vào công việc quản lý, kiểm tra giám sát, góp ý, phê bình, giúp đỡ để cho đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước được đúng đắn, hợp với tình hình, hợp với lòng dân, cũng để cho tổ chức bộ máy được trong sạch, vững mạnh, luật pháp, kỷ cương được nghiêm minh và thi hành có hiệu quả. Dân chủ và quyền làm chủ của dân phải trở thành một giá trị thực tế chứ không phải trên lý thuyết. Dân chỉ biết đến dân chủ, công bằng, bình đẳng khi dân được ăn no, mặc ấm. Độc lập tự do phải tranh đấu mà có được thì phải làm sao cho dân được ấm no, tự do, hạnh phúc. Do đó, trong chính thể dân chủ cộng hòa, địa vị cao nhất là dân, quyền lực cao nhất cũng là của dân, Nhà nước vừa mạnh về luật pháp, vừa giỏi trong quản lý, lại phải đảm bảo đạo đức công vụ. Nhân dân làm chủ bằng nhà nước của mình, đó là một kênh chủ yếu và quan trọng trực tiếp nhất. Đảng lãnh đạo và cầm quyền sao cho Nhà nước mạnh, có thực lực và thực quyền để nhân dân làm chủ. Đó là trách nhiệm nặng nề và sứ mệnh vẻ vang của Đảng.

4.1.1.3. Quan hệ gắn bó mật thiết với nhân dân

Tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với dân là một trong những nhân tố quan trọng nhất tạo nên sức mạnh to lớn cho Đảng. Hồ Chí Minh nhiều lần khẳng định, sức mạnh của Đảng do nơi dân mà có. Sức mạnh đó thể hiện ở quyền

lực chính trị của Đảng. Quyền lực đó là do nhân dân ủy thác cho Đảng. "Đảng mạnh tức là dân mạnh, dân mạnh thì Đảng mạnh, dân, Đảng mạnh thì chúng ta nhất định thắng lợi" [85, tr. 117]. Trách nhiệm của Đảng là phải chăm lo củng cố sức mạnh cho dân. Nhưng muốn có dân mạnh thì dân phải được giác ngộ, giáo dục, được tổ chức và lãnh đạo.

Hồ Chí Minh nhiều lần khẳng định, cách mạng thành công là do quần chúng tin theo Đảng, mà quần chúng tin theo sự lãnh đạo của Đảng là vì Đảng dựa vào quần chúng. Dựa vào dân, trước hết là phải dựa vào công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Đó là nền gốc của đại đoàn kết. Nhưng có nền vững, gốc tốt rồi còn phải đại đoàn kết các tầng lớp nhân dân khác. Dựa vào dân để tập hợp lực lượng nhân dân làm cách mạng, tiến hành chiến tranh giữ nước và mọi công việc cải cách kinh tế và xã hội. Phải động viên, tổ chức, đoàn kết quần chúng, lấy sức quần chúng mà vượt qua khó khăn. Muốn vậy, phải làm cho dân tin chính ngay ở hiệu quả của đường lối, chính sách của Đảng; ở phẩm chất, tác phong và lề lối làm việc của cán bộ, đảng viên. Hồ Chí Minh từng căn dặn: "Bất cứ việc to, việc nhỏ, chúng ta phải xem xét rõ và làm cho hợp với trình độ văn hóa, thói quen sinh hoạt, trình độ giác ngộ, kinh nghiệm tranh đấu, lòng ham, ý muốn, tình hình thiết thực của quần chúng. Do đó mà định cách làm việc, cách tổ chức. Có như thế mới kéo được quần chúng".

Hồ Chí Minh xác định cán bộ, đảng viên "điều chủ chốt nhất" là "quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng", là "tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân", làm bất kỳ việc gì cũng đừng nghĩ đến mình trước, mà phải nghĩ đến đồng bào, đến toàn dân đã, làm việc gì cũng nghĩ đến lợi ích chung trước, lợi ích riêng sau. Người đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải phát huy tính chủ động, gương mẫu của mình, phải sâu sát, gần dân, lắng nghe dân, phải gột bỏ chủ nghĩa cá nhân, bệnh quan liêu, xa rời quần chúng. Người luôn nêu cao tư tưởng tôn trọng tập thể, vì tập thể, phát huy dân chủ nội bộ, tuyệt đối không được độc đoán chuyên quyền, tự đặt mình cao hơn tổ chức, tự do ghép mình đứng ngoài kỷ luật. Người viết: "Cán bộ Đảng, cán bộ chính quyền không phải làm quan cách mạng ăn trên ngồi trốc.

Cán bộ Đảng, cán bộ chính quyền, ngay cả Bác là cán bộ cao nhất đều là đầy tớ của nhân dân, phải hết lòng hết sức phục vụ nhân dân" [85, tr. 117]. Theo Hồ Chí Minh, lãnh đạo phải nắm vững dân tình, hiểu rõ dân tâm, lại phải thường xuyên quan tâm đến việc cải thiện dân sinh, nâng cao dân trí, để nhân dân hiểu được quyền và trách nhiệm của người chủ đất nước. Có như vậy, người cách mạng, người lãnh đạo sẽ được nhân dân tin yêu, quý mến, kính trọng, nhất định sẽ tạo ra được sức mạnh to lớn cho cách mạng.

Tin dân, dựa vào dân, gắn bó mật thiết với nhân dân là nguyên tắc nhất quán của Hồ Chí Minh. Nguyên tắc đó bắt nguồn từ quan điểm "lấy dân làm gốc", "thương yêu dân chúng, nghĩ làm những việc khoan dân" [127, tr. 202] của ông cha ta; từ truyền thống đoàn kết "một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại nên hòn núi cao" của dân tộc ta. Chính nhờ đi đúng đường lối quần chúng, biết dựa vào dân nên Đảng ta được nhân dân tin yêu, che chở và đùm bọc. Quan hệ Đảng với dân cũng vì thế góp thêm vào truyền thống tốt đẹp của dân tộc - truyền thống gắn bó máu thịt giữa Đảng với nhân dân. Chính điều này đã cắt nghĩa tại sao ở nước ta nhân dân lao động cả nước vẫn thường gọi Đảng với các danh từ trừu mến "Đảng ta", "Đảng mình". Cũng vì vậy, nhân dân không tiếc máu xương và của cải, sẵn sàng hy sinh vì sự nghiệp của Đảng. Nhân dân luôn đứng về phía Đảng trong mọi thử thách và mọi cuộc chiến đấu để bảo vệ Đảng, coi đó là bảo vệ sự nghiệp chính nghĩa của mình. Vì vậy, Đảng càng phải đặc biệt chăm lo tới lợi ích, nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

4.1.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội góp phần cụ thể hóa và phát triển sáng tạo lí luận lãnh đạo Mác-Lênin

Cách mạng là hành động sáng tạo, có tổ chức và được lãnh đạo chặt chẽ bởi giai cấp tiên tiến cách mạng nhất định ở vị trí trung tâm của sự vận động lịch sử nhằm sáng tạo ra một kiểu chế độ mới. Đối với cuộc đấu tranh giải phóng của giai cấp công nhân, thì việc giành chính quyền mới chỉ là giai đoạn thứ nhất, là điều kiện để giai cấp công nhân trở thành lực lượng thống trị trong xã hội, trong dân tộc. Sau khi giai cấp vô sản giành được chính quyền, công cuộc cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới vẫn tiếp tục diễn ra. Tính chất xã hội của quá trình đấu tranh giai

cấp liên quan tới các vấn đề cơ sở xã hội của cách mạng, cải tạo các quan hệ xã hội, tổ chức đời sống xã hội, lãnh đạo, quản lý và phát triển xã hội.

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin cho rằng, muốn thiết lập và củng cố chủ nghĩa xã hội, đảng cầm quyền và giai cấp vô sản phải hoàn thành hai nhiệm vụ. Một là, lôi cuốn, tổ chức lãnh đạo được tất cả quần chúng lao động và bị bóc lột nhằm đánh đổ giai cấp tư sản và đè bẹp mọi sự phản kháng của giai cấp đó. Hai là, làm cho hết thảy quần chúng lao động và bị bóc lột cùng với tất cả mọi tầng lớp tiểu tư sản đi theo mình vào con đường kiến thiết kinh tế mới, có khả năng phối hợp những thành tựu mới nhất của khoa học và kỹ thuật với sự tập hợp đông đảo những người lao động tự giác, những người tạo ra nền đại sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Trong điều kiện đảng cầm quyền, trước yêu cầu và nhiệm vụ mới của cách mạng, đảng cộng sản phải kịp thời xây dựng phương thức lãnh đạo của đảng đối với nhà nước. Nhiệm vụ của đảng cầm quyền không chỉ lãnh đạo giai cấp công nhân mà phải lãnh đạo toàn xã hội, trên mọi phương diện, trong mọi lĩnh vực của đời sống. Những vấn đề thuộc về đường lối, quan điểm chính trị và nguyên tắc tổ chức liên quan tới chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, phát triển văn hóa, giáo dục và truyền bá hệ tư tưởng cũng như đào tạo cán bộ, xây dựng bộ máy nhà nước thuộc về trách nhiệm của Đảng. Song, không phải Đảng trực tiếp thực hiện những công việc đó, đồng thời cũng không phải lãnh đạo bằng các mệnh lệnh từ trên ban xuống, mà Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng cương lĩnh, đường lối, chỉ thị, nghị quyết của Đảng. V.I.Lênin chỉ rõ: "Trong nước cộng hòa của chúng ta, không có một vấn đề chính trị hay tổ chức quan trọng nào do một cơ quan nhà nước giải quyết mà lại không có chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng" [146, tr. 38]. Tuy nhiên, V.I.Lênin cũng cho rằng, Đảng lãnh đạo Nhà nước là một vấn đề có tính nguyên tắc nhưng phải chống lẫn lộn chức năng lãnh đạo của Đảng với chức năng quản lý của Nhà nước, chống sự can thiệp vụn vặt vào công việc của các Xôviết, dành cho Đảng sự lãnh đạo chung.

Thấm nhuần, phát triển quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, trong lãnh đạo Nhà nước và xã hội Hồ Chí Minh cho rằng, trước hết, đường lối chính sách phải

đúng. "Chính sách đúng là nguồn gốc của mọi thắng lợi". Muốn có chính sách đúng, Đảng phải "khéo tập trung ý kiến của quần chúng, hóa nó thành cái đường lối để lãnh đạo quần chúng" [79, tr. 338]. Vì vậy, Đảng cần có các hình thức thích hợp để tham khảo ý kiến rộng rãi của mọi tổ chức chính trị -xã hội, của đông đảo các tầng lớp nhân dân. Bên canh đó, người lãnh đạo "phải thành tâm, phải chịu khó, phải khéo khơi cho họ nói" [79, tr. 325]. Một yêu cầu rất cần thiết là đường lối, chính sách đó phải được đúc kết từ thực tiễn kinh nghiệm phong phú của cuộc sống. Nghĩa là đường lối, chính sách của Đảng phải luôn luôn được bổ sung, hoàn chỉnh, phù hợp với chân lý cuộc sống. Trong quá trình Đảng ra một chủ trương, nghị quyết, theo Hồ Chí Minh cần có sự áp dụng thí điểm, sau đó nhân rộng những điển hình, đúc rút kinh nghiệm, cuối cùng mới hình thành nên chủ trương, chính sách áp dụng rộng rãi trong công tác lãnh đạo. Người chỉ dẫn: "Gom góp ý kiến và kinh nghiệm trong sự chỉ đạo từng bộ phận. Rồi lại đem kinh nghiệm chung và mới, đúc thành chỉ thị mới…Biết làm như vậy mới thật là biết lãnh đạo" [79, tr. 331].

Theo quan điểm của V.I.Lênin, Đảng lãnh đạo Nhà nước thông qua đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng trong bộ máy nhà nước. Tại Đại hội lần thứ XI của Đảng (27-3-1922), Người chỉ rõ: "Các đồng chí là những người cộng sản, các đồng chí là công nhân, các đồng chí là bộ phận giác ngộ của giai cấp vô sản, các đồng chí là những người đảm nhiệm việc lãnh đạo nhà nước, các đồng chí hãy làm thế nào cho nhà nước mà các đồng chí nắm trong tay, phải hoạt động như các đồng chí mong muốn" [148, tr. 103]. Theo V.I.Lênin, những cán bộ, đảng viên của Đảng hoạt động trong bộ máy nhà nước có hai tư cách với hai nhiệm vụ tương ứng: với tư cách là cán bộ, đảng viên đại diện cho Đảng trong bộ máy nhà nước, họ có trách nhiệm thực hiện những nhiệm vụ của Đảng; với tư cách là đại biểu của nhân dân, được dân ủy quyền tham gia quản lý nhà nước, họ có nhiệm vụ của người đại biểu cho quần chúng nhân dân để thực thi quyền lực nhà nước. V.I.Lênin cũng cho rằng, ngoài việc xây dựng và sử dụng tổ chức bộ máy, giữ vững nguyên tắc tổ chức, đào tạo và giáo dục cán bộ, Đảng còn phải nhận thức rõ và thi hành đúng vấn đề mấu chốt, trung tâm của toàn bộ công tác của đảng cầm quyền, đó là công tác kiểm tra. Buông lỏng kiểm tra cũng có nghĩa là buông lỏng lãnh đạo và quản lý. Người cho rằng, phải đi từ công

tác kiểm tra để, một mặt, tác động tới bộ máy nhà nước, coi đây là điểm xuất phát và khâu trung tâm của phương thức lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan nhà nước; mặt khác, thông qua công tác kiểm tra mà xem lại tính đúng đắn, tính phù hợp của các chủ trương, chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Trong tác phẩm "Thà ít mà tốt" (tháng 3-1923), Người viết: "Phải nghĩ đến chuyện kiểm tra lại những chủ trương mà chúng ta tuyên bố hàng giờ, quyết định hàng phút, rồi từng giây chứng minh tính không vững chắc, không kiên định và khó hiểu của những chủ trương đó" [148, tr. 443]. Thông qua công tác kiểm tra, thanh tra mà phát hiện, sáng tạo ra cái mới, cái tốt hơn, tìm ra phương thức lãnh đạo phù hợp với thực tiễn hơn.

Vận dụng, phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, Hồ Chí Minh ví kiểm tra như "ngọn đèn pha" giúp cho việc lãnh đạo đúng đắn. "Kiểm tra có tác dụng thúc đẩy và giáo dục đảng viên và cán bộ làm tròn nhiệm vụ đối với Đảng, đối với Nhà nước, làm gương mẫu tốt cho nhân dân. Do đó, góp phần vào việc củng cố Đảng về tư tưởng và tổ chức" [88, tr. 362]. Không những thế, từ thực tiễn của công tác kiểm tra, Đảng có thể biết rõ ưu điểm, nhược điểm của các chỉ thị, nghị quyết. Công tác kiểm tra không chỉ được tiến hành ngay từ khâu chuẩn bị các nghị quyết, mà quan trọng hơn là phải làm thật tốt ở khâu cụ thể hóa và tổ chức thực hiện nghị quyết. Người chỉ rõ: "Đảng phải luôn luôn xét lại những nghị quyết và những chỉ thị của mình đã thi hành thế nào. Nếu không vậy thì những nghị quyết và chỉ thị đó sẽ hoá ra lời nói suông mà còn hại đến lòng tin cậy của nhân dân đối với Đảng" [79, tr. 290].

Trong điều kiện Đảng cầm quyền lãnh đạo xã hội, Đảng phải gắn bó mật thiết với nhân dân. Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin đã khẳng định: thành công của cách mạng vô sản hoàn toàn phụ thuộc vào sự ủng hộ của quần chúng nhân dân, ở khả năng thu hút nhân dân vào việc đấu tranh phá bỏ chế độ cũ và xây dựng chế độ mới. V.I.Lênin, người trực tiếp lãnh đạo cuộc cách mạng vô sản đầu tiên thành công trong lịch sử đã khẳng định: "Không có sự đồng tình và ủng hộ của đa số nhân dân lao động đối với đội tiên phong của mình, tức là đối với giai cấp vô sản, thì cách mạng vô sản không thể thực hiện được" [145, tr. 251]. Và "Chỉ có người nào tin tưởng vào nhân dân, dấn mình vào nguồn sáng tạo sinh động của nhân dân, mới là người chiến thắng và giữ được chính quyền" [142, tr. 68-69].

Trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội V.I.Lênin chỉ rõ rằng: Đảng phải giáo dục, thuyết phục và tổ chức cho quần chúng nhân dân tham gia quản lý nhà nước. Nếu không có sự tham gia giám sát và quản lý nhà nước của quần chúng, thì Đảng không những không lãnh đạo được Nhà nước, mà bản thân bộ máy của Đảng và Nhà nước cũng sẽ tiêu tan. Bởi vì, theo V.I.Lênin: "Trong quần chúng nhân dân, chúng ta chỉ tựa như giọt nước trong đại dương, và chỉ khi nào biểu hiện được đúng ý nguyện của nhân dân, thì chúng ta mới quản lý nhà nước được. Nếu không Đảng Cộng sản sẽ không lãnh đạo được giai cấp vô sản, giai cấp vô sản sẽ không lôi cuốn được quần chúng theo mình, và tất cả bộ máy sẽ tan rã" [14, tr. 134].

Phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, Hồ Chí Minh khẳng định: "Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, chứ không phải là sự nghiệp của cá nhân anh hùng nào". Người hết sức đề cao vai trò của quần chúng nhân dân trong việc đề ra chủ trương, đường lối lãnh đạo của Đảng, thể hiện ở hai khía cạnh: Thứ nhất, nhân dân là chủ thể sáng tạo, họ có rất nhiều kinh nghiệm hay giúp ích cho việc lãnh đạo của Đảng. Thứ hai, nhân dân là đối tượng lãnh đạo của Đảng, mọi cái hay cái dở trong lãnh đạo của Đảng đều được kiểm nghiệm nơi quần chúng nhân dân. Do đó, tất cả các chủ trương của Đảng đều phải xuất phát từ quần chúng nhân dân, phục vụ lợi ích của quần chúng nhân dân lao và dân tộc. Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Sự lãnh đạo trong mọi công tác thiết thực của Đảng, ắt phải từ trong quần chúng ra, trở lại nơi quần chúng" [79, tr. 330].

4.1.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội là cơ sở lí luận xây dựng lí luận lãnh đạo xã hội ở Việt Nam

Từ việc thấm nhuần, quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội, trong thực tiễn quá trình lãnh đạo đất nước, đặc biệt trong giai đoạn đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã tổng kết được nhiều kinh nghiệm quý báu, đúc rút thành lí luận quan trọng về lãnh đạo xã hội ở Việt Nam. Luận án này chỉ xin phép giới hạn đi vào những vấn đề trong giải quyết mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước với nhân dân.

4.1.3.1. "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ"

Khi chưa có chính quyền, Đảng đã lãnh đạo nhân dân và các tổ chức chính trị xã hội hoạt động đấu tranh cách mạng, nhưng chỉ sau khi giành được chính

quyền, trở thành đảng cầm quyền, Đảng mới lãnh đạo Nhà nước. Tuy nhiên, quyền lực của Đảng không phải là quyền lực nhà nước. Đảng cầm quyền là một tổ chức lãnh đạo nhà nước. "Lãnh đạo" chính là một quyền lực thực tế rất lớn. Nhà nước phải chịu sự lãnh đạo của Đảng, phục tùng sự lãnh đạo của Đảng. Nhà nước có quyền lực thì Đảng lãnh đạo nhà nước tất yếu cũng phải có quyền lực. Nhưng ở đây là quyền lực chính trị thể hiện bằng đường lối, chủ trương, tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục…đồng thời cũng thể hiện bằng quyền uy của tổ chức. Với uy tín chính trị và quyền uy về tổ chức, Đảng cầm quyền có quyền lực thực tế rất lớn. Nếu trước đây, Nhà nước tách rời và đối lập với nhân dân, là lực lượng thống trị áp bức nhân dân, thì ngày nay Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản đã khác về bản chất, trở thành Nhà nước dân chủ nhân dân. Chính quyền dân chủ nhân dân đó chính là chính quyền "của dân, do dân, vì dân" mà bản chất của nó đã được xác định trong tư tưởng Hồ Chí Minh: "Các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh vác việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân".

Ở đây, cái mới của hệ thống chính trị chính là sự xuất hiện của bộ máy nhà nước kiểu mới do Đảng lãnh đạo. Vì vậy, mối quan hệ giữa Đảng với Nhà nước và sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước đặc biệt quan trọng. Nhà nước do Đảng thiết lập nên để xây dựng và bảo vệ chế độ mới. Không có Đảng Cộng sản thì cũng không có nhà nước kiểu mới, do đó, đương nhiên Nhà nước phải phục tùng sự lãnh đạo của Đảng. Phải có sự lãnh đạo của Đảng với một định hướng chính trị đúng đắn, Nhà nước mới có thể thật sự trở thành Nhà nước "của dân, do dân, vì dân". Đồng thời, là một bộ phận của hệ thống chính trị mới, Đảng không thể đứng trên Nhà nước, trở thành cơ quan "siêu quyền lực" mà phải hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, phải tôn trọng vai trò của nhà nước.

Nhà nước quản lý ở đây thực chất là thực thi những quan điểm, chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng trong thực tiễn cuộc sống. Hiệu lực quản lý của nhà nước bằng Hiến pháp và pháp luật thông qua các cơ quan quyền lực của nhà nước: lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước có phạm vi ảnh hưởng và sự tác động rộng khắp tới mọi mặt đời sống của nhân dân. Do vậy, Đảng phải củng cố nhà nước dân chủ vững

mạnh, để nhân dân có thể thực hiện quyền lực của mình thông qua Nhà nước và bằng Nhà nước.

Đảng lãnh đạo và cầm quyền phải tỏ rõ vai trò và hiệu quả của sự lãnh đạo và cầm quyền đó bằng cách xây dựng được nhà nước của dân, do dân, vì dân, thực hiện đầy đủ các quyền của con người và của công dân. Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý để nhân dân làm chủ. Đảng, Nhà nước cũng như các tổ chức trong hệ thống chính trị nói chung không có mục đich tự thân của mình, mà tồn tại chỉ vì một lý do duy nhất, một động cơ, một mục đích duy nhất khi đảng cầm quyền. Đó là vì dân.

Mục đích của lãnh đạo Đảng như đã nói là vì cuộc sống hạnh phúc của nhân dân, đó là tính nhân văn của Đảng lãnh đạo, cầm quyền. Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh, Đảng và Nhà nước phải làm hết sức mình để chăm lo phát triển sức dân, bồi dưỡng sức dân lại phải biết tiết kiệm sức dân. Bản chất pháp lý và nhân văn đó của Đảng lãnh đạo Nhà nước như vậy là phù hợp, trùng hợp với bản chất pháp lý, nhân văn của dân chủ, của chế độ dân chủ và chế độ nhà nước do Đảng lãnh đạo xây dựng.

Hồ Chí Minh đã nhiều lần chỉ rõ: "Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ". "Chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là nhân dân là người chủ". Mọi lợi ích, quyền hạn, trách nhiệm, công việc, chính quyền, đoàn thể, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân. Dân là chủ vì dân có quyền hạn, có quyền hành - tức là có khả năng thực tế quyết định, định đoạt, điều hành những tổ chức, những công việc do mình làm chủ. Chính vì quyền hành là của dân nên dân mới có thể cử ra chính quyền từ xã đến Chính phủ, và mới có thể tổ chức nên đoàn thể từ Trung ương đến xã. Và cũng vì thế mà Hồ Chí Minh đã từng khẳng định: "Dân là chủ thì Chính phủ phải là đầy tớ…Nếu Chính phủ làm hại dân thì dân có quyền đuổi Chính phủ" [79, tr. 75].

Với vị thế của người làm chủ, dân có quyền lợi của người làm chủ, "bao nhiêu lợi ích đều vì dân", đồng thời có trách nhiệm, nghĩa vụ làm tròn bổn phận công dân, giữ đúng đạo đức công dân. Theo Người, trách nhiệm và bổn phận công dân không chỉ là việc chấp hành đầy đủ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước mà nhân dân còn tham gia vào việc xây dựng các chủ trương, chính sách, tham gia xây dựng Đảng.

Hồ Chí Minh luôn đòi hỏi phải tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân, phải bảo vệ lợi ích của nhân dân, phải yêu dân, dựa vào dân, gần dân, lắng nghe, học hỏi dân, tin dân. Cán bộ Đảng cũng như cán bộ chính quyền đều là đày tớ của dân, phải hết lòng hết sức phục vụ nhân dân.

Trong sự nghiệp đổi mới hiện nay, mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ là mối quan hệ chính trị - xã hội và pháp lý giữa các chủ thể có vai trò, vị trí, chức năng và nhiệm vụ khác nhau, song cùng hướng tới mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, thực hiện dân chủ, bảo đảm phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Đảng ta đã nhận thức ngày càng rõ hơn về nội dung và phương thức lãnh đạo, cầm quyền; lãnh đạo và cầm quyền thông qua Nhà nước và bằng Nhà nước, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa để thực thi quyền lực của nhân dân, nhận thức rõ vai trò và trách nhiệm của nhân dân trong việc tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, đồng thời tham gia giám sát và kiểm soát quyền lực.

4.1.3.2. Đảng là người lãnh đạo, người đầy tớ thật trung thành của nhân dân

Đảng ta cũng ở trong lòng xã hội, cũng từ nhân dân mà ra. Tuy vậy, Đảng và dân không đồng nhất, không phải là một mà vẫn có sự khác biệt, có vai trò, vị trí khác nhau. Nói đến Đảng là nói đến vai trò lãnh đạo, như Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Đảng ta là một đảng cách mạng, một đảng lãnh đạo" [86, tr. 484]. Thực tế lịch sử cách mạng nước ta đã chứng minh rằng Đảng ta không những đã giành được chính quyền lãnh đạo cách mạng trong cả nước mà còn giữ được quyền lãnh đạo đó trên mọi lĩnh vực.

Trong mối quan hệ Đảng - dân, nếu Đảng là người lãnh đạo thì dân là đối tượng lãnh đạo, chịu sự lãnh đạo và trong mọi thời kỳ cách mạng đều cần có sự lãnh đạo vững vàng của Đảng. Đảng lãnh đạo cách mạng, lãnh đạo dân là vì dân. Vì dân chính là điểm xuất phát và cũng là nội dung là mục tiêu phấn đấu của Đảng ta. Hồ Chí Minh đã nhiều lần khẳng định rằng, Đảng ta không có lợi ích nào khác ngoài lợi ích của giai cấp, của nhân dân, của dân tộc; rằng Đảng chỉ mưu giải phóng cho dân, nên mọi việc đều vì lợi ích của dân mà làm và chịu trách nhiệm trước dân. Đặc biệt, khi Đảng ta trở thành Đảng cầm quyền, Hồ Chí Minh nhiều lần nhắc nhở cán bộ,

đảng viên và các tổ chức đảng phải luôn luôn nhớ rằng mình là đày tớ của nhân dân chứ không phải là "quan" nhân dân. Trong bản *Di chúc*, một lần nữa Người khẳng định: "Đảng ta là một đảng cầm quyền…phải xứng đáng là người lãnh đạo, người đày tớ thật trung thành của nhân dân".

Lãnh đạo và đày tớ, về nhận thức là hai phạm trù khác nhau. Lãnh đạo, nói khái quát là việc định hướng mục tiêu nhiệm vụ, đề ra đường lối, chủ trương, phương pháp tổ chức thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ đó. Lãnh đạo chính là "bàn chỉ nam", là "người cầm lái" - một nhu cầu cần thiết khách quan của mọi hoạt động xã hội. Đã có lãnh đạo thì phải có đối tượng lãnh đạo. Trong mối quan hệ Đảng - dân thì đối tượng lãnh đạo của Đảng chính là dân, là con người với tất cả những nhu cầu và lợi ích mà Đảng cần nắm bắt và giải quyết thỏa đáng.

"Đày tớ" là thuật ngữ dùng trong xã hội cũ để chỉ vị trí và công việc của người đi ở, đi làm thuê trong quan hệ với chủ. Đó là những người chỉ biết hết lòng hết sức tận tụy phục dịch chủ. Hồ Chí Minh đã nói các cơ quan Đảng và Nhà nước là "đày tớ" của dân, nhưng cũng có lần Người nói các cơ quan đó là "công bộc" của dân. Công bộc cũng là đày tớ, đày tớ chung của mọi người, phục vụ chung cho nhân dân. Trong mối quan hệ Đảng - dân, dân là chủ cũng có nghĩa là Đảng là đày tớ của dân.

Dân là chủ, Đảng là đày tớ nghĩa là Đảng phải trung thành và tận tụy phục vụ nhân dân. Trong vai trò của Đảng đối với dân, cái chung của người lãnh đạo và của người đày tớ là vì dân, phục vụ nhân dân. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh đã đồng nhất vai trò Đảng là người lãnh đạo với Đảng là người đày tớ của dân. Người không chỉ nói rằng Đảng "là người lãnh đạo, là người đày tớ thật trung thành của nhân dân", mà Người còn khẳng định: "Đảng ta là Đảng lãnh đạo, nghĩa là tất cả các cán bộ, từ Trung ương đến khu, đến tỉnh, đến huyện, đến xã, bất kỳ ở cấp nào - đều phải là người đày tớ trung thành của nhân dân". "Lãnh đạo là làm đày tớ nhân dân và phải làm cho tốt" [89, tr. 292].

Theo Hồ Chí Minh, Đảng cầm quyền là người lãnh đạo "sẵn sàng vui vẻ làm trâu ngựa, làm tôi tớ trung thành của nhân dân" thì chính sách của Đảng và Chính phủ, các cơ quan và cán bộ của Đảng và Chính phủ từ trên xuống dưới đều phải có trách nhiệm "hết sức chăm nom đến đời sống nhân dân". Nghĩa là tất cả mọi việc

Đảng phải lo, từ việc lớn đến việc nhỏ, từ đấu tranh thống nhất nước nhà, việc xây dựng chủ nghĩa xã hội đến cả việc "tương cà mắm muối" của dân, Đảng đều phải lo. Với cương vị là người sáng lập và đứng đầu Đảng và Nhà nước, trong bản *Di chúc* lịch sử, Hồ Chí Minh đã nói về mối quan hệ giữa Đảng với dân, khẳng định bản chất tốt đẹp của nhân dân ta và nhắc nhở về trách nhiệm của Đảng cầm quyền đối với dân.

Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh coi dân là người chủ của đất nước, của xã hội và coi những người lãnh đạo, những người cầm quyền là đày tớ của dân là tư tưởng hoàn toàn mới mẻ, không hề thấy trong tư tưởng truyền thống. Tư tưởng đó thể hiện một chủ nghĩa nhân văn cao đẹp tuyệt vời của Hồ Chí Minh. Trong sự nghiệp đổi mới hiện nay, quan điểm "Đảng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân" đã trở thành một nguyên tắc, một phương thức mang tầm lí luận thể hiện trong thực tiễn lãnh đạo xã hội của Đảng ta.

4.2. Ý NGHĨA THỰC TIỄN

4.2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội được thể hiện trong quá trình lãnh đạo xã hội của Đảng ta thời kỳ trước đổi mới

Sau khi giành được chính quyền năm 1945, Đảng lãnh đạo nhân dân cả nước xây dựng bảo vệ chính quyền dân chủ nhân dân non trẻ, đồng thời tiến hành cuộc khánh chiến trường kỳ chống xâm lược. Nội dung sự lãnh đạo của Đảng, do hoàn cảnh khách quan chi phối, ở một số lĩnh vực còn đơn sơ, chưa toàn diện. Phương thức lãnh đạo của Đảng khi đó là vận động và tổ chức trong điều kiện có bộ máy chính quyền. Đảng lãnh đạo Nhà nước, lãnh đạo nhân dân là tất yếu. Không chỉ lãnh đạo chính quyền mà Đảng còn "phải lãnh đạo tất cả những tổ chức khác của nhân dân lao động". Song, Đảng dùng cách gì và làm thế nào để lãnh đạo? Hồ Chí Minh đã khái quát phương thức lãnh đạo gồm những nội dung chủ yếu: truyền bá lí luận Mác-Lênin; đề ra khẩu hiệu, mục đích, kế hoạch đấu tranh; kinh qua đảng viên và các tổ chức của Đảng, Đảng liên hệ chặt chẽ với quần chúng.

Trong điều kiện đảng cầm quyền, Đảng lãnh đạo nhiều lĩnh vực với nội dung, phạm vi, quy mô rộng lớn, có những lĩnh vực mới đòi hỏi phải có một phương thức lãnh đạo thích hợp. Ngay từ Đại hội lần thứ II của Đảng, trong Báo

cáo chính trị, tổng kết một thời kỳ lịch sử, Hồ Chí Minh đã kết luận: "Dù là bí mật Đảng vẫn lãnh đạo chính quyền và nhân dân". Trong tác phẩm *Thường thức chính trị*, Người lại tiếp tục khẳng định: Cách mạng thắng lợi rồi, quần chúng và nhân dân vẫn cần có Đảng lãnh đạo, vì: Dù nhân dân đã nắm chính quyền, nhưng đấu tranh giai cấp trong nước và mưu mô đế quốc xâm lược vẫn còn; Vì phải xây dựng kinh tế, quốc phòng, văn hóa, xã hội cho nên Đảng vẫn phải tổ chức, lãnh đạo, giáo dục quần chúng để đưa nhân dân lao động tiến đến thắng lợi hoàn toàn.

Sau khi hoàn thành sứ mệnh lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành độc lập dân tộc, chính quyền cách mạng nằm trong tay nhân dân, nhiệm vụ vinh quang nhưng cũng rất nặng nề và đầy thử thách của Đảng là lãnh đạo toàn dân xây dựng đất nước, phát triển kinh tế và văn hóa, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, thúc đẩy sự phát triển của xã hội, vì hạnh phục của con người.

4.2.1.1. Trên lĩnh vực chính trị

Trong công tác xây dựng Đảng, Hồ Chí Minh và Đảng ta chú trọng giữ vững và phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng. Đảng phải luôn đổi mới và tự chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới, nhất là trong bước ngoặt của cách mạng có sự xuất hiện quan điểm tả và hữu. Hoàn cảnh mới với nhiều thay đổi khiến nhiều cán bộ, đảng viên không khỏi bỡ ngỡ và có những biểu hiện lệch lạc. Vì vậy, công tác tư tưởng được đặc biệt chú trọng, "công tác lãnh đạo tư tưởng là quan trọng nhất". Bên cạnh việc phê phán chấn chỉnh những biểu hiện lệch lạc, Hồ Chí Minh và Đảng ta quan tâm đến vấn đề đạo đức mới, phương pháp và phong cách cán bộ, đảng viên. Cán bộ, đảng viên phải thật sự cần, kiệm, liêm, chính; toàn tâm toàn ý "phụng sự nhân dân, phụng sự đoàn thể", cải tiến phương pháp làm việc, phương pháp lãnh đạo, nêu gương cho quần chúng. Có như vậy, Đảng cầm quyền mới không trở thành Đảng quan liêu, xa dân, mất lòng tin của nhân dân.

Hồ Chí Minh và Đảng ta chú trọng xây dựng một Nhà nước mà quyền lực thuộc về nhân dân lao động, xây dựng xã hội dân chủ để nhân dân là chủ và làm chủ. Hồ Chí Minh đã công phu và trực tiếp chỉ đạo xây dựng Hiến pháp 1959, hoàn thiện luật pháp, chú trọng hành pháp của các cơ quan Chính phủ, tính công bằng,

nghiêm minh của ngành tư pháp, từng bước cải tiến nền hành chính công vụ, cải cách tổ chức bộ máy cùng với nội dung, phương thức hoạt động của hệ thống công quyền, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, phép nước theo các chuẩn mực dân chủ. Tất cả đều vì lợi ích của nhân dân.

Hồ Chí Minh và Đảng ta luôn chú ý củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, nòng cốt là liên minh công - nông - trí, do Đảng Cộng sản lãnh đạo; củng cố và tăng cường sức mạnh toàn bộ hệ thống chính trị cũng như từng thành tố của nó.

4.2.1.2. Trên lĩnh vực kinh tế

Trong *Diễn văn chúc mừng năm mới trong dịp mừng Trung ương Đảng và Chính phủ về Thủ đô* (1-1-1955), Hồ Chí Minh xác định: "Chúng ta phải ra sức khôi phục lại kinh tế: nông nghiệp, công công nghiệp, vận tải, để nâng cao dần đời sống nhân dân…Chúng ta phải tiếp tục vận động quần chúng giảm to và cải cách ruộng đất, để thực hiện người cày có ruộng".

Hồ Chí Minh nhấn mạnh vai trò và ý nghĩa của phục hồi kinh tế để nâng cao đời sống nhân dân. Người xác định: "Cán bộ phải xem lãnh đạo sản xuất là công tác trung tâm bậc nhất". Người đã lãnh đạo Chính phủ đặt kế hoạch phục hồi sản xuất nông nghiệp, xây dựng, cải tạo hệ thống thủy lợi, khai hoang phục hóa, động viên phong trào tăng gia sản xuất, tiết kiệm trong toàn xã hội. Tiền đề cho quá trình đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp miền Bắc vẫn là vấn đề cơ bản "người cày có ruộng", vì vậy, vấn đề tiếp tục cải cách ruộng đất được Hội nghị Trung ương lần thứ tám (8-1955) nhận định: "Trong việc củng cố miền Bắc hiện nay, công tác cải cách ruộng đất vẫn là công tác trung tâm, nhưng công tác khôi phục kinh tế là công tác rất trọng yếu" [38, 578].

Trong nông nghiệp, tiến hành phong trào hợp tác hóa. Mục tiêu là "để đưa nông dân làm ăn riêng lẻ đi dần từ tổ đổi công (có mầm mống xã hội chủ nghĩa) tiến lên hợp tác xã cấp thấp (nửa xã hội chủ nghĩa) rồi tiến lên hợp tác xã cấp cao (xã hội chủ nghĩa)" Người chỉ rõ phải tiến từng bước vững chắc, không được nóng vội. Trong công nghiệp, đẩy mạnh khôi phục các cơ sở sản xuất cũ, xây dựng các cơ sở sản xuất mới. Kết hợp xây dựng công nghiệp nặng làm ra máy móc, tư liệu cho các ngành kinh tế, đồng thời phát triển công nghiệp nhẹ phục vụ tiêu dùng.

Xây dựng quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa, mà cụ thể là phát triển thành phần kinh tế quốc doanh "để tạo nền tảng vật chất cho chủ nghĩa xã hội". Hồ Chí Minh quan niệm tiến lên chủ nghĩa xã hội về lĩnh vực kinh tế như con người phải đi "bằng hai chân là công nghiệp và nông nghiệp" đều nhau. Thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động, theo mức sản xuất và chất lượng sản xuất "làm tốt, làm nhiều: hưởng nhiều, làm xấu, làm ít: hưởng ít". Thực hiện "cần kiệm xây dựng nước nhà, xây dựng chủ nghĩa xã hội", thực hiện "ba xây, ba chống"; "vừa sản xuất, vừa chiến đấu"; "tay búa tay súng", "tay cày tay súng"…với tinh thần "mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt".

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Hồ Chí Minh trong những năm miền Bắc đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, trên lĩnh vực kinh tế đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Cải cách ruộng đất đã mở đường cho đồng bào ta xây dựng nông thôn mới ấm no, thực hiện được mơ ước bao đời nay là "người cày có ruộng". Xây dựng được nhiều công trình thủy nông, khai hoang phục hóa mở rộng sản xuất hàng vạn ha đất nông nghiệp, thực hiện thâm canh, tăng năng suất, cải tiến kỹ thuật. Đưa nông dân vào làm ăn tập thể, tạo sinh khí mới trong lao động sản xuất, nâng cao sản lượng nông nghiệp, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của nhân dân miền Bắc, tăng cường chi viện cho miền Nam đánh Mỹ. Trong công nghiệp, đã xây dựng thêm hàng nghìn nhà máy, xí nghiệp, tạo cơ sở quan trọng cho những ngành công nghiệp chủ chốt như luyện kim, hóa chất, khai mỏ… Công nghiệp nhẹ, công nghiệp địa phương có bước phát triển mạnh mẽ, góp phần chi viện cho miền Nam và đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân.

4.2.1.3. Trên lĩnh vực văn hóa

Sau Cách mạng Tháng Tám thành công (1945), giữa bộn bề những khó khăn, thách thức đối với Chính quyền non trẻ, Đảng ta và Hồ Chí Minh đã chú ý tới xây dựng nền văn hóa mới của một dân tộc độc lập. Nền văn hóa mới này "cần phải có tính cách khoa học, tính cách đại chúng, thì mới thuận với trào lưu tiến hóa của tư tưởng hiện đại". Đến năm 1951, tại Đại hội lần thứ II của Đảng, đồng chí Trường Chinh khẳng định lại chủ trương của Đảng: "Văn hóa dân chủ nhân dân của ta có ba tính chất: dân tộc, khoa học và đại chúng" [36, tr. 109]. Có thể thấy, Đảng chủ

trương xây dựng nền văn hóa mới với các tính chất này là yêu cầu khách quan của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở nước ta.

Sau 1954, khi miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, tiến hành sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, những quan điểm và đường lối xây dựng nền văn hóa mới tiếp tục phát triển, từng bước hoàn thiện. Năm 1960, Hồ Chí Minh xác định "để phục vụ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa thì văn hóa phải xã hội chủ nghĩa về nội dung và dân tộc về hình thức". Tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, Nghị quyết Đại hội ghi rõ: "Phát triển nền văn nghệ mới với nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc, có tính đảng và tính nhân dân sâu sắc".

Như vậy, quá trình lãnh đạo xây dựng, phát triển nền văn hóa mới chủ yếu gắn liền với nhiệm vụ cách mạng chung của cả nước: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, hoàn thành sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước, thực hiện hòa bình, thống nhất nước nhà. Quá trình đó cũng gắn với thực hiện các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn trong khi tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Đó là kế hoạch khôi phục kinh tế sau chiến tranh (1954-1957); kế hoạch cải tạo xã hội chủ nghĩa, bước đầu phát triển kinh tế và văn hóa (1958-1960); kế hoạch 5 năm lần thứ nhất phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội theo chủ nghĩa xã hội (1961-1965). Nhìn một cách tổng quát, đây là thời kỳ "cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới, một xã hội không có chế độ người bóc lột người, một xã hội bình đẳng, nghĩa là ai cũng phải lao động, làm nhiều thì hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm không hưởng". Công cuộc xây dựng miền Bắc đòi hỏi phát triển sự nghiệp văn hóa, giáo dục. Việc động viên và tổ chức mọi lực lượng văn hóa, giáo dục vừa phục vụ công cuộc xây dựng và cải tạo xã hội chủ nghĩa, vừa nhằm hoàn thành cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Hồ Chí Minh sự nghiệp phát triển văn hóa, giáo dục đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Hàng triệu người thoát nạn mù chữ. Hệ thống giáo dục từ phổ thông đến đại học được tiêu chuẩn hóa một bước. Sự nghiệp giáo dục hướng vào bồi dưỡng thế hệ trẻ thành người lao động mới và làm chủ đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội đạt được nhiều thành tích đáng kể. Hoạt

động văn hóa, văn nghệ được đẩy mạnh, góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân. Công tác khoa học kỹ thuật được xúc tiến mạnh mẽ. Báo chí và các phương tiện truyền thông đại chúng được chú trọng phát triển đã ngày càng trở thành vũ khí sắc bén của giai cấp công nhân và nhân dân lao động đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, văn hóa. Trên đà thắng lợi, nhân dân tin tưởng vào đường lối của Đảng, toàn dân hăng hái thi đua xây dựng đất nước.

4.2.1.4. Trên lĩnh vực xã hội

Hòa bình lập lại, vấn đề cơ cấu xã hội cần có một nhãn quan khác trước. Xã hội đã đa dạng hơn theo đó công tác lãnh đạo - tổ chức cũng cần có những quan tâm vừa sâu sắc, vừa tìm ra những lợi ích chung. Hồ Chí Minh và Đảng ta đã rất quan tâm, động viên tới các đối tượng đặc thù. Có khoảng trên hai mươi đối tượng xã hội (phân theo các tiêu chí khác nhau) đã được Hồ Chí Minh trực tiếp gặp gỡ, huấn thị, trong đó có những nhóm đối tượng hoàn toàn khác so với trước đó, như cán bộ và gia đình miền Nam tập kết ra Bắc, cán bộ và học sinh các trường miền Nam tập kết, cán bộ sửa sai cải cách ruộng đất, bộ đội vào tiếp quản thủ đô, cán bộ quản lý các xí nghiệp, đồng bào di cư…Trong đó, lực lượng vũ trang và trí thức là hai nhóm nhạy cảm nhất. Lực lượng vũ trang là những người trực tiếp chịu nhiều hi sinh gian khổ trong chiến tranh, hoà bình lập lại, cần được quan tâm và giáo dục ý thức nâng cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, tránh bệnh công thần, so đo hơn kém…Đội ngũ trí thức có vai trò to lớn trong phục hồi, phát triển kinh tế, xây dựng văn hóa lại khá nhạy cảm với những bất cập, vấp váp sai lầm của Chính phủ cần được uốn nắn, điều chỉnh nhận thức. Đặc biệt, với một số quan điểm tả khuynh, "nặng quan điểm giai cấp" của một số cán bộ, đảng viên, khiến có trí thức nảy sinh nhiều mặc cảm nặng nề, ảnh hưởng đến việc toàn tâm toàn ý phụng sự Tổ quốc, phục vụ cách mạng. Người đặt niềm tin: "Phấn đấu trong một thời đại vẻ vang, làm cán bộ của một dân tộc anh hùng, đó là một vinh dự của người trí thức, đồng thời cũng là một nhiệm vụ nặng nề". Muốn làm tròn nhiệm vụ thì phải tiến kịp phong trào, tiến với dân tộc; phải cải tạo tư tưởng, giữ vững lập trường…" [82, tr. 300].

Tại cuộc họp Bộ Chính trị, ngày 30-7-1962, Hồ Chí Minh phát biểu:

> Ta phải tính cách nào, nếu cần có thể giảm bớt một phần xây dựng để giải quyết vấn đề ăn và mặc cho quần chúng được tốt hơn nữa, đừng để cho tình

> hình đời sống căng thẳng quá. Vấn đề con người là hết sức quan trọng. Nhà máy cũng rất cần có thêm, có sớm, nhưng cần hơn là con người, là sự phấn khởi của quần chúng. Làm tất cả là do con người…Làm cho quần chúng hiểu chủ nghĩa xã hội đúng hơn [90, tr. 272].

Trong *Di chúc* để lại cho toàn thể dân tộc Việt Nam, Hồ Chí Minh đã đề cập đến thực hiện chính sách xã hội đối với con người, phát huy nguồn lực con người. Người đề cập công việc cụ thể, đến từng đối tượng, từng cảnh ngộ, thân phận và yêu cầu Đảng, Chính phủ phải có những chính sách, việc làm thích đáng để bù đắp một phần những mất mát to lớn của nhân dân, cũng như để họ có thể dần dần "tự lực cánh sinh", vươn lên trong mọi hoạt động công tác và cuộc sống.

4.2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội được thể hiện trong quá trình lãnh đạo xã hội của Đảng ta thời kỳ đổi mới

4.2.2.1. Những yêu cầu mới đặt ra đối với sự lãnh đạo của Đảng

Thực tế là, khi bước vào thời kỳ đổi mới, chúng ta đứng trước rất nhiều khó khăn, thử thách: Nền kinh tế nhỏ yếu, mất cân đối, lạc hậu, năng suất thấp. Đời sống nhân dân, nhất là người làm công ăn lương gặp nhiều khó khăn. Nhiều hiện tượng tiêu cực trong xã hội phát triển, như tham nhũng, lãng phí, làm ăn phi pháp. Đồng thời, chúng ta còn phải đối phó với những hành động chống phá, âm mưu "diễn biến hòa bình", bao vây kinh tế của các thế lực thù địch.

Để xảy ra tình trạng trên do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân "sự lãnh đạo của Đảng chưa ngang tầm những nhiệm vụ của giai đoạn mới. Đảng chưa đáp ứng được những yêu cầu trong việc giải quyết nhiều vấn đề kinh tế - xã hội, trong phong cách lãnh đạo và cả trong việc rèn luyện phẩm chất cán bộ, đảng viên" [29, tr.123]. Đây là điều mà toàn Đảng, từ Ban Chấp hành Trung ương đến các tổ chức Đảng và mỗi đảng viên, cần nhận thức đầy đủ với ý thức trách nhiệm cao. Với quy mô rộng lớn và tính chất phức tạp của những nhiệm vụ kinh tế, xã hội trong thời kỳ quá độ, cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, cuộc đấu tranh giữa nhân dân ta với chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động quốc tế đòi hỏi tăng cường không ngừng năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Yêu cầu đặt ra trong thời kỳ mới là Đảng phải trưởng thành về lãnh đạo

chính trị, phát triển và cụ thể hóa đường lối, đề ra những giải pháp đúng đắn đối với những vấn đề mới của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Để tăng cường sức chiến đấu và năng lực tổ chức thực tiễn của mình, Đảng phải đổi mới về nhiều mặt: đổi mới tư duy, đổi mới tổ chức, đổi mới đội ngũ cán bộ, đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác.

Thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh, bước vào những năm đầu đổi mới (từ năm 1986), với tư duy nhìn thẳng vào sự thật, Đảng từng bước điều chỉnh những phương thức lãnh đạo cũ. Đồng thời, trước những đòi hỏi của thực tiễn đất nước, Đảng đã nhận thức và đề ra quan điểm đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và toàn xã hội. Đại hội lần thứ VI (1986) của Đảng đã đề ra chủ trương: "Đổi mới phong cách làm việc, giữ vững các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt trong Đảng" [29, tr. 135]. Theo đó, Đảng khẳng định, tập trung dân chủ là nguyên tắc quan trọng nhất chỉ đạo mọi hoạt động tổ chức, sinh hoạt nội bộ và phong cách làm việc của chúng ta. Kiên quyết lập lại kỷ cương, củng cố kỷ luật trong Đảng, nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, nói và làm theo nghị quyết của cấp trên và của tập thể. Tăng cường sự lãnh đạo tập thể, mở rộng sinh hoạt dân chủ, nâng cao chất lượng sinh hoạt của các cấp ủy, đẩy mạnh tự phê bình và phê bình. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được thông qua tại Đại hội lần thứ VII của Đảng (1991) xác định: Đảng lãnh đạo xã hội bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương công tác; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức kiểm tra và bằng hành động gương mẫu của đảng viên. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng (2016), xác định: "Đổi mới phương pháp, phong cách, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo Đảng từ Trung ương tới cơ sở, xây dựng phong cách làm việc khoa học, tập thể, dân chủ, gần dân, trọng dân, vì dân, bám sát thực tiễn, nói đi đôi với làm" [35, tr. 216].

4.2.2.2. Những thành tựu và hạn chế trong lãnh đạo xã hội của Đảng qua hơn 30 năm đổi mới

- Trong lãnh đạo xây dựng Đảng, chính quyền nhà nước

Trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Đảng ta đã ban hành một số nghị quyết quan trọng, như Nghị quyết Trung ương sáu (lần 2) khóa VIII "Về một số vấn đề cơ

bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay". Nghị quyết Trung ương bốn, khóa XI "Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay". Nghị quyết Trung ương bốn, khóa XII "Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ". Việc thực hiện các nghị quyết về xây dựng Đảng đã tạo sự chuyển biến nhất định trong việc ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên; bước đầu khắc phục được một số hạn chế, khuyết điểm trong công tác cán bộ và thực hiện các nguyên tắc tổ chức của Đảng.

Công tác lí luận có nhiều chuyển biến tích cực. Đã tiến hành nhiều cuộc tổng kết lớn: Tổng kết một số vấn đề lí luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986-2016); Tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991-2011), ban hành Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bổ sung, phát triển năm 2011, góp phần làm sáng tỏ nhận thức lí luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Công tác tư tưởng được coi trọng và tăng cường, góp phần vào sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận xã hội về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Triển khai có kết quả các cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" (khóa X); "Tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" (khóa XI); "Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" (khóa XII). Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và toàn xã hội tiếp tục được đổi mới. Thực hiện chế độ lãnh đạo tập thể đi đôi với phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, trách nhiệm của cá nhân, nhất là người đứng đầu.

Hội nghị giữa nhiệm kỳ (khóa VII) khái niệm về "Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa" chính thức được đặt ra. Đến Đại hội lần thứ IX của Đảng (2001), quan điểm về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được khẳng định dứt khoát trong văn kiện đại hội: "Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nhà nước ta là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, là nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân" [32, tr. 131].

Các quan điểm mới về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thể hiện trong Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 đã được thể chế hóa trong Hiến pháp năm 2013. Cải cách hành chính được đẩy mạnh, ban hành và sửa đổi, bổ sung nhiều luật quan trọng phù hợp với điều kiện mới của đất nước…

Tuy vậy, trong công tác xây dựng Đảng, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có mặt còn lúng túng. Chưa thật sự phát huy vai trò của tổ chức đảng, đảng viên, cấp ủy viên trong các cơ quan nhà nước. Chưa tập trung đúng mức lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng. Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa chưa đáp ứng được các nguyên tắc cơ bản. Cơ chế phân công và phối hợp thực hiện quyền lực nhà nước trong bộ máy nhà nước còn có những điểm chưa hợp lý. Hiệu quả giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp chưa cao. Cải cách tư pháp còn có những vướng mắc, thiếu đồng bộ…

- Trong lãnh đạo phát triển kinh tế

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (1986) đã xác định đổi mới toàn diện đất nước, trong đó có đổi mới trên lĩnh vực kinh tế. Thực chất đổi mới kinh tế ở nước ta là quá trình chuyển từ nền kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp, căn bản dựa trên chế độ sở hữu toàn dân và tập thể, sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Trong thời kỳ trước Đại hội lần thứ VIII của Đảng (1996), mục tiêu cơ bản của đổi mới kinh tế là thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và tạo tiền đề cho công nghiệp hóa. Thời kỳ này, Đảng ta đã có sự nhận thức, đổi mới quan trọng về chế độ sở hữu, thành phần kinh tế, cơ chế, chính sách kinh tế. Theo đó, Đảng ta xác định, trong nền kinh tế nhiều thành phần, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo với nội dung làm đòn bẩy nhanh tăng trưởng kinh tế và giải quyết những vấn đề xã hội. Đảng đã ra nhiều nghị quyết quan trọng tác động tích cực tới đời sống kinh tế, cũng như tâm lý của đông đảo nhân dân, chủ thể của nền kinh tế, như: Nghị quyết số 10 của Bộ Chính trị, khóa VI (4-1988), về tiếp tục hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động (khoán hộ trong nông nghiệp); Nghị quyết

số 16 của Bộ Chính trị, khóa VI (7-1988) về đổi mới chính sách và cơ chế quản lý đối với cơ sở sản xuất thuộc các thành phân kinh tế ngoài quốc doanh…

Đại hội lần thứ VIII của Đảng (1996) chủ trương tạo lập đồng bộ các yếu tố của thị trường, hình thành tương đối đồng bộ cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Các Đại hội lần thứ IX, X, XI, XII, Đảng ta nhận thức ngày càng rõ hơn nội dung và các yếu tố đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường, trước hết là thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh"; giải phóng mạnh mẽ và không ngừng phát triển sức sản xuất, từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất, "đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại" [35, tr. 89].

Chính vì vậy, qua hơn 30 năm đổi mới, chúng ta đã thu được nhiều thành quả quan trọng: Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhất là hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách được tiếp tục hoàn thiện. Vai trò, hiệu quả sức cạnh tranh của các chủ thể kinh tế, các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế được nâng lên. Các yếu tố thị trường và các loại thị trường được hình thành đồng bộ hơn, gắn kết với thị trường khu vực và quốc tế… Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước cũng có những bước phát triển rõ rệt. Tỷ trọng các ngành công nghiệp và dịch vụ tăng, tỷ trọng ngành nông nghiệp giảm. Tốc độ triển khai ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ được cải thiện, quy trình quản lý công nghiệp hiện đại được áp dụng. Cơ khí hóa, điện khí hóa, thủy lợi hóa, sinh học hóa được chú trọng gắn với phát triển kết cấu hạ tầng, xây dựng nông thôn mới.

Tuy vậy, nền kinh tế nước ta còn gặp nhiều khó khăn, thách thức. Kinh tế vĩ mô ổn định chưa vững chắc, tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm lại, nợ công tăng nhanh, thị trường tài chính, bất động sản phát triển thiếu lành mạnh, tiềm ẩn nhiều rủi ro. Việc thực hiện các giải pháp đột phá theo chủ trương của Đại hội lần thứ XI về đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế còn chậm. Chất lượng, hiệu quả, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp. Phần lớn sản xuất công nghiệp là hoạt động gia công, lắp ráp, giá trị gia tăng thấp. Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế chưa đồng bộ, thiếu tính kết nối.

- Trong lãnh đạo phát triển văn hóa

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986) của Đảng nêu rõ: "Mỗi hoạt động văn hóa, văn nghệ phải tính đến hiệu quả xã hội, tác động tốt đến tư tưởng, tâm lý, tình cảm, nâng cao trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa và trình độ thẩm mỹ của nhân dân" [29, tr. 91]. Tại Đại hội, lần đầu tiên Đảng nêu lên chủ trương xã hội hóa các hoạt động văn hóa.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương bốn, khóa VII (1993) "Về một số nhiệm vụ văn hóa, văn nghệ những năm trước mắt", Đảng xác định văn hóa là nền tảng tinh thần của đời sống xã hội. Hội nghị Trung ương năm, khóa VIII, Đảng đã ban hành Nghị quyết vê "Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc", đề ra những quan điểm chỉ đạo cơ bản, những giải pháp lớn để xây dựng và phát triển văn hóa. Từ Đại hội lần thứ IX đến Đại hội lần thứ XII, trực tiếp là Hội nghị Trung ương chín, khóa XI, Đảng ban hành Nghị quyết "Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước". Đại hội XII của Đảng (2016), xác định mục tiêu: "Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân, thiện, mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh" [35, tr. 126].

Đảng ta đã không ngừng bổ sung, hoàn thiện những vấn đề lí luận về xây dựng, phát triển văn hóa: Xác định tính chất của nền văn hóa Việt Nam trong thời kỳ phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế, nhấn mạnh các đặc trưng: dân tộc, nhân văn, dân chủ, khoa học; Xác định mối quan hệ khăng khít giữa xây dựng văn hóa với xây dựng con người, định hướng phát triển con người toàn diện với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo; Xác định rõ quan hệ khăng khít giữa xây dựng, phát triển văn hóa với các các lĩnh vực, các mặt hoạt động của đời sống xã hội, đặc biệt là quan hệ giữa chính trị với văn hóa, kinh tế với văn hóa. Nhấn mạnh yêu cầu xây dựng văn hóa trong Đảng, cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, phát

huy vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; hoàn thiện định hướng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục; đẩy mạnh phát triển văn học, nghệ thuật, báo chí, xuất bản; gắn kết bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống với sáng tạo các giá trị văn hóa mới…

Trong thực tiễn, qua hơn 30 năm đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, lĩnh vực xây dựng, phát triển văn hóa đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ. Những tiến bộ trong giáo dục đào tạo, sự khởi sắc trong hoạt động văn hóa, văn nghệ, truyền thông đại chúng, bảo tồn, phát huy các di sản của văn hóa; sự tăng cường các thiết chế văn hóa cơ sở..v.v.. làm cho đời sống tinh thần của xã hội phong phú, đa dạng hơn, mức hưởng thụ văn hóa của người dân từng bước được nâng lên. "Cả nước có 7.484 di tích văn hóa cấp tỉnh, 3.202 di tích văn hóa cấp quốc gia; 48 di tích văn hóa quốc gia đặc biệt, 8 di sản văn hóa và thiên nhiên được UNESCO vinh danh là di sản thế giới; có gần 19.000 thư viện các cấp; 154 bản làng văn hóa; 5.429 nhà văn hóa các cấp; 786 cơ quan báo chí với 1.016 ấn phẩm…" [43, tr. 97]. Trong xã hội, bầu không khí dân chủ, cởi mở hơn, dân trí được nâng cao. Những nhân tố mới, giá trị mới của con người Việt Nam thời kỳ CNH,HĐH, hội nhập quốc tế được từng bước định hình trong đời sống. Quyền tự do sáng tạo văn học, nghệ thuật được tôn trọng; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và sinh hoạt tâm linh của nhân dân được quan tâm thực hiện. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", đạt được những kết quả tích cực, tạo môi trường tốt để nuôi dưỡng, phát huy những giá trị nhân văn của dân tộc. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng các dân tộc được phát huy, đồng thời xuất hiện những giá trị văn hóa mới.

Tuy vậy, chúng ta phải đối mặt với các tác động tiêu cực của cơ chế thị trường, hội nhập quốc tế. Sự du nhập các sản phẩm phi văn hóa, phản văn hóa đã tác động tiêu cực đến một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là thế hệ trẻ. Nhiều chủ trương, quan điểm đúng đắn của Đảng về xây dựng, phát triển văn hóa, con người chậm được thể chế hóa. Nhiều cấp ủy, chính quyền các cấp chưa quan tâm đầy đủ, chỉ đạo thiếu quyết liệt, thậm chí khoán trắng cho cơ quan chuyên môn. Nguồn lực đầu tư cho phát triển văn hóa, con người còn hạn chế.

- Trong thực hiện chính sách xã hội, công bằng, an sinh xã hội

Qua hơn 30 năm đổi mới, Đảng ta ngày càng nhận thức đầy đủ và cụ thể hơn tầm quan trọng của việc giải quyết các vấn đề xã hội, đặc biệt là an sinh xã hội, phúc lợi xã hội. Khẳng định mục tiêu chính của xã hội là nhằm xây dựng và phát triển con người, đem lại cuộc sống hạnh phúc cho con người, góp phần lành mạnh hóa xã hội và phát triển bền vững đất nước. Nhận thức rõ hơn mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; vai trò của chính sách xã hội, sự thống nhất và kết hợp hài hòa giữa chính sách kinh tế với chính sách xã hội. Xây dựng và thực hiện chính sách xã hội đúng đắn, vì con người là động lực mạnh mẽ phát triển kinh tế, phát huy mọi năng lực sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đảng ta đã nhất quán chủ trương xây dựng xã hội dân chủ, công bằng, văn minh; các giai cấp, tầng lớp dân cư đoàn kết, bình đẳng về nghĩa vụ, quyền lợi; phát huy vai trò của giai cấp công nhân, nông dân, đội ngũ trí thức, doanh nhân, thế hệ trẻ, người cao tuổi, phụ nữ, cựu chiến binh, người Việt Nam ở nước ngoài; xây dựng gia đình, cộng đồng lành mạnh, đồng thuận trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH. Nhận thức của Đảng về tôn giáo, tín ngưỡng có bước tiến quan trọng, tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân.

Hơn 30 năm qua, Đảng ta đã đề ra và lãnh đạo nhân dân thực hiện thành công đường lối Đổi mới, đưa nước ta từng bước ra khỏi khủng hoảng, ổn định, nâng cao đời sống nhân dân. Từ một nước phải nhập khẩu lương thực, Việt Nam vươn lên thành một trong những nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới. Chính sách miễn, giảm thuế cho nông dân theo tinh thần *Di chúc* Bác Hồ từng bước được thực hiện, góp phần khoan thư sức dân, tạo điều kiện cho người dân có cơ hội mở rộng sản xuất. Các chính sách về lao động việc làm của Nhà nước đã chuyển biến theo hướng ngày càng phù hợp hơn với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Công tác xóa đói giảm nghèo đạt nhiều thành tựu quan trọng, được cộng đồng quốc tế đánh giá cao. Chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ, số bác sĩ, số giường bệnh trên một vạn dân tăng nhanh.

Các đối tượng chính sách, người có công được Đảng, Nhà nước và xã hội hết sức quan tâm, tạo điều kiện về việc làm, ổn định đời sống sinh hoạt. Bảo đảm mức sống của người có công bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư trên địa bàn cư trú. Hệ thống an sinh xã hội phát triển không ngừng, bảo đảm cung ứng một số dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân, đặc biệt là người nghèo, đồng bào các dân tộc về giáo dục tối thiểu, y tế tối thiểu, nhà ở tối thiểu; bảo đảm nước sạch, bảo đảm thông tin.

Tuy vậy, vẫn còn những hạn chế, như: Một số chính sách xã hội chậm đổi mới, chưa sát thực tiễn, thiếu cơ sở khoa học, thiếu chính sách đặc thù; Phân hóa giàu nghèo có xu hướng tăng; Giảm nghèo thiếu bền vững; Một số bức xúc xã hội chậm được giải quyết, tiềm ẩn nguy cơ gây mất ổn định chính trị - xã hội.

4.2.2.3. Những vấn đề đặt ra cần giải quyết trong thực tiễn công tác lãnh đạo của Đảng hiện nay

Có thể nói, những vấn đề đặt ra cần giải quyết trong thực tiễn công tác lãnh đạo của Đảng hiện nay là khá nhiều, tuy nhiên, trong khuôn khổ, dung lượng của luận án, nghiên cứu sinh chỉ xin phép đề cập tới một số vấn đề sau:

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng

Những năm gần đây, Đảng đã có những đổi mới quan trọng về phương thức lãnh đạo, ngày càng phân định rõ hơn chức năng lãnh đạo của Đảng với chức năng quản lý của Nhà nước; phát huy tốt hơn quyền chủ động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện chức năng tham gia quản lý, giám sát và vận động quần chúng. Phong cách lãnh đạo, lề lối làm việc của các cấp ủy, tổ chức đảng, của đội ngũ cán bộ, đảng viên cũng được cải tiến; dân chủ được phát huy, công khai được mở rộng, pháp luật được đề cao…Trên cơ sở đó, đã phát huy tính tích cực, chủ động hơn của các cơ quan nhà nước, các tổ chức trong hệ thống chính trị và của toàn xã hội.

Tuy vậy, đến nay, các nội dung về phương thức lãnh đạo của Đảng được Cương lĩnh xác định là đúng đắn, nhưng chưa được cụ thể hóa, thể chế hóa đầy đủ; tổ chức thực hiện kém hiệu quả; quan hệ giữa chức năng lãnh đạo của Đảng và chức năng quản lý của Nhà nước, vai trò của tổ chức chính trị xã hội vẫn chưa thực sự rõ

ràng trong lí luận và trong thực tiễn hoạt động. Thẩm quyền, trách nhiệm giữa các tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước vẫn còn chưa phân biệt rõ. Bộ máy của Đảng và bộ máy của Nhà nước còn cồng kềnh, chồng chéo, thiếu cơ chế phối hợp cụ thể. Sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng từ Trung ương xuống địa phương vẫn chưa khắc phục được tính hành chính điều hành, bao biện. Hoạt động kiểm tra, giám sát của các tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước chưa thật sự đáp ứng yêu cầu của tình hình phát triển đất nước; kỷ luật, kỷ cương bị buông lỏng; các phương pháp giáo dục, nêu gương chưa thật sự có tính thuyết phục; phong cách công tác của một số tổ chức đảng và của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên vẫn còn quan liêu, xa rời thực tiễn, thiếu gắn bó với nhân dân…Những hiện tượng trên đang gây ảnh hưởng tiêu cực đến vai trò lãnh đạo của Đảng, làm giảm hiệu quả các nỗ lực đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong bối cảnh hiện nay của nước ta.

Có thể nói, vấn đề đảng cầm quyền, đảng lãnh đạo nhà nước và toàn xã hội, phương thức lãnh đạo của đảng cầm quyền là những vấn đề lí luận mới, nhưng chưa được nghiên cứu, giải đáp thỏa đáng và còn bỏ ngỏ trên nhiều phương diện. Một khi chưa có sự soi đường của lí luận thì trong hoạt động thực tiễn vẫn còn lúng túng. Điều này cho thấy, đổi mới và hoàn thiện phương thức lãnh đạo của Đảng, đáp ứng những yêu cầu, đòi hỏi ngày càng cao của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhu cầu cấp bách, trở thành một nội dung quan trọng của đổi mới công tác xây dựng Đảng nói chung. Về nhận thức, cần thấy rằng đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng là xác lập được một phương thức lãnh đạo khoa học, đúng đắn, thỏa mãn các yêu cầu: Giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, nghĩa là bản thân Đảng phải thật sự mạnh lên, có uy tín, ảnh hưởng nhiều hơn bằng phương thức lãnh đạo mới; Phát huy tối đa hiệu lực quản lý của Nhà nước; Tăng cường tính tích cực, chủ động, sáng tạo và năng lực làm chủ của quần chúng nhân dân.

Như vậy, phương thức lãnh đạo mới phải khẳng định được vai trò hạt nhân lãnh đạo của Đảng trong hệ thống chính trị, đồng thời phát huy được sức mạnh tổng hợp của toàn bộ hệ thống chính trị, nhằm đạt được mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Để thực hiện được yêu cầu trên đòi hỏi cần có

những nghiên cứu theo chiều sâu, có hệ thống và toàn diện hơn vấn đề đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay, xác định rõ mô hình hệ thống chính trị ở nước ta làm cơ sở cho đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Từ phương pháp luận Hồ Chí Minh có thể gợi mở một số khía cạnh nghiên cứu vấn đề đặt ra. Theo Hồ Chí Minh, trong những điều kiện, hoàn cảnh lịch sử khác nhau, Đảng phải có phương thức lãnh đạo thích hợp. Do nhu cầu thực hiện giải quyết các nhiệm vụ cách mạng trong từng thời kỳ, đổi mới cách lãnh đạo của Đảng là một việc làm thường xuyên, nhằm từng bước xác lập một phương thức lãnh đạo đúng. Như thế, việc xác lập một phương pháp lãnh đạo đúng của Đảng Cộng sản Việt Nam cần xác định rõ: Đảng ta là một đảng cầm quyền. Đảng lãnh đạo trước hết là lãnh đạo chính trị bằng cương lĩnh, đường lối, quan điểm, chủ trương, chính sách và các định hướng lớn. Vì vậy, đảng cầm quyền phải tìm ra và tuân theo một quy trình nghiêm ngặt để định ra đường lối, quyết sách chiến lược đúng đắn. Theo tinh thần Hồ Chí Minh, quy trình này bao gồm các bước:

1. Có tri thức, có lí luận cách mạng

2. Khi xác định đường lối ("khẩu hiệu và chỉ thị") luôn luôn phải dựa vào điều kiện thiết thực và kinh nghiệm cách mạng ở các nước, ở trong nước và địa phương.

3. Phải luôn luôn do nơi quần chúng mà kiểm soát những khẩu hiệu và chỉ thị ấy có đúng hay không?

4. Phải luôn luôn xem xét lại tất cả công tác của Đảng. Mọi công tác của Đảng luôn luôn phải đứng về phía quần chúng.

5. Mỗi công việc của Đảng phải giữ nguyên tắc và phải liên hiệp chặt chẽ với quần chúng để lãnh đạo được dân chúng, học dân chúng và nâng cao dân chúng.

6. Phải giữ vững tính cách mạng và khéo dùng những cách thức thi hành cho linh hoạt, phải biết cách thực hiện và phải biết liên hiệp lợi ích ngày thường và lợi ích lâu dài của quần chúng.

7. Không khi nào được che giấu khuyết điểm, sự phê bình, phải luôn luôn xem xét lại những nghị quyết và những chỉ thị của mình đã thi hành thế nào. Nếu không vậy thì những nghị quyết và chỉ thị đó sẽ hóa ra lời nói xuông mà còn hại đến lòng tin cậy của nhân dân đối với Đảng.

Xác định rõ phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Đảng lãnh đạo Nhà nước thông qua việc đề ra đường lối, chủ trương, các chính sách lớn, định hướng cho sự phát triển và kiểm tra việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước. Ban Chấp hành Trung ương, tập thể cấp ủy, Ban cán sự Đảng, Đảng đoàn thảo luận dân chủ, biểu quyết và ra nghị quyết theo đa số những vấn đề quan trọng về đường lối, chủ trương, chính sách, về tổ chức, cán bộ. Tăng cường chế độ lãnh đạo tập thể đi đôi với phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo và trách nhiệm cá nhân.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng phải đồng bộ với đổi mới tổ chức và hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, nhằm tạo ra các chuyển biến tích cực và đều khắp trong toàn bộ hệ thống chính trị. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng phải gắn liền với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức với đổi mới hoạt động của các tổ chức đảng và nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Mạnh dạn khắc phục tình trạng bộ máy Đảng song trùng với bộ máy nhà nước, chồng chéo chức năng, lẫn lộn trách nhiệm. Các cơ quan lãnh đạo của Đảng từ Trung ương đến địa phương cần tăng cường sử dụng bộ máy nhà nước làm chức năng tham mưu, đề xuất chủ trương, chính sách, đồng thời tăng cường củng cố và nâng cao năng lực các ban trực tiếp làm công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức cán bộ và kiểm tra nhằm bảo đảm cho Đảng thật sự là một tổ chức chính trị gọn về cơ cấu, rõ ràng về chức năng, linh hoạt trong lãnh đạo và sử dụng hiệu quả bộ máy nhà nước.

Đảng lãnh đạo xã hội bằng Nhà nước và thông qua Nhà nước. Do vậy, một mặt phải tiếp tục cải cách mạnh mẽ bộ máy nhà nước theo các yêu cầu và tiêu chí của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân. Theo đó, bộ máy nhà nước phải được tổ chức tinh gọn, chuyên nghiệp hóa nhằm thực hiện tốt chức năng lập pháp, hành pháp, tư pháp. Mặt khác, phải tạo ra sự chuyển biến thật sự tích cực trong mối quan hệ giữa sự lãnh đạo của Đảng và vai trò quản lý, điều hành của Nhà nước theo đúng phương châm: “Đảng lãnh đạo Nhà nước nhưng không làm thay Nhà nước”.

Tăng cường và xây dựng quy chế thực hiện công tác thâm nhập thực tiễn đối với cán bộ các cấp, tránh cách lãnh đạo quan liêu, bàn giấy. Các cấp ủy viên, nhất là cán bộ chủ chốt, phải xây dựng chương trình công tác ở cơ sở, tiếp xúc, lắng nghe và trả lời chất vấn của đảng viên và nhân dân; cấp ủy trong chương trình công tác, phải có kế hoạch định kỳ làm việc với Ban Chấp hành các đoàn thể, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ, vai trò chủ động, sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

Đổi mới tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng. Kiểm tra giám sát bằng hai phương thức, từ trên xuống, từ dưới lên. Nội dung kiểm tra bao gồm: Kiểm tra thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ và quy chế làm việc; củng cố đoàn kết nội bộ, giáo dục, rèn luyện, nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên. Chế độ kiểm tra, giám sát phải gắn liền với chế độ thưởng phạt nghiêm minh. Khi phát hiện những cán bộ sai phạm phải xử lý kịp thời, đúng người, đúng tội. Nghiêm trị những kẻ chạy tội và những người bao che cho kẻ có tội.

- Xây dựng chiến lược cán bộ lãnh đạo, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp

Đất nước ta đang trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH, nhiệm vụ chính trị mới rất nặng nề, khó khăn và phức tạp, đòi hỏi Đảng ta phải xây dựng được một đội ngũ cán bộ ngang tầm, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp, góp phần thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII) đã ra Nghị quyết số 03 - NQ/TW, ngày 18 - 6 - 1997 về Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước. Hội nghị lần thứ chín, Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) đã tiến hành tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khoá VIII) và ra Kết luận số 37 - KL/TW, ngày 2 - 2 - 2009, về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chiến lược cán bộ từ nay đến năm 2020.

Đảng ta nhận định, trong thời kỳ mới đẩy mạnh CNH, HĐH và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, đội ngũ cán bộ nước ta có bước trưởng thành về nhiều mặt, tích luỹ được nhiều kinh nghiệm quý báu, là lực lượng nòng cốt cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân làm nên những thành tựu to lớn trong công cuộc đổi mới, xây

dựng và bảo vệ Tổ quốc. Số đông cán bộ giữ vững được bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh gắn bó với nhân dân. Công tác cán bộ đã bám sát nhiệm vụ chính trị, thể chế hoá, cụ thể hoá được nhiều chủ trương, quan điểm, giải pháp lớn đề ra trong Chiến lược cán bộ.

Tuy nhiên, nhiều khuyết điểm, yếu kém trong công tác cán bộ chậm được khắc phục; việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện của một số cấp uỷ, tổ chức đảng chưa nghiêm. Chất lượng đội ngũ cán bộ còn những mặt yếu; cơ cấu đội ngũ cán bộ vẫn mất cân đối; thiếu cán bộ lãnh đạo giỏi, cán bộ đầu ngành, cán bộ có trình độ cao, có khả năng dự báo, xử lý tốt những vấn đề phức tạp nảy sinh... Tình trạng suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, kể cả cán bộ lãnh đạo cấp cao diễn ra nghiêm trọng, kéo dài nhưng chậm có giải pháp hữu hiệu để ngăn chặn và xử lý kịp thời.

Hồ Chí Minh từng chỉ rõ: "Cán bộ là gốc của công việc", "công việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém". Nếu cán bộ tốt, cán bộ ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ thì việc xây dựng đường lối, chính sách sẽ đúng đắn và là điều kiện tiên quyết đưa sự nghiệp cách mạng đi đến thắng lợi. Không có đội ngũ cán bộ tốt, không biết dùng cán bộ thì dù đường lối chính sách có đúng đến đâu cũng khó có thể biến thành hiện thực. Thấm nhuần quan điểm của Người, trong thực hiện chiến lược cán bộ thời kỳ tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp CNH, HĐH, chúng ta cần quán triệt nghiêm túc các nhiệm vụ, giải pháp sau:

Đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng về công tác cán bộ. Tiếp tục cụ thể hoá, thể chế hoá nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ. Bổ sung, hoàn thiện hệ thống các quy định, quy chế về sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của các tổ chức thành viên khác trong hệ thống chính trị; tiếp tục cải tiến quy trình công tác nhân sự của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Mở rộng và phát huy dân chủ trong công tác cán bộ.

Đổi mới công tác đánh giá cán bộ, xây dựng mới tiêu chuẩn chức danh cán bộ, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch, khách quan, toàn

diện, công tâm, như Hồ Chí Minh đã chỉ ra: "Nhận xét cán bộ không nên chỉ xét ngoài mặt, chỉ xét một lúc, một việc, mà phải xét kỹ cả toàn bộ công việc của cán bộ" [79, tr.318]. Nâng cao phẩm chất, năng lực và trách nhiệm của người được giao nhiệm vụ đánh giá cán bộ. Xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá cụ thể đối với từng chức danh, từng đối tượng cán bộ. Xây dựng quy trình đánh giá cán bộ theo hướng đổi mới, mở rộng dân chủ, xác định rõ trách nhiệm của tập thể và người đứng đầu. Tiến hành đánh giá cán bộ theo định kỳ hàng năm, trước khi hết nhiệm kỳ, trước khi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, quy hoạch, điều động. Tiêu chuẩn các chức danh cán bộ lãnh đạo theo yêu cầu mới, nhất là một số chức danh chủ chốt phải kinh qua thực tiễn lãnh đạo, có trình độ về chuyên môn, lý luận chính trị, ngoại ngữ theo hướng phù hợp với từng vị trí công tác. Cán bộ lãnh đạo phải có đạo đức trong sáng, tác phong chuẩn mực, có sự tín nhiệm của đông đảo cán bộ trực tiếp dưới quyền, của chi bộ và quần chúng nhân dân.

Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch cán bộ ở tất cả các cấp, nhất là cấp chiến lược, bảo đảm sự chủ động, có tầm nhìn xa, đáp ứng cả nhiệm vụ trước mắt và lâu dài. Thực hiện phương châm "động" và "mở" trong xây dựng quy hoạch cán bộ. Đổi mới quy trình giới thiệu cán bộ vào nguồn quy hoạch các chức danh lãnh đạo, nhất là đối với cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số. Tiếp tục thực hiện chủ trương luân chuyển cán bộ, đưa công tác này vào nền nếp thường xuyên. Xây dựng và thực hiện kế hoạch luân chuyển cán bộ, trong đó quy định rõ mục tiêu, quan điểm, phạm vi, đối tượng, độ tuổi, thời gian luân chuyển, chế độ chính sách, quy trình luân chuyển, định hướng sắp xếp sau luân chuyển. Các đối tượng cán bộ trẻ, nữ cần được thực hiện luân chuyển, tham gia các công tác khác như công tác đoàn thể, công tác nhân sự tạo điều kiện rèn luyện, thử thách qua thực tiễn. Sau khi hết thời hạn luân chuyển phải tiến hành đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và khả năng của cán bộ để tiến hành bố trí, sắp xếp công việc phù hợp.

Tạo chuyển biến sâu sắc trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo quy hoạch, theo tiêu chuẩn chức danh cán bộ. Xác định rõ tiêu chuẩn từng loại cán bộ để định chương trình đào tạo, gắn với xây dựng "lộ trình" hợp lý, khoa học trong quy hoạch, sử dụng đội ngũ cán bộ các cấp theo quan điểm Hồ Chí Minh "làm việc gì

học việc ấy". Trong thực tiễn hiện nay, việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phải kết hợp nhiều hình thức: đào tạo cơ bản, dài hạn đối với cán bộ nguồn, cán bộ diện quy hoạch các chức danh chủ chốt trong hệ thống chính trị; thường xuyên chú ý bồi dưỡng ngắn hạn và mang tính cập nhật kiến thức chuyên đề chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo; Thực hiện đào tạo toàn diện, chú trọng các mặt tư tưởng, chính trị, nâng cao trình độ kiến thức, rèn luyện năng lực tư duy khoa học, lí luận, khả năng xử lý tình huống, trau dồi đạo đức, lối sống; Gắn công tác đào tạo của tổ chức với việc tự học tập, nâng cao trình độ của cán bộ lãnh đạo; Xây dựng quy chế khoa học để tuyển lựa cán bộ đưa đi đào tạo, đồng thời đánh giá đúng chất lượng cán bộ đã qua đào tạo, bồi dưỡng, để bảo đảm "đầu vào" chặt chẽ, đúng đối tượng, "đầu ra" đáp ứng được yêu cầu của nơi tiếp nhận, sử dụng cán bộ.

Cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức theo yêu cầu tăng cường chất lượng, tinh giản biên chế, bảo đảm cơ cấu hợp lý giữa các chức danh lãnh đạo, các ngạch, bậc công chức, viên chức; giữa các độ tuổi, giới, địa bàn, lĩnh vực công tác, nguồn gốc xuất thân; khắc phục tình trạng vừa thừa vừa thiếu cán bộ. Cải cách hệ thống chính sách, đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất, công bằng trong thực hiện chính sách cán bộ giữa các cấp, các ngành, các địa phương, các đối tượng cán bộ; gắn chính sách cán bộ trong từng khâu của công tác cán bộ, gắn trách nhiệm, nghĩa vụ với quyền lợi; cải cách cơ bản chế độ tiền lương, chính sách về nhà ở, nhà công vụ đối với cán bộ. Cải cách công tác thi đua, khen thưởng để tạo động lực thúc đẩy phong trào thi đua yêu nước một cách thực chất, khắc phục "bệnh thành tích", hình thức, lãng phí.

Đổi mới công tác tuyển chọn, bố trí, sử dụng cán bộ. Hoàn thiện chế độ bầu cử; cải tiến cách thức tuyển chọn, lấy phiếu tín nhiệm, bổ nhiệm cán bộ để chọn đúng người, bố trí đúng việc. Hồ Chí Minh từng nói:

> "Khi cất nhắc một cán bộ, cần phải xét rõ người đó có gần gụi quần chúng, có được quần chúng tin cậy và mến phục không. Lại phải xem người ấy xứng với việc gì. Nếu người có tài mà dùng không đúng tài của họ, cũng không được việc. Nếu cất nhắc không cẩn thận, không khỏi đem người bô lô ba la, chỉ nói mà không biết làm, vào những địa vị lãnh đạo. Như thế rất có hại" [79, tr. 314].

Hay “Dùng người cũng như dùng gỗ. Người thợ khéo thì gỗ to, nhỏ, thẳng, cong, đều tuỳ chỗ mà dùng được” [79, tr. 88]. Trong công tác sử dụng, bổ nhiệm cán bộ hiện nay, cán bộ nhất thiết phải trong quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phải đảm bảo tiêu chuẩn, năng lực theo quy định. Xây dựng và thực hiện tốt chế độ miễn nhiệm, từ chức, cho thôi việc, thay thế cán bộ kém phẩm chất và năng lực, không hoàn thành nhiệm vụ để phương châm "có lên, có xuống, có vào, có ra" được thực hiện bình thường trong bố trí, sử dụng cán bộ. Xây dựng cơ chế đảng viên và nhân dân tham gia giám sát cán bộ và công tác cán bộ.

Tăng cường công tác giáo dục, quản lý cán bộ, quy định về quyền hạn, trách nhiệm của cấp uỷ và lãnh đạo chủ chốt các cấp trong giáo dục và quản lý cán bộ, gắn việc xây dựng đội ngũ cán bộ, đổi mới công tác cán bộ với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, với phòng, chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí, tiêu cực. Điều chỉnh việc phân cấp quản lý cán bộ xác định rõ trách nhiệm của từng cấp và cá nhân người đứng đầu trong công tác cán bộ; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện của cấp dưới, kịp thời chấn chỉnh những vấn đề nảy sinh. Xây dựng quy định về quản lý cán bộ đối với cả cán bộ lãnh đạo đương chức và trong quy hoạch.

Tiểu kết chương 4

Với những giá trị được sáng tạo ra từ trong sự nghiệp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội có ý nghĩa lí luận và thực tiễn sâu sắc. Tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội đã góp phần phát triển và làm phong phú thêm giá trị lãnh đạo xã hội trong truyền thống của dân tộc Việt Nam và lí luận lãnh đạo xã hội của chủ nghĩa Mác-Lênin. Bằng việc vận dụng khéo léo và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, Hồ Chí Minh đã xây dựng một hệ thống quan điểm lý luận toàn diện và sâu sắc trong lãnh đạo xã hội, từ lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc đến cách mạng xã hội chủ nghĩa; trở thành cơ sở lí luận xây dựng lí luận lãnh đạo xã hội và lí luận cầm quyền ở Việt Nam, nhất là trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước. Ngày nay, Đảng Cộng sản Việt Nam đã quán triệt và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết một số vấn đề thực tiễn đặt ra trong công tác lãnh đạo hiện nay, thực hiện thắng lợi chủ trương, đường lối lãnh đạo của Đảng trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Với những giá trị có tính bền vững, tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội đang tiếp tục phát huy giá trị trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân Việt Nam hiện nay. Đặc biệt, với tính cách là một mẫu mực về giá trị trong lãnh đạo, quản lý, tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội có ý nghĩa thiết thực đối với việc nâng cao năng lực, sức chiến đấu của Đảng Cộng sản Việt Nam trong điều kiện đảng cầm quyền, lãnh đạo toàn xã hội, thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước.

KẾT LUẬN

Hồ Chí Minh được nhân loại tôn vinh là một trong những nhân vật có tầm ảnh hưởng lớn của thế kỷ XX trên phương diện nhà lãnh đạo, nhà cách mạng. Đó là sự ghi nhận chính đáng về một con người với khả năng lãnh đạo xuất chúng, có tầm nhìn xa rộng, nắm bắt được xu thế vận động, phát triển của dân tộc và thời đại. Tư tưởng của Người về lãnh đạo xã hội là hệ thống các quan điểm sâu sắc và toàn diện về mục tiêu, đường lối phát triển xã hội đúng đắn của cách mạng Việt Nam, về tổ chức các lực lượng xã hội để thực hiện mục tiêu, đường lối đó trong suốt quá trình đấu tranh cho sự nghiệp GPDT, giải phóng giai cấp, giải phóng con người trên lập trường giai cấp công nhân, với mục đích không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống của nhân dân lao động, hướng tới các giá trị chân, thiện, mỹ, phấn đấu vì một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, góp phần vào sự nghiệp cách mạng thế giới. Tư tưởng đó là kết quả của sự tích hợp, thâu thái, chắt lọc các giá trị bền vững những giá trị lãnh đạo xã hội truyền thống của dân tộc và tinh hoa giá trị lãnh đạo xã hội của nhân loại, đặc biệt là giá trị lãnh đạo xã hội của chủ nghĩa Mác - Lênin, để áp dụng vào thực tiễn lãnh đạo xã hội Việt Nam qua các giai đoạn cách mạng.

Nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội được thể hiện rất rõ trên các mặt mục tiêu, chủ thể, đối tượng, phương pháp và phong cách lãnh đạo xã hội. Trong quá trình lãnh đạo xã hội, để đảm bảo sự lãnh đạo một cách đúng đắn và hiệu quả, Hồ Chí Minh đã vận dụng nhiều biện pháp, cách thức khác nhau, nhằm phát huy vai trò của chủ thể lãnh đạo xã hội cũng như sự nhiệt tình cách mạng, sức sáng tạo của các tầng lớp nhân dân lao động nhằm đạt kết quả cao nhất trong chỉ đạo hoạt động thực tiễn. Bằng tư duy lí luận sắc sảo và hoạt động thực tiễn phong phú, Hồ Chí Minh đã có những chỉ dẫn quan trọng, trực tiếp vào hoạt động lãnh đạo xã hội, từ cách mạng giải phóng dân tộc đến cách mạng xã hội chủ nghĩa, góp phần to lớn vào những thành tựu của Đảng ta trong lãnh đạo xã hội qua các thời kỳ. Với 24 năm ở cương vị cao nhất của Đảng và Nhà nước, Người đã để lại những quan điểm và bài học quan trọng về lãnh đạo xã hội, đã, đang và sẽ mãi là cẩm nang hữu ích cho

Đảng Cộng sản Việt Nam trong sự nghiệp lãnh đạo xã hội, nhất là trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước.

Với những giá trị được sáng tạo ra từ trong sự nghiệp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xã hội có ý nghĩa lí luận và thực tiễn sâu sắc: Góp phần phát triển và làm phong phú thêm giá trị lãnh đạo xã hội trong truyền thống của dân tộc Việt Nam và lí luận lãnh đạo xã hội của chủ nghĩa Mác-Lênin; trở thành nền tảng, cơ sở lí luận xây dựng lí luận lãnh đạo xã hội ở Việt Nam; Cơ sở quan trọng cho việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và toàn xã hội, cũng như việc xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo trong thời kỳ mới, kỷ cương, liêm chính, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân; Tư tưởng đó đã và đang được Đảng Cộng sản Việt Nam quán triệt, vận dụng sáng tạo, góp phần thực hiện thắng lợi chủ trương, đường lối lãnh đạo của Đảng trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội, tất cả vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh", đưa Việt Nam tiến bước cùng thời đại.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Đinh Ngọc Quý (2013), "Góp phần tìm hiểu văn hóa chính trị Hồ Chí Minh", *Tạp chí Lịch sử Đảng* (5), tr 33-40.
2. Đinh Ngọc Quý (2016), "Quan điểm Hồ Chí Minh về phương pháp lãnh đạo dân chủ", *Tạp chí Thông tin khoa học Lý luận chính trị*, (8), tr 69-75.
3. Đinh Ngọc Quý (2016), "Quan điểm của Hồ Chí Minh về phát triển lĩnh vực xã hội", *Tạp chí Khoa học chính trị*, (9), tr 8-12.
4. Đinh Ngọc Quý (2016), "Quan điểm của Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế", *Tạp chí Lịch sử Đảng*, (10), tr 36-41.
5. Đinh Ngọc Quý (2016), "Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng, phát triển văn hóa Việt Nam", *Tạp chí Lý luận chính trị,* (10), tr 38-43.
6. Đinh Ngọc Quý (2017), "Văn hóa cầm quyền trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh" *Tạp chí Lịch sử Đảng,* (3), tr 21-24.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tài liệu tiếng Việt

1. Phạm Ngọc Anh (chủ biên) (2003), *Bước đầu tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Phạm Ngọc Anh (chủ biên) (2007), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa Đảng*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Phạm Ngọc Anh (chủ biên) (2012), *Phát huy các nguồn lực của dân làm lợi cho dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Phạm Ngọc Anh (2012), "Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội", *Tạp chí Lí luận chính trị* (02), tr 3-7.
5. Phạm Ngọc Anh (2014), "Văn hóa lãnh đạo của Đảng cầm quyền", *Tạp chí Tuyên giáo* (11), tr 26-31.
6. Phạm Ngọc Anh (chủ biên) (2015), *Phong cách làm việc Hồ Chí Minh - giá trị lý luận và thực tiễn*, NXB Lí luận chính trị, Hà Nội.
7. Phạm Ngọc Anh (chủ biên) (2016), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng xã hội mới - giá trị lí luận và thực tiễn,* Nxb Công an nhân dân.
8. Phạm Ngọc Anh - Bùi Đình Phong (2009), *Hồ Chí Minh văn hoá và phát triển,* NXB Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
9. Nguyễn Ngọc Ánh (2013), "Phong cách lãnh đạo Hồ Chí Minh", *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam* (01), tr 32-36.
10. Vũ Quang Ánh, Phan Văn Toản (2013), "Tư tưởng Hồ Chí Minh về đảng cầm quyền"*, Tạp chí Lí luận chính trị và truyền thông* (13), tr 21-24.
11. Lưu Văn An, Dương Xuân Ngọc (2011), *Hỏi và đáp những vấn đề cơ bản của chính trị học,* NXB Chính trị - Hành chính.
12. A.Uris (1996), *Nghệ thuật lãnh đạo*, Nxb Hà Nội.
13. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương (2005), *Lịch sử biên niên công tác tư tưởng - văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam (1925 - 1954)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
14. Hoàng Chí Bảo (2008), "Phát triển xã hội và quản lý sự phát triển xã hội trong tiến trình đổi mới", *Tạp chí Lý luận chính trị*, (10), tr 24-31.

15. Hoàng Chí Bảo (2011), *Tìm hiểu phương pháp Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
16. Hoàng Chí Bảo (2017), "Mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ trong điều kiện Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền", *Tạp chí Thông tin lí luận chính trị*, (1), tr 11-22.
17. Nguyễn Khánh Bật (chủ biên) (2001), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề nông dân*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
18. Phạm Văn Bính (chủ biên) (2007), *Phương pháp dân chủ Hồ Chí Minh,* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
19. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995) *Toàn tập,* tập 2, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội
20. C.Mác và Ph.Ăngghen (1998) *Toàn tập* tập 46, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội
21. Đỗ Minh Cương (2009), "Về xây dựng văn hóa lãnh đạo, quản lý ở Việt Nam", *Tạp chí Thông tin khoa học xã hội* (8), tr 25-30.
22. Phan Huy Chú (1961) *Lịch triều hiến chương loại chí*, *tập 1*, NXB Sử học, Hà Nội
23. Phan Huy Chú (1961) *Lịch triều hiến chương loại chí*, *tập 2*, NXB Sử học, Hà Nội
24. *Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn* (1990), Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
25. Trần Nhật Duật (2012), "Quan điểm Hồ Chí Minh về phong cách người cán bộ", *Tạp chí Li luận chính trị* (7), tr 34-38.
26. Nguyễn Bá Dương (2014), *Khoa học lãnh đạo - Lý thuyết và kỹ năng*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
27. Thành Duy (2014), *Văn hóa lãnh đạo, triết lý phát triển bền vững trong tư duy văn hóa Hồ Chí Minh,* NXB Văn hóa - Thông tin và Viện Văn hóa.
28. Trần Đương (2005), *Bác Hồ với nhân sĩ trí thức,* NXB Thông Tấn, Hà Nội.
29. Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, NXB Sự thật, Hà Nội.
30. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, NXB Sự thật, Hà Nội.
31. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

32. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
33. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
34. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
35. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
36. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), Văn kiện Đảng *Toàn tập*, tập 12, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội
37. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), Văn kiện Đảng *Toàn tập*, tập 16, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội
38. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), Văn kiện Đảng *Toàn tập*, tập 20, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội
39. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), Văn kiện Đảng *Toàn tập*, tập 50, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội
40. Đảng Cộng sản Việt Nam (2012) *Văn kiện Hội nghị lần thứ 4, Ban Chấp hành Trung ương Đảng,* khóa XI, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
41. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016) *Văn kiện Hội nghị lần thứ 4, Ban Chấp hành Trung ương Đảng,* khóa XII, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
42. Đảng Cộng sản Việt Nam (2015) Chỉ thị số 05-CT/TW, của Bộ Chính trị về *"Tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh",* ngày 15-5-2016.
43. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương, Ban Chỉ đạo tổng kết (2015), *Báo cáo một số vấn đề lí luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986-2016),* Lưu hành nội bộ, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
44. Phạm Văn Đồng (1991), *Hồ Chí Minh - quá khứ, hiện tại và tương lai*, tập 1, Nxb Sự thật, Hà Nội.
45. Nguyễn Hữu Đồng, Ngô Huy Đức (2011), "Nhận thức khái niệm "Đảng lãnh đạo", "Đảng cầm quyền" theo tư tưởng Hồ Chí Minh", *Tạp chí Xây dựng Đảng* (7), tr 37-41.

46. Nguyễn Hữu Đồng, Ngô Huy Đức (2011), "Quan điểm của V.Lênin về nghệ thuật hoạt động chính trị", *Tạp chí Lí luận chính trị* (3), tr 17-22.

47. Nguyễn Hữu Đồng (2014), "Hồ Chí Minh về "khéo lãnh đạo"", *Tạp chí Xây dựng Đảng điện tử,* ngày 4-3-2014.

48. Ngô Huy Đức (biên soạn) (2014), *Học phần lãnh đạo học,* Viện Chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

49. E.Côbêlép (1985), *Đồng chí Hồ Chí Minh*, NXB Thanh Niên, Hà Nội.

50. Võ Nguyên Giáp (1997), *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam,* NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.

51. Trần Văn Giàu (1993), *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam,* NXB Thành phố Hồ Chí Minh.

52. Trần Văn Giàu (1993), *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng Tháng Tám (tập 3) Thành công của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh,* NXB Thành phố Hồ Chí Minh.

53. Quốc Hùng (2003), *Những tố chất của người lãnh đạo*, NXB Văn hoá - Thông tin, Hà Nội.

54. Đỗ Quang Hưng (chủ biên) (1999), *Bác Hồ với giai cấp công nhân và công đoàn Việt Nam*, NXB Lao động, Hà Nội.

55. Vũ Đình Hòe, Bùi Đình Phong (đồng chủ biên), (2010) *Hồ Chí Minh với sự nghiệp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

56. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (2010), *Di sản Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay,* Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế kỷ niệm 120 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-5-1890 – 19-5-2010), NXB Chính trị - Hành chính, Hà Nội.

57. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2015), *Tập tài liệu cao cấp lí luận chính trị, khối kiến thức thứ ba: Các vấn đề khoa học chinh trị và lãnh đạo, quản lý, môn lãnh đạo học*, NXB Lí luận chính trị, Hà Nội.

58. Đỗ Huy (2000), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng và phát triển nền văn hóa mới ở Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

59. Nguyễn Văn Huyên (2004), "Phẩm chất, năng lực người lãnh đạo theo yêu cầu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá", trong *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về đánh giá, luân chuyển cán bộ ở nước ta hiện nay*, Ban Tổ chức Trung ương.

60. Nguyễn Văn Huyên (2008), "Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị", *Tạp chí Lí luận chính trị* (4), tr 42-47.

61. Nguyễn Văn Huyên (chủ biên) (2014), *Đảng Cộng sản cầm quyền, nội dung và phương thức cầm quyền của Đảng*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

62. Trần Đình Huỳnh (2001), *Phương thức Đảng lãnh đạo Nhà nước*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

63. John G. Maxwell (2007), *Phát triển kỹ năng lãnh đạo*, NXB Lao động xã hội, Hà Nội.

64. Vũ Khiêu (1993) (chủ biên), *Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh - Truyền thống dân tộc và nhân loại,* NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

65. Đặng Xuân Kỳ (chủ biên) (2005), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển văn hoá và con người,* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

66. Đặng Xuân Kỳ (2013), *Phương pháp cách mạng và phong cách Hồ Chí Minh,* NXB Chính trị - Hành chính, Hà Nội.

67. Nguyễn Hữu Lam (1977), *Nghệ thuật lãnh đạo*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

68. Phan Huy Lê và các cộng sự (1990) *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, *tập 3*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

69. Đỗ Tiến Long (2016), "Từ lí luận về quản lý, lãnh đạo đến phát triển nhân tài lãnh đạo, quản lý ở nước ta hiện nay", *Tạp chí Lí luận chính trị* (7), tr 55-60.

70. Ngô Văn Lương (2010), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế,* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

71. Lê Văn Lý (chủ nhiệm) (2000), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong điều kiện đảng cầm quyền*. Đề tài khoa học cấp nhà nước, mã số: KH 05.01

72. Lê Quốc Lý (2015), "Triết lý xóa đói, giảm nghèo vì mục tiêu phát triển xã hội trong tư tưởng Hồ Chí Minh", *Tạp chí Lí luận chính trị* (5), tr 37 -41.

73. Đinh Xuân Lý (chủ biên) (2009), *Đảng lãnh đạo phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội thời kỳ đổi mới - một số vấn đề lí luận và thực tiễn* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
74. Đinh Xuân Lý (chủ biên) (2010) *Phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở nước ta thời kỳ đổi mới - mô hình, thực tiễn và kinh nghiệm*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
75. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
76. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
77. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 3, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
78. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
79. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
80. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
81. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 7, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
82. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 8, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
83. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 9, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
84. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
85. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
86. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
87. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 13, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
88. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 14, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
89. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
90. Hồ Chí Minh (2008), *Biên niên tiểu sử*, tập 8, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
91. Hồ Chí Minh (1990), *Về kinh tế và quản lý kinh tế*, NXB Thông tin lí luận, Hà Nội.
92. Hồ Chí Minh (1971), *Về công tác văn hóa văn nghệ*, NXB Sự thật, Hà Nội.
93. Hồ Chí Minh (1997), *Về văn hóa,* Bảo tàng Hồ Chí Minh xuất bản, Hà Nội.
94. Hồ Chí Minh (1981), *Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận,* NXB Văn học, Hà Nội.
95. Hồ Chí Minh (1953), *Phát biểu tại phiên họp Hội đồng Chính phủ ngày 1-1-1953*, tài liệu lưu tại Văn phòng Chính phủ.
96. Phạm Xuân Nam (2008), "Xã hội, phát triển xã hội, quản lý phát triển xã hội", *Tạp chí Lí luận chính trị*, (9), tr 38-43.

97. Đỗ Hoài Nam (chủ nhiệm) (2005), *Vị trí cầm quyền và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân và hội nhập kinh tế quốc tế"* Đề tài khoa học cấp nhà nước, mã số KX.10.04

98. Dương Xuân Ngọc (chủ biên) (2012), *Quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị ở Việt Nam,* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

99. Bùi Nguyễn (2006), "Văn hoá lãnh đạo - quản lý trong tư tưởng Hồ Chí Minh", *Tạp chí Thông tin công tác tư tưởng lý luận*, (8), tr 27-32.

100. Trần Đình Nghiêm, Phạm Ngọc Quang (2002), *Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

101. Nguyễn Huy Oánh (chủ biên) (2004), *Tư tưởng kinh tế Hồ Chí Minh với xây dựng nền kinh tế định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

102. O.Petersson, J.Hermansson...(1995), *Dân chủ và lãnh đạo*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

103. Bùi Đình Phong (2015), *Hồ Chí Minh - Tìm đường, mở đường, dẫn đường, thiết kế tương lai*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

104. Bùi Đình Phong (2016), *Hồ Chí Minh văn hóa soi đường cho quốc dân đi*, NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.

105. Bùi Đình Phong (2015), *Hồ Chí Minh sáng tạo, đổi mới,* NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.

106. Bùi Đình Phong (2014), *Bản lĩnh chính trị Hồ Chí Minh*, NXB Lí luận chính trị, Hà Nội.

107. Trần Văn Phòng, Lê Thị Hạnh (2015), "Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội theo tư tưởng Hồ Chí Minh", *Tạp chí Lí luận chính trị* (7), tr 3-7.

108. Vương Lạc Phu, Tưởng Nguyệt Thần (2000), *Khoa học lãnh đạo hiện đại*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

109. Nguyễn Hồng Sơn (2015), "Thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh về công bằng xã hội trong tình hình mới", *Tạp chí Lí luận chính trị* (3), tr 56-61.

110. Phạm Ngọc Quang, Nguyễn Viết Thông (2000), *Góp phần tìm hiểu sự phát triển tư duy lãnh đạo của Đảng ta trong công cuộc đổi mới trên các lĩnh vực chủ yếu,* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội

111. Phan Xuân Sơn (chủ biên) (2010), *Các chuyên đề bài giảng chính trị học,* (tập 2), (Dành cho cao học chuyên chính trị học), NXB Chính trị - Hành chính, Hà Nội.

112. Đặng Đình Tân, Đặng Minh Tuấn (Đồng chủ biên), (2014) *Thể chế đảng cầm quyền – một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

113. Phạm Ngọc Thanh (2011), Văn hóa lãnh đạo, quản lý trước yêu cầu đổi mới và phát triển xã hội hiện nay, *Tạp chí Lí luận chính trị* (12), tr 35-39.

114. Song Thành (2010), *Hồ Chí Minh nhà văn hoá kiệt xuất,* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

115. Trần Thành (Trung Quốc) (2003), *Để trở thành người lãnh đạo giỏi*, NXB Văn hoá - Thông tin, Hà Nội.

116. Ngô Ngọc Thắng (2016), "Xây dựng tầm nhìn cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo ở nước ta", *Tạp chí Lí luận chính trị* (1), tr 30-34.

117. Lê Sĩ Thắng (chủ biên), (1996), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người và chính sách xã hội,* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

118. Mạch Quang Thắng (chủ biên) (2009) *Hồ Chí Minh nhà cách mạng sáng tạo*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

119. Nguyễn Thế Thắng (2011), "Tư tưởng Hồ Chí Minh về phong cách lãnh đạo", *Tạp chí Lí luận chính trị* (9), tr 20-25.

120. Nguyễn Thế Thắng (chủ biên) (2010), *Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng phong cách làm việc của cán bộ lãnh đạo, quản lý ở nước ta hiện nay*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

121. Nguyễn Thế Thắng (2015), "Tư tưởng Hồ Chí Minh về liên minh giai cấp công nhân, nông dân và đội ngũ trí thức Việt Nam", *Tạp chí Lí luận chính trị* (6), tr 24-29.

122. Trần Thị Thanh Thủy (biên soạn), *Những vấn đề cơ bản về khoa học lãnh đạo, quản lý*, chuyên đề 1, tập bài giảng Viện Chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

123. Nguyễn Chí Thiện (2014), "Những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về phương thức lãnh đạo của một đảng cầm quyền", *Tạp chí Lí luận chính trị và truyền thông* (7), tr 37-42.

124. Đàm Văn Thọ, Vũ Hùng (1997), *Mối quan hệ giữa Đảng và dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh,* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

125. Trung tâm Nghiên cứu khoa học tổ chức, quản lý (1999), *Nghệ thuật lãnh đạo, quản lý,* NXB Thống kê, Hà Nội.

126. Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia - Viện Nghiên cứu Tôn giáo (1998), *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

127. Nguyễn Trãi (1976), *Toàn tập*, tập 2, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

128. Đài Trang (2014), *Hồ Chí Minh nhân văn và phát triển,* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

129. Đặng Huy Trứ (1992), *Từ thụ yếu quy, bàn về nạn hối lộ và đức thanh liêm của người làm quan,* NXB Pháp lý, Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, Hà Nội.

130. Trần Thị Minh Tuyết (2016), "Quan điểm của Hồ Chí Minh về đảng viên là người lãnh đạo và người đầy tớ của nhân dân", *Tạp chí Lí luận chính trị* (1), tr 40-44.

131. Nguyễn Hoài Văn (chủ biên) (2008), *Sự phát triển của tư tưởng chính trị Việt Nam thế kỷ X-XV*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

132. Nguyễn Hoài Văn (chủ biên) (2010), *Đại cương lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XX*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

133. Nguyễn Khắc Viện (chủ biên) (1994), *Từ điển Xã hội học*, NXB Thế giới, Hà Nội.

134. Trần Khắc Việt (chủ nhiệm) (2012), *Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong điều kiện mới"*. Đề tài khoa học cấp nhà nước, mã số KX. 04-02/11-15).

135. Trần Khắc Việt (2015), "Đảng lãnh đạo và đảng cầm quyền", *Tạp chí Lí luận chính trị* (2), tr 79-83.

136. Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

137. Viện Sử học (1964), *Đại Nam thực lục chính biên*, *tập 8*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

138. Viện Ngôn ngữ học (1995), *Từ điển tiếng Việt,* NXB Đà Nẵng.

139. Nguyễn Văn Vĩnh (chủ biên), (2007), *Đảng lãnh đạo Nhà nước trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay*, NXB Lí luận chính trị, Hà Nội.
140. V.I.Lênin (1978), *Toàn tập*, tập 4, NXB Tiến bộ, Matxcơva
141. V.I.Lênin (1976), *Toàn tập*, tập 34, NXB Tiến bộ, Matxcơva
142. V.I.Lênin (1976), *Toàn tập*, tập 35, NXB Tiến bộ, Matxcơva
143. V.I.Lênin (1978), *Toàn tập*, tập 36, NXB Tiến bộ, Matxcơva
144. V.I.Lênin (1978), *Toàn tập*, tập 38, NXB Tiến bộ, Matxcơva
145. V.I.Lênin (1977), *Toàn tập*, tập 39, NXB Tiến bộ, Matxcơva
146. V.I.Lênin (1977), *Toàn tập*, tập 41, NXB Tiến bộ Matxcơva
147. V.I.Lênin (1978), *Toàn tập*, tập 44, NXB Tiến bộ, Matxcơva
148. V.I.Lênin (1978), *Toàn tập*, tập 45, NXB Tiến bộ, Matxcơva
149. V.M.Mazyrin (2015), "Chính sách kinh tế của Việt Nam dân chủ cộng hòa: Lí luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh (1945-1969)", *Hội thảo khoa học quốc tế Di sản tư tưởng Hồ Chí Minh và thời đại này nay*, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Đại học Tổng hợp Xanhpêtécpua (Liên bang Nga), NXB Lí luận chính trị, Hà Nội.
150. Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam (1995), *Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn,* NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
151. X.Kôvalépxki (1983), *Người lãnh đạo và cấp dưới,* NXB Lao động, Hà Nội.
152. Nguyễn Như Ý (1999) (chủ biên), *Đại từ điển tiếng Việt*, NXB Văn hóa-Thông tin, Hà Nội.

II. Tài liệu tiếng nước ngoài

153. A.J.Wefald & J.P.Katz (2007), *Leaders: The Strategies for Taking Charge,* Academy of Management Learning and Education
154. Bernard B. Fall (1967) *Ho Chi Minh on Revolution* Pall mall Press, London.
155. Caldwell, C.,Hayes,L.,A.,&Long,D.,T (2010), *Leadership, Trustworthiness and Ethical Stewardship,* Journal of Business Ethics
156. C,P. Ragiơ (1970), *Ho Chi Minh*, Ed. Presses universitaires, Paris.
157. David Hamberstam (1971), *Ho*, Randoom House, New York.

158. Daniel Hémery (1990), *Ho Chi Minh de l' Indochine au Vietnam,* Decouvertes Gallimard, Histoire.

159. Johnson.I (2011), *Leadership & HR Development*, The University of Queensland.

160. Jean Lacouture (1967), *Ho Chi Minh*, Ed Seuil, Paris.

161. Kinicki, A.William, B.K (2008), *Management - A Practical introduction,* 3rd. edn., McGraw-Hill, Boston.

162. Kristen Magis, Marcus Ingle và Ngô Huy Đức, Chương 18: "Public Leadership for Sustainable Development", trong *New Public Governance: A Regime-Centered Perspective,* Edited by: Douglas F. Morgan; Brian J. Cook. Nxb ME Sharpe, NY (Bản dịch lưu tại Viện Chính trị học).

163. Nonaka, Takeuchi (2011), *Wese leader,* Harvard Business Review (5)

164. Seters, D.A.V. and R.H.G. Field (1993), *The Evolution of Leadership Theory*, Journal of Organizational Change Management 3 (3) pp.29 – 45, bản dịch của Lê Thị Thục (Lưu tại Viện Chính trị học).

165. Singo Sibata (1972), *Ho Chi Minh, a thinker,* Tokyo Aore Shoden.

166. Sophie Quinn – Judge (2003), *Ho Chi Minh, The Missing Years,* Horizon Books, Singapore.

167. Stogdill, R.M. 1959. *Individual Behavior and Group Achievement*. New York: Oxford University Press.

168. Tạp chí *Time*, (Hoa Kỳ) số ra ngày 22-11-1954

169. William J. Duiker (2000) *Ho Chi Minh, a life,* Hyperion Book, New York.

170. Yukil & Van Fleet (1992), *Theory and research on leadship in organizations*.

.